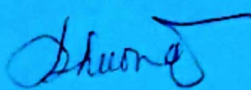


HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

ĐOÀN PHƯƠNG THẢO

THỂ CHẾ CHO HUY ĐỘNG VỐN
CỦA DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA Ở VIỆT NAM

LUẬN ÁN TIẾN SĨ
NGÀNH: KINH TẾ CHÍNH TRỊ


Trần Hòa Phông

HÀ NỘI - 2024

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

ĐOÀN PHƯƠNG THẢO

THỂ CHẾ CHO HUY ĐỘNG VỐN
CỦA DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA Ở VIỆT NAM

LUẬN ÁN TIẾN SĨ
NGÀNH: KINH TẾ CHÍNH TRỊ

Mã số: 931 01 02

Người hướng dẫn khoa học: 1. PGS.TS. TRẦN HOA PHƯỢNG
2. TS. PHẠM ANH

HÀ NỘI - 2024

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu khoa học của riêng tôi. Các số liệu, tư liệu được sử dụng trong luận án là trung thực, có nguồn gốc và xuất xứ rõ ràng. Những kết quả nghiên cứu của luận án chưa được công bố trong bất kỳ công trình nào.

Tác giả



Đoàn Phương Thảo

MỤC LỤC

	Trang
MỞ ĐẦU.....	1
Chương 1. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU THỂ CHẾ CHO HUY ĐỘNG VỐN CỦA DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA.....	8
1.1. Tổng quan tình hình nghiên cứu thể chế cho huy động vốn.....	8
1.2. Khái quát kết quả nghiên cứu thể chế cho huy động vốn của doanh nghiệp nhỏ và vừa, những khoảng trống khoa học và những vấn đề trọng tâm nghiên cứu của luận án	28
Chương 2. CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN CỦA THỂ CHẾ CHO HUY ĐỘNG VỐN CỦA DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA.....	34
2.1. Khái niệm, đặc điểm, vai trò về thể chế cho huy động vốn của doanh nghiệp nhỏ và vừa	34
2.2. Nội dung, tiêu chí đánh giá và nhân tố ảnh hưởng đến thể chế cho huy động vốn của doanh nghiệp nhỏ và vừa.....	52
2.3. Kinh nghiệm quốc tế về thể chế cho huy động vốn của doanh nghiệp nhỏ và vừa. Bài học cho Việt Nam.....	80
Chương 3. THỰC TRẠNG THỂ CHẾ CHO HUY ĐỘNG VỐN CỦA DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA Ở VIỆT NAM.....	95
3.1. Khái quát quá trình hình thành phát triển và thực trạng huy động vốn của doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam.....	95
3.2. Tình hình xây dựng và hoàn thiện thể chế cho huy động vốn của doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam.....	100
3.3. Đánh giá chung về thể chế cho huy động vốn của doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam	126
Chương 4. ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN THỂ CHẾ CHO HUY ĐỘNG VỐN CỦA DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA Ở VIỆT NAM ĐẾN NĂM 2035 TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045	135
4.1. Dự báo bối cảnh và định hướng hoàn thiện thể chế cho huy động vốn của doanh nghiệp nhỏ và vừa.....	135
4.2. Những giải pháp chủ yếu	141
KẾT LUẬN.....	157
DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN.....	159
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	160

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

DNNVV	:	Doanh nghiệp nhỏ và vừa
FDI	:	Đầu tư trực tiếp nước ngoài
GTGT	:	Giá trị gia tăng
NSNN	:	Ngân sách nhà nước
SBA	:	Cục phát triển doanh nghiệp nhỏ
SCF	:	Tài trợ chuỗi cung ứng
SEC	:	Ủy ban chứng khoán Hoa Kỳ
SLĐ	:	Sức lao động
SME, SMEs	:	Doanh nghiệp nhỏ và vừa
TLSX	:	Tư liệu sản xuất
VCCI	:	Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam
VCSH	:	Vốn chủ sở hữu

DANH MỤC BẢNG, HÌNH, BIỂU ĐỒ

Trang

Bảng 3.1: Sự phát triển về số lượng của doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam giai đoạn 2011 - 2023	96
Bảng 3.2: Quy mô vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp nhỏ và vừa giai đoạn 2011 - 2021	98
Bảng 3.3: Hệ số nợ của doanh nghiệp nhỏ và vừa giai đoạn 2011 - 2021	99
Hình 2.1: Mô hình tuần hoàn tư bản	39
Biểu đồ 3.1: Nguồn tín dụng DNNVV nếu không huy động từ ngân hàng....	122

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Bảo đảm vốn cho doanh nghiệp hoạt động là một yêu cầu tất yếu khách quan. Không chỉ doanh nghiệp lớn mà các doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) cũng luôn luôn quan tâm huy động vốn. Hơn nữa, việc giải quyết vốn không chỉ là công việc nội bộ doanh nghiệp mà còn là vấn đề của nhiều chủ thể khác, trong đó có Nhà nước. Trong quá trình phát triển kinh tế của mỗi quốc gia dân tộc, thể chế đóng vai trò rất quan trọng, là một phần của môi trường kinh doanh, tác động trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp nói chung, doanh nghiệp quy mô nhỏ và vừa nói riêng. Trên cơ sở đó, xây dựng hệ thống thể chế nhằm tạo khung khổ pháp lý điều chỉnh các mối quan hệ xã hội, góp phần tạo nên một xã hội ổn định, bình đẳng và kinh doanh lành mạnh. Tuy nhiên, nhận thức về thể chế còn thiếu sự thống nhất, dẫn tới bất cập trong huy động vốn đối với DNNVV. Nhà nước phải chú trọng hơn nữa đến hoàn thiện thể chế huy động vốn cho đối tượng doanh nghiệp này.

Các doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia kinh tế trong hầu hết các ngành nghề, lĩnh vực, tạo việc làm mới, nâng cao thu nhập cho người lao động từ thành thị tới nông thôn, từ đồng bằng tới miền núi, hải đảo, trở thành yếu tố then chốt thúc đẩy tăng trưởng và phát triển kinh tế. Ngoài ra, doanh nghiệp nhỏ và vừa đang khai thác và phát huy các nguồn lực địa phương, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Với quy mô vốn đầu tư nhỏ, bộ máy tổ chức gọn nhẹ, dễ khởi sự, các DNNVV có thể tham gia vào nhiều thị trường nhằm khai thác tiềm năng và thế mạnh về đất đai, tài nguyên và lao động của từng địa phương, củng cố và phát triển các ngành nghề truyền thống, trở thành vệ tinh của doanh nghiệp lớn, thúc đẩy dịch vụ và công nghiệp phát triển, đồng thời trở thành nhân tố thúc đẩy cạnh tranh, tạo động lực phát triển kinh tế.

Huy động vốn không phải là công việc nhất thời mà đòi hỏi thường

xuyên, liên tục, cũng không phải là công việc của một doanh nghiệp mà liên quan đến nhiều chủ thể khác nhau. Trong nền kinh tế thị trường, việc cung cấp vốn cho DNNVV do nhiều chủ thể cung cấp, trong đó, quan trọng nhất là các ngân hàng thương mại, các tổ chức tín dụng. Đồng thời, còn có sự tham gia của Nhà nước và chủ thể các nguồn tài chính khác. Để thực hiện hiệu quả những mối quan hệ đó, cần có một hệ thống thể chế đầy đủ, phù hợp về huy động vốn cho doanh nghiệp nói chung và DNNVV nói riêng. Trong quá trình đổi mới ở Việt Nam chúng ta, hệ thống thể chế huy động vốn để giải quyết vấn đề phân phối tài chính đã bước đầu được xây dựng, từng bước đem lại những kết quả tích cực. Xây dựng và hoàn thiện thể chế trở thành công tác luôn được coi trọng, góp phần thể chế hóa chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp kinh doanh.

Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy, cho đến nay nguồn vốn tự có của DNNVV vẫn còn khá hạn hẹp, nhưng DNNVV còn đối mặt với rất nhiều khó khăn về thu hút vốn cho đầu tư kinh doanh. Những mâu thuẫn trong quan hệ về huy động vốn đối với DNNVV khá phức tạp, giải quyết chưa triệt để, nhất là trong phương diện thể chế. Những yếu tố đó đang làm giảm vai trò tích cực của các DNNVV trong quá trình phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa trong bối cảnh mới của cách mạng khoa học, công nghệ hiện đại và hội nhập kinh tế quốc tế. Một trong số những nguyên nhân quan trọng của những bất cập trong thể chế cho huy động vốn của DNNVV là về mặt lý luận chưa luận giải rõ bản chất đặc thù của hệ thống thể chế này phù hợp với yêu cầu phát triển DNNVV trong phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Từ những bất cập về thực tiễn và lý luận kể trên, để tạo điều kiện phát huy vai trò của DNNVV ở Việt Nam thời gian tới, cần thiết tiếp tục nghiên cứu toàn diện và sâu sắc theo phương diện kinh tế chính trị, làm rõ bản chất cũng như nguyên nhân những yếu kém của thể chế về vốn gắn với đặc thù sự vận động của vốn trong quy trình kinh doanh của DNNVV. Việc nghiên cứu

làm rõ bản chất kinh tế của thể chế cho huy động vốn của DNNVV nhằm tạo căn cứ khoa học cho xác định và thực thi các giải pháp phù hợp nhằm hoàn thiện thể chế tạo thuận lợi cho DNNVV huy động vốn, đang là vấn đề thời sự, cấp thiết. Do vậy, tác giả chọn vấn đề "*Thể chế cho huy động vốn của doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam*" làm đề tài luận án Tiến sĩ, ngành Kinh tế chính trị của mình.

2. Mục đích, nhiệm vụ và câu hỏi nghiên cứu

2.1. Mục đích nghiên cứu

Trên cơ sở nghiên cứu những vấn đề lý luận và thực tiễn về thể chế huy động vốn cho DNNVV, đánh giá thực trạng thể chế cho huy động vốn của DNNVV ở Việt Nam từ năm 2011 - 2023, đề xuất định hướng và giải pháp nhằm hoàn thiện thể chế cho huy động vốn của DNNVV ở Việt Nam thời gian tới.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Thứ nhất: Hệ thống hoá và làm rõ cơ sở lý luận về thể chế cho huy động vốn của DNNVV như khái niệm, đặc điểm, vai trò về thể chế cho huy động vốn của DNNVV, xác định nội dung, tiêu chí đánh giá và các nhân tố ảnh hưởng đến thể chế cho huy động vốn của DNNVV; nghiên cứu kinh nghiệm về hoàn thiện thể chế cho huy động vốn của DNNVV ở một số quốc gia và rút ra bài học cho Việt Nam.

Thứ hai: Phân tích thực trạng thể chế cho huy động vốn của DNNVV ở Việt Nam để tìm ra những thành công, hạn chế và nguyên nhân của những hạn chế về thể chế cho huy động vốn của DNNVV ở Việt Nam từ năm 2011 - 2023.

Thứ ba: Đề xuất định hướng và giải pháp cơ bản nhằm hoàn thiện thể chế cho huy động vốn của DNNVV ở Việt Nam thời gian tới.

2.3. Câu hỏi nghiên cứu

Thứ nhất, cơ sở hình thành và bản chất thể chế cho huy động vốn của DNNVV là gì? Thể chế cho huy động vốn của DNNVV trong nền kinh tế thị trường gồm những nội dung nào?

Thứ hai, việc xây dựng và hoàn thiện thể chế cho huy động vốn của DNNVV ở Việt Nam thời gian qua đạt được những thành tựu và còn những hạn chế nào? Nguyên nhân của những thành tựu và hạn chế đó?

Thứ ba, cần thực thi những giải pháp nào trong hoàn thiện thể chế cho huy động vốn của DNNVV ở Việt Nam thời gian tới?

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của luận án

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận án là thể chế cho huy động vốn của DNNVV với tư cách là mối quan hệ giữa DNNVV với các chủ thể cung cấp vốn và tạo điều kiện cho DNNVV huy động vốn trong nền kinh tế thị trường.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

Phạm vi nghiên cứu về nội dung: Vấn đề thể chế cho huy động vốn của DNNVV ở Việt Nam có phạm vi rất rộng. Luận án giới hạn phạm vi nghiên cứu về nội dung chủ yếu tập trung vào nghiên cứu các thể chế chính thức cho huy động vốn của DNNVV phản ánh những mối quan hệ tín dụng giữa các ngân hàng thương mại và DNNVV, đồng thời nghiên cứu thể chế cho huy động vốn của DNNVV từ các nguồn khác, nhất là từ các chính sách hỗ trợ của Nhà nước. Thể chế kinh tế chính thức cho huy động vốn của DNNVV được nghiên cứu trong luận án chủ yếu tập trung vào: Các quy tắc (luật chơi) cho huy động vốn; thể chế kiểm tra giám sát và xử lý mâu thuẫn trong quan hệ về huy động vốn đối với DNNVV do Nhà nước và các tổ chức tín dụng ban hành.

Phạm vi về không gian: Nghiên cứu thể chế chính thức cho huy động vốn của DNNVV ở Việt Nam.

Phạm vi về thời gian: Chủ yếu từ năm 2011 đến 2022, một số số liệu cập nhật đến năm 2023, đề xuất giải pháp đến năm 2035 và tầm nhìn đến năm 2045.

4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

4.1. Cơ sở lý luận

Luận án được thực hiện dựa trên cơ sở lý luận của chủ nghĩa Mác -

Lênin, trọng tâm là lý luận về thể chế kinh tế; đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và nhà nước về thể chế của DNNVV ở Việt Nam; kế thừa một cách có chọn lọc hợp lý kết quả nghiên cứu trong các công trình nghiên cứu có liên quan.

4.2. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp trừu tượng hóa khoa học: Được sử dụng trong toàn bộ luận án nhằm tìm ra bản chất của đối tượng nghiên cứu từ cơ sở lý luận, đánh giá thực trạng để đề xuất giải pháp hoàn thiện thể chế cho huy động vốn của DNNVV ở Việt Nam đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2045.

Phương pháp thu thập tài liệu, dữ liệu: Thu thập tài liệu, dữ liệu chủ yếu từ các nguồn chính thức để nghiên cứu các định hướng, chính sách, các quy tắc (luật chơi) cho huy động vốn; thể chế kiểm tra giám sát và xử lý mâu thuẫn trong quan hệ về huy động vốn đối với DNNVV từ các tổ chức tín dụng và từ các nguồn khác. Thu thập, phân tích, đánh giá, tổng hợp và xử lý dữ liệu, tổng hợp báo cáo, thống kê số liệu của các Sở, Ban, Ngành ở Việt Nam. Nguồn dữ liệu được sử dụng trong nghiên cứu này bao gồm những thông tin đã được công bố trên sách, tạp chí, trên các trang web, các báo cáo của Sở, Ban, Ngành, niên giám thống kê, sách trắng doanh nghiệp Việt Nam. Luận án kết hợp nhiều kỹ thuật thu thập thông tin để thu thập thông tin một cách tương đối đầy đủ và chính xác theo các mục tiêu nghiên cứu đã đề ra.

Phương pháp phân tích và tổng hợp: Sử dụng xuyên suốt trong quá trình xây dựng luận án, trên cơ sở dữ liệu, tài liệu, số liệu thu thập được thông qua các văn bản, chính sách của Đảng, Nhà nước và các tài liệu có liên quan đến thể chế cho huy động vốn của DNNVV ở Việt Nam.

Phương pháp nghiên cứu so sánh: Với mục tiêu và đối tượng nghiên cứu là thể chế cho huy động vốn của DNNVV ở Việt Nam nên phương pháp nghiên cứu so sánh được lựa chọn sử dụng. Phương pháp này giúp nghiên cứu sinh có thể so sánh sự tăng trưởng qua các năm, so sánh kế hoạch và thực hiện

mục tiêu đánh giá thực trạng thể chế cho huy động vốn của DNNVV ở Việt Nam để tìm ra những thành công, hạn chế và nguyên nhân của những hạn chế về thể chế cho huy động vốn của DNNVV ở Việt Nam.

Phương pháp logic và lịch sử: Sử dụng phương pháp logic và lịch sử nhằm khái quát thực trạng bằng các luận điểm, sau đó chứng minh các luận điểm với các số liệu hoặc mô tả các vấn đề trong thực tiễn, liên hệ thể chế cho huy động vốn của DNNVV ở Việt Nam.

5. Những đóng góp về khoa học và giá trị của luận án

- Luận án đã góp phần bổ sung làm rõ thêm khái niệm thể chế cho huy động vốn của DNNVV với tư cách là một bộ phận quan trọng đặc thù trong hệ thống thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

- Đồng thời, luận án xây dựng khung phân tích nội dung và tiêu chí đánh giá thể chế cho huy động vốn của DNNVV. Trong đó gồm hai nội dung chủ yếu: (1) Thể chế cho huy động vốn của DNNVV từ các tổ chức tín dụng; (2) Thể chế cho huy động vốn của DNNVV từ các nguồn khác. Và nhóm tiêu chí chủ yếu bao gồm: (1) Tiêu chí về bảo đảm đủ vốn cho DNNVV; (2) Tiêu chí về mức độ đầy đủ và tính đồng bộ; (3) Tiêu chí về thủ tục tiếp cận vốn nhanh - gọn - chi phí thấp; (4) Tiêu chí hiệu lực thể chế; (5) Tiêu chí về khơi thông nguồn vốn và thúc đẩy DNNVV phát triển đúng định hướng; (6) Tiêu chí đánh giá hiệu quả.

- Phân tích rõ thực trạng thể chế cho huy động vốn của DNNVV ở Việt Nam trên nhiều khía cạnh, từ đó đã chỉ rõ những kết quả đạt được chủ yếu bao gồm: (1) Hệ thống thể chế cho huy động vốn của DNNVV đã từng bước được xây dựng và hoàn thiện theo hướng ngày càng đầy đủ, đồng bộ, văn minh; (2) Hệ thống thể chế cho huy động vốn đã tạo nhiều thuận lợi cho DNNVV trong huy động các nguồn vốn. Đồng thời chỉ ra những hạn chế yếu kém: (1) Hệ thống thể chế cho huy động vốn của DNNVV chưa thực sự phù hợp với yêu cầu huy động vốn của DNNVV, chậm được thay đổi để phù hợp

với sự biến đổi của điều kiện kinh doanh; (2) Chất lượng một số thể chế chính thức chưa cao, chưa phù hợp với yêu cầu về đảm bảo tạo thuận lợi cho DNNVV trong huy động vốn và nguyên nhân.

- Đề xuất được các giải pháp chủ yếu nhằm hoàn thiện thể chế cho huy động vốn của DNNVV trong phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam thời gian tới.

6. Ý nghĩa khoa học của luận án

Luận án có thể được sử dụng làm tài liệu tham khảo, giúp các cơ quan nghiên cứu, các ban ngành liên quan tham khảo để hoạch định chính sách và chỉ đạo thực tiễn trong việc hoàn thiện thể chế cho huy động vốn của DNNVV trong phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

7. Kết cấu luận án

Ngoài ra mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của luận án được trình bày trong 4 chương, 10 tiết.

Chương 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU THỂ CHẾ CHO HUY ĐỘNG VỐN CỦA DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA

1.1. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU THỂ CHẾ CHO HUY ĐỘNG VỐN

1.1.1. Các công trình nghiên cứu thể chế cho huy động vốn trên thế giới

Trong những năm qua, vấn đề thể chế cho huy động vốn của DNNVV đã được nhiều tác giả, tổ chức nước ngoài đề cập, nghiên cứu với những mức độ, phạm vi khác nhau. Một số công trình nghiên cứu như:

Miller, Jeanette K. (2012), *An Adapted Model for Small Business Innovation Networks: The Case of an Emergent Wine Region in Southern California* (Một mô hình thích ứng cho mạng lưới đổi mới doanh nghiệp nhỏ: Trường hợp về một vùng rượu vang mới nổi ở Nam California) [102], công trình tập trung phân tích sự trao đổi giữa các công ty, tổ chức trong mạng lưới đổi mới của doanh nghiệp nhỏ và cách phát triển các hoạt động kinh doanh đổi mới. Tác giả cho rằng: Mạng lưới đổi mới của doanh nghiệp nhỏ, một công ty trung tâm, định nghĩa bởi lý thuyết mạng lưới đổi mới, không tồn tại điều phối và quản lý các trao đổi trong mạng. Thông qua mô hình thích ứng cho mạng lưới đổi mới ở một vùng rượu vang mới nổi Nam California, kết quả nghiên cứu đi đến kết luận: Một nhóm các công ty và tổ chức đóng vai trò cốt lõi trong thành phần mạng lưới, thực hiện các chiến lược có ảnh hưởng quan trọng đến huy động vốn cho đổi mới hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Nghiên cứu cũng xác định vị trí gắn liền với văn hóa khu vực và tầm ảnh hưởng của việc quy hoạch khu vực đến mạng lưới đổi mới doanh nghiệp nhỏ.

Shinozaki, Shigehiro (2014), với bài viết "Capital Market Financing for SMEs: A Growing Need in Emerging Asia" (Tài trợ thị trường vốn cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa: Nhu cầu ngày càng tăng ở châu Á mới nổi)

[105]. Thông qua các cuộc khảo sát chuyên sâu, bài viết khám phá tiềm năng tài trợ từ thị trường vốn cho các DNNVV ở Châu Á mới nổi, xem xét những thách thức của thị trường vốn và đánh giá nhu cầu của các DNNVV, cơ quan quản lý, nhà hoạch định chính sách, tổ chức thị trường, công ty chứng khoán và nhà đầu tư để phát triển thị trường DNNVV. Với những phản ứng đối với các chiến lược tăng trưởng quốc gia và các vấn đề xuyên suốt của các chương trình nghị sự chính sách toàn cầu như: Biến đổi khí hậu, hiệu quả năng lượng và tài chính xanh, tiềm năng phát triển thị trường vốn cổ phần thực hiện và thị trường vốn xã hội ở châu Á cũng được khám phá trong bài viết này. Sự tăng trưởng nhanh của châu Á mới nổi đang tạo ra nhu cầu tài trợ dài hạn cho các DNNVV và đòi hỏi thị trường vốn như một kênh cung cấp thay thế. Các nhà lãnh đạo G20 cũng đề cập đến tầm quan trọng của việc thúc đẩy nguồn tài chính dài hạn cho các DNNVV trong bối cảnh đầu tư. Sự phát triển của thị trường vốn mà các DNNVV có thể khai thác là một trong những thách thức cần phải có để sắp xếp thể chế phức tạp và sáng tạo hơn.

Báo cáo *Integrating SMEs into Global Value Chains: Challenges and Policy Actions in Asia* (Tích hợp các doanh nghiệp vừa và nhỏ vào chuỗi giá trị toàn cầu: Những thách thức và hành động chính sách ở châu Á) của **ADB** (2015) [90], đề cập đến cơ hội và thách thức của các DNNVV trong chuỗi giá trị toàn cầu. Mạng lưới sản xuất toàn cầu hóa tạo cơ hội cho các DNNVV nâng cấp mô hình kinh doanh và phát triển xuyên biên giới, nhưng đi kèm rủi ro. Việc tham gia vào chuỗi giá trị giúp DNNVV tiếp cận với lượng lớn người mua, có cơ hội học hỏi các công ty lớn khi tham gia vào các lĩnh vực cạnh tranh gay gắt trên thị trường toàn cầu. Đồng thời, tạo thêm việc làm cho người lao động và thúc đẩy tăng trưởng ở châu Á. Mặt khác, sự thâm nhập của chuỗi giá trị toàn cầu cũng đặt ra những thách thức to lớn cho các DNNVV. Vị thế trên trường quốc tế đóng vai trò quan trọng đối với DNNVV, họ không dễ để giành được chỗ đứng và kết quả phải phát

sinh chi phí cho mục tiêu phát triển thị trường. Do đó, cơ hội toàn cầu đi kèm với rủi ro toàn cầu. Trong báo cáo Ngân hàng Phát triển Châu Á và Viện Ngân hàng Phát triển Châu Á đã công nhận tầm quan trọng của việc tích hợp các DNNVV vào chuỗi giá trị toàn cầu. Để đưa ra lộ trình cho sự hội nhập này, bài báo cáo khuyến khích sự tham gia vào chuỗi giá trị đối với DNNVV và đưa ra các chính sách nhằm giải quyết các rào cản tài chính và phi tài chính mà các DNNVV phải đối mặt.

Báo cáo *EU policy framework on SMEs: State of play and challenges* (Khung chính sách của EU về SME: Thực trạng và thách thức) của **European Committee of the Regions et al.** (2015) [97], dựa trên nghiên cứu tài liệu và các cuộc phỏng vấn với các chính quyền địa phương và khu vực (LRA) được chọn, báo cáo này xác định những thách thức mà các DNNVV ở châu Âu hiện đang phải đối mặt. Các doanh nghiệp nhỏ và vừa ở EU phải đối mặt với những rào cản và thách thức cản trở toàn bộ tiềm năng tăng trưởng của họ: Một là, năng lực cạnh tranh và phát triển quốc tế thấp do quy mô nhỏ cũng như việc thiếu nguồn lực tài chính và nhân lực khiến họ không thể thâm nhập các thị trường mới. Hai là, chủ yếu DNNVV hoạt động trong những lĩnh vực không đòi hỏi kiến thức chuyên sâu về khoa học, công nghệ nên năng lực nghiên cứu còn hạn chế. Ba là, doanh thu và giá trị gia tăng thấp hơn so với các doanh nghiệp lớn, kỹ năng quản lý và hoạch định chiến lược của DNNVV còn hạn chế. Đồng thời, bài viết phân tích sự phát triển của các sáng kiến chính sách của EU kể từ khi ban hành Đạo luật doanh nghiệp nhỏ (SBA) và đưa ra các khuyến nghị chính sách cho tăng cường vai trò của chính sách LRA và DNNVV trong giai đoạn sau 2020.

Bài viết "Financing small and medium enterprises in Asia and the Pacific" (Tài trợ cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Châu Á và Thái Bình Dương) của **Abe, M., Troilo, M. and Batsaikhan, O.** (2015) [88], đề xuất các chính sách về tài trợ cho các DNNVV ở khu vực Châu Á - Thái Bình Dương.

Việc các nhà hoạch định chính sách hỗ trợ các DNNVV tìm kiếm nguồn tài chính sẽ thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Các tác giả thu thập dữ liệu các tổ chức tài chính khác nhau lấy từ Ngân hàng Thế giới và phỏng vấn một số chuyên gia từ Đông và Nam Á. Kết quả cho thấy, tài chính là hạn chế quan trọng của các DNNVV với các lý do như: Chủ sở hữu DNNVV không quản lý vốn lưu động một cách hiệu quả; sự bất cân xứng thông tin giữa ngân hàng và DNNVV làm chậm quá trình phê duyệt và đăng ký khoản vay; thị trường vốn kém phát triển sẽ cản trở các cơ hội tăng trưởng của các DNNVV. Do đó, các nhà hoạch định chính sách đóng vai trò như là người hỗ trợ và truyền đạt; nếu có thể, chính phủ không nên cung cấp tài chính trực tiếp. Bài viết kỳ vọng các đề xuất sẽ nâng cao triển vọng tăng trưởng cho các DNNVV, từ đó tạo ra nhiều việc làm, đổi mới và tăng trưởng kinh tế.

Abdulsaleh, Abdulaziz M. A. (2016), *Bank Financing for Small and Medium-sized Enterprises (SMEs) in Libya* (Ngân hàng tài trợ cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa (SMEs) ở Libya) [87], công trình phân tích điều kiện khó khăn khi tiếp cận tài chính ngân hàng của các DNNVV từ góc độ cung và cầu. Đối tượng nghiên cứu của công trình là các DNNVV ở thành phố Benghazi và ngân hàng Al Tanmeya ở Libya. Yếu tố lãi suất cao, mức độ an ninh không hợp lý và quan liêu là những khó khăn DNNVV gặp phải khi tiếp cận tín dụng ngân hàng. Họ cũng không được khuyến khích đăng ký vay vốn ngân hàng do vấn đề luật Hồi giáo ở nước họ. Các yếu tố quyết định việc phê duyệt đơn xin vay vốn ngân hàng: Tài sản thế chấp, kế hoạch kinh doanh tốt và lợi nhuận của doanh nghiệp. Ngoài ra, ngân hàng còn đánh giá hồ sơ của DNNVV thông qua hoạt động kinh doanh, lịch sử tín dụng và kinh nghiệm kinh doanh của họ. Cuối công trình, các tác giả nhận định, để đáp ứng nhu cầu tiềm năng đối với các sản phẩm tài chính, ngân hàng có kế hoạch cung cấp cho khách hàng DNNVV quyền truy cập vào một số sản phẩm tài chính như: Murabahah, Ijarah và Musharakah. Những đóng góp của công trình có ý

nghĩa quan trọng đối với việc hoạch định chính sách cho DNNVV và lập kế hoạch kinh tế ở Libya.

Waked, Bandar (2016), *Access to Finance by Saudi SMEs: Constraints and the Impact on their Performance* (Tiếp cận tài chính của các doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Ả-rập Xê-út: Những hạn chế và tác động đến hiệu quả hoạt động của họ) [108]. Tác giả đã phân tích, đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận tài chính từ các ngân hàng của các DNNVV ở Ả-rập Xê-út và những trở ngại mà DNNVV nước này gặp phải. Công trình đã kiểm tra các giả thuyết về mối quan hệ giữa các chủ thể là người quản lý và DNNVV với nhu cầu tài trợ của họ, những khó khăn mà DNNVV Ả-rập Xê-út gặp phải khi tiếp cận nguồn tài chính từ các ngân hàng. Công trình cũng nghiên cứu các sản phẩm, dịch vụ tài chính, các chính sách và điều kiện cho vay từ các ngân hàng và các tổ chức tài chính khác cung cấp đến các DNNVV Ả-rập Xê-út. Nghiên cứu đã chứng minh giả thuyết: Có mối quan hệ nhất định giữa đặc điểm của người quản lý doanh nghiệp (kinh nghiệm, giáo dục và đào tạo) với đặc điểm của DNNVV (quy mô kinh doanh, loại hình sở hữu doanh nghiệp, kế hoạch kinh doanh sẵn có và tỷ lệ tài chính) và những khó khăn sẽ phải đối mặt. Trong quá trình tiếp cận tín dụng, phần lớn DNNVV Ả-rập Xê-út thiếu tài sản thế chấp, tài chính kém hiệu quả, kế hoạch kinh doanh thiếu tính khả thi, thông tin không đầy đủ và các dự án phục vụ vay vốn không đủ điều kiện, cho nên họ gặp khó khăn khi vay vốn tại các ngân hàng ở nước này. Công trình cũng đề cập đến khó khăn khi phải nộp đơn xin vay của các DNNVV bao gồm: Điều kiện tài sản thế chấp, lãi suất cao, các tiêu chí và điều kiện đăng ký còn khá rườm rà. Ngoài ra, những rào cản về vốn bên trong và bên ngoài doanh nghiệp, sự cạnh tranh, sự tín nhiệm của khách hàng và hoạt động tiếp thị ảnh hưởng đáng kể đến hiệu quả kinh doanh của DNNVV ở Ả-rập Xê-út. Kết thúc công trình, tác giả đưa ra một số khuyến nghị nhằm phát triển khu vực DNNVV ở Ả-rập Xê-út và thúc đẩy khả năng tiếp cận tài chính từ các ngân hàng của DNNVV ở nước này.

Wangmo, Chokey (2016), với công trình *Small and Medium Enterprise (SME) Financing Constraints in Developing Countries: A Case Study of Bhutan* (Những hạn chế về tài chính cho doanh nghiệp nhỏ và vừa (SME) ở các nước đang phát triển: Nghiên cứu điển hình về Bhutan) [109], tập trung điều tra nguyên nhân và bản chất của những hạn chế tài trợ cho các DNNVV về khả năng tiếp cận các khoản vay ngân hàng ở Bhutan. Bao gồm các yếu tố liên quan đến khả năng trả nợ của DNNVV; thông tin tài chính; đặc điểm khoản vay; đặc điểm doanh nghiệp và đặc điểm chủ sở hữu tác động đến khả năng tiếp cận các khoản vay của DNNVV, nghiên cứu trên hai góc độ là các DNNVV và ngân hàng. Kết quả công trình chứng minh rằng những hạn chế về tài trợ cho DNNVV ở Bhutan phát sinh từ cả hai phía: Thiếu thông tin tài chính từ các DNNVV; yêu cầu về tài sản thế chấp và tài chính nội bộ cao từ phía các ngân hàng. Ở Bhutan, khả năng tiếp cận nợ được coi là một đặc điểm của doanh nghiệp và các DNNVV gặp nhiều thách thức hơn trong việc vay vốn ngân hàng so với các doanh nghiệp lớn. Ngành công nghiệp có tác động vừa phải đến khả năng tiếp cận vốn vay ngân hàng trong khi độ tuổi và trình độ học vấn của người đi vay được cho là có mối quan hệ tích cực đến khả năng tiếp cận vốn vay. Giới tính của chủ doanh nghiệp không quá ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận nợ của DNNVV. Những phát hiện này có ý nghĩa đối với các DNNVV, các ngân hàng và các chính sách của chính phủ Bhutan. Để cải thiện khả năng tiếp cận tài chính, các DNNVV Bhutan được khuyến khích cải thiện chất lượng thông tin cung cấp cho ngân hàng hoặc chính phủ Bhutan sẽ có sự hỗ trợ đối với họ về vấn đề này.

Bài viết "SME owners and debt financing: Major challenges for emerging market" (Chủ sở hữu SME và việc vay nợ: Những thách thức lớn đối với thị trường mới nổi) của **Cameron, Jonathan and Hoque, Muhammad** (2016) [93], phân tích những khía cạnh khác nhau của những trở ngại tài chính mà các DNNVV phải đối mặt ở Nam Phi. Bài viết chỉ ra các thách thức

đối với DNNVV khiến họ không thuận lợi vay vốn: Kỹ năng quản lý kinh doanh, quản lý tài chính, kinh nghiệm và niềm đam mê công việc, khả năng lưu trữ hồ sơ tín dụng và tài sản thế chấp. Đồng thời, DNNVV cũng có các cơ hội tiếp cận tài chính bằng cách đăng ký tham gia các nghiên cứu về khởi nghiệp và quản lý kinh doanh nhằm cải thiện các kỹ năng của đối tượng này. Bài viết đã nêu một số ý tưởng khắc phục những khó khăn mà các DNNVV gặp phải khi tìm nguồn tài trợ bằng nợ. Theo đó, các khuyến nghị là: (1) Phát triển giáo dục cho doanh nhân. (2) Tổ chức các khóa đào tạo và khuyến khích DNNVV đăng ký tham gia. (3) Tư vấn cho DNNVV về những khía cạnh quan trọng của quản lý kinh doanh. (4) Các kế hoạch do chính phủ chỉ đạo hỗ trợ các DNNVV thiếu tài sản thế chấp (5) Các khuyến nghị khác.

Suyono, E., Takhar, A. and Chitakunye, D. (2018) với bài viết "Small Business Financing for Supporting SMEs in Indonesia: A Conceptual Study" (Tài trợ cho doanh nghiệp nhỏ để hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Indonesia: Một nghiên cứu khái niệm) [106], đề xuất một mô hình tài trợ cho các DNNVV mà chính phủ có thể cung cấp thông qua các tổ chức tài chính nhằm hỗ trợ các DNNVV có thể tiếp cận vốn dễ dàng. Doanh nghiệp nhỏ và vừa đang bị đe dọa do sự mở rộng nhanh chóng của các doanh nghiệp hiện đại đã lan rộng đến các vùng nông thôn của Indonesia. Vì vậy, họ cần sự hỗ trợ của chính phủ từ cả chính quyền trung ương và địa phương, từ cả hai góc độ tài chính và phi tài chính. Để tăng cường vốn cho các DNNVV bài viết dự định đề xuất một mô hình tài trợ cho DNNVV. Nói cách khác, mô hình này kỳ vọng sẽ hỗ trợ tối đa cho sự phát triển của các DNNVV ở Indonesia.

Bài viết "The Determinant Factors of Micro, Small, and Medium Enterprises Towards Financing Source Decision" (Các yếu tố quyết định doanh nghiệp siêu nhỏ, nhỏ và vừa tới quyết định nguồn tài chính) của **Davayudhanti, A., Darmansyah, A. and Sutardi, A.** (2019) [95], đề cập các yếu tố ảnh hưởng đến ý định sử dụng nguồn tài trợ nội bộ hoặc bên ngoài của

các DNNVV và giải thích các loại nguồn tài chính khác nhau. Có hai lựa chọn về nguồn tài chính được thể hiện trong bài viết là nguồn từ bên trong hoặc nguồn từ bên ngoài. Kết quả nghiên cứu đã chỉ ra một số yếu tố ảnh hưởng đến ý định của các DNNVV trong quyết định nguồn tài chính để thực hiện hoạt động kinh doanh của họ. Đối với nguồn tài trợ nội bộ, khả năng tiếp cận tài chính có ảnh hưởng đáng kể đến các DNNVV. Mặt khác, yếu tố giới tính ảnh hưởng đến các DNNVV trong việc quyết định sử dụng nguồn tài trợ từ bên ngoài. Bài viết đi đến tổng kết: Khả năng tiếp cận tài chính và giới tính là hai yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến các DNNVV trong việc đưa ra quyết định về nguồn tài chính.

Các tác giả **Kadriu, A., Krasniqi, Besnik A. and Boari, C.** (2019), trong bài viết "The impact of institutions on SMEs' innovation in transition economies" (Tác động của các thể chế đối với sự đổi mới của DNNVV trong các nền kinh tế chuyển đổi) [100], đề cập đến tác động của thể chế đối với sự đổi mới của một số doanh nghiệp đang chuyển đổi ở Trung Á và Đông Âu. Dựa trên các tài liệu về lý thuyết thể chế, các tác giả đưa ra giả thuyết về ảnh hưởng trực tiếp của các thể chế chính thức và phi chính thức đối với sự đổi mới DNNVV nói chung và về phương diện huy động vốn cho các doanh nghiệp này nói riêng, đồng thời xem xét các tác động mối quan hệ giữa chúng. Các phát hiện cho thấy những trở ngại thể chế nói chung và thể chế huy động vốn cho DNNVV nói riêng, được nhận thức và có thể khắc phục bằng nhiều, trong đó có các biện pháp tăng hiệu quả của chính phủ, khắc phục nhược điểm của bộ máy quan liêu, hoàn thiện luật pháp tạo sự thông thoáng cho hoạt động kinh tế, trong đó có huy động vốn của các DNNVV.

Boojoo, Lakshmi (2019), với bài viết "Leveraging SME Finance through Value Chains in the CAREC Landlocked Economies: Case of Mongolia" (Tận dụng nguồn tài chính doanh nghiệp nhỏ và vừa thông qua chuỗi giá trị trong các nền kinh tế không giáp biển CAREC: Trường hợp

Mông Cổ) [92], phân tích tình hình tài chính và cơ chế tài chính, môi trường kinh doanh, các chính sách hiện hành và phân tích chuỗi giá trị của các DNNVV ở Mông Cổ, đồng thời đề xuất giải pháp nhằm tăng cường sự phát triển của các DNNVV ở nước này. Một số rào cản đối với DNNVV ở Mông Cổ: Dân số thưa thớt, đặc biệt là ngoài khu dân cư nên các dịch vụ ngân hàng truyền thống rất tốn kém; các chính sách chưa rõ ràng và cơ sở hạ tầng tín dụng còn yếu; các tổ chức tài chính chỉ cung cấp một số sản phẩm tài chính sẵn có do lĩnh vực tài chính của Mông Cổ kém phát triển và sự hỗ trợ của chính phủ là không đủ, thiếu khung pháp lý. Tác giả đề xuất giải pháp: (1) Nâng cao chất lượng dữ liệu về các DNNVV và thiết lập nghiên cứu chuyên sâu; (2) Hoàn thiện khung pháp lý cho DNNVV; (3) Xây dựng khung pháp lý cho các nguồn tài trợ khác; (4) Xây dựng chương trình quốc gia dài hạn dành cho DNNVV.

P, Srinidhi and B, Khavi Priya (2019), với bài viết "Constraints faced by Small and Medium Enterprises in raising funds for financing" (Những hạn chế mà doanh nghiệp nhỏ và vừa gặp phải trong việc huy động vốn tài chính) [104], phân tích những thách thức mà các DNNVV phải đối mặt. Bài viết đưa ra mười vấn đề chủ yếu mà các DNNVV ở Ấn Độ gặp phải trong việc huy động vốn như: (1) Chứng khoán đảm bảo không đủ; (2) Kỹ năng quản lý và kỹ thuật thấp hơn; (3) Cạnh tranh từ các doanh nghiệp lớn; (4) Không đủ khả năng tài trợ dài hạn; (5) Kiến thức tài chính của doanh nhân; (6) Tín dụng cá nhân được liên kết hoặc tương quan với tín dụng doanh nghiệp; (7) Không có vốn mạo hiểm; (8) Phụ thuộc vào tín dụng của nhà cung cấp, bao thanh toán và chiết khấu; (9) Tập trung vốn lưu động thấp hơn và quản lý vốn lưu động kém. (10) Dự án mơ hồ. Các tác giả cho rằng, các công nghệ mới là công cụ cho các tổ chức cho vay giải quyết những thách thức chung của DNNVV trong việc cho vay. Các DNNVV cần hiểu biết về tài chính và áp dụng các công nghệ mới để tiếp cận tín dụng thuận lợi hơn.

Dornel, A., Slimane, M. Ait Ali and Mohindra, K. (2020) với bài viết "Improving SME access to trade credit and financing in MENA" (Cải thiện khả năng tiếp cận tín dụng thương mại và tài chính của SME ở MENA) [96], đề xuất biện pháp cải thiện khả năng tiếp cận của DNNVV ở các quốc gia Trung Đông và Bắc Phi đối với tín dụng thương mại và tài chính. Để nâng cao khả năng cạnh tranh của chuỗi giá trị và cho phép các DNNVV đạt được mức độ toàn diện tài chính cao, các nước MENA cần tín dụng thương mại và tài chính tốt hơn. Một loạt biện pháp can thiệp để DNNVV ở MENA tiếp cận tài trợ thương mại và tín dụng cần thiết phải có: (1) Giám sát tín dụng thương mại và thanh toán; (2) Kỷ luật tín dụng thương mại; (3) Bảo hiểm tín dụng thương mại cần phát triển sâu hơn; (4) Tài trợ thương mại và khoản phải thu, giúp các DNNVV trong chuỗi giá trị xuất khẩu huy động vốn cho chu kỳ sản xuất của họ và mua sắm đầu vào cần thiết cho xuất khẩu. Ngoài ra, tiếp cận tín dụng thương mại và tài chính thông qua các nền tảng thương mại điện tử sẽ tăng cường nguồn tài chính cho các DNNVV và chuỗi cung ứng.

IFC (2020) với báo cáo *Crowdsourcing the Future of SME Financing* [99], đề cập đến tăng cường hỗ trợ cho lĩnh vực tài chính toàn cầu, khám phá tầm nhìn về tương lai của tài chính DNNVV. Bài báo cáo cho rằng, cải thiện khả năng tiếp cận tài chính của các DNNVV là một trong những ưu tiên cốt lõi của IFC. Các tổ chức tài chính đã và đang đóng một vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ các DNNVV ở hầu hết các thị trường đầy thách thức. Các tác giả đưa ra quan điểm về thể chế, về sự hợp tác và thảo luận về vai trò của công nghệ trong ngành ngân hàng, đồng thời khám phá các sản phẩm, kênh phân phối, tổ chức và môi trường hỗ trợ DNNVV trong tương lai 10 năm sau.

ADB trong "Report and Recommendation of the President to the Board of Directors" (2021) [89], đề cập việc tiếp cận tài chính là một thách thức và khoảng cách tài chính rất lớn đối với DNNVV. Trong đó, đối với DNNVV có phụ nữ làm chủ gặp những hạn chế khi tiếp cận tài chính: Thiếu tài sản thế

chấp, các vấn đề về hiểu biết tài chính, rủi ro tiếp cận tín dụng khá cao. Chính phủ coi các DNNVV là phân khúc ưu tiên, phản ánh thông qua Luật Hỗ trợ DNNVV. Đại dịch Covid-19 đã tác động tiêu cực đặc biệt đến các DNNVV, Chính phủ đã đưa ra nhiều ưu đãi đầu tư và miễn một số loại thuế: Thuế nhập khẩu, thuế thu nhập doanh nghiệp... để giúp giải quyết vấn đề tài chính cho các doanh nghiệp nhỏ hơn này.

Công trình của **Hansen-Addy, A** (2021), *SME financing, performance, and innovation in developing countries – the impact of the institutional and regulatory business environment in Africa* (Tài trợ, hoạt động và đổi mới của SME ở các nước đang phát triển – tác động của môi trường thể chế và pháp lý kinh doanh ở Châu Phi) [98], đề cập đến một số yếu tố trong môi trường kinh doanh (BE) như thể chế, môi trường kinh doanh pháp lý (RBE) và hệ thống đổi mới. Những yếu tố này có ảnh hưởng đến (1) Khả năng tiếp cận lựa chọn tài chính và nguồn vốn; (2) Hiệu quả tài chính; (3) Các lựa chọn tài trợ và mối quan hệ hiệu quả tài chính; và (4) Hồ sơ đổi mới, những sản phẩm của các DNNVV ở Châu Phi. Tác giả đã có 6 phát hiện quan trọng liên quan đến thể chế và RBE: Thứ nhất, nguồn cung bên ngoài tăng lên không chuyển thành sự bảo trợ lớn hơn cho các DNNVV. Thứ hai, các khía cạnh của RBE vừa cải thiện năng suất cho DNNVV, mặt khác cũng gây cản trở hiệu quả hoạt động của họ. Thứ ba, nguồn vốn lưu động từ các tổ chức tài chính mang lại hiệu quả tài chính cho các DNNVV châu Phi tích cực hơn so với nguồn vốn lưu động từ nội bộ và tín dụng thương mại. Thứ tư, DNNVV châu Phi có điều kiện áp dụng các động lực DUI (đổi mới dựa trên học tập, sử dụng và tương tác) hơn so với các động lực STI (khoa học, công nghệ và đổi mới). Thứ năm, các DNNVV áp dụng kết hợp động lực STI và DUI sẽ mang lại hiệu quả cao. Và thứ sáu, hạn chế tài chính của các DNNVV châu Phi ảnh hưởng đến tạo ra sự đổi mới sản phẩm so với đổi mới quy trình kinh doanh. Từ sáu phát hiện này, tác giả đưa đến kết luận cần thiết phải điều chỉnh các chính sách và đề

xuất biện pháp nhằm cải thiện thể chế quản lý và hệ thống đổi mới. Đó là những yếu tố thể chế có tác động mạnh mẽ đến hoạt động, tính hiệu quả tài chính và sự đổi mới của các DNNVV ở Châu Phi.

Công trình của **Ademosu, Akinwande** (2022), *The Impact of the Financial System and its Channels on SMES' Access to Financing: A Nigerian Perspective* (Tác động của hệ thống tài chính và các kênh của nó đối với khả năng tiếp cận tài chính của SMES: Quan điểm của Nigeria) [91], kiểm tra tác động của hệ thống tài chính đối với khả năng tiếp cận nguồn vốn của các DNNVV và đề xuất những thay đổi đối với hệ thống tài chính ở Nigeria. Những tác động trực tiếp và đáng kể của chênh lệch lãi suất, số lượng chi nhánh ngân hàng và tín dụng đối với khu vực tư nhân ảnh hưởng chủ yếu đến khả năng tiếp cận nguồn vốn của các DNNVV. Các yếu tố hạn chế như: Tài sản đảm bảo, lãi suất cho vay cao và độ tin cậy về thông tin tài chính DNNVV. Đồng thời, thời gian tồn tại của doanh nghiệp, tình trạng pháp lý, doanh thu, số lượng nhân viên và đặc điểm của chủ doanh nghiệp là yếu tố thúc đẩy. Công trình cũng đề cập đến hướng dẫn chính sách cung cấp đăng ký tín dụng, bảo lãnh tín dụng, bảo hiểm... dành riêng cho DNNVV, qua đó cải thiện chất lượng tài sản rủi ro của DNNVV và tăng khả năng tiếp cận vốn cho họ. Mặt khác, công trình của tác giả làm rõ hơn lý thuyết kênh phân phối (Levine, 2005) và tác động của phân bổ tín dụng (Yu & Fu, 2021) đối với khả năng tiếp cận tài chính của các DNNVV thông qua tiếp cận dựa vào ngân hàng từ quan điểm của Nigeria, và nền kinh tế mới nổi nói chung.

Bài viết "Listing act – SMEs and access to capital" (Đạo luật niêm yết – SME và tiếp cận vốn) của **Collovà, Claudio and Höflmayr, Martin** (2022) [94], tổng hợp quan điểm của các tổ chức chính quyền quốc gia, khu vực và địa phương hợp trước khi lập pháp đối với các đề xuất hành động niêm yết của Ủy ban Châu Âu. Các đề xuất được thiết kế để hỗ trợ các DNNVV tiếp cận thị trường vốn đại chúng. Sau cuộc thảo luận về sáng kiến đạo luật niêm

yết, một số phản ánh được đề cập trong bản tóm tắt: (1) Khuyến khích các sáng kiến giảm chi phí cho các DNNVV và ủng hộ sửa đổi có mục tiêu đối với luật này; (2) Trao đổi các kinh nghiệm ưu đãi về thuế cho DNNVV niêm yết; (3) Chính quyền tham gia vào nhiều hoạt động dành cho các DNNVV, một số chương trình do EU tài trợ. Nền kinh tế EU, nếu tích hợp khía cạnh địa phương và khu vực vào các sáng kiến sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho việc niêm yết của các DNNVV.

Nassr, Emad Ali and Siddiqui, Dr. Kalim (2022), với bài viết "A Reviewing of The Roles of Government Policies Toward Entrepreneurship to Develop Small - Medium Enterprises (SMEs)" (Rà soát vai trò các chính sách của Chính phủ đối với tinh thần khởi nghiệp nhằm phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa (SME)) [103], bài viết đánh giá vai trò các chính sách của chính phủ đối với tinh thần khởi nghiệp trong việc phát triển các DNNVV ở cả các nước phát triển và đang phát triển. Hai tác giả cho rằng, mối quan hệ giữa các loại chính sách khác nhau của chính phủ hướng tới tinh thần kinh doanh và phát triển năng lực của các DNNVV. Về vấn đề này, các chính sách của chính phủ liên quan đến tinh thần kinh doanh có thể có tác động gián tiếp hoặc trực tiếp đến sự phát triển của tinh thần kinh doanh. Chính phủ có thể can thiệp vào một số chính sách về thuế, cơ chế tài chính, quy định thủ tục hành chính, tiếp cận thị trường và cơ sở hạ tầng cũng như các cơ chế hỗ trợ khác để khuyến khích và thúc đẩy tinh thần kinh doanh. Ngoài ra, thông qua các khoản đầu tư, các chính sách khác của chính phủ cũng có ảnh hưởng sâu sắc đến sự tồn tại và phát triển của DNNVV. Các chính phủ hỗ trợ các DNNVV thông qua các cách thức khác nhau, không giới hạn việc tài trợ cho họ và cũng khuyến khích các tổ chức phi chính phủ cùng hỗ trợ DNNVV.

Bài viết "ASEAN SME transformation study 2022" của nhóm nghiên cứu **UOB, Accenture and Dun & Bradstreet** (2022) [107] đã đề cập đến nhu cầu và mong đợi của các DNNVV từ các đối tác ngân hàng, nhà cung cấp

công nghệ và cơ quan chính phủ. Khi các DNNVV phải đối diện với tình thế bất ổn sau đại dịch toàn cầu và căng thẳng địa chính trị, sự hỗ trợ từ các tổ chức tài chính sẽ khích lệ DNNVV vượt qua phục hồi phát triển kinh tế. Các DNNVV ở ASEAN coi quản lý tiền mặt, thanh toán và thu nợ, cho vay vốn lưu động là những dịch vụ quan trọng nhất được cung cấp bởi các ngân hàng. Xu hướng số hóa, tiếp tục tác động đến khả năng tiếp cận tín dụng của các DNNVV trong khu vực ASEAN. Bài viết khẳng định rằng, các tổ chức tài chính tiếp tục là sự trợ giúp không thể thiếu cho các DNNVV, lựa chọn cho vay nâng cao là một trong những hình thức hỗ trợ có giá trị mà ngân hàng cung cấp cho DNNVV. Ngoài ra, các biện pháp của chính phủ hỗ trợ về tài trợ kinh doanh được coi là hữu ích nhất trong việc hỗ trợ các hoạt động hàng ngày và nhu cầu vốn lưu động của DNNVV. Với nỗ lực số hóa, chính phủ các quốc gia đã công bố một loạt gói hỗ trợ ứng phó với Covid-19 và các chương trình từ chính phủ các nước nhằm phục hồi hoạt động kinh doanh cho DNNVV nước họ, bao gồm: Ưu đãi thuế và tín dụng, chương trình phát triển kỹ năng, chương trình hỗ trợ số hóa và chương trình hỗ trợ tiền mặt, cũng như các gói bảo hiểm và hỗ trợ khoản vay.

1.1.2. Các công trình nghiên cứu trong nước về thể chế cho huy động vốn của doanh nghiệp nhỏ và vừa

Cho đến nay đã có nhiều học giả trong nước bàn về vấn đề thể chế cho huy động vốn trong hoạt động sản xuất, kinh doanh cũng như đầu tư của DNNVV, trong đó tập trung vào nhận diện, luận giải một số điểm nghẽn và giải pháp hoàn thiện thể chế cho huy động vốn của DNNVV. Công trình nghiên cứu tiêu biểu của một số tác giả trong nước bao gồm:

Luận án Tiến sĩ của **Phạm Xuân Hòa** (2014), *Hoàn thiện chính sách thuế nhằm hỗ trợ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam* [31], tác giả nghiên cứu những quy định thuế trong giai đoạn 2006 - 2013 kết hợp phương pháp thống kê mô tả. Từ cơ sở lý luận về gánh nặng thuế, luận án công trình

chỉ rõ gánh nặng thuế làm giảm lợi nhuận giữ lại, nguồn lực tài chính quan trọng của DNNVV. Vì vậy, việc hoàn thiện chính sách thuế để hỗ trợ phát triển DNNVV là cần thiết. Trên cơ sở phân tích hai yếu tố thuế trực thu phải nộp và chi phí tuân thủ thuế, tác giả đã xây dựng khung nghiên cứu gánh nặng từ thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế giá trị gia tăng (GTGT) ảnh hưởng đến DNNVV: (1) Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của DNNVV phụ thuộc vào thu nhập tính thuế và thuế suất; (2) Chi phí tuân thủ thuế được đo bằng tiền và thời gian. Các quy định về quản lý thuế là yếu tố quan trọng tạo ra chi phí tuân thủ thuế. Tổng kết, công trình đề xuất sáu quan điểm trong việc hoàn thiện chính sách thuế nhằm hỗ trợ phát triển DNNVV ở Việt Nam.

Luận án Tiến sĩ của **Ngô Thị Mai Linh** (2015), *Giải pháp tài chính phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn thành phố Hà Nội trong thời kỳ hội nhập* [41], nghiên cứu các giải pháp tài chính với tư cách một công cụ quản lý kinh tế của Nhà nước cho các DNNVV phát triển. Công trình làm rõ nội hàm phát triển DNNVV, trên cơ sở đó, phân tích rõ tác động của hội nhập kinh tế quốc tế đối với phát triển DNNVV. Tác giả đánh giá thực trạng DNNVV, sử dụng giải pháp tài chính đối với phát triển DNNVV trên địa bàn thành phố Hà Nội kể từ khi mở rộng địa giới hành chính, từ đó, định hướng, đưa ra quan điểm và đề xuất hoàn thiện các giải pháp tài chính. Nghiên cứu của công trình là sử dụng giải pháp tài chính từ phía các cơ quan quản lý Nhà nước như: Thuế, tín dụng, các Quỹ trợ giúp và quỹ đầu tư, chính sách hỗ trợ nhằm phát triển DNNVV trên địa bàn Hà Nội, góp phần tăng trưởng kinh tế cho khu vực.

Luận án Tiến sĩ của **Đinh Mạnh Tuấn** (2015), *Chính sách của EU đối với các doanh nghiệp vừa và nhỏ từ năm 2000 đến nay* [80]. Tác giả đã phân tích, đánh giá chính sách của EU từ năm 2000 - 2015. Trong giai đoạn đó, việc ban hành và tiến hành SBA, một vài biện pháp được chỉ ra trong EERP, EU đã thiết lập một khung khổ thể chế chính sách mới nhằm hỗ trợ nguồn vốn

cho DNNVV ứng phó hiệu quả hơn với khủng hoảng tài chính. Nhờ đó, hoạt động của DNNVV trong khu vực đạt nhiều thành tựu hơn, hạn chế tác động tiêu cực của khủng hoảng và suy thoái của loại hình doanh nghiệp này. Công trình đã đưa ra một số gợi ý chính sách liên quan đến hoàn thiện thể chế cho huy động vốn của DNNVV mà Việt Nam có thể tham khảo: (1) Nâng cao sự quan tâm của các nhà hoạch định chính sách và các cơ quan thực hiện chính sách đối với DNNVV; (2) Nghiên cứu ban hành luật về DNNVV; (3) Cải thiện môi trường kinh doanh; (4) Tăng cường khả năng tiếp cận thị trường; (5) Cải thiện khả năng tiếp cận tài chính; (6) Khuyến khích tinh thần kinh doanh, trợ giúp phát triển nguồn nhân lực.

Nguyễn Thị Quỳnh Anh (2019), "Hỗ trợ tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa ở một số quốc gia và vấn đề đặt ra với Việt Nam" [3, tr.158-160], bàn về các thể chế, hỗ trợ DNNVV về tín dụng ở một số quốc gia như: Nhật Bản, Hoa Kỳ, Đài Loan giúp loại hình doanh nghiệp này tăng khả năng tiếp cận vốn. Có thể thấy, dựa vào đặc điểm, phạm vi và thời gian áp dụng, những thể chế, chính sách tín dụng của mỗi quốc gia rất khác nhau nhưng mang lại những thành công. Đó là cơ sở cho các bài học tham khảo và có thể vận dụng tại Việt Nam. Để các thể chế kể trên đi vào cuộc sống và có hiệu quả, Nhà nước cần hoàn thiện môi trường pháp lý, đưa ra chỉ đạo và các cơ quan chức năng, các tổ chức, DNNVV cần phối hợp với nhau thực hiện thể chế phù hợp với hoàn cảnh từng nước trong các giai đoạn nhất định.

Phùng Thanh Loan (2019), với Luận án Tiến sĩ *Chính sách tài chính hỗ trợ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam* [44], đã làm rõ cơ sở lý luận và xây dựng khung lý thuyết về chính sách tài chính hỗ trợ phát triển DNNVV. Trên cơ sở đó, tác giả đã xác định một số chính sách có ảnh hưởng sâu rộng sự phát triển của DNNVV: Chính sách thuế, chính sách tín dụng, chính sách tài chính đất đai. Công trình đã nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế về chính sách tài chính hỗ trợ phát triển DNNVV và rút ra một số bài học cho

Việt Nam. Bên cạnh đó, tác giả phân tích thực trạng phát triển DNNVV Việt Nam thông qua chỉ tiêu gắn với đặc điểm của DNNVV, kết hợp đánh giá thực trạng các chính sách tài chính hỗ trợ phát triển DNNVV và kết quả thực hiện các chính sách đó trong thời gian vừa qua. Từ đó, đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện chính sách tài chính hỗ trợ phát triển DNNVV Việt Nam theo ba nhóm giải pháp: (1) Hoàn thiện chính sách thuế, (2) Hoàn thiện chính sách tín dụng, và (3) Hoàn thiện chính sách tài chính đất đai.

Tác giả **Vũ Tiến Lộc** (2019), trong bài viết "Hoàn thiện thể chế phát triển doanh nghiệp - nội dung quan trọng trong xây dựng thể chế phát triển nhanh và bền vững đất nước trong giai đoạn mới" [45], đã đề cập tới công tác hoàn thiện thể chế tạo thuận lợi cho doanh nghiệp phát triển, khuyến khích DNNVV tiếp cận các nguồn lực kinh doanh vốn. Bài viết phân tích về thể chế doanh nghiệp, đặc biệt, nhấn mạnh một số bất cập của thể chế phát triển DNNVV: (1) Đánh giá vai trò và định hướng chính sách còn mờ nhạt; (2) Doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp cận vốn khó hơn nhiều so với doanh nghiệp quốc doanh và doanh nghiệp lớn; (3) Các chính sách khuyến khích đầu tư còn riêng rẽ, manh mún; (4) Những giải pháp hỗ trợ DNNVV chưa thực sự đi vào thực tiễn. Tác giả cho rằng, đối với DNNVV, chính sách vốn có thể được ưu đãi hơn so với các nhóm doanh nghiệp khác nhưng lại thường làm cho nhóm doanh nghiệp này không có động lực để lớn hơn, cụ thể: Các chính sách, chương trình hỗ trợ vốn đã triển khai đến DNNVV như bảo lãnh tín dụng và hỗ trợ tín dụng, nhưng không nhiều DNNVV tiếp cận được. Theo bài viết, phát triển thể chế cần phải theo kịp sự biến động kinh tế. Việt Nam đang cạnh tranh với các nước có trình độ phát triển, do đó thể chế vẫn cần phải hoàn thiện, đặc biệt, thể chế cho huy động vốn của DNNVV là một vấn đề tất yếu.

Luận án Tiến sĩ của **Hà Thị Thanh Nga** (2019), *Nghiên cứu các nhân tố tác động đến cấu trúc vốn của doanh nghiệp nhỏ và vừa - trường hợp trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên* [51]. Trên cơ sở lý thuyết, tác giả đã phân tích thực

trạng cấu trúc vốn DNNVV, phân tích ảnh hưởng từ các nhân tố thuộc đặc điểm doanh nghiệp và đặc điểm nhà quản lý đến cấu trúc vốn của doanh nghiệp này. Từ kết quả nghiên cứu, theo tác giả, cấu trúc vốn của DNNVV có sự khác nhau theo ngành nghề, theo giới tính. Đây chính là nền tảng để tác giả đưa ra kiến nghị hoàn thiện cấu trúc vốn của DNNVV. Doanh nghiệp nhỏ và vừa cần không ngừng nâng cao các kỹ năng, đa dạng hóa kênh huy động dài hạn. Tác giả đưa ra một số kiến nghị: (1) Đối với chủ thể Nhà nước, xây dựng khung khổ pháp lý chuẩn mực để tạo môi trường thể chế phù hợp với DNNVV; (2) Đối với các tổ chức tín dụng, cần tinh giản thủ tục và biện pháp bảo đảm vốn vay phù hợp với điều kiện của DNNVV; (3) Bản thân DNNVV cũng cần hoàn thiện lại bộ máy kế toán, công tác lập báo cáo tài chính... Thể chế cho huy động vốn được cho là khía cạnh cốt yếu để định hình môi trường kinh doanh, góp phần xây dựng và duy trì một cấu trúc vốn hợp lý cho DNNVV. Tuy nhiên, công trình kế thừa của tác giả chỉ tập trung trong phạm vi tỉnh Thái Nguyên. Có thể thấy rằng, nghiên cứu chưa thấy rõ được vai trò cụ thể của thể chế cho huy động vốn trong việc thúc đẩy sự phát triển DNNVV ở Việt Nam nói chung hay ở tỉnh Thái Nguyên nói riêng.

Luận án Tiến sĩ của **Nguyễn Thị Hồng Nhâm** (2019), *Các yếu tố tác động đến khả năng tiếp cận tài chính của doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam* [58], đánh giá một số yếu tố ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận tài chính chính thức và phi chính thức của DNNVV thông qua mô hình hồi quy. Đồng thời giải quyết triệt để vấn đề nội sinh trong các mô hình so với các nghiên cứu trước đây. Kết quả nghiên cứu tác giả cho rằng: (1) Do trở ngại về vốn, DNNVV phải tìm đến các nguồn tài chính phi chính thức; (2) DNNVV tiếp cận thêm nguồn tài chính phi chính thức khi nhu cầu chưa được đáp ứng đủ; (3) Môi trường kinh doanh và thể chế tạo điều kiện thuận lợi cho DNNVV tiếp cận tài chính; (4) Quy mô DNNVV ảnh hưởng khả năng tiếp cận vốn tín dụng; (5) DNNVV gặp rào cản về tài sản thế chấp, đặc biệt là vấn đề thuê

máy móc, nhà xưởng phục vụ sản xuất kinh doanh. (6) Vấn đề chi phí lót tay quà tặng, chi trả lãi cao khi tiếp cận tài chính của DNNVV. (7) Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh và sự phát triển của thị trường tài chính cũng là những yếu tố tích cực giúp DNNVV có thể tiếp cận tài chính dễ dàng hơn.

Nguyễn Minh Phong và Nguyễn Trần Minh Trí (2019), trong bài viết "Tạo động lực thể chế cho phát triển cộng đồng doanh nghiệp nhỏ và vừa" [60], đề cập đến những đột phá thể chế cần ưu tiên để phát triển kinh tế tư nhân, phát triển DNNVV. Từ những góp ý này, Chính phủ định hướng, tạo khung pháp lý, môi trường thể chế để doanh nghiệp tư nhân, DNNVV phát triển đúng hướng. Bài viết cho rằng, bộ phận doanh nghiệp tư nhân nước ta đa phần có quy mô nhỏ, còn nhiều hạn chế về trình độ công nghệ, tài chính, sức cạnh tranh, khả năng liên kết với các thành phần khác trong xã hội... đặc biệt hạn chế lớn trong thu hút nguồn vốn từ ngân hàng. Vì vậy, doanh nghiệp tư nhân nước ta đang phát triển dưới mức tiềm năng, và cần phải có những đột phá thể chế: (1) Kiên quyết xóa bỏ những định kiến về kinh tế tư nhân; (2) Chú trọng xây dựng cơ chế kỷ cương, Liêm chính, hành động, phục vụ; (3) Đẩy mạnh xây dựng, thực thi pháp luật; (4) Siết chặt kỷ cương, gắn kết chặt chẽ giữa Chính phủ điện tử và bộ máy biên chế tinh giản có hiệu lực; (5) Tiếp tục tạo môi trường thuận lợi trong kinh doanh và đầu tư, tăng cường tự do hóa và giảm thiểu chi phí không chính thức trong kinh doanh. Để hỗ trợ DNNVV phát triển trong thời kỳ toàn cầu hóa, quá trình xóa bỏ những thể chế kìm hãm, hoàn thiện thể chế, lấp đầy những khoảng trống thể chế đã và đang từng bước định hình, nâng cao vai trò, vị thế của cộng đồng DNNVV nước ta.

Lê Thiết Lĩnh (2019), "Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam tiếp cận vốn tín dụng phát triển sản xuất, kinh doanh" [43, tr.41-43], đề cập đến DNNVV còn gặp nhiều khó khăn trong tiếp cận vốn tín dụng do những rào cản thể chế. Từ đó, tác giả đề xuất một số giải pháp nhằm giúp đối tượng này tiếp cận nguồn vốn tín dụng. Trong hệ thống ngân hàng thương mại, cần chủ

động nâng cấp hệ thống để đẩy mạnh việc tiếp cận và cung cấp các dịch vụ tài chính tới đại đa số DNNVV; thúc đẩy tìm kiếm và tiếp cận các nguồn tài trợ vốn giá rẻ cho các lĩnh vực đặc thù của DNNVV; thiết kế các sản phẩm cho vay riêng biệt với khách hàng là DNNVV; cải tiến, đơn giản hóa quy trình cho vay; áp dụng công nghệ về dữ liệu lớn trong hoạt động ngân hàng; tổ chức các diễn đàn/hội thảo để kết nối DNNVV và ngân hàng. Đối với bản thân DNNVV, cần chủ động cải thiện năng lực, kỹ năng quản trị; tăng cường đầu tư và ứng dụng công nghệ, minh bạch hóa thông tin; hoàn thiện sản phẩm cũng như cải tiến quy trình sản xuất.

Trần Thị Xuân Anh và các cộng sự (2021), "Tiếp cận vốn của doanh nghiệp nhỏ và vừa trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0 tại Việt Nam" [5, tr.11-22]. Với công trình này, các tác giả cho rằng DNNVV là động lực chính của nền kinh tế, song hạn chế về vốn, quy mô là thách thức không nhỏ của DNNVV trong quá trình tiếp cận vốn. Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đã góp phần mở ra nhiều kênh vốn huy động đa dạng và linh hoạt hơn cho DNNVV. Bên cạnh hình thức tín dụng truyền thống, nền tảng cho vay trực tuyến ra đời đã thay đổi các định chế tài chính. Một số kênh tín dụng áp dụng công nghệ số được bài viết đề cập như: Công nghệ tài chính (Fintech), tài trợ chuỗi cung ứng (SCF), gọi vốn cộng đồng, cho vay ngang hàng. Trên nền tảng trực tuyến, thủ tục và hồ sơ vay vốn được xử lý nhanh chóng và chuẩn xác hơn. Hơn nữa, khi tham gia, nhờ áp dụng công nghệ cao, đối với DNNVV, tài sản thế chấp có thể là tài sản lưu động, được ưu đãi về lãi suất, chi phí giao dịch cũng giảm hẳn. Bên cạnh ưu điểm thì mỗi kênh huy động vốn trực tuyến lại có nhược điểm riêng và tiềm ẩn rủi ro, DNNVV cần có nghiên cứu và chọn lọc kênh huy động vốn. Cuối bài viết, các tác giả tổng kết và có khuyến nghị đối với cơ quan quản lý, các nhà tài trợ vốn và chủ thể gọi vốn là DNNVV nhằm cải thiện các kênh huy động vốn và nâng cao khả năng tiếp cận vốn của DNNVV trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0 ngày càng phát triển.

Ngọc Quỳnh (2022), trong bài viết "Cải cách thể chế tạo nguồn lực lớn nhất cho phát triển doanh nghiệp" [67], tác giả trình bày về thể chế hỗ trợ doanh nghiệp, đặc biệt ưu tiên nhóm đối tượng DNNVV chịu hậu quả nặng nề bởi Covid-19. Có những khoảng trống vô hình giữa chính sách của Nhà nước và cách tiếp cận của doanh nghiệp: Nhà nước cấp vốn đào tạo lao động nhưng doanh nghiệp không dễ dàng để nắm bắt được nguồn vốn đó; mặc dù thuế thu nhập doanh nghiệp được điều chỉnh giảm rất có lợi cho doanh nghiệp nhưng thực tế khó khăn đối với doanh nghiệp có thu nhập bấp bênh hoặc thậm chí không thu nhập do ảnh hưởng của Covid-19... Bên cạnh các thể chế hỗ trợ, môi trường thể chế thông thoáng rất cần cho doanh nghiệp nói chung và DNNVV nói riêng. Chỉ khi thể chế thuận lợi và đồng hành cùng doanh nghiệp thì DNNVV mới tốt lên, đồng thời thu hút, huy động vốn trong, ngoài nước thuận lợi hơn. Ngay từ bây giờ, Nhà nước và DNNVV phải chuẩn bị hành trang, trong đó có thể chế cho huy động vốn để những mục tiêu phát triển của đất nước đều đạt được theo tinh thần Đại hội XIII.

Nhìn chung, vấn đề thể chế cho huy động vốn của DNNVV vẫn còn là vấn đề mới, đặc biệt trong xu thế cách mạng công nghệ số và hội nhập quốc tế sâu rộng, nghiên cứu nội dung này có tầm quan trọng đặc biệt cả về lý luận và thực tiễn.

1.2. KHÁI QUÁT KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU THỂ CHẾ CHO HUY ĐỘNG VỐN CỦA DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA, NHỮNG KHOẢNG TRỐNG KHOA HỌC VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ TRỌNG TÂM NGHIÊN CỨU CỦA LUẬN ÁN

1.2.1. Khái quát kết quả nghiên cứu thể chế cho huy động vốn của doanh nghiệp nhỏ và vừa mà luận án có thể kế thừa

Sau khi tiếp cận các công trình trong nước và quốc tế, dưới nhiều góc độ khác nhau, các nghiên cứu của tác giả đã thu được thành quả và luận án có thể kế thừa, nhất là để xây dựng các khái niệm cơ bản như vốn, thể chế, thể chế kinh tế, DNNVV. Đây là nền móng lý luận không những góp phần luận giải cơ sở khoa học những định hướng của Đảng và Nhà nước về thúc đẩy

kinh tế nói chung, phát triển DNNVV nói riêng, đồng thời tạo căn cứ ban đầu cho nghiên cứu về thể chế cho huy động vốn của các DNNVV.

Luận án sẽ kế thừa đề trình bày về đặc điểm và vai trò của thể chế cho huy động vốn của DNNVV những luận điểm như: (1) Doanh nghiệp nhỏ và vừa với đặc thù quy mô nhỏ lẻ, vốn hoạt động tương đối ít, do đó cần tăng quy mô vốn bằng cách bổ sung nguồn huy động; (2) Nguồn vốn từ Nhà nước ngày càng bị thu hẹp cho nên DNNVV không chỉ mong đợi nguồn huy động vốn từ Nhà nước, thay vào đó có những con đường huy động vốn khác mang tính thị trường, đã bước đầu góp phần luận giải được cần thiết phải tạo lập, hoàn thiện thể chế để đảm bảo nguồn vốn cho DNNVV trong phát triển kinh tế thị trường; (3) Doanh nghiệp nhỏ và vừa đã có bước phát triển vượt bậc, đóng góp đáng kể vào thu ngân sách. Điều này cho thấy tầm quan trọng của bộ phận doanh nghiệp vừa và nhỏ ở nước ta.

Những nhận định về thể chế đảm bảo vốn cho DNNVV có điểm nghẽn và cần đề ra giải pháp hoàn thiện sẽ được luận án chất lọc, kế thừa, bao gồm:

Thứ nhất, các thể chế kinh tế vi mô chưa trở thành yếu tố thuận lợi để khơi thông nguồn lực đầu vào, cụ thể vấn đề đang bàn ở đây là vốn. Đây là điểm nghẽn khiến cho các chi phí tăng cao, không tạo ra lợi thế cho DNNVV trong cạnh tranh. Thị trường vốn chủ yếu tập trung vào nguồn tín dụng. Kênh thị trường chứng khoán còn khá mới, khó tiếp cận và chưa thực sự thu hút được sự tham gia của các doanh nghiệp. Các chính sách hỗ trợ tài chính cho DNNVV chưa rõ ràng, thủ tục hành chính rườm rà và không đảm bảo tính bền vững, dựa vào công cụ thuế là chủ yếu. Chính phủ đã triển khai các chính sách, chương trình hỗ trợ vốn cho các DNNVV như bảo lãnh tín dụng và hỗ trợ tín dụng nhưng còn hạn chế.

Thứ hai, thể chế liên kết doanh nghiệp còn yếu. Ở Việt Nam liên kết giữa các doanh nghiệp theo chuỗi cung ứng rất hạn chế. Có rất ít sự gắn kết giữa các doanh nghiệp nhỏ và các bộ phận khác có quy mô lớn hơn. Hệ thống thể chế chưa phát huy tốt chức năng của các hiệp hội doanh nghiệp.

Thứ ba, số đông các DNNVV chưa nhận thức đúng về tầm ảnh hưởng của quá trình hội nhập quốc tế và quá trình toàn cầu hóa tới hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Bản thân các DNNVV phải không ngừng nỗ lực, phấn đấu nâng cao năng lực để đủ tiềm lực cạnh tranh giữa các quốc gia và các doanh nghiệp khác trong khu vực, hướng đến mục tiêu phát triển bền vững kinh tế - xã hội, độc lập tự chủ.

1.2.2. Những khoảng trống về lý luận thể chế cho huy động vốn của doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam cần tiếp tục nghiên cứu, giải quyết

Cho đến nay đã có những nghiên cứu góp phần làm rõ: Một trong những điều kiện cần đối với sự ra đời của DNNVV là vốn và yếu tố vốn cũng nắm giữ vai trò hết sức quan trọng trong tiến trình hoạt động và phát triển của DNNVV. Với đặc thù quy mô nhỏ, vốn ít, các DNNVV ở Việt Nam không chỉ khó khăn trong việc thu hút vốn đầu tư cho hoạt động sản xuất kinh doanh mà còn gặp nhiều thách thức để cạnh tranh hiệu quả trong nền kinh tế thị trường. Công tác xây dựng và hoàn thiện thể chế được Đảng và Nhà nước ta ngày càng chú trọng. Mặc dù, những chủ trương, thể chế, cơ chế huy động vốn được ban hành nhằm tạo thuận lợi, khuyến khích DNNVV tiếp cận các nguồn lực kinh doanh như vốn, lao động, đất đai, công nghệ... nhưng nội dung chính sách, pháp luật liên quan đến nguồn lực vốn vẫn còn hạn chế [45]. Trong quá trình nghiên cứu, các nhà khoa học đã có những góc nhìn rất riêng về vốn, DNNVV, nguồn vốn của DNNVV, và thể chế. Tuy nhiên, xem xét mối quan hệ giữa thể chế với nguồn vốn của DNNVV, hay cách tiếp cận nguồn vốn của DNNVV trong kinh tế thị trường theo phương diện thể chế là chưa đầy đủ. Từ đó, các công trình nghiên cứu chưa đưa ra được khái niệm thể chế cho huy động vốn của DNNVV trong nền kinh tế thị trường hiện nay. Như vậy, luận án cần tiếp tục nghiên cứu làm rõ cơ sở hình thành và bản chất thể chế cho huy động vốn của DNNVV.

Thể chế có thể chi phối trực tiếp hoặc gián tiếp đến nền kinh tế của từng quốc gia, vùng lãnh thổ. Do cách tiếp cận, trong từng bối cảnh lịch sử, vẫn hiện hữu những quan niệm rất khác nhau về thể chế [81]. Dưới góc độ khoa học, các bộ phận cơ bản cấu thành thể chế đó là: Luật chơi, sân chơi,

cách chơi và người chơi. Luật chơi gồm có chính thức và phi chính thức. Nếu như thể chế chính thức là hệ thống pháp luật, các quy định, quy tắc do nhà nước ban hành quản lý nhằm điều chỉnh hành vi và các mối quan hệ xã hội thì thể chế phi chính thức là những phong tục tập quán, những thói quen trong đời sống hàng ngày của con người... Cách chơi gồm có cơ chế thực hiện và chế tài vận hành hệ thống các quy tắc chuẩn mực. Còn người chơi là những chủ thể quản lý, giám sát và tham gia trong cuộc chơi, bao gồm cơ quan quản lý nhà nước, cá nhân, tổ chức, đoàn thể, doanh nghiệp... [79]. Có thể thấy rằng, các nghiên cứu về thể chế chủ yếu xem xét bộ phận cấu thành của thể chế nói chung trên mỗi lĩnh vực của xã hội, song chưa làm rõ các bộ phận cấu thành của thể chế cho huy động vốn của DNNVV nói riêng trong nền kinh tế thị trường, cũng như vị trí, vai trò của từng bộ phận đó chưa được làm rõ. Từ góc độ này, luận án cần tiếp tục nghiên cứu để trả lời câu hỏi thể chế cho huy động vốn của DNNVV trong nền kinh tế thị trường gồm những nội dung nào?

Ngày nay, với sự phát triển không ngừng của DNNVV cho thấy các nghiên cứu hỗ trợ nhóm doanh nghiệp này là cần thiết. Trước đây, các nghiên cứu chủ yếu tìm hiểu và có đánh giá riêng về vốn, huy động vốn, thể chế, thể chế kinh tế, DNNVV, huy động vốn của DNNVV. Tuy nhiên, chưa có nghiên cứu cụ thể nào, nghiên cứu về thể chế cho huy động vốn của DNNVV, cũng như hệ thống các giải pháp góp phần hoàn thiện thể chế cho huy động vốn của DNNVV trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa [51]. Chính vì vậy, còn nhiều vấn đề chưa làm sáng tỏ như: Việc xây dựng và hoàn thiện thể chế cho huy động vốn của DNNVV ở Việt Nam thời gian qua đạt được những thành tựu và còn những hạn chế nào? Nguyên nhân của những thành tựu và hạn chế đó?

Một số giải pháp về hoàn thiện thể chế đã được đưa ra trong một số công trình, nhưng còn nhiều bất cập và chưa nghiên cứu sâu về thể chế cho huy động vốn của DNNVV. Tùy vào từng bối cảnh, thể chế đưa ra chưa thực sự phù hợp với thực tiễn, có thể thích hợp trong trường hợp này nhưng với đối tượng khác lại gặp khó khăn. Hệ thống giải pháp về hoàn thiện thể chế cho

huy động vốn của DNNVV nói chung còn rời rạc và thiếu sự đồng bộ, giải pháp được đề xuất đôi khi chưa thể áp dụng ngay vào huy động vốn của DNNVV. Tóm lại, các nghiên cứu về mối quan hệ giữa thể chế và huy động vốn của DNNVV gần như chưa có nên cần được nghiên cứu và quan tâm hơn. Từ góc độ này, luận án tiếp tục đi nghiên cứu cần thực thi những giải pháp nào trong hoàn thiện thể chế cho huy động vốn của DNNVV ở Việt Nam thời gian tới?

1.2.3. Những vấn đề trọng tâm trong nghiên cứu thể chế cho huy động vốn của doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam mà luận án cần tập trung làm rõ

Ngày nay, cơ hội phát triển của DNNVV rất được Đảng và Nhà nước khuyến khích, song vẫn có các thử thách đặt ra đối với DNNVV khi huy động vốn theo nhiều con đường khác nhau. Tổng quan cho thấy, có rất ít công trình xem xét nghiên cứu mối quan hệ thể chế đến huy động vốn của DNNVV ở Việt Nam, vì vậy luận án tập trung làm rõ một số vấn đề:

Thứ nhất, trên cơ sở các khái niệm về DNNVV, vốn và huy động vốn, thể chế và thể chế kinh tế, cần làm rõ khái niệm thể chế cho huy động vốn của DNNVV trong nền kinh tế thị trường.

Thứ hai, phân tích và chỉ ra đặc điểm chung của thể chế cho huy động vốn; đặc thù và vai trò của thể chế cho huy động vốn trong sự phát triển của DNNVV ở Việt Nam; nội dung, tiêu chí đánh giá và các nhân tố ảnh hưởng đến thể chế cho huy động vốn của DNNVV trong nền kinh tế thị trường; đúc kết kinh nghiệm từ quốc tế và rút ra giá trị tham khảo cho Việt Nam.

Thứ ba, từ đánh giá khái quát thực trạng hình thành, phát triển DNNVV ở Việt Nam trong thời kỳ đổi mới cần tập trung làm rõ thực trạng thể chế cho huy động vốn của DNNVV ở Việt Nam, nhất là thời gian từ 2011 - 2023; phân tích thực trạng thể chế cho huy động vốn của DNNVV từ phía các tổ chức tín dụng và các nguồn khác, chỉ rõ kết quả đạt được, chưa được và nguyên nhân trong những quan hệ kinh tế.

Thứ tư, thực trạng vấn đề mà luận án phân tích và đưa ra đánh giá, cần nghiên cứu mặt còn hạn chế của thể chế cho huy động vốn của DNNVV đang ảnh hưởng tiêu cực, làm giảm năng lực cạnh tranh và vị thế trong nước và quốc tế của DNNVV. Trên cơ sở đó, định hướng và đề xuất giải pháp tiếp tục hoàn thiện thể chế cho huy động vốn của DNNVV ở Việt Nam góp phần hướng đến mục tiêu kinh tế bền vững ở những thời kỳ tiếp theo.

Chương 2

CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN CỦA THỂ CHẾ CHO HUY ĐỘNG VỐN CỦA DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA

2.1. KHÁI NIỆM, ĐẶC ĐIỂM, VAI TRÒ VỀ THỂ CHẾ CHO HUY ĐỘNG VỐN CỦA DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA

2.1.1. Khái niệm thể chế cho huy động vốn của doanh nghiệp nhỏ và vừa

- *Khái niệm doanh nghiệp nhỏ và vừa*

Doanh nghiệp là một trong những chủ thể kinh doanh phổ biến trong nền kinh tế thị trường. Theo Điều 4 của Luật Doanh nghiệp năm 2020, "*Doanh nghiệp* là tổ chức có tên riêng, có tài sản, có trụ sở giao dịch, được thành lập hoặc đăng ký thành lập theo quy định của pháp luật nhằm mục đích kinh doanh" [66]. Xét theo tiêu chí quy mô, doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường thường được phân thành hai nhóm: Nhóm doanh nghiệp lớn và nhóm DN NVV. Ở Việt Nam, theo Điều 4, Luật Hỗ trợ DN NVV năm 2017, "1. Doanh nghiệp nhỏ và vừa bao gồm doanh nghiệp siêu nhỏ, doanh nghiệp nhỏ và doanh nghiệp vừa, có số lao động tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm không quá 200 người và đáp ứng một trong hai tiêu chí sau đây:

- a) Tổng nguồn vốn không quá 100 tỷ đồng;
- b) Tổng doanh thu của năm trước liền kề không quá 300 tỷ đồng.

2. Doanh nghiệp siêu nhỏ, doanh nghiệp nhỏ và doanh nghiệp vừa được xác định theo lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản; công nghiệp và xây dựng; thương mại và dịch vụ" [65].

Tại Điều 5, Nghị định số 80/2021/NĐ-CP đã cụ thể hóa tiêu chí xác định DN NVV ở Việt Nam trong từng lĩnh vực như sau:

Thứ nhất, trong các lĩnh vực gồm công nghiệp, xây dựng và nông nghiệp theo nghĩa rộng, doanh nghiệp siêu nhỏ gồm các doanh nghiệp "sử dụng lao động có tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm không quá 10

người và tổng doanh thu của năm không quá 3 tỷ đồng hoặc tổng nguồn vốn của năm không quá 3 tỷ đồng" [22]; trong lĩnh vực thương mại và dịch vụ - "không quá 10 người và tổng doanh thu của năm không quá 10 tỷ đồng hoặc tổng nguồn vốn của năm không quá 3 tỷ đồng" [22].

Thứ hai, trong các lĩnh vực gồm công nghiệp, xây dựng và nông nghiệp theo nghĩa rộng, doanh nghiệp nhỏ gồm các doanh nghiệp "sử dụng lao động có tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm không quá 100 người và tổng doanh thu của năm không quá 50 tỷ đồng hoặc tổng nguồn vốn của năm không quá 20 tỷ đồng" [22]; trong lĩnh vực thương mại và dịch vụ - "không quá 50 người và tổng doanh thu của năm không quá 100 tỷ đồng hoặc tổng nguồn vốn của năm không quá 50 tỷ đồng" [22].

Thứ ba, trong các lĩnh vực gồm công nghiệp, xây dựng và nông nghiệp theo nghĩa rộng, doanh nghiệp vừa gồm các doanh nghiệp "sử dụng lao động có tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm không quá 200 người và tổng doanh thu của năm không quá 200 tỷ đồng hoặc tổng nguồn vốn của năm không quá 100 tỷ đồng, nhưng không phải là doanh nghiệp siêu nhỏ, doanh nghiệp nhỏ theo quy định tại khoản 1, khoản 2" [22]; trong lĩnh vực thương mại và dịch vụ doanh nghiệp vừa là doanh nghiệp "sử dụng lao động có tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm không quá 100 người và tổng doanh thu của năm không quá 300 tỷ đồng hoặc tổng nguồn vốn của năm không quá 100 tỷ đồng" [22].

Như vậy, DNNVV là nhóm doanh nghiệp có quy mô tương đối nhỏ so với các doanh nghiệp lớn. Trong luận án này, khái niệm DNNVV được sử dụng để chỉ những doanh nghiệp đáp ứng tiêu chí tại Điều 5 Nghị định số 80/2021/NĐ-CP.

- Khái niệm vốn và huy động vốn

Với tư cách là chủ thể lao động, tạo ra của cải thỏa mãn nhu cầu khác nhau của xã hội, doanh nghiệp nói chung và DNNVV nói riêng trong kinh tế thị trường cần thường xuyên thực hiện đầy đủ các khâu của quá trình tái sản

xuất, trong đó, mỗi khâu đều có một vị trí nhất định và không thể tách rời. Quá trình tái sản xuất vận động không ngừng qua cả bốn khâu đó. Doanh nghiệp bắt đầu từ sản xuất, trực tiếp tạo ra sản phẩm với tư cách là giá trị sử dụng, đồng thời là vật chứa giá trị và GTGT mà doanh nghiệp đã tạo ra. Tuy nhiên, sản phẩm được tạo ra đó cần phải được xã hội thừa nhận thông qua trao đổi trên thị trường. Kết quả của trao đổi sản phẩm chuyển hóa thành tiền, thu hồi giá trị sản phẩm dưới hình thái tiền. Lượng giá trị dưới hình thái tiền sẽ được doanh nghiệp phân phối sử dụng cho các nhu cầu khác nhau, một phần được sử dụng để mua lại các yếu tố sản xuất, một phần để tích lũy mở rộng sản xuất, phần khác dành để đóng thuế cho NSNN. Lượng giá trị thu được từ bán sản phẩm sẽ được phân phối cho tiêu dùng sản xuất và tiêu dùng cá nhân, đảm bảo quá trình tái sản xuất của doanh nghiệp, tái sản xuất xã hội. Chỉ thông qua trao đổi, doanh nghiệp mới có thể thu được lượng giá trị đã ứng ra, đồng thời thu được lợi nhuận dưới hình thái tiền, tạo điều kiện cần thiết để đảm bảo quá trình tái sản xuất có thể diễn ra liên tục, mang lại hiệu quả. Có thể thấy rằng, các khâu của quá trình tái sản xuất trong DNNVV đều có mối quan hệ biện chứng với nhau. Sản xuất là gốc rễ, còn trao đổi là hoạt động hiện thực hóa để phát triển. Trao đổi và phân phối là các khâu trung gian kết nối sản xuất và tiêu dùng, kết nối quá trình tái sản xuất của doanh nghiệp với quá trình tái sản xuất xã hội.

Trong nền kinh tế thị trường, các yếu tố sản xuất trước hết có trên thị trường. Để mua được các yếu tố sản xuất và thực hiện quá trình sản xuất, doanh nghiệp cần có lượng giá trị nhất định dưới hình thái tiền. Quá trình mua các yếu tố sản xuất về thực chất là quá trình chuyển hóa hình thái tiền của giá trị sang hình thái sản xuất. Quá trình sản xuất trong nền kinh tế thị trường là quá trình chuyển hóa của hình thái sản xuất của giá trị sang hình thái hàng hóa, đồng thời là quá trình tạo giá trị và gia tăng giá trị. Quá trình bán hàng là quá trình chuyển hóa của hình thái hàng hóa của giá trị sang hình thái tiền,

qua đó không những phải thu hồi được lượng giá trị mà doanh nghiệp đã ứng ra ban đầu, mà còn phải thu được giá trị tăng thêm dưới hình thái tiền, tạo tiền đề cho thực hiện quá trình tái sản xuất tiếp theo. Giá trị mà doanh nghiệp ứng ra, thông qua quá trình chuyển hóa hình thái mà đảm bảo cho doanh nghiệp có thể thực hiện quá trình tái sản xuất như trên, được gọi là vốn hay vốn tài chính. Như vậy, vốn doanh nghiệp cần để hoạt động trong nền kinh tế thị trường "là biểu hiện bằng tiền của toàn bộ giá trị các tài sản mà doanh nghiệp đã đầu tư và sử dụng vào hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm mục đích thu lợi nhuận" [83, tr.449]. Trong luận án khái niệm vốn được sử dụng theo nghĩa là *hình thái giá trị của toàn bộ các tài sản được quy thành tiền, mà doanh nghiệp đầu tư và sử dụng vào hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm mục đích thu lợi nhuận*.

Trong nền kinh tế thị trường, vốn luôn đóng một vai trò quan trọng trong sự hình thành và phát triển của doanh nghiệp sản xuất. *Các hoạt động của doanh nghiệp liên quan trực tiếp và gián tiếp đến sự hình thành nguồn vốn của doanh nghiệp, được gọi là huy động vốn*. Vốn của DN NVV có thể được hình thành từ nhiều nguồn tài chính khác nhau mà doanh nghiệp có thể triệt để khai thác và sử dụng trong quá trình sản xuất, kinh doanh. Trước tiên phải kể đến vốn chủ sở hữu (VCSH) thường dùng để xem xét mức độ tự chủ, hay đánh giá sức mạnh của một doanh nghiệp. Vốn chủ sở hữu luôn gắn với doanh nghiệp, có sự đóng góp vốn của chủ doanh nghiệp và nhân tố góp vốn khác. Tùy vào quy mô, VCSH sẽ có biến động để thích nghi với tình hình của doanh nghiệp. Vốn chủ sở hữu bao gồm vốn điều lệ, lợi nhuận chưa phân phối và một số nguồn quỹ khác.

Huy động vốn từ người thân, bạn bè cũng là một trong những cách giúp doanh nghiệp tăng lượng vốn cho hoạt động sản xuất, kinh doanh. Nhận thấy dự án tiềm năng, có kế hoạch cụ thể, thỏa thuận giữa các bên rõ ràng, khi đó, người thân và bạn bè sẽ là những cổ đông luôn ủng hộ và sẵn sàng trao cơ

hội cho một doanh nghiệp đang cần vốn. Hình thức kêu gọi vốn này thường sẽ dễ dàng hơn nhiều so với các kênh huy động khác. Thủ tục nhanh gọn, đơn giản không phức tạp, quan trọng nhất lãi suất thỏa thuận thường thấp hơn nhiều là ưu điểm. Đôi khi, phát sinh điều không mong muốn bên cho vay yêu cầu vốn gấp, doanh nghiệp cần sắp xếp chủ động trả trong thời gian ngắn nhất có thể. Với số vốn hạn chế của mình, kênh huy động vốn từ người thân, bạn bè giúp doanh nghiệp rất nhiều trong việc bổ sung vốn khởi nghiệp cũng như hiện thực hóa mục tiêu đề ra.

Kênh huy động vốn truyền thống phổ biến hiện nay chính là vay ngân hàng. Khi doanh nghiệp đã xây dựng nên chiến lược kinh doanh cho riêng mình, cần huy động nguồn vốn lớn thì vay tín dụng ngân hàng thường được các doanh nghiệp cân nhắc. So với các thị trường như chứng khoán, quỹ đầu tư, vay từ ngân hàng chịu ít rủi ro hơn. Hơn nữa, doanh nghiệp có tài sản đảm bảo và thỏa mãn các quy định của ngân hàng thì mới huy động ngay được một lượng vốn. Doanh nghiệp phải chứng minh mục đích vay rõ ràng, chiến lược kinh doanh và tình hình tài chính đủ mạnh đó là cơ sở tạo sự uy tín trước yêu cầu của ngân hàng cho vay. Tuy nhiên, doanh nghiệp cũng phải chịu những áp lực liên quan đến tài sản đảm bảo cũng như nghĩa vụ trả các khoản nợ, cụ thể là áp lực trả lãi suất vay tương đối cao theo biến động của thị trường và khả năng hoàn trả gốc vay khi đến hạn.

Còn rất nhiều hình thức huy động khác mà doanh nghiệp có thể tiếp cận vốn đa dạng hơn: Cho thuê tài chính, huy động từ các quỹ, thu hút vốn từ nước ngoài... mỗi kênh lại mang nét đặc trưng riêng phù hợp với các doanh nghiệp khác nhau. Xem xét quy mô cũng như tình hình hoạt động, cơ hội tiếp cận vốn ngày càng rộng mở đối với doanh nghiệp. Cho nên, yêu cầu doanh nghiệp tính toán, chú ý lãi suất và thời gian đáo hạn để đưa ra lựa chọn hợp lý nhất.

Trong quá trình kinh doanh, vốn vận động biến đổi không ngừng

theo quá trình tuần hoàn và chu chuyển vốn. Quá trình này diễn ra theo chu kỳ gồm ba giai đoạn lặp đi lặp lại không ngừng, xem hình 2.1:

$$T - H (TLSX + SLĐ) \dots SX \dots H' - T' (T' > T)$$

Hình 2.1: Mô hình tuần hoàn tư bản

Giai đoạn đầu, quá trình vốn khởi nguồn từ hình thái tiền tệ chuyển sang hình thái các yếu tố sản xuất. Doanh nghiệp sẽ dùng tiền mua các yếu tố đầu vào là tư liệu sản xuất (TLSX) và sức lao động (SLĐ) để hỗ trợ hoạt động của doanh nghiệp. Những yếu tố đầu vào đã được doanh nghiệp ứng tiền để mua tiếp tục giai đoạn thứ hai, đó là tiến hành sản xuất. Bộ phận tiền mua tư liệu sản xuất C.Mác gọi là tư bản bất biến vì giá trị của chúng không thay đổi trong quá trình sản xuất chuyển vào giá trị sản phẩm mới. Nếu bộ phận TLSX chuyển dần hay chuyển nhiều lần giá trị sang (vào) sản phẩm mới gọi là tư bản cố định, và nếu chuyển một lần gọi là tư bản lưu động. Công nhân làm thuê cho chủ doanh nghiệp thông qua lao động trừu tượng của mình tạo ra giá trị mới. Sang giai đoạn thứ ba, hàng hóa, dịch vụ mới được mang ra thị trường tiêu thụ chuyển hóa thành tiền. Có thể thấy, vốn đã quay trở lại hình thái ban đầu và về mặt lượng thì lớn hơn trước. Với số vốn mới đó, doanh nghiệp sử dụng để mua tư liệu sản xuất và sức lao động, quá trình sản xuất tiếp diễn, cả quá trình được lặp lại bắt đầu một chu kỳ khác. Cho nên, doanh nghiệp sẽ phải rất nỗ lực trong việc rút ngắn thời gian chu chuyển để hoạt động sản xuất kinh doanh diễn ra hiệu quả.

Trước yêu cầu về vốn cho sản xuất, kinh doanh trong nền kinh tế thị trường, trước hết doanh nghiệp cần tuân thủ đầy đủ những tất yếu kinh tế của quá trình kinh doanh, doanh nghiệp phải sử dụng hợp lý nguồn vốn tự có, hoàn thành đầy đủ, kịp thời các chức năng như đảm bảo các yếu tố cần thiết của quá trình sản xuất kinh doanh, thực hiện hiệu quả quá trình sản xuất kinh doanh, thực hiện kịp thời quá trình thực hiện giá trị hàng hóa dịch vụ đã sản xuất ra... Tuy nhiên, những biến động của thị trường cùng những bất ổn nhất

định của từng doanh nghiệp có thể gây đứt gãy quá trình kinh doanh, do đó thường xuyên đòi hỏi doanh nghiệp phải huy động nguồn vốn bổ sung. Với sự phát triển của nền kinh tế thị trường, đặc biệt là hình thành và phát triển của thị trường vốn, doanh nghiệp có điều kiện thuận lợi hơn để thu hút vốn từ các nguồn khác nhau.

Như vậy, vốn là nhân tố đặc biệt có ảnh hưởng đến sự ra đời và tăng trưởng của doanh nghiệp. Dưới nhiều góc nhìn khác nhau, quan niệm về vốn phong phú đa dạng và chưa nhất quán. Trên cơ sở nghiên cứu tổng kết, luận án khái quát như sau: Vốn là giá trị mà doanh nghiệp ứng ra với lượng cần thiết, thông qua quá trình chuyển hóa hình thái liên tục (từ hình thái tiền sang hình thái sản xuất, hình thái hàng hóa, quay trở về hình thái tiền với lượng lớn hơn) mà đảm bảo cho doanh nghiệp có thể thực hiện hiệu quả quá trình tái sản xuất. Huy động vốn là tổng thể các hoạt động của doanh nghiệp trực tiếp và gián tiếp liên quan đến sự hình thành, phát triển nguồn vốn tài chính đảm bảo mọi hoạt động của doanh nghiệp diễn ra suôn sẻ.

Bất kỳ doanh nghiệp nào cũng phải có T để kinh doanh, nếu không có, chưa có hoặc có nhưng chưa đủ để tiến hành sản xuất, kinh doanh đều phải huy động (đi vay, đi thuê, mượn thông qua việc thế chấp, tín chấp, bảo lãnh...). Tập hợp tất cả những quy tắc, quy định trong việc tạo ra vốn để kinh doanh, có thể gọi là thể chế huy động vốn.

- Khái niệm thể chế, thể chế kinh tế và thể chế cho huy động vốn của doanh nghiệp nhỏ và vừa

Thể chế là khái niệm được hình thành trong quá trình phát triển xã hội, nhằm tạo thuận lợi cho giải quyết những quan hệ nói chung và trong sản xuất, kinh doanh nói riêng. Trong dòng chảy của lịch sử xã hội loài người, các nhà nghiên cứu đã có những tư tưởng khác nhau khi bàn về thể chế. Từ những năm 20 - 30 của thế kỷ XX, thuật ngữ thể chế đã nhen nhóm xuất hiện và được sử dụng rộng rãi. Năm 1965, nhà triết học người Anh Thomas Hobbes

(Hobbs T.) đưa ra quan điểm về thể chế: Dựa trên thỏa thuận giữa các chủ thể trong xã hội, những chuẩn mực hình thành có chủ đích góp phần giảm thiểu rủi ro khi tranh chấp xảy ra [29]. Năm 1748, David Hume (Hume D.) nhà triết gia, sử học, kinh tế học người Scotland bày tỏ: Thể chế như xử án hay sở hữu, trong những mối liên hệ có tương tác lặp đi lặp lại, những thể chế hình thành chuẩn mực và dần chuyển hóa thành tập hợp quy tắc mang lại lợi ích cho xã hội [29]. Người đồng hương Adam Smith (A.Smith) đưa ra quan điểm: Thể chế có lợi cho xã hội được thúc đẩy bởi bản thân thị trường, còn những thể chế không có lợi sẽ bị đào thải bởi cạnh tranh [29]. Theo nhà triết học, kinh tế học người Anh Herbert Spencer cho rằng: Phân tích thể chế theo phương diện thỏa mãn nhu cầu của xã hội, chọn lựa của xã hội sẽ loại bỏ những thể chế không hiệu quả [29]. Nhìn chung, tư tưởng của các học giả trong thời kỳ này mới chỉ đưa ra quan điểm cá nhân về thể chế, các quan điểm đó không có sự đồng nhất, cho nên khái niệm về thể chế còn khá mơ hồ.

Đến năm 1914, khái niệm thể chế đầu tiên ra đời gắn với tên tuổi của nhà kinh tế học và xã hội học Thorstein Veblen. Ông là một trong những nhà khoa học nổi tiếng của trường phái kinh tế học thể chế cũ. Học giả người Mỹ cho rằng, thể chế là: "Tính quy chuẩn của hành vi hoặc các quy tắc xác định hành vi trong những tình huống cụ thể, được các thành viên của một nhóm xã hội chấp nhận và tuân thủ" [6, tr.7]. Tính quy chuẩn và các quy tắc ấy chủ yếu do nhận thức bản thân và những ràng buộc bên ngoài xã hội. Cùng trường phái với Veblen T., John Rogers Commons (Commons J.) lại có quan niệm khác, ông cho rằng: Thể chế đồng nhất với tổ chức, hành động của cá nhân phải tuân thủ và bị kiểm soát nhất định theo hành động của tập thể [29]. Quan điểm theo trường phái kinh tế học thể chế cũ đã coi thể chế có tầm ảnh hưởng quan trọng đến mọi lĩnh vực của đời sống. Chú trọng thể chế là quan tâm yếu tố chủ quan, thành quả của nỗ lực tất yếu mang lại ích lợi cho tập thể.

Khác với những quan niệm trước, xuất hiện trường phái ủng hộ quan

điểm thể chế và tổ chức không đồng nhất, đó là trường phái kinh tế học thể chế mới. Đại diện của trường phái này có Ronald Coase, Douglass North, Oliver E. Williamson, Avner Greif,... Năm 1990, nhà kinh tế học người Mỹ Douglass North (North D.) cho rằng, thể chế là nhóm các quy tắc, chuẩn mực, luật lệ mang tính chính thức (Hiến pháp, luật pháp, các quy tắc khác... được ban hành bởi Nhà nước) hoặc phi chính thức (những điều xã hội thừa nhận không bị cấm đoán như thói quen, tập quán, truyền thống) [29]. Năm 2001, học giả Sokolof đưa ra khái niệm mở rộng hơn: Thể chế là khung khổ chính trị và pháp lý tạo ra những luật lệ và nguyên tắc cơ bản; mang tính tự nguyện hoặc hợp tác giữa các chủ thể tác động đến bản chất và tổ chức của sự trao đổi; giá trị văn hóa và niềm tin ảnh hưởng tới các hành vi kinh tế" [6, tr.8]. Có thể thấy trường phái kinh tế học thể chế mới nghiên cứu thể chế dưới một góc độ khác, tập trung tìm hiểu ứng xử của chủ thể trong phạm vi những khung khổ nhất định.

Ở Việt Nam, các nhà khoa học cũng đã có những công trình nghiên cứu về thể chế. Khái niệm thể chế được các tác giả đưa ra theo nhiều cách khác nhau. Theo Hoàng Phê - chủ biên cuốn Từ điển Việt Nam xuất bản năm 1992 cho rằng, "thể chế là những quy định, luật lệ của một chế độ xã hội buộc mọi người phải tuân theo" [6, tr.11]. Tháng 10/2004, trong hội thảo khoa học "Xây dựng thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam" GS.TS. Đỗ Thế Tùng đề cập: "Thể chế gồm những đạo luật, luật lệ, điều lệ, quy tắc, thủ tục, tập quán được thừa nhận chung mà mọi người phải tuân theo; các tổ chức kinh tế và chính trị cùng những định chế của nó và yếu tố văn hóa hình thành từ thực tiễn" [6, tr.10-11]. Năm 2004, Bộ Khoa học Công nghệ, Chương trình Khoa học và công nghệ cấp Nhà nước 2001 - 2005 với đề tài KX-01-06, các tác giả định nghĩa: "Thể chế là một cách thức xã hội xác lập khung khổ, trật tự, trong đó diễn ra các quan hệ giữa con người và cơ chế, quy chế, quyền lực, quy tắc, luật lệ vận hành của trật tự xã hội đó" [6, tr.11].

Các nghiên cứu về thể chế dù trong nước hay quốc tế đều rất phong phú, đa dạng phù hợp với từng bối cảnh lịch sử cụ thể. Trên cơ sở kế thừa, có thể hiểu định nghĩa về thể chế như sau: *Thể chế là những khung khổ, chuẩn mực chính thức (pháp luật, luật lệ, quy tắc...) và phi chính thức (truyền thống, tập quán, thói quen hay phong tục...) được xã hội chấp nhận nhằm điều chỉnh hành vi con người và điều tiết các hoạt động, quan hệ xã hội.* Tuy nhiên, luận án chỉ nghiên cứu thể chế chính thức.

Bên cạnh đó, sự hình thành và phân phối sử dụng, huy động vốn của DNNVV phản ánh những mối quan hệ kinh tế cùng hưởng lợi ích, nhưng xuất hiện mâu thuẫn, do đó cùng với sự thay đổi của lịch sử đã từng bước hình thành những khung khổ, hạn định để giải quyết những mối quan hệ về vốn và huy động của doanh nghiệp. Thể chế kinh tế cùng tồn tại với các bộ phận thể chế khác như: Thể chế chính trị, thể chế giáo dục, thể chế gia đình... xoay quanh bốn nhóm vấn đề là các quy tắc tạo nên “luật chơi”, các chủ thể là những “người chơi” tham gia, áp dụng và thực hiện “cách chơi” như thế nào và “sân chơi” nơi diễn ra các hoạt động kinh tế. Trong đó, đề cập đến vấn đề “luật chơi”, cụ thể các quy định của cơ quan có thẩm quyền, Nhà nước ban hành tạo ra hệ thống sinh thái cho các DNNVV có thể tiếp cận vốn từ các tổ chức tín dụng và các nguồn khác. Trong hệ thống các quy định đó, nghiên cứu cách các DNNVV tiếp cận nguồn vốn và các quy chế liên quan đến kiểm tra, giám sát và xử lý mâu thuẫn trong quan hệ về huy động vốn đối với DNNVV. Thể chế kinh tế liên quan mọi hoạt động của nền kinh tế, các chủ thể là DNNVV cũng chịu nhiều tác động của thể chế kinh tế. Thông qua các hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, thể chế kinh tế điều chỉnh hành vi của DNNVV, hoạt động huy động vốn của DNNVV và các quan hệ kinh tế khác có liên quan. Từ đó, *thể chế kinh tế là những khung khổ, chuẩn mực được xã hội chấp nhận nhằm điều chỉnh hành vi ứng xử của những chủ thể tham gia, điều tiết, quản lý hoạt động kinh tế trên thị trường.*

Tiếp cận theo phương diện là bộ phận cấu thành đặc thù thể chế cho

huy động vốn gắn với sự tồn tại, vận động của DNNVV trong nền kinh tế thị trường, những khung khổ, chuẩn mực từ các tổ chức tín dụng (hay hệ thống các ngân hàng) thông qua đường lối, chủ trương, luật pháp chính sách quốc hội, các văn bản của chính phủ, hệ thống quy định của địa phương và từ nguồn khác (từ quỹ, tổ chức, cho vay nhau, chương trình hỗ trợ của chính phủ) tác động đến thu hút, huy động vốn của DNNVV nhằm điều chỉnh hành vi của các chủ thể tham gia quá trình thu hút, huy động vốn cho DNNVV vận động, phát triển.

Vì vậy, theo tác giả: *Thế chế cho huy động vốn của doanh nghiệp nhỏ và vừa là tổng thể hay toàn bộ những quy tắc, quy định điều chỉnh hành vi (quyền và nghĩa vụ, được làm và không được làm) của các chủ thể liên quan (cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp...) cùng hệ thống chế tài xử lý tranh chấp nhằm tạo ra vốn (dưới hình thái tiền) cho DNNVV hoạt động, phát triển.*

Một số lưu ý:

Thứ nhất, khái niệm thế chế huy động vốn cho DNNVV chỉ đề cập những quy định tác động trực tiếp tới DNNVV, không đề cập tới doanh nghiệp lớn;

Thứ hai, chỉ đề cập những quy định, quy tắc liên quan đến thế chế chính thức, không đề cập tới thế chế phi chính thức (như đã trình bày trong “phạm vi nghiên cứu”);

Thứ ba, chủ thể liên quan bao gồm nhà nước, các tổ chức tín dụng, bản thân người lao động trong doanh nghiệp, và các chủ thể khác.

2.1.2. Đặc điểm thế chế cho huy động vốn của doanh nghiệp nhỏ và vừa

Thứ nhất, gắn với sự hình thành, thu hút nguồn vốn cho đầu tư, kinh doanh của chủ thể trong nền kinh tế, thế chế cho huy động vốn của doanh nghiệp nói chung và DNNVV nói riêng được cấu thành bởi các bộ phận như:

Một là, những khung khổ, chuẩn mực chính thức như pháp luật, luật lệ,

quy tắc... được gọi là "luật chơi". Những khung khổ, chuẩn mực chính thức đó được ban hành bởi các cơ quan quản lý Nhà nước, thể hiện dưới dạng quy định pháp luật nhằm điều chỉnh hành vi ứng xử của các chủ thể khác nhau, nhất là DNNVV khi tham gia huy động vốn. Xác định rõ hiệu lực pháp lý của từng văn bản pháp luật chính thống theo thứ bậc từ trên xuống thấp để thực thi đúng pháp luật.

Trong "luật chơi", ngoài thể chế chính thức thì thể chế phi chính thức là yếu tố không thể tách rời của thể chế. Đó là các phong tục, tập quán, đạo đức, truyền thống... mang tính chất dư luận xã hội hay những thói quen, học thức, văn hóa doanh nghiệp. Hai bộ phận trong "luật chơi" nền kinh tế thị trường có quan hệ ràng buộc và gắn kết, tác động qua lại xác lập nên "luật chơi" cho các chủ thể tham gia huy động vốn của DNNVV.

Hai là, những chủ thể liên quan tới huy động vốn cho doanh nghiệp nói chung và DNNVV nói riêng với tư cách “người chơi”, đó là:

(1) Nhà nước. Nhà nước là chủ thể ban hành Hiến pháp, Luật và các văn bản quy phạm pháp luật khác; chủ thể đề ra chủ trương, chính sách về lĩnh vực tài chính tín dụng, lưu thông tiền tệ, lưu thông vốn.

(2) Ngân hàng, tổ chức tín dụng. Bao gồm ngân hàng nhà nước và ngân hàng thương mại trong và ngoài nước; các tổ chức tín dụng; các quỹ tiền tệ ngoài khối công; các tổ chức khác (NGO).

(3) Doanh nghiệp. Với tư cách là những chủ thể sản xuất, kinh doanh.

(4) Chủ thể khác: Hiệp hội nghề nghiệp, các tổ chức dân sự có năng lực tài chính có thể “cho” DNNVV sử dụng “tư bản tiền tệ nhàn rỗi”, các mạnh thường quân.

Trong đó, luận án này đề cập đến ba chủ thể chính: Cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức tín dụng và doanh nghiệp. Các cơ quan quản lý (Chính phủ, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch - Đầu tư, Ngân hàng nhà nước, một số quỹ hỗ trợ...) là nhân tố không thể thiếu trong việc trợ giúp doanh nghiệp thu hút

vốn nhằm tạo hành lang pháp lý, đảm bảo sự ổn định và bền vững của nền kinh tế thị trường. Trong quá trình huy động vốn của doanh nghiệp, nhà lãnh đạo không chỉ thực hiện chức năng điều tiết, kiểm tra, giám sát các thành phần kinh tế mà còn có trách nhiệm hướng dẫn, hỗ trợ các chủ thể kinh tế ngoài quốc doanh thực hiện hiệu quả và tuân thủ "luật chơi".

Thứ hai, một số đặc thù của thể chế cho huy động vốn của DNNVV:

Một là, so với các doanh nghiệp lớn, các DNNVV nhìn chung có quy mô nhỏ nên khả năng đủ vốn để phục vụ các hoạt động hoặc đầu tư là rất thấp, do đó, thể chế của những chủ thể trung gian là các tổ chức tín dụng có vai trò to lớn trong việc giúp DNNVV tiếp cận gần hơn với nguồn vốn tín dụng. Các tổ chức tín dụng vừa có vai trò hỗ trợ Nhà nước kiểm tra, giám sát hoạt động vay vốn của doanh nghiệp vừa và nhỏ, vừa là chỗ dựa vững chắc để DNNVV an tâm tiếp cận nguồn vốn tín dụng.

Hai là, doanh nghiệp nhỏ và vừa là nhân tố tích cực nhất của nền kinh tế, có nhiều đóng góp quan trọng trong tăng thu ngân sách và hoạt động đầu tư sôi nổi. So với các doanh nghiệp lớn có tiềm lực kinh tế mạnh, nhu cầu bổ sung vốn cho DNNVV để đảm bảo kinh doanh là thường xuyên, nhưng năng lực nội tại lại không có nhiều vốn để hoạt động sản xuất, kinh doanh. Vì vậy, các thể chế liên quan đến tiếp cận vốn dưới hình thức GTGT và các kênh huy động vốn khác nhau sẽ giúp bổ sung vốn cho họ. Chỉ DNNVV mới là chủ thể hiểu rõ nhất doanh nghiệp mình cần gì nên hoạt động tự kiểm tra, giám sát khi tiến hành huy động, thu hút vốn giúp DNNVV rất nhiều trong phát huy những thuận lợi và phòng tránh những rủi ro không đáng có khi tham gia vay vốn.

Ba là, phương thức vận hành của thể chế “cách chơi”. Phương thức vận hành thể chế huy động vốn cho DNNVV trước hết là động lực, động năng vận hành của thể chế. Đó là các quy luật thị trường và áp lực về vốn. Thiếu vốn, không có tiền, doanh nghiệp không thể tiến hành sản xuất, kinh doanh do vậy bắt buộc chủ doanh nghiệp phải năng động, sáng tạo, tìm mọi cách để có vốn

(lobby, thuyết phục chủ tiền giảm điều kiện khắt khe để cho vay, hứa hẹn về thực hiện nghiêm chỉnh cam kết...). Động lực cho sự vận hành của thể chế huy động vốn là hệ thống quy định của Nhà nước đối với DNNVV thông qua các chính sách tài chính, kinh tế, tín dụng... như: Doanh nghiệp nhỏ và vừa được hỗ trợ vay ưu đãi khi kinh doanh trên địa bàn vùng sâu, vùng xa, đồng bào thiểu số; doanh nghiệp thu hút người tàn tật; doanh nghiệp start-up... “Cách chơi” là sự vận dụng luật vào hoàn cảnh cụ thể của từng hành vi huy động vốn. Trong cách chơi, nhìn dưới lăng kính thể chế, đó là sự “gặp nhau” giữa người có vốn và người cần vốn, trên cơ sở quy định nhà nước để tìm ra giải pháp tối ưu nhất hài hòa nhất lợi ích của các bên tham gia.

Một cách tiếp cận khác, "cách chơi" là hệ thống cơ chế thực hiện và chế tài vận hành "luật chơi" do những "người chơi" đặt ra. "Cách chơi" đóng vai trò rất quan trọng phản ánh tính hiệu quả, hiệu lực của các "luật chơi" và những "người chơi". Tổng hợp một số nghiên cứu, có thể thấy yếu tố cấu thành "cách chơi" đó là: Cơ chế tự do cạnh tranh thị trường, cơ chế phân cấp, cơ chế phối hợp, cơ chế tham gia, cơ chế theo dõi và đánh giá [6].

Bốn là, "sân chơi" của DNNVV có thể hiểu là các thị trường, là đầu mối giao dịch diễn ra hoạt động trao đổi mua bán giữa những "người chơi" thể hiện bằng quy định và yêu cầu từ "cách chơi". Các "sân chơi" như: Thị trường vốn, thị trường công nghệ và một số thị trường khác...khá đa dạng. Song, cách tiếp cận "sân chơi" của DNNVV còn hạn hẹp, đặc biệt đối với "sân chơi" quốc tế. Có thể thấy, mỗi "sân chơi" có "cách chơi" rất riêng và chứa đựng những "luật chơi" khác nhau song đều có ảnh hưởng nhất định đến tiếp cận vốn của "người chơi" là DNNVV.

Trong các bộ phận cấu thành nên thể chế, bộ phận "luật chơi" mang ý nghĩa đặc biệt quan trọng. "Luật chơi" không chỉ lựa chọn "người chơi" là ai mà còn chi phối "cách chơi" như thế nào tại nơi diễn ra cuộc chơi chính là "sân chơi". "Luật chơi" đặt ra và thực hiện cần phải tương ứng với "cách

chơi" cụ thể, công bằng, khách quan với "người chơi" và "cách chơi". Do đó trong vấn đề thể chế, thể chế cho huy động vốn của DNNVV cần hết sức lưu tâm đến yếu tố "luật chơi", từ đó, trọng tâm của nghiên cứu trong luận án sẽ tập trung vào nghiên cứu thể chế cho huy động vốn của DNNVV theo phương diện "luật chơi".

2.1.3. Vai trò thể chế cho huy động vốn của doanh nghiệp nhỏ và vừa

- Vai trò trước tiên của thể chế huy động vốn cho DNNVV là tạo ra vốn cho doanh nghiệp.

Thể chế dù có hoàn hảo hay tốt đến mức nào thì vai trò của nó cũng biểu hiện trước hết là có và có đủ tiền (đủ vốn) cho doanh nghiệp hoạt động. Bởi vì kinh doanh là đưa vốn ra thị trường lưu thông, tốc độ quay vòng càng nhanh, thì hiệu quả càng lớn. Tiền vốn là "thực thể" nguồn lực kinh doanh, vừa là chất bôi trơn, đẩy nhanh tốc độ vận động. Do đó vấn đề có vốn, đủ vốn, kịp thời điểm là rất quan trọng. Vai trò đầu tiên, số một của thể chế vốn, thể chế huy động vốn là có và có đủ tiền để kinh doanh.

- Tạo lập môi trường thể chế cho quá trình hình thành, thu hút nguồn vốn của DNNVV trong nền kinh tế thị trường

Trong nền kinh tế thị trường, môi trường kinh doanh luôn có vai trò rất quan trọng đối với doanh nghiệp và bộ phận DNNVV. Để thỏa mãn nhu cầu xã hội, DNNVV trao đổi, mua bán dịch vụ ngoài thị trường trên cơ sở các chuẩn mực đặt ra. Môi trường càng thông thoáng thì các hoạt động của DNNVV càng mở rộng, thúc đẩy phát triển kinh tế bền vững. Sự ổn định về chính trị cũng góp phần mang lại thể chế ổn định, suôn sẻ. Nhờ đó, DNNVV yên tâm tăng gia sản xuất còn các đối tác cũng tin tưởng đầu tư vốn vào doanh nghiệp. Ngày nay, chất lượng môi trường thể chế có tầm ảnh hưởng đáng kể đến sự thịnh vượng hoặc kìm hãm một doanh nghiệp. Nếu môi trường thể chế quá yếu sẽ gây bất lợi lớn, DNNVV bị hạn chế tốc độ tăng

trường, giảm tính hấp dẫn trong thu hút vốn cũng như cản trở khả năng cạnh tranh. Cho nên, hệ thống luật pháp hoàn thiện, cơ quan quản lý chỉ đạo cơ chế vận hành rõ ràng sẽ tạo nên môi trường thể chế lành mạnh, bình đẳng, đảm bảo hài hòa lợi ích cho chủ thể ngoài thị trường. Hơn nữa, sự ảnh hưởng của hội nhập quốc tế ngày càng rộng lớn, DNNVV cần có sự am hiểu, tuân thủ luật pháp quốc tế để thúc đẩy mở rộng thị trường, kích thích tranh đấu và hợp tác cũng như tiếp cận nguồn vốn từ nước ngoài.

- Doanh nghiệp nhỏ và vừa là đội quân “chủ lực” của nền kinh tế quốc dân.

Chủ lực theo nghĩa, đang chiếm trên 98% tổng số doanh nghiệp Việt Nam. Doanh nghiệp là lực lượng chủ công tạo ra của cải cho xã hội, đóng góp quan trọng tạo nên bộ mặt, “*cơ đồ, vị thế, tiềm lực, uy tín quốc tế*” [76]. Theo đó, DNNVV đang thu hút đa số người lao động trong khu vực doanh nghiệp và cũng đang cung cấp tuyệt đại đa số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ do khối doanh nghiệp cung cấp và đặc biệt DNNVV đang tạo việc làm và thu nhập cho bộ phận lớn người lao động của xã hội. Thể chế vốn cho DNNVV không chỉ là vấn đề tài chính, kinh doanh, lợi nhuận... mà còn là vấn đề chính trị, văn hóa, xã hội và rộng hơn nữa là lĩnh vực an ninh, quốc phòng, bảo vệ Tổ quốc.

- Hệ thống thể chế đầy đủ, đồng bộ về huy động vốn của DNNVV góp phần khơi dậy, khai thác và sử dụng hiệu quả các nguồn phân tán từ các tầng lớp dân cư, thành phần kinh tế đảm bảo tái sản xuất hoạt động kinh doanh của DNNVV

Tại một số địa phương, nhiều quỹ tài chính được lập ra nhằm hỗ trợ vốn cho DNNVV. Với số vốn điều lệ thấp, các quỹ thường khá nhỏ, đôi khi vốn được cấp còn không đủ theo quyết định thành lập. Do được lập ngoài GTGT, các quỹ có mức tự chủ cao và trên hết không theo đuổi mục tiêu lợi nhuận [68]. Mặt khác, vốn bị chia nhỏ thành nhiều quỹ, phân bổ không đều dẫn tới ngân sách cấp cho các quỹ này bị phân tán trong các tầng lớp dân cư,

thành phần kinh tế. Bên cạnh việc nguồn lực bị phân tán, hệ thống thể chế còn manh mún và chưa thống nhất. Sự chỉ đạo từ cơ quan cấp Trung ương xuống cấp địa phương thiếu sự ăn khớp, các quy trình, thủ tục bị tách nhỏ, các chính sách thay đổi thất thường, không nhất quán làm ảnh hưởng đến các chủ thể trong việc huy động vốn, nhất là đối tượng DNNVV. Như vậy, trong nền kinh tế, hệ thống thể chế đầy đủ, các bộ phận của thể chế phối hợp nhịp nhàng, phân quyền và phân chia lợi ích các chủ thể hài hòa sẽ thuận lợi cho DNNVV trong việc thu hút, huy động vốn. Các nguồn lực phân tán từ các tầng lớp dân cư, thành phần kinh tế có sự sắp xếp, sử dụng hợp lý tạo điều kiện cho quá trình tái sản xuất hoạt động kinh doanh của DNNVV diễn ra ổn định, liên tục theo định hướng phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia.

- Góp phần thúc đẩy DNNVV ứng dụng công nghệ mới, phát triển kinh doanh, mở rộng thị trường và gia tăng đóng góp vào thúc đẩy tăng trưởng, chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập quốc tế

Trước sức nóng của cách mạng công nghiệp 4.0, khoa học, công nghệ, chuyển đổi số có tầm ảnh hưởng sâu rộng đến DNNVV. Các đối tượng không những phải xây dựng chiến lược sử dụng, khai thác nguồn lực hiệu quả, mà còn phải nỗ lực học hỏi, áp dụng tiến bộ khoa học cũng như ứng dụng sáng tạo cái mới vào tiến trình sản xuất [45]. Trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế, sự cạnh tranh giữa các quốc gia, các doanh nghiệp đang rất căng thẳng. Khoa học và công nghệ trở thành phương tiện để DNNVV có động lực phát triển, nâng cao vị thế trên đấu trường nước ngoài [6]. Những cơ chế vận hành cho tiếp cận vốn thông qua thị trường công nghệ đã được thể chế hóa thành chính sách, pháp luật. Cụ thể, DNNVV được hỗ trợ lãi suất vay vốn để tăng nguồn vốn cho sản xuất, được tạo điều kiện tiếp thu và làm chủ công nghệ, vận dụng sáng tạo có chọn lọc công nghệ mới. Mặt khác, khai thác và cách

dùng vốn của DNNVV trong thành lập quỹ vì môi trường, hay đầu tư cơ sở hạ tầng dần dần đưa doanh nghiệp đến gần hơn với tăng trưởng bền vững. Trên cơ sở nắm bắt kịp thời, thể chế cho huy động vốn DNNVV góp phần xây dựng chiến lược công nghệ gắn với thúc đẩy tăng trưởng, cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng hợp lý, hình thành và theo đuổi ngành kinh tế trọng tâm, khuyến khích sự phát triển, sáng tạo cải tiến.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho DNNVV tham gia vào giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập cho người lao động, góp phần ổn định kinh tế, chính trị, xã hội

Sức khỏe của con người không thể trả giá, và tài sản mà con người có chính là sức lao động. Có sức khỏe, yêu lao động con người mới nỗ lực, phấn đấu nâng cao năng suất lao động để tạo của cải cho xã hội. Công tác an sinh xã hội luôn là vấn đề được quan tâm hàng đầu. Nhà nước đã có nhiều chính sách thiết thực trong các chương trình mục tiêu quốc gia để giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập cho người lao động tại các doanh nghiệp. Nhận thấy tác động từ đại dịch tới DNNVV và người lao động rất nặng nề [57]. Các hoạt động sản xuất, kinh doanh của DNNVV gặp nhiều khó khăn do không xoay vòng được vốn, tiếp cận nguồn vốn hạn chế, thậm chí nhiều doanh nghiệp phải ngừng trệ hoạt động dẫn tới giải thể, phá sản, ảnh hưởng rất nhiều đến vấn đề thu nhập. Trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, những cơ chế, chính sách kịp thời, tập trung triển khai đúng đối tượng, công khai, minh bạch đã đem lại kết quả tốt: Doanh nghiệp nhỏ và vừa phục hồi sản xuất, có cơ hội mở rộng đầu tư, tiếp nhận thêm dự án, cải thiện thu nhập. Vốn huy động từ GTGT, từ nhiều kênh khác nhau, điển hình từ kênh cho vay tín dụng đã hỗ trợ rất nhiều cho DNNVV giải quyết những nút thắt về thu hút vốn. Ngoài ra, với nguồn vốn vay chiết khấu đặc biệt, DNNVV đẩy mạnh bồi dưỡng lao động chất lượng cao, có trình độ, tay nghề đáp ứng mục tiêu của doanh nghiệp.

- Góp phần gia tăng đóng góp của DNNVV vào ngân sách...

Trong thời gian vừa qua, khu vực DNNVV tăng nhanh cả về số lượng và quy mô trong nền kinh tế. Doanh nghiệp nhỏ và vừa hoạt động hiệu quả tận dụng nguồn lực, đóng góp GDP, tăng thu ngân sách, đẩy mạnh tăng trưởng kinh tế. Các chính sách, thể chế, đặc biệt là thể chế cho huy động vốn luôn hướng vào DNNVV góp phần gia tăng đóng góp của nhóm doanh nghiệp này vào ngân sách quốc gia. Chính sách gia hạn thuế, miễn, giảm thuế GTGT, thuế thu nhập doanh nghiệp đối với doanh nghiệp đã hỗ trợ DNNVV rất nhiều trong hoạt động sản xuất kinh doanh sau đại dịch. Sau khi phân tích, chính sách có lẽ khiến ngân sách giảm thu, nhưng kết quả đạt được ngoài mong đợi, người lao động có cơ hội việc làm, còn doanh nghiệp phục hồi sản xuất. Thuế giảm, chi phí sản xuất cũng giảm, kéo theo hạ giá thành ngoài thị trường, nhu cầu tăng lên kích thích tiêu dùng giúp cải thiện tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh của DNNVV, nhờ vậy tăng thu cho ngân sách. Với chính sách liên quan đến thuế đất, DNNVV hỗ trợ tiếp cận vốn. Có thể coi đây là khoản tiền vay lãi suất thấp để doanh nghiệp củng cố nguồn lực cho các hoạt động của họ [69]. Bên cạnh đó, thể chế cho huy động vốn trước xu thế hội nhập cho thấy sự chuyển dịch cơ cấu ngành nghề có sự thay đổi, xác định ngành mũi nhọn để thu hút tham gia đầu tư của doanh nghiệp mỗi quốc gia vượt ngoài vùng lãnh thổ. Điều này không chỉ mang lại nguồn lực dồi dào cho đất nước mà nhóm doanh nghiệp trong nước cũng nhận được những lợi ích đáng kể. Doanh nghiệp nhỏ và vừa được tiếp cận tín dụng từ thị trường nước ngoài, góp phần tăng cường nguồn lực đầu tư ngoài khu vực lãnh thổ, cải thiện vị thế, sức cạnh tranh của đất nước và DNNVV.

2.2. NỘI DUNG, TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VÀ NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN THỂ CHẾ CHO HUY ĐỘNG VỐN CỦA DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA

2.2.1. Nội dung thể chế cho huy động vốn của doanh nghiệp nhỏ và vừa

Luận án tiếp cận đến hệ thống thể chế huy động trong nền kinh tế thị

trường theo quy trình vận động của nguồn vốn cho sản xuất kinh doanh, theo đó, những nội dung chủ yếu của thể chế về vốn của DNNVV bao gồm:

2.2.1.1. Thể chế cho huy động vốn của doanh nghiệp nhỏ và vừa từ các tổ chức tín dụng

Quan hệ tín dụng giữa các tổ chức tín dụng với các DNNVV là quan hệ kinh tế trong nền kinh tế thị trường. Những quan hệ kinh tế nói chung và quan hệ kể trên nói riêng trong nền kinh tế thị trường hiện đại nhìn chung luôn được thực hiện trong môi trường thể chế, trong đó, chủ thể ban hành thể chế quan trọng hàng đầu là Nhà nước, đồng thời, có sự tham gia tích cực của các tổ chức tín dụng nhằm cụ thể hóa những thể chế do Nhà nước ban hành vào lĩnh vực hoạt động của mình, nhằm mục tiêu tạo lập hệ thống thể chế cụ thể thuận lợi để giải quyết những vấn đề có tính đặc thù của lĩnh vực. Theo đó, hệ thống thể chế cho huy động vốn của DNNVV trong nền kinh tế thị trường bao gồm:

+ Quy định pháp luật của Nhà nước về thu hút, huy động vốn đối với DNNVV

Các doanh nghiệp nhỏ và vừa trong huy động vốn từ các tổ chức tín dụng trước hết phải tuân thủ các quy định của Nhà nước về xây dựng phát triển kinh tế, thích nghi xu hướng hội nhập thế giới. Theo xu thế chung của thế giới và tình hình kinh tế của từng nước, hệ thống pháp luật xem xét tính khả thi và cần cập nhật liên tục để phù hợp với thực tiễn, vận dụng sáng tạo có hiệu quả đối với DNNVV thu hút, sử dụng vốn. Có thể thấy rằng, nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của DNNVV luôn vận động và biến đổi không ngừng theo vòng tuần hoàn và chu chuyển vốn, cho nên các quy định luôn đòi hỏi tính thích nghi cao, đặc biệt là thỏa mãn nhu cầu xã hội và phù hợp thực tiễn. Nhà nước cũng cần có những tính toán, dự tính trước về biến động có thể xảy đến từ nhiều yếu tố để chủ động phòng tránh cũng như kịp thời khắc phục hậu quả trong tương lai. Hệ thống pháp lý cần được cơ quan quản lý ban hành đầy đủ dưới hình thái hệ thống pháp luật như: Luật

được ban hành bởi Quốc hội như Luật hỗ trợ DNNVV, luật doanh nghiệp, luật chứng khoán, luật các tổ chức tín dụng..., Nghị định ban hành bởi Chính phủ, các Bộ và cơ quan ngang Bộ quy định bằng các Thông tư, hướng dẫn. Qua thực tiễn thực hiện thể chế cho huy động vốn của DNNVV, có thể xuất hiện những vướng mắc rào cản trong thể chế cho huy động vốn của DNNVV, vì vậy, các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phải có trách nhiệm rà soát những quy định chưa hợp lý và cần cập nhật để thực tiễn theo kịp xu thế thời đại để hoàn thiện theo hướng điều chỉnh các quy định pháp luật xét thấy không còn phù hợp tình hình thực tiễn.

+ Quy định pháp luật của Nhà nước về kiểm tra, giám sát và xử lý mâu thuẫn trong quan hệ về huy động vốn đối với DNNVV

Trên thị trường, công tác xây dựng thể chế cho huy động vốn của DNNVV thông qua pháp luật, chính sách ban hành bởi Nhà nước thu hút sự quan tâm đại chúng, đảm bảo các hoạt động của DNNVV ổn định, xuyên suốt. Công tác xây dựng thể chế đang dần hoàn thiện, những chế tài được điều chỉnh, cập nhật ngày càng phù hợp hơn với bối cảnh. Để các quy định đến gần hơn với DNNVV thì công tác giám sát, kiểm tra của chính quyền rất là quan trọng. Thông qua các văn bản luật pháp, cơ quan quản lý hướng dẫn thực hiện giám sát đầu tư vốn nhà nước và phi nhà nước vào DNNVV. Việc kiểm tra luôn minh bạch, công khai thông tin thông qua cơ chế quản lý và giám sát tài chính theo các cách thức khác nhau. Trong phạm vi quyền hạn nhất định, sự phối hợp của các bộ, ngành mang lại hiệu quả cao trong tiến trình thanh, kiểm tra, xác minh quá trình, đưa ra đánh giá về thực trạng, hoạt động huy động vốn của DNNVV so với nhóm doanh nghiệp khác, hoặc các chủ thể khác trong nền kinh tế và đặc biệt là việc tuân thủ yêu cầu, quy định ngành nghề đặc trưng [48].

Cảnh báo sớm, hỗ trợ xử lý nhanh chóng, kịp thời nếu có vấn đề phát sinh xảy ra trong việc thu hút, huy động vốn và báo cáo lên cấp cao hơn. Các

đơn vị kiểm toán, thanh tra, trên cơ sở các quy định pháp luật, lập kế hoạch kiểm tra, giám sát tình hình biến động vốn của DNNVV và tiến hành thực hiện kế hoạch đó với các chủ thể có liên quan nhằm kịp thời xử lý mâu thuẫn giữa bên vay và bên cho vay nếu có tranh chấp. Xử lý nghiêm mâu thuẫn, phát hiện các vi phạm gây lãng phí, thất thoát vốn trong xã hội, tiến hành đưa ra giải pháp, nêu lên kiến nghị kịp thời ngăn chặn nguy cơ, rào cản huy động vốn ảnh hưởng đến DNNVV tuân thủ quy định luật pháp.

+ Quy định của các tổ chức tín dụng về thu hút, huy động vốn đối với DNNVV

Khi có nhu cầu vay vốn, các doanh nghiệp thường tìm đến các tổ chức tín dụng, trong đó ngân hàng thương mại thường là tổ chức mà doanh nghiệp nghĩ đến đầu tiên. Khoản vay khá ổn định, mang tính ngắn hạn, giải quyết kịp thời nhu cầu của DNNVV, hơn hết không làm tăng VCSH của doanh nghiệp. Để có thể huy động vốn, DNNVV cần tuân thủ các luật do Nhà nước ban hành nói chung và các quy định của các tổ chức tín dụng nói chung và ngân hàng nói riêng. Điều kiện vay vốn không thực sự dễ dàng với doanh nghiệp, nếu muốn vay yêu cầu phải tuân theo quy định của ngân hàng. Doanh nghiệp nhỏ và vừa có mục đích vay chính đáng, có lộ trình, kế hoạch vay rõ ràng, xét thấy mức độ rủi ro thấp và khả năng tài chính thuận lợi là những yếu tố quyết định để doanh nghiệp được vay hay không hoặc sẽ cho DNNVV vay ở các mức độ khác nhau. Chứng minh tài chính là một trong những yêu cầu bắt buộc của ngân hàng đối với DNNVV thông qua tài sản đảm bảo. Giữa hai bên sẽ có sự thỏa thuận với nhau, hợp thức hóa khoản vay qua hợp đồng vay, hợp đồng thế chấp tài sản, hoặc giấy tờ có xác nhận của cá nhân hoặc tổ chức khác đứng ra bảo lãnh. Trải qua quá trình phân tích và xác minh hồ sơ, ngân hàng luôn xem xét khả năng thu hồi khoản vay và hoàn trả lãi cần vay vốn của DNNVV. Nghiên cứu chỉ ra rằng, DNNVV đang rất cần vốn để khôi phục sản xuất sau đại dịch hoặc mở rộng quy mô kinh doanh, nhưng để thỏa mãn điều

kiện cho vay đối với họ khá khó khăn. Chi phí giao dịch cao, lãi suất vẫn ở mức cao, kế hoạch vay chưa thực sự phù hợp, hay thiếu khả năng tài chính để trả nợ... vô hình trở thành rào cản khi huy động vốn từ ngân hàng thương mại của DNNVV. Thực tế, nhiều DNNVV khi đi vay không có tài sản thích hợp mang đi thế chấp nên yêu cầu về chứng minh tài chính rất khó thực hiện. Bên cho vay nên xem xét vấn đề này, điều chỉnh hoặc giảm nhẹ rào cản tiếp cận vốn đối với DNNVV [5].

Nếu không thể vay vốn từ ngân hàng do không đáp ứng yêu cầu về tài sản đảm bảo thì DNNVV nên cân nhắc thu hút, huy động vốn thông qua công ty tài chính. Ưu điểm cho thấy, điều kiện vay không quá phức tạp, không cần thế chấp về tài sản hay chứng minh năng lực tài chính như vay ngân hàng mà DNNVV sẽ huy động vốn bằng tài sản hay nói cách khác là hình thức cho thuê tài chính. Tuy nhiên, hình thức vay này cũng có nhược điểm, do chi phí cho thuê khá cao nên hình thức thu hút, huy động vốn này không thực sự phổ biến. Hệ thống văn bản pháp luật liên quan đến tổ chức tín dụng đã được sửa đổi, hướng dẫn các tổ chức tín dụng về vấn đề vốn, cho vay, tỷ lệ đảm bảo an toàn trong huy động. Đây cũng là nền tảng để DNNVV tham khảo, chủ động hơn trong quá trình thu hút, huy động vốn từ các tổ chức tín dụng. Các bên cần thực pháp luật nghiêm túc, thường xuyên cập nhật bổ sung để bảo vệ an toàn tài chính cho các chủ thể khi tham gia huy động vốn.

+ Quy định của các tổ chức tín dụng về kiểm tra, giám sát và xử lý mâu thuẫn trong quan hệ về huy động vốn đối với DNNVV

Doanh nghiệp nhỏ và vừa muốn huy động vốn từ các tổ chức tín dụng thì cần đảm bảo điều kiện vay và tuân theo quy định pháp luật. Trong phạm vi nhất định, các tổ chức tín dụng có trách nhiệm kiểm tra, giám sát hoạt động thu hút, huy động vốn của DNNVV. Về phía ngân hàng, cần tăng cường giám sát hoạt động đầu tư, tính tuân thủ trong việc thu hút, tiếp cận vốn của DNNVV. Dựa trên kế hoạch đã xây dựng, định kỳ ngân hàng tiến hành giám

sát DNNVV theo chỉ đạo của Ngân hàng Trung ương và theo quy chế nội bộ của mỗi ngân hàng. Đôi khi cũng có thể đột xuất kiểm tra DNNVV nếu ngân hàng nghi ngờ hoặc yêu cầu xác minh thông tin. Theo sát DNNVV, nếu ngân hàng phát hiện quá trình vay vốn thực hiện không đúng các điều khoản trong hợp đồng tín dụng đã ký hoặc khoản vay không thể hoàn trả cả gốc lẫn lãi đúng hạn, thậm chí DNNVV không thể thanh toán, nhà băng xem xét quyền hạn và thực hiện trách nhiệm theo đúng quy chế đã ban hành [62]. Nếu thực sự có sai phạm xảy ra trong quá trình huy động vốn tín dụng đối với DNNVV, ngân hàng tiến hành xác minh vấn đề và đưa ra các quyết định xử lý theo hợp đồng hai bên đã ký và quy định của ngân hàng. Trường hợp các bên không thể hòa giải, khó tự giải quyết với nhau bằng thương lượng, thì phương án cuối cùng là đưa sự việc ra giải quyết tại Tòa án theo quy định hiện hành.

2.2.1.2 Thẻ chế cho huy động vốn của doanh nghiệp nhỏ và vừa từ các nguồn khác

Bên cạnh nguồn vốn có thể huy động từ các tổ chức tín dụng, DNNVV có thể huy động nguồn vốn cho kinh doanh từ nhiều nguồn khác, đặc biệt là thông qua quá trình phân phối lại thu nhập quốc dân do Nhà nước thực hiện các chính sách hỗ trợ. Từ đó, thẻ chế cho huy động vốn của DNNVV từ các nguồn khác cũng chủ yếu do Nhà nước ban hành cùng các quy định của các chủ thể các nguồn vốn khác nhằm tạo khung khổ pháp lý thuận lợi cho DNNVV có thêm cơ hội huy động vốn để sản xuất kinh doanh. Những thẻ chế chủ yếu cho huy động vốn của DNNVV từ các nguồn khác bao gồm:

+ Quy định của Nhà nước về thu hút, huy động vốn từ các chính sách, đề án hỗ trợ đối với DNNVV

Nếu như trước đây, kênh huy động vốn truyền thống và gần như duy nhất của doanh nghiệp nhỏ và vừa là từ các tổ chức tín dụng, cụ thể là từ các ngân hàng thương mại. Ngày nay, với sự đa dạng kênh huy động, doanh nghiệp nhỏ và vừa có thêm nhiều cơ hội tiếp cận vốn khác nhau. Nguồn vốn

cho đối tượng doanh nghiệp quy mô vừa và nhỏ có thể đến từ một số nguồn khác như chính sách của Nhà nước về giảm, miễn thuế, phí và lệ phí, tiền thuê đất đai... áp dụng hỗ trợ cho DNNVV theo luật định. Nhóm doanh nghiệp này có ảnh hưởng đáng kể đến nền kinh tế, góp phần ổn định xã hội, đặc biệt, đối với nhóm doanh nghiệp có quy mô nhỏ và siêu nhỏ cần có các chính sách hỗ trợ, khích lệ phát triển nên thể chế liên quan tới các chính sách, đề án trong công tác hỗ trợ DNNVV thu hút, huy động vốn đóng vai trò đặc biệt quan trọng. Hưởng ứng Luật hỗ trợ DNNVV, chính sách ưu đãi thuế cho DNNVV không những bắt kịp xu thế chung của các quốc gia trên thế giới đang áp dụng là giảm mức thuế thu nhập doanh nghiệp, mà còn tạo điều kiện cho DNNVV giải quyết khó khăn tài chính.

Các chính sách, đề án hỗ trợ đối với DNNVV phải thống nhất và đồng bộ từ bước lên kế hoạch đến triển khai thực hiện nhằm giúp DNNVV có sự thay đổi lớn trước những biến động kinh tế và hậu quả nặng nề sau đại dịch Covid. Đồng thời, nghiên cứu mức thuế suất hợp lý đối với doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ, xem xét mức thuế suất thấp hơn mức thuế suất thông thường để ăn khớp với Luật Hỗ trợ DNNVV [86].

Những chính sách, đề án về ưu đãi thuế cho DNNVV là động lực để đối tượng doanh nghiệp có quy mô nhỏ và vừa thuận lợi lớn lên, thúc đẩy sự phát triển không ngừng, qua đó tạo công việc giúp người lao động có thu nhập và ổn định cuộc sống. Miễn, giảm hoặc gia hạn nộp thuế cho DNNVV, đặc biệt chính sách, đề án hỗ trợ sâu hơn đối với doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ cho thấy lợi ích thiết thực với cả doanh nghiệp và nhà nước. Thông qua hình thức giãn thời gian thu thuế, NSNN vẫn tăng, chính dòng tiền vốn lưu động đó đã tái tạo những khu vực doanh nghiệp bị tổn thương, hỗ trợ DNNVV tháo gỡ vướng mắc tài chính, vượt qua đại dịch. Những chính sách ưu đãi về thuế với mục đích hỗ trợ DNNVV khôi phục kinh tế, bởi lẽ hoạt động sản xuất, kinh doanh của DNNVV càng tốt thì nguồn thuế nộp vào ngân sách cũng tăng lên

và ổn định hơn. Trong giai đoạn nhất định, chính sách, đề án về ưu đãi thuế cho DNNVV cần được áp dụng thận trọng, thời gian áp dụng kéo dài hoặc dừng chính sách phụ thuộc vào cụ thể vào tình hình cũng như biến động của nền kinh tế [28].

Ngoài ra, chương trình hỗ trợ tích cực DNNVV vượt qua khó khăn sau Covid-19 liên quan đến chính sách lương cho người lao động rất thiết thực đối với người lao động làm việc trong các DNNVV. Ngân hàng nhà nước giải ngân tái cấp vốn đối với ngân hàng chính sách xã hội để khách hàng DNNVV kịp thời huy động vốn trả lương cho người lao động để họ yên tâm và an toàn đảm bảo cuộc sống. Gói hỗ trợ tuân thủ nguyên tắc kịp thời, đúng đối tượng, minh bạch, công khai, không để trục lợi chính sách; người lao động và DNNVV đều có thể dễ dàng tiếp cận chính sách [86]. Bên cạnh đó, huy động, thu hút nguồn vốn từ các chủ thể ngoài quốc doanh, gắn với từng đối tượng trong và ngoài nước sẽ hỗ trợ cho DNNVV rất nhiều trong các hoạt động tài chính theo quy định của luật. Phần lớn nhà đầu tư trực tiếp nước ngoài đang hưởng mức thuế suất thu nhập doanh nghiệp khá thấp, trong khi các DNNVV chưa được hưởng mức thuế tương đương, do đó điều chỉnh chính sách thuế giữa DNNVV trong nước với các công ty có vốn nước ngoài rất cần thiết. Các chính sách từ cơ quan Nhà nước áp dụng cho DNNVV nhằm thu hút đầu tư phải tuân thủ quy định đầu tư, văn bản quy phạm có liên quan. Mọi chính sách, cơ chế đảm bảo công khai, minh bạch, nêu rõ trách nhiệm các chủ thể tham gia thực hiện theo quy định của pháp luật.

+ Quy định của Nhà nước về kiểm tra, giám sát và xử lý mâu thuẫn trong quan hệ về huy động vốn từ các chính sách, đề án hỗ trợ đối với DNNVV

Trước những khó khăn, thách thức mà cộng đồng doanh nghiệp nhỏ và vừa đang phải đối mặt, các chính sách, đề án hỗ trợ đã tạo thuận lợi cho hoạt động sản xuất, kinh doanh, khắc phục hậu quả sau đại dịch đối với DNNVV. Các chính sách, đề án hỗ trợ sẽ tháo gỡ những khó khăn cho DNNVV và

khích lệ họ phát triển kinh tế. Đồng thời, kết nối với doanh nghiệp, chia sẻ và hỗ trợ DNNVV thông qua một số chương trình, đề án hỗ trợ như giãn, hoãn, miễn giảm tiền thuế, phí, lệ phí, gia hạn thời gian nộp tiền thuê đất... hay triển khai chính sách chi trả lương hợp lý cho người lao động sau đại dịch Covid-19 tạo điều kiện giúp đối tượng này giảm tải gánh nặng tài chính và tích lũy vốn phát triển doanh nghiệp. Để các chính sách, đề án hỗ trợ tiếp cận vốn có hiệu quả đối với DNNVV, quy định pháp luật của Nhà nước về kiểm tra, giám sát và xử lý mâu thuẫn huy động vốn đặc biệt quan trọng. Các bộ, ngành, cơ quan quản lý phối hợp với cơ quan thuế tập trung rà soát, đánh giá khách quan, toàn diện về hệ thống chính sách thuế, cơ chế quản lý thuế, phụ thuộc bối cảnh khác nhau mà áp dụng các chính sách ưu đãi thuế kịp thời và đúng đối tượng nhằm đảm bảo tính công bằng, nghiêm minh trong thực hiện nghĩa vụ nộp thuế của DNNVV. Xác định đúng và đủ chi phí được trừ đối với thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp, đặc biệt, cần rõ ràng, minh bạch các khoản chi liên quan đến hỗ trợ Covid, các khoản chi phí không được trừ. Đẩy mạnh kiểm tra, giám sát kê khai thuế đối với DNNVV được hưởng chính sách trong lĩnh vực kinh doanh nhiều rủi ro tiềm ẩn. Cơ quan Nhà nước hướng dẫn, kiểm tra, giám sát để DNNVV hiểu và nắm rõ lợi ích từ các chương trình, đề án ưu đãi thuế, tập trung vào việc ổn định giá cả thị trường, đảm bảo giảm thuế đúng quy định, đối tượng thụ hưởng đúng quy định. Đồng bộ quy trình kiểm tra, giám sát thuế và quản lý rủi ro, trên cơ sở phân tích cơ sở dữ liệu về DNNVV, từ đó có căn cứ đưa ra đánh giá, hỗ trợ họ phòng, tránh các rủi ro khi tiếp cận vốn thông qua các chính sách, đề án hỗ trợ huy động vốn phù hợp và đúng quy định của pháp luật. Quy trình kiểm tra, giám sát không chỉ nâng cao tinh thần tự giác của DNNVV mà còn góp phần ngăn chặn tình trạng gian lận, trốn thuế, chống thất thoát cho NSNN. Đồng thời, xử lý nghiêm các hành vi khai khống giá trị, kê khai bất hợp lý trong các chương trình, đề án hỗ trợ DNNVV huy động vốn [42]. Có thể thấy rằng, sự hỗ trợ từ

các chương trình, đề án này sẽ góp phần không nhỏ giúp DNNVV khôi phục kinh tế sau đại dịch. Hoạt động kiểm tra, giám sát, xử lý mâu thuẫn đối với DNNVV là cần thiết, qua đó, khắc phục những yếu kém và xử lý các tác động ngân sách trong ngắn hạn, tập trung triển khai hiệu quả các luật thuế, cải cách, đơn giản hóa thủ tục hành chính thuế, đồng thời tăng cường khả năng tiếp cận vốn của DNNVV [82].

+ Quy định của các quỹ về thu hút, huy động vốn đối với DNNVV

Việc thành lập các Quỹ hỗ trợ DNNVV đã mở ra nhiều cơ hội thu hút, huy động vốn cho đối tượng DNNVV, góp phần tăng khả năng tiếp cận vốn cho DNNVV, mang lại những tín hiệu khả quan trong các chính sách đối với hệ thống ngân hàng nói chung và đối với khu vực DNNVV nói riêng. Mặc dù, các DNNVV phần lớn gặp khó về vấn đề tài chính, song các ngân hàng lại không quá mặn mà với các khoản vay có quy mô nhỏ và không ổn định, tài sản thế chấp trở thành yêu cầu tối thiểu để ngân hàng chấp nhận cho DNNVV vay vốn. Quy định của các Quỹ vẫn tạo nên những rào cản nhất định đối với DNNVV trong việc tiếp cận vốn tín dụng. Ví dụ như hoạt động bảo lãnh vay vốn cho DNNVV phải có các biện pháp bảo đảm với bên bảo lãnh, cụ thể là tài sản bảo đảm. Có thể thấy rằng, điều kiện về tài sản đảm bảo là tiên quyết đối với DNNVV khi mong muốn vay vốn thông qua hoạt động bảo lãnh tín dụng, trong khi DNNVV cũng đang ở thế khó khi vay vốn trực tiếp tại ngân hàng. Các yếu tố về phương án kinh doanh, nhân viên ngân hàng, khả năng thẩm định của quỹ, sự phối hợp giữa các bên cũng đóng vai trò rất quan trọng để hoạt động bảo lãnh của quỹ diễn ra thuận lợi, qua đó tăng cơ hội thu hút, huy động vốn cho DNNVV [73].

Doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo là doanh nghiệp rất đặc thù trong quá trình chuyển đổi mô hình tăng trưởng, phát triển kinh tế quốc gia. Hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo là chính sách mang tầm chiến lược, trong đó, hoạt động hỗ trợ huy động vốn luôn ở vị trí đứng đầu, góp phần thúc đẩy cộng đồng

doanh nghiệp này ngày càng phát triển, tiến lên. Do đó, Quỹ hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo cũng trở thành quỹ có tầm ảnh hưởng đối với khu vực DNNVV, khích lệ và cổ vũ hoạt động đổi mới sáng tạo, tạo khung khổ pháp lý thúc đẩy các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, đặc biệt là các quy định có liên quan đến vấn đề huy động vốn của doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo. Thêm quỹ cũng là thêm kênh cung cấp vốn cho DNNVV nói chung và doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo nói riêng thêm sự tương trợ và tăng tính cạnh tranh. Sự hỗ trợ từ Quỹ tạo nên môi trường thuận lợi, thông thoáng giúp DNNVV, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo thu hút vốn tín dụng và các khoản đầu tư khác nhau. Có thể thấy, doanh nghiệp khởi nghiệp còn non trẻ, thiếu kinh nghiệm nên chưa nhận được nhiều sự đầu tư trong và ngoài nước, mặt khác, nhiều nhà đầu tư lại có nhu cầu cung cấp vốn để phát triển doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo nhưng không hiểu rõ quy trình, chính sách, cách thức tổ chức và thành lập quỹ. Vì vậy, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo cần phải nắm bắt cơ hội tiếp cận nguồn vốn tiềm năng này thông qua Quỹ hỗ trợ và từ đó, nhiều chính sách, thể chế có liên quan đã được ban hành.

+ Quy định của các quỹ về kiểm tra, giám sát và xử lý mâu thuẫn trong quan hệ về huy động vốn đối với DNNVV

Các Quỹ được thành lập để hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa là những công cụ đặc lực của Nhà nước nhằm hỗ trợ DNNVV trong quá trình huy động vốn. Sau đại dịch Covid-19, các DNNVV cũng đang trong giai đoạn cần vốn cho nhu cầu sản xuất, hàng hóa, cần dòng tiền, nguồn tiền cho vay để tái đầu tư máy móc, thiết bị cho công cuộc phục hồi kinh tế. Do đó, tiếp cận các nguồn tín dụng, các nguồn tài chính hỗ trợ từ phía Nhà nước thông qua ba quỹ có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với DNNVV. Quy định của các quỹ về kiểm tra, giám sát và xử lý mâu thuẫn trong quan hệ về huy động vốn đối với DNNVV góp phần tổ chức quỹ đồng bộ và thống nhất, trên cơ sở tuân thủ

quy chế hoạt động của các quỹ xuyên suốt và hạn chế những bất cập. Đối với Quỹ Phát triển DNNVV, kiểm tra, giám sát theo kế hoạch hoặc đột xuất đối với DNNVV trong việc sử dụng nguồn vốn cho vay gián tiếp của Quỹ thông qua báo cáo, chứng từ cung cấp từ DNNVV, từ ngân hàng hoặc tổ chức có liên quan cung cấp, kết hợp tham quan cơ sở địa bàn của DNNVV tuân thủ quy định pháp luật. Nếu quỹ Phát triển DNNVV có các nội dung kiểm tra, giám sát khác thì phải phù hợp với quyền và nghĩa vụ của Quỹ, của ngân hàng. Trường hợp quỹ có căn cứ và xác minh DNNVV huy động vốn vay không đúng mục đích, Quỹ có quyền yêu cầu ngân hàng đưa ra các biện pháp xử lý sai phạm theo quy định của ngân hàng và Hợp đồng.

Quỹ bảo lãnh tín dụng và Quỹ phát triển DNNVV đã tiếp sức rất nhiều cho DNNVV trong việc kết nối với thị trường vốn trong và ngoài nước, mở ra cho doanh nghiệp này các cơ hội sản xuất, hợp tác kinh doanh trong tương lai. Để công tác kiểm tra, giám sát mang lại hiệu quả cao hơn ngân hàng có thể mời đại diện của Quỹ cùng tham gia. Theo đó, các ngân hàng thương mại cũng được lợi từ việc phối hợp với quỹ bảo lãnh. Hệ số tín nhiệm là công cụ hữu hiệu giúp ngân hàng có đánh giá trực quan đối với DNNVV, đánh giá diễn ra công khai, minh bạch, qua đó thúc đẩy hoạt động tín dụng phát triển an toàn và bền vững. Các nhà băng đã thực hiện công tác đánh giá này rồi nên cần sự chỉ đạo tổ chức sát sao từ nhà nước để quỹ bảo lãnh tín dụng phối hợp nhịp nhàng với các nhà băng vừa khai thác hiệu quả cơ sở dữ liệu của các DNNVV, vừa tiết kiệm chi phí, tránh sự chồng chéo trong công tác thẩm định khoản vay giữa hai đơn vị. Cơ chế trách nhiệm chia sẻ rủi ro cho cả quỹ bảo lãnh tín dụng và các ngân hàng thương mại cũng rất cần thiết, hai bên đều chịu trách nhiệm về khoản vay được bảo lãnh, các ngân hàng thương mại sẽ tăng trách nhiệm kiểm tra, giám sát cho vay và xử lý thu hồi nợ. Đồng thời, tăng cường kiểm tra, giám sát hoạt động quản lý quỹ bảo lãnh tín dụng, để quỹ ngày càng lớn mạnh, DNNVV có điều kiện huy động vốn, thúc đẩy phát

triển kinh tế - xã hội. Trường hợp phát sinh rủi ro, mâu thuẫn trong quan hệ về huy động vốn đối với DNNVV, quỹ xem xét cơ cấu nợ, xử lý tài sản đảm bảo, xử lý các khoản nợ... nhằm giảm thiệt hại tối đa và tuân thủ quy định pháp luật [35].

Quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo thực chất là quỹ rủi ro mạo hiểm, ươm mầm và đầu tư cho các dự án khởi nghiệp cùng DNNVV còn non trẻ nhưng có tính đổi mới, sáng tạo cao, thành lập quỹ có ý nghĩa quan trọng đối với phát triển doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo. Luật quy định tạo hành lang pháp lý dựa trên các nguyên tắc và chủ trương xã hội hóa nguồn lực tăng đầu tư, tài trợ cho DNNVV, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo. Thường xuyên theo dõi, kiểm tra, giám sát các khoản huy động của doanh nghiệp khởi nghiệp được Quỹ cấp vốn để có biện pháp xử lý kịp thời khi doanh nghiệp gặp khó khăn.

+ Quy định của các chủ thể nền tảng kỹ thuật trực tuyến về thu hút, huy động vốn đối với DNNVV

Doanh nghiệp nhỏ và vừa chiếm phần nhiều trong khối doanh nghiệp và là lực lượng chính của đất nước. Trong tiến trình hội nhập, DNNVV luôn phải trực diện với các khó khăn về nguồn vốn, công nghệ, kỹ năng quản lý và cơ hội tiếp cận vốn tín dụng còn hạn chế. Các hoạt động giới thiệu, tuyên truyền tới DNNVV về các kênh huy động vốn chưa được rộng rãi, thông tin truyền tải chưa đầy đủ, cho nên đối tượng này thường biết đến kênh huy động vốn truyền thống, trong khi thị trường vốn đầu tư mạo hiểm đang rất tiềm năng và phổ biến trên thế giới. Theo Ngân hàng Thế giới 2017, doanh nghiệp nhỏ và vừa dựa vào một số yếu tố để thu hút vốn như: Nguồn vốn sẵn có tại doanh nghiệp được đóng góp bởi nhiều chủ thể khác nhau, nhu cầu vốn trong sản xuất, kinh doanh của DNNVV với các mục đích khác. Doanh nghiệp nhỏ và vừa thường tìm đến ngân hàng khi có nhu cầu vay vốn, tuy nhiên, yêu cầu về điều kiện vay luôn là vấn đề khó giải quyết của doanh nghiệp. Nếu muốn vay vốn, doanh

ng nghiệp nhỏ và vừa phải có tài sản mang ra thế chấp. Có thể thấy, xuất phát điểm vốn ít, quy mô nhỏ, thiếu kinh nghiệm trong quản lý nên yếu tố tài sản để mang thế chấp của DNNVV khi vay rất hạn chế, dẫn tới lãi suất cho vay cao.

Mặt khác, những cải cách của khoa học kỹ thuật và công nghệ số, nhiều kênh vay vốn trực tuyến ra đời, mang lại sự thuận lợi và linh hoạt hơn trong quá trình thu hút, huy động vốn cho DNNVV. Dần dần hình thức cho vay mới này trở thành một kênh huy động vốn tiềm năng cho các DNNVV. Một số mô hình nổi bật trên nền tảng số như: Công nghệ tài chính (Fintech) và nền tảng cho vay trực tuyến (tài trợ chuỗi cung ứng (SCF), gọi vốn cộng đồng (Crowdfunding), cho vay ngang hàng - P2P Lending) tương đối đa dạng nhưng cũng tiềm ẩn rủi ro đã và đang dần thu hút một bộ phận đối tượng DNNVV tham gia.

Với tài trợ chuỗi cung ứng (SCF), các doanh nghiệp có sự hợp tác và định chế tài chính thông qua cung cấp dịch vụ vốn vay lưu động cho các nhà cung cấp và phân phối. Trong bối cảnh ngân hàng Nhà nước tiếp tục hạ lãi suất để hỗ trợ DNNVV thiết thực, kịp thời, song, nguồn vốn lưu động và dịch vụ ngân hàng giao dịch tốt sẽ giúp giảm gánh nặng tín dụng mà các DNNVV đang phải đối mặt. Sử dụng nền tảng trực tuyến SCF cũng là một công cụ hữu hiệu cho các tổ chức tài chính, DNNVV tối ưu hóa việc quản lý vốn lưu động thông qua chuyển giao các khoản phải thu bán hàng và hàng tồn kho thành tiền mặt và có được nguồn tài trợ với chi phí giao dịch thấp hơn.

Huy động vốn cộng đồng hay gọi vốn cộng đồng (Crowdfunding) là hình thức huy động vốn trực tuyến, doanh nghiệp nhỏ và vừa có cơ hội tăng vốn thông qua tương tác với các nhà đầu tư từ cá nhân, đặc biệt thu hút doanh nghiệp khởi nghiệp tham gia kêu gọi sự giúp đỡ từ cộng đồng nhằm tăng cơ hội được đầu tư và giúp họ thực hóa ý tưởng kinh doanh. Nền tảng này chia thành bốn nhóm phụ thuộc vào số tiền thu hồi được từ đối tượng vay vốn: (1) Góp vốn dưới dạng cổ phần; (2) Huy động vốn từ cộng đồng dựa trên phần thưởng bao gồm hàng hóa, dịch vụ của doanh nghiệp; (3) Huy động vốn và

cho vay dựa trên đóng góp; (4) Huy động vốn dựa trên mô hình quyên góp, từ thiện cho xã hội. Hơn nữa, mỗi nền tảng gọi vốn cộng đồng sẽ có quy định riêng về mức phí cho DNNVV khi tham gia gọi vốn và một số chi phí giao dịch khác. Mức phí dao động trong khoảng 5% tổng tiền huy động thành công. Trường hợp số tiền đưa ra ban đầu không đạt được thì chủ dự án không mất phí [40].

Cho vay ngang hàng - P2P Lending, mô hình dịch vụ tài chính dựa trên nền tảng công nghệ số kết nối trực tiếp giữa người vay với người cho vay. Khách hàng mục tiêu của mô hình là các cá nhân, doanh nghiệp siêu nhỏ, nhỏ và vừa với các khoản cho vay tín chấp chủ yếu, tập trung ở các địa bàn thành phố lớn, có nguồn vốn nhỏ. Để gia nhập nền tảng, người tham gia phải cung cấp dữ liệu cá nhân trực tuyến. Đây là cơ sở giúp giảm chi phí giao dịch và là điều kiện để DNNVV được xét điểm tín dụng, qua đó DNNVV được khởi tạo đơn xin vay vốn bao gồm số tiền vay, lãi suất tối đa, mục đích vay và ưu đãi cho DNNVV [5].

Các nguồn thông tin chính thống và không chính thống rất phong phú với mạng lưới rộng khắp, có nhiều phương án để DNNVV tiếp cận tín dụng, vì vậy doanh nghiệp cần lựa chọn có chọn lọc, đổi mới sáng tạo, nâng cao công nghệ để huy động vốn hiệu quả, quan tâm đến khả năng hoàn trả gốc và lãi trong quá trình vay vốn [5]. Việc thu hút, huy động vốn luôn trên tinh thần công khai, minh bạch, DNNVV tuân thủ đầy đủ nghĩa vụ và chịu trách nhiệm trước pháp luật mọi hành vi của mình.

+ Quy định của các chủ thể nền tảng kỹ thuật trực tuyến về kiểm tra, giám sát và xử lý mâu thuẫn trong quan hệ về huy động vốn đối với DNNVV

Kênh huy động vốn từ nền tảng kỹ thuật trực tuyến đã trở thành phương thức tiếp cận vốn mới cho các DNNVV. Tuy nhiên, thị trường này tại nước ta còn tiềm ẩn rủi ro khi chưa có hành lang pháp lý, thông tin thiếu minh bạch... Thông qua nền tảng công nghệ, bên cho vay và bên vay là các

DNNVV có sự kết nối với nhau, mọi thông tin cung cấp, các dịch vụ tư vấn, hỗ trợ việc huy động vốn đều trực tuyến. Bên cung cấp vốn và bên nhận vốn tự chịu rủi ro, trách nhiệm từ việc cấp vốn và hoàn trả vốn. Khác với kênh huy động vốn truyền thống, các mô hình cho vay trực tuyến không bị điều chỉnh bởi Luật, không phải tuân thủ các quy định về an toàn, hay các quy định về kiểm tra, giám sát như đối với các tổ chức tín dụng. Rủi ro pháp lý cũng có thể xảy ra khi khung khổ pháp lý chưa chặt chẽ và thay đổi nhanh chóng theo biến động của nền kinh tế. Do đó, các hình thức huy động trực tuyến này cần có khung khổ pháp lý quản lý phù hợp, đặc biệt là xây dựng quy định về đảm bảo an toàn hoạt động đối với các bên tham gia, kết hợp chính sách kiểm tra, giám sát định kỳ tương ứng. Bản thân doanh nghiệp nhỏ và vừa phải chủ động tự giác kiểm tra, giám sát để kịp thời tìm thấy những sai sót và đưa ra hướng giải quyết trước những biến động bất thường của nguồn vốn trong kinh doanh cũng như trong sản xuất, đồng thời có biện pháp đúng đắn và cách phòng tránh rủi ro triệt để nếu có. Với chức năng và nhiệm vụ chuyên môn riêng, chủ thể tự giám sát có thể là bất cứ ai thuộc nội bộ DNNVV, từ người trực tiếp điều hành đến đội ngũ quản lý và các nhân sự của doanh nghiệp. Việc giám sát trực thuộc đơn vị quản lý cho nên các hoạt động có mối quan hệ chặt chẽ với thu hút, huy động vốn của DNNVV luôn tuân thủ quy chế nội bộ, điều lệ doanh nghiệp, Luật doanh nghiệp và các văn bản pháp luật khác. Trước đó, doanh nghiệp vừa và nhỏ cần tiến hành kiểm tra các kế hoạch dự án, xem xét phương án huy động vốn có khả thi, dự đoán các tình huống xảy ra cao khi tiến hành. Trong công tác huy động vốn, giám sát chặt chẽ và theo sát hoạt động tài chính rất cần thiết, DNNVV nên tuân theo quy chế, quy tắc nội bộ và pháp luật hiện hành. Kết thúc quá trình huy động vốn, doanh nghiệp tự kiểm tra, đánh giá và lên báo cáo chứng từ, sổ sách. Công tác kiểm tra sau cùng rất quan trọng, phát hiện sai sót kịp thời và đưa ra biện pháp xử lý nhanh chóng giúp tích lũy thêm kinh nghiệm quản lý, mang lại những giá trị tốt đẹp

hơn cho DN NVV. Nếu có mâu thuẫn xảy ra khi huy động vốn không thể giải quyết thông qua thương lượng thì vấn đề cần đưa ra Tòa án theo luật hiện hành. Số liệu sổ sách và các báo cáo về thông tin tài chính được bộ phận kế toán kế hoạch của DN NVV đóng gói, lưu trữ và tổng kết hàng năm là cơ sở để các cấp quản lý và DN NVV giám sát, kiểm tra. Các thông tin minh bạch, số liệu có độ uy tín cao sẽ hỗ trợ công tác kiểm tra rất nhiều, nội bộ theo cơ chế tự theo dõi, khắc phục những vấn đề yếu kém còn tồn tại trong doanh nghiệp. Kiểm tra, giám sát mang lại sự chủ động DN NVV trong công tác huy động vốn.

2.2.2. Tiêu chí đánh giá thể chế cho huy động vốn của doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Thể chế cho huy động vốn của DN NVV phải đảm bảo được chức năng tạo thuận lợi cho DN NVV có đủ nguồn vốn để đảm bảo cho các hoạt động kinh doanh trong nền kinh tế thị trường, do đó dựa trên cơ sở quy trình kinh doanh của doanh nghiệp nói chung và các DN NVV nói riêng trong nền kinh tế thị trường, các tiêu chí cho phép đánh giá một thể chế tốt hay chưa tốt có thể phân thành một số nhóm như sau:

- Tiêu chí về bảo đảm đủ vốn cho DN NVV

Mục tiêu là có vốn và đủ vốn cho DN NVV, do đó tiêu chí đầu tiên quan trọng nhất là có vốn, đủ vốn cho nó. Thể chế huy động vốn sinh ra để phát hiện, khơi dậy, tập trung và chuyển cho doanh nghiệp sử dụng sản xuất, kinh doanh. Thể chế huy động vốn mà không tạo ra được dòng vốn, hoặc dòng vốn “chảy” yếu... cũng có nghĩa là thể chế chưa phù hợp, thể chế yếu.

Do đó tiêu chí quan trọng nhất là đánh giá mức độ bảo đảm vốn cho DN NVV. Ví dụ: Việt Nam có 800.000 DN NVV, thể chế tốt, phù hợp, đã bảo đảm vốn cho 720.000 doanh nghiệp = 90%

- Tiêu chí về mức độ đầy đủ và tính đồng bộ

Mức độ đầy đủ và tính đồng bộ thể chế là yếu tố quyết định đảm bảo

tính hiệu quả và hiệu lực thi hành. Thẻ chế cho huy động vốn của DNNVV vừa phải thể hiện được tính đầy đủ trong cơ chế vừa phải đảm bảo đúng quy chuẩn, thông lệ quốc tế góp phần bắt kịp xu hướng hội nhập quốc tế. Tính đầy đủ thẻ chế dựa trên nguyên tắc bao quát toàn bộ, trọn vẹn và đầy đủ các khu vực thẻ chế, đảm bảo tính khả thi trong quá trình huy động vốn của DNNVV, hướng đúng đối tượng, không sai mục đích, trọng tâm, phù hợp với thực tiễn. Thông qua việc kiểm tra, giám sát huy động vốn của DNNVV cũng như hoạt động thực thi pháp luật để phát hiện những bất cập, mâu thuẫn và có phương án giải quyết. Tính đồng bộ thẻ chế thể hiện sự ăn khớp, nhịp nhàng trong quá trình vận hành thẻ chế cho huy động vốn của DNNVV, các văn bản quy phạm không trùng lặp, chồng chéo mà bổ sung cho nhau và ngày càng hoàn thiện. Xác định hiệu lực pháp lý của mỗi quy phạm pháp luật theo thứ bậc từ cao xuống thấp để tuân thủ đúng quy định pháp luật. Tiêu chí đánh giá về tính đầy đủ và tính đồng bộ thẻ chế cho huy động vốn của DNNVV có mối liên hệ ràng buộc nhất định. Có thể khái quát qua một vài tiêu chí như: Định lượng về số lượng văn bản quy phạm đã ban hành, mức độ hiểu biết pháp luật của các chủ thể DNNVV huy động vốn, các tiêu chí về thời gian, thủ tục, chi phí thực hiện thủ tục hành chính khi vay vốn... [30].

- Tiêu chí về thủ tục tiếp cận vốn nhanh - gọn - chi phí thấp

Cần vốn, khát vốn, thiếu vốn, không có vốn tất yếu phải đi vay. Do đó, nhu cầu đầu tiên là phải vay được một cách kịp thời. Kinh doanh là chiến trường kinh tế, do đó thời điểm, thời cơ có ý nghĩa quyết định. Nắm bắt cơ hội kinh doanh, cần tiền vốn nhưng không vay kịp sẽ lỡ cơ hội.

Tiêu chí vay nhanh, cho vay nhanh, thời gian ngắn: Tiêu chí quan trọng đánh giá chất lượng thẻ chế.

Tiêu chí thủ tục gọn: Đề cập tới hồ sơ, giấy tờ, thủ tục, các tư liệu, tài liệu chứng minh, các khía cạnh phải quan tâm giải quyết, các “gạch đầu dòng” phải có để thỏa mãn đòi hỏi của chủ tiền (người cho vay, cấp, cho

mượn, cho thuê, cho vay lại..). Thủ tục quá nhiều sẽ dẫn thẳng đến hai hệ lụy, thứ nhất, thời cơ kinh doanh của doanh nghiệp qua đi, thậm chí mất đi; thứ hai, làm nản lòng người đi vay. Song, vòng quay của vốn, của lợi nhuận không cho phép doanh nghiệp thiếu vốn, khát vốn, chủ DN NVV là phải tìm kiếm trên thị trường người cho vay mới, và hành trình thủ tục lại bắt đầu từ điểm xuất phát.

Tiêu chí hiệu quả: Sự so sánh, tính toán về chi phí tổng hợp, trước nhất là tiền về hành trình huy động vốn. Cách thức đánh giá tiêu chí hiệu quả là số tiền chi phí trên số tiền vay được. Ví dụ: Vay được 10 tỷ, chi phí 50 triệu, tức là chi phí 0,5%.

- Tiêu chí hiệu lực thể chế

Hiệu lực thể chế cho huy động vốn của DN NVV phản ánh sự tuân thủ, chấp hành pháp luật từ chỉ đạo của chính quyền, sự bám sát các văn bản quy phạm pháp luật của các chủ thể huy động vốn. Đồng thời, biểu hiện mức độ quyền lực Nhà nước và uy tín của các thành phần kinh tế đối với các DN NVV trong hoạt động thu hút vốn của DN NVV. Một vài tiêu chí về hiệu lực thể chế có thể là: Tiêu chí mức độ tuân thủ, chấp hành quy định pháp luật về thu hút, huy động vốn của DN NVV, phần lớn các DN NVV đều chấp hành nghiêm chỉnh quy định pháp luật trong đầu tư cũng như trong quá trình sản xuất. Tiêu chí mức độ thực hiện tổ chức thực hiện và đưa ra định hướng phát triển cho DN NVV nhằm xây dựng chính sách chiến lược tổng quát cho công tác huy động vốn nói chung và hoạt động phát triển của DN NVV nói riêng. Chỉ tiêu mức độ điều tiết, can thiệp từ chính quyền: Doanh nghiệp nhỏ và vừa có quyền tự do cạnh tranh nhưng tuân thủ pháp luật, Nhà nước chỉ điều tiết và can thiệp vừa đủ, đúng đối tượng để tạo lập môi trường lành mạnh và cạnh tranh công bằng giữa các chủ thể trong nền kinh tế. Tiêu chí mức độ giám sát, kiểm tra: Cơ quan quản lý, tổ chức tín dụng, doanh nghiệp nhỏ và vừa định kỳ, đột xuất

giám sát, kiểm tra công cuộc huy động vốn của các DNNVV.

- Tiêu chí về khơi thông nguồn vốn và thúc đẩy DNNVV phát triển đúng định hướng

Đánh giá thể chế huy động vốn nói chung, và huy động vốn cho DNNVV tốt hay xấu, được hay chưa được còn phải thông qua việc đánh thức và khơi thông những nguồn lực đang “ngủ quên” hoặc đang nằm rải rác trong nền kinh tế. Ví dụ, trong khi DNNVV thiếu vốn, khát vốn nhưng hàng năm vẫn có hàng chục tấn vàng nhập khẩu để làm đồ trang sức. Hoặc giả trong dân có rất nhiều khoản tiền đang tạm thời nhàn rỗi nhưng không thể huy động cho DNNVV sử dụng kinh doanh.

- Tiêu chí đánh giá hiệu quả

Hiệu quả thể chế cho huy động vốn của DNNVV xem xét trình độ khai thác các yếu tố đầu vào để tạo ra kết quả hoạt động tối đa với chi phí hoạt động tối thiểu trong quá trình thu hút vốn. Do vậy, hiệu quả thể chế đối với DNNVV phản ánh kết quả hoạt động vay vốn với mức tối đa và một số chi phí trong quá trình huy động vốn ở mức tối thiểu. Có thể đánh giá bằng các tiêu chí như: Mức độ đã đạt được so với mục tiêu đặt ra của DNNVV trong tiến trình huy động vốn, góp phần thúc đẩy năng lực nội tại đáp ứng nhu cầu trong nước và quốc tế. Tiêu chí đánh giá năng lực tài chính: Doanh thu, lợi nhuận, EBIT, EBITDA, chỉ số khả năng thanh toán... Tiêu chí về tiến độ, kết quả xử lý thủ tục hành chính, cụ thể: Tỷ lệ hồ sơ xử lý trước hạn, đúng hạn; thời gian giải quyết trình tự hồ sơ; hồ sơ được chấp nhận, không chấp nhận... Tiêu chí về mức độ hài lòng, tín nhiệm: Tỷ lệ phản ánh, kiến nghị theo khu vực thể chế; tỷ lệ hài lòng trong xử lý phản ánh, kiến nghị, tiếp nhận và giải quyết hồ sơ. Tiêu chí đánh giá kết quả giám sát, kiểm tra của Nhà nước, tổ chức tín dụng và chính DNNVV cũng tự đánh giá tiến độ thực hiện hướng đến mục tiêu huy động vốn hiệu quả.

2.2.3. Các nhân tố ảnh hưởng đến thể chế cho huy động vốn của doanh nghiệp nhỏ và vừa

Nhân tố thứ nhất, mức độ hoàn thiện hệ thống pháp luật liên quan đến vốn và huy động vốn cho DNNVV

Như đã phân tích trên đây, thành phần nổi bật nhất của thể chế huy động vốn cho DNNVV là “bộ quy tắc” quy định và điều chỉnh hành vi các chủ thể liên quan. Do đó, nhân tố trước tiên ảnh hưởng tới thể chế huy động vốn cho DNNVV là mức độ hoàn thiện của pháp luật kinh tế, những quy định, quy tắc, quy trình tạo ra vốn và cho vay vốn, đồng thời cần quyết liệt tổ chức công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của các chủ thể trong lĩnh vực này, cũng như tổ chức thực hiện nghiêm minh. Về khía cạnh mức độ hoàn thiện của pháp luật liên quan đến thể chế vốn, huy động vốn có thể tiếp cận:

Mức độ hoàn thiện về cấu trúc của quy định phải thể hiện rõ: Ai làm, làm cho ai, làm cái gì và làm như thế nào, nếu làm không được, không đúng thì chịu trách nhiệm pháp lý ra sao. Ví dụ: Huy động vốn cho DNNVV cần làm rõ, ai huy động (nhà nước, doanh nghiệp, ngân hàng, hay quỹ tín dụng.); huy động vốn từ đâu, nguồn vốn ra sao; huy động như thế nào (cho vay, cho mượn...); huy động vốn cho những doanh nghiệp nào thụ hưởng... Tóm lại, luật quy định càng hoàn thiện rõ, càng chi tiết, cụ thể càng dễ đi vào cuộc sống và tới cơ sở.

- Trình độ phổ biến, ban hành, giáo dục pháp luật. Đối với nước ta hiện nay, tuy còn không ít khiếm khuyết về chất lượng xây dựng pháp luật nhưng nhìn chung, đã có sự bao phủ gần hết những lĩnh vực cần thiết. Tuy nhiên công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật còn rất nhiều bất cập. Không ít DNNVV không biết và không chắc những chính sách ưu đãi của nhà nước cho mình trong lĩnh vực huy động vốn. Thậm chí cũng không ít doanh nghiệp cho vay, tổ chức tín dụng cũng không rõ, không chắc mình phải làm những gì và làm thế nào khi huy động vốn cho DNNVV.

Tuyên truyền, giải thích, phổ biến pháp luật nhằm gián tiếp tác động

khơi thông các nguồn vốn, huy động và đưa đến những nơi cần thiết theo đúng quy định pháp luật.

- Nhận thức của DNNVV về thể chế và thể chế cho huy động vốn

Vốn vay có vai trò cung cấp nguồn lực trong các hoạt động của DNNVV. Việc quản lý, huy động vốn đối với DNNVV vẫn chưa hiệu quả nguyên nhân cũng là do nhận thức về thể chế nói chung và thể chế cho huy động vốn nói riêng của DNNVV còn hạn chế. Thông qua tuyên truyền, quảng bá, phổ cập kiến thức thể chế, chính sách đưa vào cuộc sống của người lao động, doanh nghiệp. Các nguồn thông tin minh bạch, đầy đủ và công khai bằng các hình thức khác nhau kịp thời truyền đạt đến DNNVV, nhất là các luật mới ban hành và các văn bản hướng dẫn thực hiện liên quan đến thể chế cho huy động vốn góp phần giúp DNNVV nắm bắt có chọn lọc các luồng thông tin, qua đó vận dụng vào quá trình thu hút, huy động vốn hiệu quả. Tiếp cận nguồn thông tin lành mạnh, DNNVV không chỉ cải thiện kỹ năng quản trị trong huy động, thu hút vốn mà còn chủ động phòng vệ với những rủi ro trước những biến động thị trường. Thể chế cho huy động vốn vừa nâng cao tiềm lực tài chính cho DNNVV vừa mở ra cơ hội tiếp cận với nhiều kênh huy động vốn đa dạng, phong phú hơn cho doanh nghiệp. Cập nhật kiến thức pháp luật kết hợp nền tảng công nghệ mới trực tiếp tác động vào cách thức cung ứng vốn, hơn hết góp phần nâng cao ý thức của mỗi bộ phận thuộc bộ máy DNNVV trong tuân thủ quy định pháp luật.

- Mức độ tuân thủ thể chế chính thức và tác động của thể chế phi chính thức về huy động vốn của DNNVV

Thông qua chỉ tiêu hiệu lực thể chế cho huy động vốn của DNNVV có thể phân tích được mức độ tuân thủ pháp luật của các chủ thể tham gia vay vốn và cho vay vốn. Mức độ tuân thủ pháp luật của các chủ thể càng cao càng đem lại nhiều ích lợi cho DNNVV trong hoạt động huy động vốn. Đồng thời, thể chế vừa khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia hoạt động tăng gia

sản xuất, buôn bán để tạo ra hàng hóa, dịch vụ thỏa mãn nhu cầu của thị trường vừa đẩy mạnh hoạt động đầu tư để thu lợi nhuận, thúc DNNVV phát triển. Cho nên, tư cách pháp nhân tuân thủ pháp luật sẽ tạo nên môi trường pháp lý lành mạnh, cạnh tranh bình đẳng dựa trên sự điều tiết, quản lý và giám sát của Nhà nước thông qua pháp lý, pháp luật. Mặc dù các kênh huy động vốn rất phong phú, đa dạng nhưng DNNVV chủ yếu tiếp cận nguồn vốn tín dụng ngân hàng. Mọi khoản nợ của doanh nghiệp tại ngân hàng, công ty tài chính đều được báo cáo và có số liệu trên sổ sách. Nếu DNNVV có lịch sử tín dụng không tốt sẽ không dễ tiếp cận được nguồn vay vốn từ ngân hàng, công ty tài chính, thậm chí lãi vay cũng có khả năng bị áp tăng cao khi so sánh với lãi suất những đối tượng khác được hưởng. Doanh nghiệp có thể có không ít khoản nợ nhưng lịch sử tín dụng tốt, luôn trả nợ đúng hạn và nhất là tuân thủ chế tài Ngân hàng nhà nước, tổ chức tín dụng thì DNNVV trong lịch sử vay vốn ở các ngân hàng hay tổ chức tài chính vẫn tạo được uy tín nhất định, qua đó dễ dàng hơn trong việc thu hút nguồn vốn tín dụng, khả năng chấp nhận khoản vay cao hơn và có thể vay vốn với lãi suất ưu đãi hơn.

Nhân tố thứ hai, năng lực tài chính trong nền kinh tế quốc dân

Tổng tài sản quốc gia nằm trong hai khối: Khối công và khối tư. Xem xét tổng tài sản quốc dân dưới dạng hàng hóa thì có hai phần: Tổng hiện vật và tổng số tiền đại biểu, đại diện cho những tài sản hiện vật đã quy đổi thành tiền.

Như vậy đối với tổng số tiền trong nền kinh tế phải đủ để nền sản xuất và quá trình lưu thông diễn ra một cách bình thường. Các doanh nghiệp đều cần vốn, do đó huy động vốn cho DNNVV là một bộ phận, một chi nhánh của huy động vốn nói chung. Đại lượng vốn trong một thời gian nhất định là có hạn do đó, nhân tố ảnh hưởng quan trọng thứ hai là tổng số vốn (số tiền) trong nền kinh tế có thể từ cho vay. Ví dụ, GDP Việt Nam năm 2022 là 430 tỷ USD, vốn hóa thành tiền có thể cho vay là 100 tỷ USD. Theo đó, quy mô lớn nhất có thể huy động trong nước cũng nhiều nhất là 100 tỷ USD. Như vậy, thể

chế huy động vốn cho DNNVV chịu sự tác động hay quy định của tổng sản phẩm xã hội, hay tổng GDP toàn quốc.

Năng lực của doanh nghiệp tác động mạnh mẽ đến thể chế cho huy động vốn của DNNVV. Theo khảo sát, khả năng huy động vốn của DNNVV vẫn chưa cao, phần lớn dựa vào vốn có sẵn, còn lại huy động bằng các cách thức khác nhau, từ người thân, bạn bè, các tổ chức khác và ngân sách quốc gia. Quy mô nhỏ, nguồn vốn ít, năng lực tài chính có hạn, thiếu kỹ năng quản trị tài chính, các DNNVV không có nhiều kinh nghiệm để tham gia các thị trường tài chính phi truyền thống như thị trường chứng khoán, cho thuê tài chính, đầu tư mạo hiểm. Hơn nữa, DNNVV không quá chú trọng vào vấn đề quản trị tài chính. Thiếu tầm nhìn trong lập kế hoạch, xây dựng chiến lược cho hoạt động tài chính làm giảm khả năng kiểm soát tài chính ảnh hưởng đến DNNVV khi thực hiện huy động vốn. Xem xét, phân tích các báo cáo, chứng từ kế toán có thể đánh giá khách quan về hoạt động tài chính của DNNVV trong hiện tại và đưa ra dự báo về tương lai. Đây là nền móng để xây dựng quy chế nội bộ cho DNNVV về huy động vốn và tổ chức thực hiện theo quy định hiện hành. Trong thời đại khoa học kỹ thuật, số hóa giữ vai trò to lớn trong việc cải thiện năng suất lao động, thay đổi cách thức huy động vốn của DNNVV, cung cấp luận cứ thực tiễn cho hoạch định, ban hành chính sách. Việc triển khai công nghệ vào ngành tài chính đã góp phần mang lại những thành quả trong công tác hoàn thiện thể chế cho DNNVV.

Nhân tố thứ ba, mức độ hội nhập quốc tế và mở cửa thị trường vốn

- Hội nhập nói chung và hội nhập kinh tế quốc tế là sự “san đi bù lại” các chuẩn mực quốc gia để ứng xử theo chuẩn mực chung, chuẩn mực quốc tế. Hội nhập càng sâu, rộng càng làm cho các chuẩn mực quốc tế đi sâu vào các lĩnh vực đời sống kinh tế xã hội, trong đó có sự hội nhập của thể chế huy động vốn cho DNNVV. Theo đó những quy định của Việt Nam phải được chỉnh sửa, đổi để phù hợp chuẩn mực quốc tế. Không thể tồn tại thể chế huy

động vốn cho DNNVV Việt Nam lại khác biệt với thế giới. Sự hội nhập thể chế vốn, huy động vốn làm cho các dòng tiền trong nước có thể “chảy” ra nước ngoài và ngược lại các dòng vốn ngoại sẽ “tràn” vào Việt Nam. Thể chế của Việt Nam phải hội nhập với thế giới mới có thể lưu thông được các dòng tiền trong trạng thái hội nhập.

- Hội nhập quốc tế sẽ làm tăng lượng cung về vốn. Nếu đóng cửa nguồn vốn chủ yếu từ nội bộ nền kinh tế; trái lại mở cửa, hội nhập đang khai thác lượng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) rất lớn vào Việt Nam. Đó là nguồn cung rất lớn mà DNNVV Việt Nam cần tiếp cận và khai thác.

Thứ nhất, trình độ phát triển của kinh tế thị trường gắn với hệ thống thể chế kinh tế ngày càng hoàn thiện có ảnh hưởng đáng kể đến thể chế cho huy động vốn. Thời bao cấp, không thể phủ nhận thể chế kinh tế kế hoạch hóa tập trung có ý nghĩa to lớn cho sự hình thành và phát triển nước ta, nhưng nhìn lại, việc kinh tế tư nhân bị xóa bỏ, tập trung chủ yếu vào nền kinh tế Nhà nước và kinh tế tập thể cho thấy, thể chế đã không còn phù hợp, là nguyên nhân dẫn đến sự yếu kém, trì trệ trong sản xuất, kinh doanh lúc bấy giờ [47]. Nền kinh tế bao cấp kìm hãm sự phát triển, thủ tiêu cạnh tranh, đóng cửa không giao lưu buôn bán hay ngoại giao, không tạo mối quan hệ với bất cứ nước nào ngoài lãnh thổ. Sự chuyển đổi từ thể chế bao cấp sang thể chế kinh tế thị trường đã đánh dấu bước chuyển mình của đất nước ta, mở ra cánh cửa hội nhập với các nước, kết hợp tăng trưởng kinh tế. Do đó, trình độ phát triển càng cao thì thể chế kinh tế ngày càng hoàn thiện. Nhà nước ban hành và xây dựng khung khổ pháp luật, thi hành chính sách huy động vốn đầu tư trong và ngoài nước, đồng thời điều chỉnh hành lang pháp lý theo cơ chế tiếp cận thông lệ quốc tế, ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của DNNVV và hệ thống ngân hàng tạo điều kiện thuận lợi trong công cuộc huy động vốn của DNNVV.

Thứ hai, giữa thể chế chính thức và phi chính thức có mối quan hệ khăng khít ảnh hưởng đến thể chế của DNNVV về vấn đề huy động vốn. Các khung khổ, chuẩn mực chính thức được ban hành bởi Nhà nước và thể hiện bằng văn bản nhằm điều chỉnh những hành vi, mối quan hệ kinh tế. Ngoài ra, Nhà nước là chủ thể vừa điều tiết, vừa giám sát, thanh tra quá trình huy động vốn của DNNVV thông qua đánh giá mức độ tuân thủ luật của cá nhân, tổ chức, đơn vị. Doanh nghiệp nhỏ và vừa khi vay vốn phải tuân theo các quy định pháp luật, đồng thời thỏa mãn các điều kiện của bên cho vay thì DNNVV mới tiếp cận được nguồn vốn vay và đi kèm các ưu đãi về lựa chọn hình thức vay linh hoạt, lãi suất tốt, chi phí giao dịch thấp hơn...

Trước sự phát triển của thực tiễn, đòi hỏi Đảng ta phải không ngừng nâng cao năng lực cầm quyền, thỏa mãn yêu cầu, nhiệm vụ trong thời kỳ mới, giải quyết hài hòa quan hệ giữa các giai tầng trong một xã hội đa dạng về lợi ích. Trong đó, vấn đề thể chế hóa và định hướng chính sách đối với việc nâng cao năng lực cầm quyền của Đảng có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, cần được đẩy mạnh dưới hình thức văn bản pháp luật. Chủ trương của Đảng, trên cơ sở tìm tòi, đổi mới để phát triển, tham khảo các bài học lập pháp của các quốc gia khác nhau, Đảng ta rất coi trọng công tác xây dựng thể chế, nhất là thể chế vốn cho DNNVV. Thị trường vốn tập trung chính vào kênh tín dụng, các thị trường khác ngoài ngân hàng khá nhiều rủi ro nên chưa thu hút được DNNVV tham gia. Đảng và Chính phủ luôn sát cánh, đồng hành cùng DNNVV trong công tác hướng dẫn thực hiện hỗ trợ và các thủ tục bảo lãnh tín dụng.

Các tổ chức tín dụng có ý nghĩa đặc biệt khi tạo lập và thực thi thể chế huy động, thu hút vốn của DNNVV. Với điều kiện có hạn, vốn tự có của DNNVV không nhiều, nguồn lực cho hoạt động sản xuất, đầu tư chủ yếu dựa vào vốn tín dụng. Để có nguồn cho vay, các ngân hàng thương mại đã huy động vốn từ nhiều thành phần kinh tế trong xã hội: Vốn trong dân, vốn nước ngoài [32]. Khoản cho vay của ngân hàng rất đa dạng, kết hợp với ứng dụng

công nghệ mới mang lại nhiều trải nghiệm cho DNNVV khi lựa chọn linh hoạt các hình thức vay vốn. Ngoài sự phát triển của kênh truyền thống, kênh cho vay trên nền tảng trực tuyến cho phép DNNVV dễ dàng thu hút vốn tín dụng mà thủ tục vay nhanh chóng hơn, không cần chứng minh tài sản, rút ngắn thời gian huy động, một số chi phí giao dịch cũng giảm đáng kể [5]. Các tổ chức tín dụng là định chế tài chính trung gian, mục đích cơ bản đi vay để cho vay hay nói cách khác các tổ chức huy động từ các nguồn khác nhau và tận dụng vốn vừa huy động được để cho vay lại nền kinh tế. Vì vậy, các tổ chức tín dụng có hệ thống pháp luật riêng đảm bảo cung ứng đầy đủ các dịch vụ và nhu cầu vốn cho DNNVV, thúc đẩy kinh tế đi lên, song tính hiệu quả và an toàn được đặt lên hàng đầu [39].

Nhân tố thứ tư, khả năng hấp thụ vốn của DNNVV

Thế chế cho huy động vốn không những tạo điều kiện để DNNVV huy động các nguồn vốn từ các chủ thể bên ngoài, mà còn đối với hoạt động huy động vốn nội bộ, do đó chịu ảnh hưởng của năng lực tài chính, kinh doanh của DNNVV.

Khả năng hấp thụ vốn của DNNVV là khả năng tiếp cận vốn và khả năng trả lãi, trả nợ của DNNVV. Dòng chảy vốn thường xuyên, liên tục, do đó khả năng hấp thụ vốn nội bộ - tức là các dòng chảy bên trong gắn liền với dòng chảy bên ngoài. Dòng trong chảy chậm tất yếu dòng ngoài cũng chậm. Muốn huy động được nhiều vốn trước hết phải tìm ra hướng chảy và cần một cơ chế điều tiết nguồn huy động hợp lý.

Trước tình hình sản xuất kinh doanh của DNNVV ngày càng khó khăn, khả năng hấp thụ vốn đối với doanh nghiệp này đang là vấn đề nan giải. Ngoài vốn tín dụng, vốn đầu tư trong nền kinh tế cũng đóng vai trò rất quan trọng. Để gia tăng khả năng hấp thụ vốn cho DNNVV, phải:

Thứ nhất, chiến lược kinh doanh rõ ràng, chính xác, phù hợp. Trả lời câu hỏi kinh doanh sản phẩm hay dịch vụ gì là câu vô cùng khó khăn trong

bối cảnh cạnh tranh khốc liệt và hội nhập tận cùng. Dù sao cũng phải lựa chọn đối tượng kinh doanh.

Thứ hai, xây dựng mô hình sản xuất, tức là phương thức để kết hợp SLĐ với TLSX. Hai nhân tố quan trọng nhất, cơ bản nhất của mọi loại sản xuất kinh doanh đó là TLSX và nhân tố người, tức sức lao động hay con người mang (chứa đựng) SLĐ. Kinh doanh trong môi trường hiện đại cần phải tiết kiệm chi phí và thời gian lao động. Mọi sự dể dãi trong quản trị vật tư cũng như quản trị lao động đều có nguy cơ dẫn tới thua lỗ.

Dưới tác động của xu hướng số hóa trong lĩnh vực tài chính, toàn cầu hóa có ảnh hưởng sâu sắc đến mọi mặt của nền kinh tế, nhất là thể chế cho huy động vốn của DNNVV. Cách mạng công nghiệp số bùng nổ, thành công ứng dụng công nghệ mới và chuyển đổi số tất yếu tiến trình toàn cầu hóa sẽ có những bước nhảy vọt đáng kinh ngạc. Toàn cầu hóa 4.0 cho thấy sự dịch chuyển cơ cấu nền kinh tế từ chiều rộng sang chiều sâu, thu hút vốn trực tiếp từ nước ngoài, góp phần hoạch định chính sách hội nhập, tăng trưởng kinh tế. Khu vực tư nhân, nhất là doanh nghiệp nhỏ và doanh nghiệp vừa đã tạo nên những thành công nhất định thúc đẩy kinh tế đất nước phát triển [78]. Huy động vốn đầu tư quốc tế hay thu hút FDI hiện trở thành mục tiêu chiến lược của nhiều đất nước để nguồn vốn tư nhân nước ngoài đổ vào các nền kinh tế mới nổi. Nguồn vốn này khá ổn định và ít đảo chiều mang đến tiềm năng về kỹ năng quản lý và công nghệ chuyển giao cho các quốc gia vay vốn. Qua nghiên cứu, toàn cầu hoá 4.0 sẽ làm thay đổi cơ chế quản trị doanh nghiệp, cụ thể là nhóm DNNVV của nước ta nhằm đối phó với sự cạnh tranh và các yêu cầu hà khắc từ các nhà đầu tư quốc tế. Xu hướng thu hút FDI chủ yếu là những quốc gia có cơ chế giám sát tốt và điều tiết hợp lý, cho nên cải thiện thể chế, thể chế cho huy động vốn và nâng cao năng lực quản lý của thị trường mới nổi và tại DNNVV [101].

Sức cạnh tranh của các thành phần kinh tế vô cùng quyết liệt trong

tiến trình toàn cầu hóa 4.0, quốc gia đang phát triển kỳ vọng huy động nguồn vốn tư nhân từ nước ngoài và các nguồn đầu tư ngoài nước, từ đó, vị trí của các thành viên quốc tế có sự điều chỉnh. Trong tiến trình hội nhập, hiệp định thương mại tự do (FTA) ra đời là phương thức điều chỉnh các mối quan hệ quốc tế, buộc Nhà nước và DNNVV phải cải cách thể chế, điều chỉnh những luật lệ hiện hành sao cho ngày càng hiệu quả hơn, minh bạch hơn, thích ứng với "sân chơi" chung quốc tế. Trên đà phát triển, FTA giúp thu hút mạnh mẽ FDI, góp phần tạo thiện cảm với các tổ chức kinh tế và cũng tạo điều kiện cho DNNVV mở rộng nguồn vốn, mở rộng thị trường ngoài lãnh thổ và có thể ra đời những cải cách, đổi mới, sáng tạo thể chế huy động vốn cho DNNVV [78].

2.3. KINH NGHIỆM QUỐC TẾ VỀ THỂ CHẾ CHO HUY ĐỘNG VỐN CỦA DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA. BÀI HỌC CHO VIỆT NAM

2.3.1. Kinh nghiệm quốc tế về thể chế cho huy động vốn của doanh nghiệp nhỏ và vừa

2.3.1.1. Kinh nghiệm của Trung Quốc

Quá trình phát triển của Trung Quốc kể từ sau cải cách mở cửa năm 1978 đã từng bước khơi dậy và gia tăng đóng góp của DNNVV, một phần nhờ vào nỗ lực hoàn thiện thể chế ở Trung Quốc nói chung và thể chế phát triển của DNNVV, thể chế cho huy động vốn nói riêng. Sau giai đoạn khủng hoảng Covid-19, chính phủ của đất nước tỷ dân đã có những chính sách kích cầu tiêu dùng, đầu tư cơ sở vật chất, trợ giúp DNNVV thu hút vốn.

Xem xét một vài chỉ tiêu thể hiện tình hình tài chính Trung Quốc, có thể thấy DNNVV huy động vốn không thuận lợi. Nhu cầu vay của một bộ phận doanh nghiệp giảm đáng kể đang ảnh hưởng trực tiếp đến chuỗi cung ứng sản xuất, hoạt động đầu tư của DNNVV tại đất nước Trung Quốc. Sự phục hồi kinh tế của đất nước hiện đứng thứ hai thế giới về phát triển kinh tế phân bổ không đều, sự can thiệp của Nhà nước qua thể chế huy động vốn là

rất cần thiết. Qua khảo sát, các DNNVV chưa thể đến gần với thể chế của Chính phủ Trung Quốc. Tình hình lạm phát quá cao và việc DNNVV bán tài sản để thanh khoản không phải dễ dàng, vấn đề vay vốn ngân hàng vẫn rất khó khăn với DNNVV. Trong thời gian dài, việc DNNVV gặp khó khăn khi tiếp cận vốn vẫn là vấn đề mang tính thời sự đòi hỏi Chính phủ Trung Quốc phải quyết liệt tìm hướng giải quyết. Một số chính sách cho DNNVV được Chính phủ Trung Quốc áp dụng đã đạt được hiệu quả nhất định bước đầu trong trợ giúp DNNVV huy động, thu hút vốn.

- Chính sách tạo lập môi trường kinh doanh thuận lợi

Môi trường kinh doanh luôn có ý nghĩa đặc biệt quan trọng và một sân chơi bình đẳng, lành mạnh đáp ứng yêu cầu huy động vốn, thu hút vốn của DNNVV sẽ thúc đẩy sự phát triển của nền kinh tế Trung Quốc. Khi đối tượng cụ thể tiếp cận chính sách là DNNVV, Trung Quốc cũng có cái nhìn riêng và tìm cách vận dụng thể chế sao cho hợp tình hợp lý. Trong khuôn khổ chương trình, một số loại dịch vụ, hàng hóa đặc thù chỉ rõ xác định DNNVV là chủ thể sản xuất và cung ứng cho thị trường, chính phủ là chủ thể bao tiêu sản phẩm nhằm hỗ trợ nguồn vốn và đảm bảo đầu ra cho DNNVV trong giai đoạn kinh tế Trung Quốc đang gặp nhiều biến động. Xúc tiến việc hợp tác giữa doanh nghiệp nhà nước và DNNVV cũng được đẩy mạnh, cụ thể doanh nghiệp nhà nước với tư cách là thầu phụ hỗ trợ DNNVV, góp phần giảm một số chi phí và trợ giúp DNNVV huy động, thu hút vốn thuận lợi hơn.

Dựa trên những khung khổ pháp lý nhất định, Chính phủ Trung Quốc tập trung cải cách hành chính để tạo lập môi trường thể chế thuận lợi nhất cho DNNVV. Hằng năm, các thủ tục hành chính đều được giám sát và kiểm tra bởi cơ quan Trung ương, đặc biệt những thủ tục có tác động trực tiếp đến DNNVV rất được Chính phủ nước này quan tâm. Sau quá trình rà soát, Trung Quốc sửa đổi những thủ tục rườm rà đã lạc hậu, tiếp nhận phản ánh của địa phương, tiến hành đổi mới thủ tục hành chính phù hợp hơn với tình hình

DNNVV và nền kinh tế Trung Quốc. Ở Trung Quốc, tiến hành Luật Xúc tiến DNNVV, điều số 27 và 31 đã quy định về việc đơn giản hóa hành chính trong thủ tục đăng ký, thành lập doanh nghiệp; Xu hướng môi trường kinh doanh ổn định, thuận lợi tiếp tục được Chính phủ Trung Quốc đẩy mạnh vào những năm tiếp theo. Không chỉ tinh gọn các thủ tục hành chính, Trung Quốc còn đề cập đến giảm chi phí để hỗ trợ DNNVV. Thông qua điều 12 của Luật Xúc tiến DNNVV, nửa đầu năm 2019 ghi nhận 21 địa phương của Trung Quốc tuân thủ thực hiện chính sách "không tính phí" của Chính phủ, qua đó DNNVV tiết kiệm được hơn 40 tỷ NDT. Chính sách đã giải quyết vấn đề tài chính cho DNNVV, nhờ vậy DNNVV có thể yên tâm ổn định, tiếp tục các hoạt động đóng góp cho đất nước [10].

- Chính sách tài chính

Trên thế giới, bộ phận DNNVV gặp không ít thách thức về tiếp cận tài chính và DNNVV Trung Quốc cũng không ngoại lệ. Chính phủ Trung Quốc nỗ lực giải tỏa những áp lực vốn cho DNNVV thông qua những thể chế, chính sách cải thiện tình hình tài chính. Bước đầu thực hiện, ngân hàng trung ương Trung Quốc đã đột xuất cắt giảm tỷ lệ dự trữ bắt buộc nhằm điều chỉnh tỷ lệ dự trữ bắt buộc xuống thấp đối với các tổ chức tài chính trong nước, qua đó hỗ trợ DNNVV của Trung Quốc nhanh chóng tiếp cận tín dụng. Có hai nhóm chính sách cơ bản: *Thứ nhất*, DNNVV điều tiết vốn với nhiều kênh khác nhau, trong đó kênh huy động vốn truyền thống mà DNNVV được khuyến khích là vay tín dụng; vốn cũng có thể huy động từ các quỹ như quỹ hỗ trợ phát triển, quỹ đầu tư; từ các chương trình mục tiêu quốc gia hoặc ưu đãi thuế của Chính phủ. *Thứ hai*, chính sách liên quan đến tài sản thế chấp vay. DNNVV cần tăng lượng tài sản để tạo điều kiện vay vốn nhanh chóng hơn, hình thức vay linh hoạt hơn. Hàng loạt chính sách mới ra đời nhằm nâng cao dịch vụ về tài chính cho DNNVV với mục tiêu lớn nhất là cải thiện dịch vụ tài chính, đổi mới và đa dạng sản phẩm tài chính cho các DNNVV. Cùng với đó,

ngân hàng Trung Quốc cân nhắc nói lỏng thủ tục vay vốn của DNNVV theo chỉ thị của Chính phủ.

Khi có nhu cầu vốn vay ngắn hạn, doanh nghiệp nhỏ và vừa thường được khuyến khích huy động từ ngân hàng, song tùy vào đặc điểm, tình hình của DNNVV và ngân sách cấp của Chính phủ mà Trung Quốc đưa ra các thể chế hỗ trợ tín dụng thích hợp với DNNVV. Đồng thời, số lượng văn bản ban hành tăng lên theo từng năm cho thấy bảo lãnh tín dụng quan trọng như thế nào đối với DNNVV ở Trung Quốc. Chính sách thúc đẩy các tổ chức đứng ra bảo lãnh phát triển, mở rộng ưu đãi thuế, cung cấp dịch vụ tín dụng tốt hơn và linh hoạt hơn cho DNNVV [10].

Bên cạnh các văn bản luật, Trung Quốc còn thiết lập hệ thống tổ chức bảo lãnh tín dụng cho DNNVV. Tổ chức tài chính này có nguồn vốn từ Ngân sách và xã hội hóa. Trong bối cảnh lạm phát kéo dài và ảnh hưởng của chính sách tiền tệ thắt chặt đến nền kinh tế, Chính phủ Trung Quốc đã ban hành Nghị định bảo lãnh tín dụng liên quan đến DNNVV thuộc lĩnh vực xuất khẩu. Theo đó, khi vay ngắn hạn, đối tượng này sẽ được hưởng mức lãi suất ưu đãi được quy định bởi ngân hàng trung ương. Năm 2011, Chính phủ Trung Quốc đã hỗ trợ lãi suất 2% cho DNNVV, qua đó giảm bớt căng thẳng cho các DNNVV khi đi vay. Thị trường trái phiếu doanh nghiệp ở Trung Quốc cũng khá phát triển, hàng loạt cải cách thể chế đã trợ giúp DNNVV hiệu quả hơn. Doanh nghiệp nhỏ và vừa được phép kết nối với một ngân hàng hay một doanh nghiệp uy tín đứng ra bảo lãnh phát hành trái phiếu. Chính sách cho DNNVV vay trực tiếp từ Chính phủ cũng được áp dụng góp phần giải quyết khúc mắc cho DNNVV trong bối cảnh nền kinh tế đầy biến động [26].

- Chính sách thuế

Chính phủ Trung Quốc đã ban hành các chính sách thuế nhằm giải quyết phần nào gánh nặng tài chính cho DNNVV. Chính phủ áp dụng Chính sách miễn và giảm thuế thu nhập, thuế GTGT, góp phần thúc đẩy việc làm,

khuyến khích phát triển công nghệ cao và ngành dịch vụ. Năm 2019, tương ứng bối cảnh cụ thể, Điều 11 của Luật Xúc tiến DNNVV đã quy định, nhóm DNNVV có doanh thu cao trong khoảng từ 20.000-100.000 NDT sẽ được miễn thuế GTGT. Doanh nghiệp nhỏ và vừa có thu nhập chịu thuế dưới 1 triệu NDT chỉ phải đóng 20%-25% thu nhập, được miễn 75% thuế thu nhập doanh nghiệp. Đối với mức thu nhập chịu thuế từ 1-3 triệu NDT phải đóng 20%-50% thu nhập và 50% được miễn thuế. Theo đó, có khoảng 95% DNNVV được hưởng lợi từ chính sách thuế ưu đãi của Chính phủ, góp phần tháo gỡ cho Chính phủ và giải quyết bài toán tài chính cho DNNVV. Ngoài ra, Chính phủ mở rộng chính sách giảm thuế hướng tới đối tượng các công ty đầu tư mạo hiểm đầu tư vào các DNNVV khởi nghiệp ứng dụng công nghệ cao; chính sách thuế hỗ trợ DNNVV trong lĩnh vực xuất khẩu, hoàn thuế GTGT khuyến khích xuất khẩu.

Chính sách ưu đãi về thuế đóng vai trò quan trọng đối với DNNVV Trung Quốc. Việc giảm, miễn thuế hoặc chính sách ưu đãi về thuế suất giúp DNNVV tiết kiệm đáng kể khoản chi phí cho quá trình kinh doanh cũng như sản xuất, đồng thời tạo công việc mang lại cuộc sống tốt đẹp hơn cho người lao động, thúc đẩy tiêu dùng, nói lỏng dần chi tiêu trong giới hạn nhất định. Vận dụng linh hoạt các chính sách thuế trong điều kiện thích hợp nhằm giảm tỏa áp lực cho DNNVV và Chính phủ Trung Quốc.

- Chính sách đổi mới công nghệ

Công nghiệp lần thứ tư đem lại diện mạo mới cho Trung Quốc khi áp dụng công nghệ vào các lĩnh vực như kinh tế, tài chính... Trong những năm qua, đột phá về khoa học và công nghệ góp phần thổi làn gió mới hỗ trợ DNNVV phát triển sản xuất, cải thiện năng lực và giải quyết nhu cầu tín dụng. Đối với các DNNVV, Chính phủ Trung Quốc đã ban hành văn bản hướng dẫn nhằm đẩy mạnh tự do hóa các DNNVV, khuyến khích DNNVV nâng cao công nghệ và vận dụng linh hoạt.

Mô hình cho vay trực tuyến - công nghệ tài chính (Fintech) là kênh huy động vốn mới song hành bên cạnh các kênh huy động truyền thống. Mô hình sử dụng thuật toán trí tuệ nhân tạo giải quyết bài toán tín dụng cho DNNVV, thuật toán có thể tính toán tương đối chính xác về các chi phí cho vay và giảm tỷ lệ rủi ro trong giao dịch. Trong lĩnh vực cho vay ở Trung Quốc, Lufax được biết đến với mô hình cho vay ngang hàng P2P, kết nối người vay với nhà đầu tư thông qua trực tuyến, không qua tổ chức tài chính. Chi phí giao dịch trong giới hạn chấp nhận được đối với DNNVV, mức thu chỉ 4% trên số tiền vay. P2P là một nền tảng cho vay trực tuyến khá thành công, Lufax giải quyết được vấn đề tài trợ vốn cho DNNVV.

Ngoài ra, ngân hàng kỹ thuật số WeBank lớn nhất Trung Quốc cung cấp các khoản vay cho doanh nghiệp thu nhập thấp. Đây là đối tượng có thể không có hồ sơ vay vốn hoặc không đầy đủ hồ sơ và điểm tín dụng thường rất thấp. WeBank hỗ trợ cho vay bình quân 8.000 NDT nhưng chủ thể vay phải tuân thủ quy định: Thời gian trung bình vay trong 52 ngày và tỷ lệ vi phạm là 0,64%. Mức phí thu cũng không quá cao, hơn 70% người vay có thể hoàn trả đúng hạn với mức lãi suất chưa tới 100 NDT. Đột phá công nghệ tài chính đã đánh dấu bước ngoặt trong hoạt động tín dụng, mở ra nhiều cơ hội tiếp cận vốn đa dạng cho DNNVV mà trước đây bị thống trị bởi các ngân hàng [36].

- Chính sách thúc đẩy thị trường dịch vụ

Thị trường dịch vụ phát triển thì hoạt động tài chính của DNNVV mới có hiệu quả. Trong khi đó, vấn đề thường gặp của DNNVV chính là quy mô và vốn còn hạn chế, cho nên trên thị trường dịch vụ sức cạnh tranh của DNNVV thường yếu hơn khi đặt lên bàn cân với doanh nghiệp lớn hoặc doanh nghiệp quốc tế. Để cải thiện tình hình, Chính phủ Trung Quốc đã thực hiện các chính sách dựa trên nguyên tắc phát triển thị trường bền vững hỗ trợ DNNVV tại thị trường trong nước và quốc tế [23]. Theo điều 38 và 39 của Luật Xúc tiến DNNVV, hướng dẫn các DNNVV không chỉ cạnh tranh bình

đẳng và công bằng với hoặc doanh nghiệp quốc tế mà còn khuyến khích sự hợp tác giữa doanh nghiệp lớn và DNNVV. Chính sách phát triển hướng ra quốc tế cũng được Chính phủ Trung Quốc đặc biệt quan tâm. Để thực hiện mục tiêu đề ra, Trung Quốc đã áp dụng các chính sách thúc đẩy sự phát triển của DNNVV hướng ra thị trường thế giới. Chính phủ nỗ lực giảm thuế xuất khẩu, hỗ trợ tài chính và đào tạo nâng cao trình độ cho DNNVV thuộc lĩnh vực này, cụ thể tham khảo chính sách "Going Global" của Trung Quốc. Tại điều 41 và 42 của Luật Xúc tiến DNNVV liên quan đến thủ tục xuất nhập cảnh và khích lệ các tổ chức tài chính phát triển kinh doanh tín dụng dựa trên tuân thủ pháp luật quy định [10].

2.3.1.2. Kinh nghiệm của Mỹ

Thể chế cho phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa nói chung và thể chế cho huy động vốn của doanh nghiệp nhỏ và vừa nói riêng là vấn đề xuyên suốt ảnh hưởng đến kinh tế thị trường. Vì vậy, bên cạnh tham khảo kinh nghiệm của các quốc gia tương đồng nhằm giải quyết các vấn đề cấp bách thì nước ta nên có chiến lược và tầm nhìn dài hơn, cụ thể tham khảo kinh nghiệm của quốc gia có nền kinh tế cao hơn. Mỹ là quốc gia rất phát triển, có nền kinh tế lớn nhất thế giới và sức ảnh hưởng sâu rộng đến toàn cầu nhưng Chính phủ Mỹ vẫn quan tâm và coi trọng DNNVV. Không giống với hầu hết các nước trên thế giới, Mỹ có cách phân loại doanh nghiệp khá đặc biệt, đó là căn cứ vào giá trị tổng tài sản. Theo đó, Mỹ chia doanh nghiệp thành hai nhóm: Với nhóm có giá trị tài sản từ 10 triệu USD trở lên được chia vào nhóm doanh nghiệp lớn và vừa; nhóm còn lại bao gồm các doanh nghiệp nhỏ và doanh nghiệp một thành viên, có tài sản thấp hơn 10 triệu USD. Theo khảo sát, không có sự thống nhất về tiêu chí xác định doanh nghiệp nhỏ toàn ngành trên cả nước, mà mỗi bang của Mỹ lại đề ra quy ước rất riêng về quy mô, nhân sự và thu nhập theo từng ngành cụ thể. Đối với một số ngành trọng điểm như ngành sản xuất, số nhân công được xác định trong khoảng dưới 500 người

đến 1.500 người; Ngành mở có nhân sự ở ngưỡng dưới 250 người đến 1.500 người; hay ở ngành xây dựng, xem xét yếu tố mức thu nhập trung bình dưới 36,5 triệu USD... Trên cơ sở thúc đẩy sự phát triển của doanh nghiệp nhỏ, đặc biệt liên quan đến huy động vốn, Chính phủ Mỹ đưa ra các chính sách:

- Xây dựng khung khổ pháp lý và cơ chế, chính sách huy động vốn trên cơ sở chia nhỏ các phòng ban của cơ quan Chính phủ với chức năng khác nhau để hỗ trợ cho doanh nghiệp nhỏ

Doanh nghiệp nhỏ là động lực chính của nền kinh tế Mỹ, chiếm hơn 50% nguồn lao động quốc gia, giải quyết công việc và tạo điều kiện tăng thu nhập cho kinh tế tư nhân. Để hỗ trợ, bảo vệ quyền lợi doanh nghiệp nhỏ, Chính phủ Mỹ đã thành lập Cục phát triển doanh nghiệp nhỏ (Small Business Administration - SBA) từ năm 1953 và tổ chức có hoạt động chính thức đầu tiên là hỗ trợ vốn, giúp doanh nghiệp nhỏ tìm kiếm các nhà đầu tư nhằm tăng cơ hội tiếp cận vốn cho đối tượng này. SBA đứng ra bảo lãnh khoản vay của doanh nghiệp nhỏ, tạo điều kiện cho họ tiếp cận nguồn vốn vay an toàn mà không cần qua nhà đầu tư. Ngoài ra, các khóa đào tạo và hoạt động tư vấn của SBA cũng góp phần cải thiện các kỹ năng còn yếu, nhất là kỹ năng quản lý của nhóm doanh nghiệp sau khủng hoảng.

Trong chương trình này, khoản vay SBA đứng ra bảo lãnh dao động từ 500 USD đến 5,5 triệu USD và doanh nghiệp nhỏ Mỹ phải thỏa mãn các điều kiện vay mà SBA yêu cầu. Các khoản vay được SBA bảo lãnh đem lại ích lợi cho doanh nghiệp nhỏ. Họ được hưởng ưu đãi lãi suất và thường mức phí có chênh lệch không lớn so với vay không bảo đảm; một số khoản vay không yêu cầu thế chấp tài sản. Ngoài ra, dịch vụ tư vấn kèm theo từ SBA sẽ giúp doanh nghiệp nhỏ có kỹ năng ứng phó với những thách thức khi khởi nghiệp.

Chính phủ Mỹ đề cập đến thể chế cho doanh nghiệp nhỏ tăng khả năng tiếp cận vốn: Những khoản vay, các điều kiện kèm theo dành riêng cho doanh nghiệp xuất khẩu; có chính sách đào tạo nguồn nhân lực tiềm năng; ý kiến và tư vấn từ những chuyên gia hàng đầu mang lại kinh nghiệm đáng quý cho

doanh nghiệp nhỏ phát triển.

Hợp đồng của chính phủ mang lại cơ hội vốn cho các doanh nghiệp nhỏ. Tại tòa nhà Capitol, quốc hội đề xuất biện pháp rất thiết thực nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp nhỏ từ chính sản phẩm hàng hóa, dịch vụ mà họ tạo ra. Cụ thể, SBA làm việc với các cơ quan liên bang để trao 23% giá trị hợp đồng của Chính phủ cho các doanh nghiệp nhỏ đủ điều kiện. Nó cũng cung cấp tư vấn và giúp đỡ cho các nhà thầu kinh doanh nhỏ. Thông tin các hợp đồng minh bạch về số liệu, đây là điều kiện tiên quyết cực kỳ quan trọng trong quá trình hợp đồng được ký kết. Cơ quan chính phủ liên bang chịu trách nhiệm công khai danh sách hợp đồng. Theo đó, một số hợp đồng có giá trị lớn thì chỉ một phần công việc nhất định dành riêng cho doanh nghiệp nhỏ; một số hợp đồng khác có giá trị không quá lớn thì doanh nghiệp nhỏ có thể tham gia thực hiện cả hợp đồng đó. Đối với doanh nghiệp nhỏ gặp khó khăn, hoặc chủ doanh nghiệp nhỏ là phụ nữ, Chính phủ dành tối thiểu 5% giá trị hợp đồng; mức 3% giá trị hợp đồng sẽ giúp đỡ cho nhóm doanh nghiệp nhỏ của người khuyết tật, doanh nghiệp chịu ảnh hưởng của suy thoái kinh tế, hay doanh nghiệp nhỏ cần được hỗ trợ khác. Chính sách này mang ý nghĩa rất nhân văn, Chính phủ Mỹ rất coi trọng doanh nghiệp nhỏ và quan tâm đến đối tượng thu nhập thấp trong xã hội [33].

Suy thoái kinh tế ảnh hưởng rất lớn đến doanh nghiệp nhỏ Mỹ, họ gặp khó khăn lớn về vốn. Hầu như các doanh nghiệp không đủ mạnh về tài chính, thiếu tiền và vốn huy động không dễ dàng với họ. Các hình thức huy động vốn cho doanh nghiệp nhỏ rất đa dạng, huy động từ khoản vay tín dụng vẫn là chủ yếu, lên tới tới 89%, trong khi hình thức đầu tư vốn cổ phần chỉ chiếm chưa tới 6%.

Tại Hoa Kỳ, doanh nghiệp khởi nghiệp nhận được sự quan tâm rất lớn của Chính phủ Mỹ. Vào năm 2016, để đẩy mạnh nhóm này phát triển, Quốc hội Mỹ thành lập Văn phòng Thúc đẩy huy động vốn cho doanh nghiệp nhỏ,

đặt trụ sở tại Ủy ban Chứng khoán Hoa Kỳ (SEC). Nhiệm vụ chính của tổ chức là hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ cũng như doanh nghiệp khởi nghiệp thu hút, huy động vốn; đảm nhận trách nhiệm giám sát và báo cáo kết quả lên SEC, trực tiếp đưa ý kiến lên các ủy ban của Quốc hội Mỹ. Với tầm nhìn xa, kỳ vọng doanh nghiệp nhỏ, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo thu hút vốn thành công góp phần nâng cao vị thế doanh nghiệp và tăng trưởng kinh tế lâu dài, tổ chức đã dự thảo Kế hoạch Chiến lược 2021 - 2025 trình Quốc hội. Ngoài ra, hỗ trợ đắc lực cho Văn phòng còn có Trung tâm Huy động vốn (Capital Raising Hub) có vai trò tiếp sức và tư vấn cho doanh nghiệp nhỏ mọi thông tin cần thiết.

Bên cạnh đó, Ủy ban Tư vấn huy động vốn cho các doanh nghiệp nhỏ (Small Business Capital Formation Advisory Committee) thuộc SEC là một tổ chức độc lập, có tầm ảnh hưởng đáng kể đến doanh nghiệp nhỏ. Vai trò của Ủy ban là xây dựng các cơ chế, quy định liên quan đến giao dịch chứng khoán và quản trị doanh nghiệp. Từ cơ sở đó, đưa ra khuyến nghị cho SEC nhằm tăng tính hiệu quả của các chính sách huy động vốn cho doanh nghiệp nhỏ và khởi nghiệp sáng tạo.

Nhằm thu hút đầu tư và mở rộng nguồn vốn cho doanh nghiệp nhỏ, lên sàn chứng khoán là cách giới thiệu và quảng bá tốt nhất về mức độ uy tín của doanh nghiệp. Doanh nghiệp lên sàn sẽ có hình thức chào bán cổ phiếu và thường sẽ hướng đến thị trường cổ phiếu đại chúng. Song, luật pháp Hoa Kỳ quy định hai phương thức: Một là, chào bán ra công chúng và hai là, không chào bán ra công chúng.

Ngoài hình thức huy động vốn phát hành cổ phiếu đầu tiên ra công chúng (Initial Public Offering - IPO), hình thức khác như công ty mua lại có mục đích đặc biệt (Special Purpose Acquisition Company - SPAC) bùng nổ sau đại dịch Covid-19. Nhiều doanh nghiệp nhỏ chọn hoãn kế hoạch IPO hoặc sáp nhập với một SPAC. Việc sáp nhập diễn ra cho phép một công ty không chỉ trở thành doanh nghiệp đại chúng, mà còn huy động vốn nhanh chóng.

Hình thức huy động vốn cộng đồng đang dần thay thế kênh huy động vốn truyền thống ở Mỹ. Theo đó, doanh nghiệp nhỏ và các nhà đầu tư tương tác trực tuyến qua lại với nhau. Số liệu thu thập tại Mỹ năm 2020 chỉ ra rằng, giá trị huy động vốn lên tăng 86% so với năm 2019.

- Chính sách thúc đẩy sự phát triển của các loại hình quỹ đầu tư đối với doanh nghiệp nhỏ

Tại Mỹ, các quỹ đầu tư mạo hiểm và nhà đầu tư thiên thần (Angel Investors) có vai trò đặc biệt đối với doanh nghiệp khởi nghiệp. Khảo sát năm 2020, quy mô các nhà đầu tư thiên thần gia tăng với số lượng nhà đầu tư được chấp thuận tại Mỹ lên tới con số 334.680 nhà đầu tư, tăng 3,5% so với năm 2019, và tổng giá trị số tiền đầu tư cũng có xu hướng tăng 25,3 tỷ USD, xấp xỉ 6. Khoản tài trợ của nhà đầu tư thiên thần là nền tảng hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ bước đầu gia nhập thị trường. Sau quá trình khởi nghiệp, để thúc đẩy sự phát triển doanh nghiệp nhỏ và hỗ trợ lên sàn giao dịch thành công, nguồn vốn từ quỹ đầu tư mạo hiểm dành cho doanh nghiệp nhỏ ngày càng tăng lên qua nhiều vòng đầu tư. Các quỹ đầu tư khác như quỹ phòng hộ (Hedge Fund), quỹ tương hỗ (Mutual Fund) cũng ngày càng ưa chuộng trong giới đầu tư Mỹ, góp phần nâng cao vị thế của doanh nghiệp. Dựa trên tình hình doanh nghiệp nhỏ, định hướng và lên kế hoạch phân bổ các nguồn vốn giúp cho Chính phủ Mỹ soạn thảo các thể chế kịp thời cho các đối tượng thực thi. Hơn nữa, các loại hình quỹ cũng rất đa dạng cả trong nước và nước ngoài, doanh nghiệp nhỏ cần nghiên cứu kỹ để lựa chọn hình thức an toàn và tiện lợi nhất.

- Các cơ quan quản lý giao lưu trao đổi và tư vấn hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ

Tại Mỹ, thông qua Văn phòng, buổi tọa đàm, hội nghị và hội thảo được tổ chức thường xuyên thu hút số lượng lớn sự tham gia của nhà đầu tư, các chuyên gia về các vấn đề tập trung đến huy động vốn của doanh nghiệp nhỏ. Qua đó, doanh nghiệp nhỏ có cơ hội giao lưu, trao đổi với tổ chức thuộc lĩnh vực có liên quan, khu vực khác nhau. Ngoài ra, dịch vụ tư vấn bởi các chuyên

gia tài chính ngày càng phổ biến nhằm hiểu rõ về cầu vốn của doanh nghiệp nhỏ và cung cấp thêm các kỹ năng cho họ trên thị trường. Tăng cường trao đổi, minh bạch thông tin, có chọn lọc nguồn thông qua xây dựng các cổng thông tin trực tuyến, tăng tính tương tác giữa doanh nghiệp nhỏ và các nhà đầu tư để tạo cơ hội đầu tư cho các nhà đầu tư thiên thần là những xu thế mới của nền kinh tế cần được nghiên cứu và kiểm chứng trong thời gian dài [70].

2.3.2. Bài học cho Việt Nam về thể chế cho huy động vốn của doanh nghiệp nhỏ và vừa

Trong những năm qua, DNNVV ở nước ta ngày càng phát triển cả về quy mô và chất lượng, đóng vai trò quan trọng vào mục tiêu tăng trưởng kinh tế của đất nước, tạo việc làm, giải quyết vấn đề thu nhập cho người lao động, góp phần đảm bảo an sinh, phòng tránh các rủi ro cũng như ổn định đời sống cho người dân. Trước tình thế bất ổn của nền kinh tế toàn cầu, trước hết là tác động không nhỏ của Covid-19 đến DNNVV ở nước ta, Đảng và Nhà nước đã hoạch định chủ trương, triển khai thể chế, đẩy mạnh sự phát triển, nâng cao khả năng tiếp cận vốn của DNNVV.

Trên cơ sở nghiên cứu, quán triệt nội dung đường lối của Đảng và chủ trương của Nhà nước, tham khảo mô hình, chính sách của một số quốc gia trong khu vực và trên Thế giới, nghiên cứu sinh đúc kết bài học cho Việt Nam về thể chế cho huy động, thu hút vốn của DNNVV trong thời kỳ hội nhập như sau:

- Tạo lập môi trường sản xuất, kinh doanh thuận lợi cho DNNVV

Đó là một môi trường lành mạnh, bình đẳng không có vụ lợi, tạo điều kiện cho DNNVV nâng cao khả năng cạnh tranh ở thị trường trong nước và quốc tế. Đây là yếu tố cơ bản thúc đẩy kinh tế phát triển bền vững. Cần xác định rõ, DNNVV là động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ngày nay, từ đó tạo lập môi trường thể chế cho DNNVV trong thu hút vốn, nỗ lực phấn đấu nâng cao vị thế. Còn Nhà nước là chủ thể có khả năng tạo lập nên môi trường sản xuất hàng hóa và đầu tư thuận lợi cho DNNVV thông qua các thể chế, chính sách. Hệ thống các văn bản luật pháp là

cánh tay đắc lực của Nhà nước để các thể chế đến gần hơn với DNNVV. Tham khảo kinh nghiệm của một số quốc gia như Trung Quốc và Mỹ, qua đó, tiếp tục hoàn thiện thể chế, nổi bật là thể chế về huy động vốn cho DNNVV; xóa bỏ những điều Luật đã lỗi thời, cải cách và đổi mới cách thức thực hiện, tinh giản gọn nhẹ thủ tục hành chính; cập nhật xu hướng công nghệ số để DNNVV thuận lợi tiếp cận các thông tin chính thống trên cổng thông tin trực tuyến. Các nguồn thông tin, văn bản hướng dẫn phải được truyền bá rộng rãi, đại chúng, thực hiện minh bạch và công khai trong thể chế huy động vốn. Khi DNNVV cần thông tin, cán bộ Nhà nước nhiệt tình tư vấn và hướng dẫn cho DNNVV để công tác xây dựng thể chế, chính sách đi đúng hướng.

- Cải thiện thể chế, chính sách hỗ trợ DNNVV huy động vốn hiệu quả

Việc cải thiện khung khổ pháp lý và điều chỉnh các thể chế, chính sách tại Việt Nam đã được thể hiện thông qua hệ thống văn bản quy phạm pháp luật. Trong đó, Luật Hỗ trợ DNNVV không những là công cụ giám sát và hỗ trợ của Nhà nước mà còn là cơ sở để DNNVV chịu trách nhiệm thực hiện hiệu quả các nguồn lực được tiếp nhận. Mặc dù Luật Hỗ trợ DNNVV đã được ban hành và qua nhiều lần sửa đổi, song việc triển khai thực hiện vẫn gặp nhiều thách thức. Nhà nước không ngừng cải thiện thể chế, và vận dụng có hiệu quả các mô hình hỗ trợ của một số quốc gia đã thành công sao cho phù hợp với bối cảnh kinh tế đất nước.

Cho đến nay, Bộ Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan của Chính phủ có chức năng thống nhất quản lý về hỗ trợ DNNVV. Theo đó, Bộ đảm nhiệm vai trò tham mưu chiến lược, tổng hợp và báo cáo Chính phủ về hoạt động của DNNVV. Ngoài ra, Bộ cũng phối hợp cùng cơ quan ngang Bộ tùy vào chức năng chuyên môn khác nhau, mỗi cơ quan sẽ có trách nhiệm riêng trong việc hỗ trợ DNNVV. Cho đến nay, việc hỗ trợ và phát triển DNNVV chủ yếu do Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) thực hiện. VCCI mới chỉ có đại diện ở một số tỉnh, thành phố lớn và có các công ty trực thuộc. Thực tế, các công ty trực thuộc không hẳn hỗ trợ DNNVV mà mục đích kinh

doanh là chính. Trên cơ sở nghiên cứu kinh nghiệm Mỹ, Việt Nam có thể cân nhắc thành lập một tổ chức chuyên trách vấn đề huy động vốn cho DNNVV hoặc cơ quan của Chính phủ cần chia ra các phòng ban có chức năng có thể hỗ trợ huy động vốn cho DNNVV tương tự như Văn phòng Thúc đẩy huy động vốn của Mỹ. Để đảm bảo quá trình truyền tải chính xác thông tin và kịp thời đến DNNVV, đồng thời hỗ trợ DNNVV thu hút vốn và hợp tác quốc tế, việc nghiên cứu thành lập các cơ quan, tổ chức hỗ trợ DNNVV là cần thiết.

- Phát triển hệ thống tài chính thông qua đa dạng các kênh huy động vốn cho DNNVV

Doanh nghiệp nhỏ và vừa vẫn không thuận lợi trong công cuộc huy động vốn từ ngân hàng do các điều kiện rất chặt chẽ về hồ sơ và tài sản mang thế chấp. Để DNNVV có thể tiếp cận vốn thuận lợi hơn, Chính phủ cần có hệ thống tài chính hoàn chỉnh thông qua các kênh huy động vốn linh hoạt cho DNNVV. Nâng cao hiệu quả nguồn vốn tín dụng được bảo lãnh; các dịch vụ tài chính, từng bước nâng cao chất lượng và mở rộng các khoản vay; đánh giá, cân nhắc nới lỏng điều kiện cho vay với DNNVV, nghiên cứu phương pháp thay thế thích hợp, đặc biệt là điều kiện về tài sản thế chấp.

Nhà nước ta đã thành lập quỹ phát triển DNNVV và ứng dụng mô hình bảo lãnh tín dụng ở cấp địa phương. Tuy nhiên để hệ thống quỹ ngày càng phát triển và theo kịp xu thế của thế giới, cần đẩy mạnh hoàn thiện các quy định pháp lý, tổ chức bộ máy Quỹ phát triển DNNVV; xác định rõ ràng các tiêu chí bảo lãnh; xây dựng hệ thống dữ liệu nhằm nắm bắt thông tin và sử dụng có hiệu quả cho công tác bảo lãnh tín dụng, vừa tiết kiệm chi phí, vừa tránh chồng chéo trong thủ tục vay vốn của doanh nghiệp với các quỹ và các tổ chức tín dụng, góp phần hỗ trợ DNNVV huy động, thu hút vốn tín dụng cho phát triển kinh doanh, đầu tư.

Bên cạnh đó, đề xuất các chương trình hoặc dự án tài chính hỗ trợ DNNVV huy động vốn hiệu quả. Lên kế hoạch từ tổng quát đến cụ thể cho huy động vốn của DNNVV và doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trong các

khoản vay trung, dài hạn để từ đó có thể cải thiện các hình thức hỗ trợ nhóm doanh nghiệp này trong tương lai gần. Tham khảo chính sách thuế của một vài quốc gia trên Thế giới, trong đó tham khảo chính sách thuế của Trung Quốc, vận dụng linh hoạt để hỗ trợ phát triển DNNVV, nhất là DNNVV thuộc lĩnh vực xuất khẩu.

Việt Nam cũng có thể nghiên cứu, lĩnh hội các loại hình tiếp cận vốn tại Trung Quốc, Mỹ như hình thức huy động từ cộng đồng, hình thức vay ngang hàng P2P, SPAC..., tham khảo các quy định về các loại hình nhà đầu tư, quỹ đầu tư để tăng cung cầu trên thị trường.

- Tăng cường các dịch vụ hỗ trợ DNNVV

Cần định hướng DNNVV phát triển theo cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị. Xây dựng các khu làm việc chung trên quỹ đất được bố trí cho DNNVV phát triển ngành; tạo lập cơ sở ươm mầm; hỗ trợ DNNVV nâng cao năng lực cạnh tranh, đổi mới công nghệ, từ đó mang lại những thành tựu trong thực hiện thể chế hỗ trợ DNNVV của Chính phủ.

Thường xuyên tổ chức các buổi tọa đàm, hội nghị và hội thảo có chuyên môn, chuyên ngành để DNNVV có cơ hội được giao lưu và tương tác trực tiếp với các cơ quan, tổ chức thuộc các lĩnh vực có liên quan, nhất là các nội dung hỗ trợ huy động vốn cho DNNVV. Nâng cao hiệu quả của dịch vụ tư vấn để các nhà đầu tư hoặc bên cho vay tiềm năng có thể tiếp xúc, đánh giá bên vay và DNNVV cũng có cơ hội huy động vốn phù hợp với chi phí tốt nhất.

Tăng cường cải thiện kết cấu hạ tầng dịch vụ, xây dựng công thông tin trực tuyến thông qua nguồn vốn xã hội hóa hoặc các chương trình dự án tài chính góp phần giải quyết nhanh chóng các vấn đề dư luận quan tâm và cung cấp kịp thời các thông tin chính thống của Đảng và Nhà nước đến DNNVV.

Đẩy mạnh việc liên kết, hợp tác giữa DNNVV với các đối tác nghiên cứu hoặc trường đại học nhằm giải quyết vấn đề nhân lực giữa các bên, ứng dụng công nghệ mới, thương mại hóa các thành quả nghiên cứu, qua đó giảm bớt chi phí cho DNNVV, góp phần chia sẻ gánh nặng cho ngân sách quốc gia và kinh tế phát triển bền vững [23; 70].

Chương 3

THỰC TRẠNG THỂ CHẾ CHO HUY ĐỘNG VỐN CỦA DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA Ở VIỆT NAM

3.1. KHÁI QUÁT QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH PHÁT TRIỂN VÀ THỰC TRẠNG HUY ĐỘNG VỐN CỦA DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA Ở VIỆT NAM

3.1.1. Khái quát quá trình hình thành, phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam trong thời kỳ đổi mới

Sự hình thành DNNVV ở Việt Nam thực sự khởi sắc kể từ khi đổi mới nhờ những đường lối và chủ trương đúng đắn của Đảng, Nhà nước về chuyển đổi nền kinh tế từ bao cấp sang thị trường và tiến hành chính sách kinh tế nhiều thành phần. Cùng với các chủ thể dựa trên hình thức sở hữu nhà nước, tập thể nhanh chóng hình thành phát triển các chủ thể kinh doanh mới dựa trên các hình thức sở hữu tư nhân với vốn đầu tư ngoài nhà nước. Cùng với quá trình hình thành hệ thống thể chế mới, hầu hết chủ thể kinh doanh đều được tổ chức dưới hình thái doanh nghiệp. Căn cứ quy mô nguồn vốn và mức độ thu hút lao động, có thể phân nhóm doanh nghiệp thành: Doanh nghiệp nhỏ và vừa và doanh nghiệp lớn.

Tiêu chí xác định DNNVV có sự thay đổi theo trình độ phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Theo Nghị định số 56/2009/NĐ-CP ngày 30/6/2009 về trợ giúp phát triển DNNVV, các doanh nghiệp nhỏ và vừa được chia thành ba cấp: Siêu nhỏ, nhỏ, xác định theo ba khu vực kinh tế: (1) Nông, lâm nghiệp và thủy sản; (2) Công nghiệp và xây dựng; (3) Thương mại và dịch vụ. Dựa trên tiêu chí về số lao động bình quân năm hoặc theo quy mô tổng nguồn vốn để phân biệt ba cấp doanh nghiệp thuộc nhóm DNNVV. Định nghĩa về DNNVV cụ thể được quy định tại Điều 3 của Nghị định này [19].

Nghị định số 39/2018/NĐ-CP ngày 11/3/2018 ban hành thay thế Nghị định số 56/2009/NĐ-CP, đã quy định chi tiết một số điều của Luật hỗ trợ

DNNVV, các DNNVV vẫn được phân biệt theo khu vực kinh tế, tuy nhiên đã có những điểm mới về quy mô lao động, tổng nguồn vốn với sự bổ sung tiêu chí tổng doanh thu [21].

Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 ban hành thay thế Nghị định số 39/2018/NĐ-CP, vẫn giữ nguyên tiêu chí tổng nguồn vốn hoặc tổng doanh thu để xác định DNNVV, tuy nhiên, nghị định mới có sự thay đổi về tiêu chí quy mô lao động. Nếu như ở Nghị định số 39, doanh nghiệp nhỏ và vừa được xác định trên tiêu chí “số lao động tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm” thì sang Nghị định số 80, tiêu chí có sự điều chỉnh “sử dụng lao động có tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm” để xác định đối tượng DNNVV.

Tính từ năm 2011 đến năm 2023, doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam có sự gia tăng nhanh chóng về số lượng, cụ thể được phản ánh qua bảng 3.1:

Bảng 3.1: Sự phát triển về số lượng của doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam giai đoạn 2011 - 2023

Đơn vị tính: Doanh nghiệp

Năm	Tổng số doanh nghiệp	Tổng số DNNVV	Tỷ lệ DNNVV / Tổng số doanh nghiệp (%)
Bình quân giai đoạn 2011 - 2015	377.898	365.982	96,85
2016	505.059	495.010	98,01
2017	560.413	544.212	97,11
2018	610.637	593.629	97,21
2019	668.505	651.138	97,40
2020	684.260	666.256	97,37
2021	718.697	699.852	97,38
2022	752.476	732.686	97,37
2023	787.842	767.122	97,37

Nguồn: [12; 13; 14; 15; 17] và tính toán của NCS.

Những số liệu trên cho thấy trong giai đoạn 2011 - 2023, số lượng DNNVV đang hoạt động sản xuất kinh doanh tăng hơn gấp hai lần từ 365.982 doanh nghiệp lên 767.122 doanh nghiệp và luôn chiếm tỷ trọng lớn trong tổng số doanh nghiệp Việt Nam, cụ thể, cao nhất là năm 2016 đạt tỷ trọng 98,01%, thấp nhất là năm 2017 đạt tỷ trọng 97,11%. Trong cùng khoảng thời gian này, doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia hầu hết các ngành nghề kinh tế, tuy nhiên phân bố giữa các ngành thiếu sự đồng đều: Phân bố chủ yếu ở các ngành thuộc lĩnh vực dịch vụ; tiếp đó là các ngành thuộc lĩnh vực công nghiệp; các ngành thuộc lĩnh vực nông nghiệp có số lượng DNNVV tham gia ít nhất.

Trong những năm qua, doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam có vai trò nổi bật trong phát triển kinh tế - xã hội. Các DNNVV đã thu hút lượng lớn lao động thông qua hoạt động tạo việc làm. Trong giai đoạn 2011 - 2021, tỷ trọng của các DNNVV về thu hút nhân lực trong tổng số lao động đang làm việc ở các doanh nghiệp chiếm từ 36,1% đến 44,3%. Trong số DNNVV thì các doanh nghiệp nhỏ có tỷ trọng việc làm lớn nhất từ 17% đến 26,3%. Tính riêng giai đoạn 2016 - 2021, các doanh nghiệp vừa chiếm tỷ lệ thấp nhất từ 7,2% đến 9,7%, tuy nhiên đang có xu hướng thu hút lao động tăng dần.

Hơn nữa, những đóng góp đáng kể vào tổng thu nhập quốc dân và thu ngân sách Nhà nước của DNNVV đã góp phần mang lại những giá trị to lớn trong việc gỡ rối nhiều vướng mắc của xã hội. Người lao động có việc làm, được trao dồi kiến thức và nâng cao tay nghề, nhờ đó chất lượng cuộc sống của họ cũng ngày càng nâng cao hơn. Giai đoạn 2011 - 2021, tình hình thu nhập bình quân tháng của một lao động trong DNNVV có sự biến động rõ rệt. Doanh nghiệp siêu nhỏ và doanh nghiệp nhỏ có mức thu nhập tăng trong bình quân giai đoạn 2011 - 2015, khoảng thời gian 2017 - 2019 và năm 2021 nhưng giảm vào năm 2020, nhất là doanh nghiệp siêu nhỏ có mức thu nhập khá thấp trong khối các doanh nghiệp từ 6 triệu đồng/người/tháng năm 2017 xuống 4,3 triệu đồng/người/tháng vào năm 2020, và tăng trở lại vào năm 2021 với mức thu nhập bình quân 6,2 triệu đồng/người/tháng. Trong năm 2020,

doanh nghiệp siêu nhỏ giảm sâu so với năm 2017 (giảm 28%). Đối với doanh nghiệp vừa giai đoạn 2011 - 2021, mức thu nhập bình quân của người lao động tăng đáng kể từ 5,4 triệu đồng/người/tháng lên 9,8 triệu đồng/người/tháng. So sánh với doanh nghiệp lớn thì mức thu nhập của nhóm lao động thuộc DNNVV vẫn có những khoảng cách nhất định.

3.1.2. Thực trạng nguồn vốn và huy động vốn của doanh nghiệp nhỏ và vừa giai đoạn 2011 - 2023

Trong những năm qua, nguồn vốn của DNNVV không ngừng gia tăng. Trong giai đoạn 2011 - 2021, nguồn vốn của các doanh nghiệp siêu nhỏ tốc độ tăng nhanh nhất, tiếp đó là nguồn vốn của các doanh nghiệp nhỏ và doanh nghiệp vừa. Tính chung cho khu vực DNNVV thì trong giai đoạn 2011 - 2021 nguồn vốn đã tăng 365,3% (từ 4.611.878 tỷ đồng lên 16.845.553 tỷ đồng).

Vốn chủ sở hữu là bộ phận quan trọng của nguồn vốn DNNVV. Huy động VCSH là hoạt động tăng cường vốn chủ góp phần tăng quy mô vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của DNNVV. Quy mô VCSH của DNNVV ở Việt Nam giai đoạn 2011 - 2021 cụ thể được phản ánh qua bảng 3.2:

Bảng 3.2: Quy mô vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp nhỏ và vừa giai đoạn 2011 - 2021

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Năm	Vốn chủ sở hữu	Tốc độ tăng VCSH (%)
2011	1.107.835	100
2012	1.703.041	153,73
2013	1.962.952	115,26
2014	2.307.702	117,56
2015	1.924.059	83,38
2016	2.515.621	130,75
2017	2.748.813	109,27
2018	3.989.954	145,15
2019	4.628.908	116,01
2020	4.554.591	98,39
2021	4.505.380	98,92

Nguồn: [49].

Trong giai đoạn 2011 - 2021, vốn chủ sở hữu của DNNVV có xu hướng tăng nhưng có ba năm VCSH giảm sút: Năm 2015, 2020 và 2021. So sánh quy mô VCSH của DNNVV thời điểm năm 2021 với năm 2011, ta thấy VCSH của DNNVV năm 2021 tăng so với năm 2011, với tỷ lệ tăng 306,68%.

Doanh nghiệp nhỏ và vừa huy động VCSH khá khó khăn nên hình thức huy động tăng nợ phải trả thông qua các hình thức vay vốn góp phần tăng quy mô nguồn vốn cho DNNVV. Vì vậy, hệ số nợ ở ngưỡng an toàn rất quan trọng để DNNVV thuận lợi hơn trong hoạt động tiếp cận vốn. Hệ số nợ của DNNVV giai đoạn 2011 - 2021 được phản ánh qua bảng 3.3:

Bảng 3.3: Hệ số nợ của doanh nghiệp nhỏ và vừa giai đoạn 2011 - 2021

Đơn vị tính: Lần

Năm	2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017	2018	2019	2020	2021
Hệ số nợ	0,532	0,5	0,482	0,482	0,498	0,478	0,488	0,488	0,485	0,504	0,506

Nguồn: [49].

Giai đoạn 2011 - 2021, hệ số nợ của khu vực DNNVV cao nhất vào năm 2021 với 0,506 lần và thấp nhất vào năm 2016 với 0,478 lần. Nhìn chung trong cả giai đoạn, hệ số nợ ở mức thấp, trong đó, một số thời điểm hệ số nợ đạt ngưỡng an toàn lần lượt qua các năm 2011 với 0,532 lần, năm 2015 với 0,498 lần, năm 2019 là 0,485 lần, năm 2020 là 0,504 lần và năm 2021 với 0,506 lần.

Theo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, nguồn vốn của các DNNVV không ngừng gia tăng và trong tổng số các doanh nghiệp có doanh nghiệp siêu nhỏ chiếm tỷ trọng cao lên đến 65%. Doanh nghiệp này có nhiều yếu tố còn hạn chế về quy mô nguồn vốn, kỹ năng quản trị và các năng lực khác. Trong khi nhu cầu vốn của DNNVV luôn rất cao nhưng tình trạng chung tại DNNVV là số liệu tài chính thiếu minh bạch, các báo cáo về tình hình nộp thuế trong nội bộ doanh nghiệp chưa đầy đủ, tài sản chưa đảm hoặc chưa đáp ứng đủ yêu cầu vay vốn tín dụng [38].

Về hoạt động huy động vốn, các kênh huy động rất phong phú, đa dạng. Với tư cách là bộ phận của thành phần kinh tế nằm ngoài quốc doanh, đóng vai trò to lớn trong công cuộc phát triển kinh tế, DNNVV được Đảng và Nhà nước quan tâm phát triển. Trên cơ sở các quy định của Nhà nước, Ngân hàng tiến hành nhiều thể chế tín dụng khác nhau xoay quanh vấn đề huy động vốn của DNNVV.

Theo Vụ Tín dụng các ngành kinh tế, dư nợ tín dụng của DNNVV bình quân giai đoạn 2018 - 2022 tăng 14,17% toàn nền kinh tế. Tính đến 31/12/2022, dư nợ tín dụng tăng 8,28% so với cùng kỳ năm 2021, chiếm khoảng 19% dư nợ tín dụng toàn kinh tế; năm 2023 tăng 13,6% so với năm 2022. Tính trong khu vực kinh tế, phần lớn dư nợ tín dụng của doanh nghiệp này tập trung vào lĩnh vực thương mại và dịch vụ chiếm 56,29%, theo sau là lĩnh vực công nghiệp, xây dựng với 40,85% [63].

Huy động vốn của DNNVV tại các ngân hàng thuộc Nhà nước luôn chiếm số lượng cao nhất với 48,05% tổng dư nợ; theo sau là các ngân hàng thương mại cổ phần chiếm 47,43%; khối ngân hàng nước ngoài và các tổ chức tín dụng khác cho DNNVV vay ở mức thấp nhất với 4,52% [63]. Có thể thấy rằng, các DNNVV đã huy động vốn tín dụng để cung cấp vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh nhưng nhiều thách thức DNNVV phải đối mặt và việc tiếp cận vốn không phải dễ dàng.

3.2. TÌNH HÌNH XÂY DỰNG VÀ HOÀN THIỆN THỂ CHẾ CHO HUY ĐỘNG VỐN CỦA DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA Ở VIỆT NAM

3.2.1. Tình hình xây dựng và hoàn thiện thể chế cho huy động vốn của doanh nghiệp nhỏ và vừa từ các tổ chức tín dụng

3.2.1.1. Quy định pháp luật của Nhà nước về thu hút, huy động vốn đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa

Trong những năm qua, triển khai thực hiện quan điểm của Đảng về phát triển kinh tế - xã hội nói chung, phát huy vai trò của DNNVV trong đó

có tạo lập điều kiện thuận lợi cho DNNVV huy động vốn để kinh doanh nói riêng, Nhà nước đã không ngừng nỗ lực xây dựng và ban hành các quy định pháp luật, từng bước tạo lập và hoàn thiện hệ thống thể chế cho huy động vốn của DNNVV của nước ta thời đổi mới. Xuất phát từ thực tiễn yêu cầu phát triển DNNVV, những quy định ban đầu về huy động vốn của DNNVV được Chính phủ ban hành các quy định dưới hình thái Nghị định, qua tổng kết thực tiễn, đã dần được nâng lên mức ban hành các luật liên quan đến thể chế cho huy động vốn của DNNVV. Để hỗ trợ DNNVV, Chính phủ đã ban hành những văn bản pháp luật đầu tiên về DNNVV. Năm 2001, thấy được vai trò quan trọng của DNNVV, Chính phủ chính thức ban hành Nghị định số 90/2001/NĐ-CP về việc trợ giúp phát triển DNNVV vào ngày 23/11/2001. Theo đó, doanh nghiệp nhỏ và vừa chính thức được định nghĩa: "Doanh nghiệp nhỏ và vừa là cơ sở sản xuất, kinh doanh độc lập, đã đăng ký kinh doanh theo pháp luật hiện hành, có vốn đăng ký không quá 10 tỷ đồng hoặc số lao động trung bình hàng năm không quá 300 người" [18]; có thể linh hoạt áp dụng đồng thời cả hai chỉ tiêu vốn và lao động hoặc một trong hai chỉ tiêu nói trên tùy vào điều kiện kinh tế - xã hội của từng ngành, từng địa phương. Như vậy, doanh nghiệp thuộc quy mô nhỏ và vừa đã được cụ thể hóa với định nghĩa có các tiêu chuẩn rõ ràng hơn. Nghị định cũng quy định rằng, Chính phủ trợ giúp DNNVV đầu tư thông qua một số biện pháp về tài chính, tín dụng, áp dụng trong một thời gian nhất định vào một số ngành nghề cụ thể, trong đó bao gồm các ngành nghề mang tính truyền thống và tại các địa phương cần hỗ trợ phát triển. Đồng thời, Chính phủ khuyến khích các tổ chức tài chính, các doanh nghiệp và thể nhân góp vốn đầu tư vào các DNNVV. Theo tinh thần của nghị định, cần phải Thành lập Quỹ bảo lãnh tín dụng DNNVV để bảo lãnh cho họ khi không đủ tài sản thế chấp, cầm cố, vay vốn của các tổ chức tín dụng. Nghị định cũng quy định về việc thành lập đơn vị trực thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư là Cục Phát triển

DNNVV, để hỗ trợ và cùng Bộ thực hiện chức năng, xúc tiến DNNVV phát triển. Như vậy, ngay từ những năm 2000, Nhà nước đã đưa ra một số văn bản nhằm tạo lập thể chế thuận lợi cho phát triển DNNVV nói chung và thể chế cho huy động vốn của DNNVV nói riêng, đồng thời cũng quy định về chủ thể trực tiếp giúp cho các DNNVV thực thi những thể chế đó [18].

Đến năm 2009, để giải quyết một số vấn đề tồn đọng của Nghị định năm 2001, Chính phủ đã điều chỉnh và cập nhật văn bản pháp luật, đó là Nghị định số 56/2009/NĐ-CP ngày 30/06/2009 về trợ giúp phát triển DNNVV. Tại Nghị định này, định nghĩa về DNNVV đã cụ thể hơn khi quy mô DNNVV được chia theo từng khu vực kinh tế và DNNVV được phân chia chi tiết thành doanh nghiệp siêu nhỏ, doanh nghiệp nhỏ và doanh nghiệp vừa. Trong đó, tiêu chí tổng nguồn vốn được ưu tiên làm căn cứ để đánh giá phân loại các doanh nghiệp trong khối DNNVV.

Nghị định đã quy định về chương trình hỗ trợ trên một số khía cạnh, trợ giúp DNNVV có phụ nữ là chủ doanh nghiệp hoặc DNNVV sử dụng số lượng lao động nữ chiếm phần đa, đồng thời, kết hợp với các chương trình khác trợ giúp DNNVV tiếp cận vốn. Nghị định bổ sung thể chế trợ giúp tài chính cho DNNVV với các nội dung: (1) Thành lập quỹ bảo lãnh tín dụng DNNVV; (2) Khuyến khích dự án hỗ trợ kỹ thuật tăng cường năng lực cho các tổ chức tài chính; (3) Chương trình hỗ trợ đào tạo kỹ năng cho DNNVV từ Nhà nước [19].

Dấu ấn quan trọng trong hoàn thiện thể chế cho DNNVV là việc Quốc hội thông qua Luật Hỗ trợ DNNVV vào ngày 12/6/2017. Luật đã cập nhật các tiêu chí xác định DNNVV về số lao động tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm và yêu cầu đáp ứng một trong hai tiêu chí tổng nguồn vốn hoặc tổng doanh thu, quy định tại Điều 4 của Luật này. Và quy định các nguyên tắc hỗ trợ DNNVV bao gồm: (1) Tôn trọng quy luật thị trường, điều ước quốc tế; (2) Bảo đảm công khai, minh bạch; (3) Hỗ trợ có trọng tâm, trọng điểm; (4) Tuân

thủ quy định của Luật khi sử dụng nguồn lực ngoài Nhà nước; (5) Đáp ứng điều kiện của các mức hỗ trợ; (6) Nhận hỗ trợ khi đã thực hiện đầy đủ quy định của pháp luật. Điều 9 Quỹ bảo lãnh tín dụng DNNVV, Luật đã quy định: *Một là*, định nghĩa về Quỹ; *Hai là*, chức năng của Quỹ đối với DNNVV; *Ba là*, nghĩa vụ của Quỹ; *Bốn là*, chính phủ quy định chi tiết. Về hỗ trợ thuế, kế toán cho DNNVV, Điều 10 của Luật quy định về mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng có thời hạn và chính sách về thủ tục hành chính dành riêng cho đối tượng doanh nghiệp siêu nhỏ [65].

Đến năm 2018, Nghị định số 39/2018/NĐ-CP được Chính phủ ban hành ngày 11/3/2018 thay thế Nghị định số 56/2009/NĐ-CP ngày 30/6/2009 với nội dung quy định chi tiết một số điều của Luật hỗ trợ DNNVV. Nghị định có sự đổi mới và bổ sung về tiêu chí xác định DNNVV, trong đó DNNVV vẫn được phân biệt theo các lĩnh vực kinh tế, có những cái mới về tiêu chí lao động, nguồn vốn và tiêu chí tổng doanh thu đã được bổ sung để phân chia DNNVV rõ ràng và cụ thể hơn. Nghị định cũng đề cập đến doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; khởi sự doanh nghiệp, tổ chức quản lý, hoạt động của quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo và cơ chế sử dụng ngân sách địa phương đầu tư cho DNNVV khởi nghiệp sáng tạo. Đối tượng doanh nghiệp nhận đầu tư từ tổ chức tài chính nhà nước của địa phương là DNNVV khởi nghiệp sáng tạo đáp ứng các tiêu chí: Tham gia các lĩnh vực mà địa phương ưu tiên phát triển; phải được ít nhất một trong các quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo quy định tại Điều 21; đồng thời quy định hình thức và phương thức đầu tư: Các quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo tiến hành đánh giá và đề xuất phương án lựa chọn các DNNVV khởi nghiệp sáng tạo, gửi tổ chức tài chính nhà nước của địa phương để xem xét, quyết định cùng đầu tư. Trường hợp tổ chức tài chính nhà nước của địa phương tổ chức và hoạt động theo mô hình doanh nghiệp nhà nước thì trình tự, thủ tục đầu tư vào DNNVV khởi nghiệp sáng tạo và quản lý Phần vốn góp thực hiện theo quy định tại Điều 28, Điều

30 Luật quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp. Trường hợp tổ chức tài chính nhà nước của địa phương tổ chức và hoạt động theo mô hình quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách thì trình tự, thủ tục đầu tư vào DNNVV khởi nghiệp sáng tạo và quản lý Phần vốn góp thực hiện theo quy định về tổ chức và hoạt động của quỹ đó và Luật quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp [21]. Theo Chỉ số Cạnh tranh cấp tỉnh năm 2020, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo khó khăn trong tìm kiếm khách hàng, biến động thị trường, đặc biệt, vấn đề tiếp cận vốn khó khăn lên đến 41%. Tỷ lệ này xu hướng tăng theo từng năm và cần có hướng giải quyết. Cho dù, doanh nghiệp khởi nghiệp đã có nhiều nỗ lực trong các hoạt động thúc đẩy kinh tế tăng trưởng, nhưng khi muốn huy động vốn vẫn gặp không ít thách thức [70].

Căn cứ pháp lý cho hoạt động hỗ trợ DNNVV tại Việt Nam hiện nay là Luật Hỗ trợ DNNVV năm 2017. Để quy định của Luật được cụ thể hóa tăng tính khả thi trong việc triển khai, ngày 26/8/2021, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 80/2021/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hỗ trợ DNNVV. Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ban hành thay thế cho Nghị định số 39/2018/NĐ-CP ngày 11/3/2018. Nội dung chủ yếu của Nghị định này nằm ở Điều 5 đến Điều 10 tiếp tục chỉ ra những điểm mới trong tiêu chí xác định DNNVV. Theo đó, DNNVV cần phải tự xác định mình thuộc doanh nghiệp siêu nhỏ, nhỏ hay vừa để có thể sử dụng những hình thức hỗ trợ thích hợp. Nghị định số 80/2021/NĐ-CP bổ sung các nguyên tắc thực hiện hỗ trợ bao gồm: (1) Căn cứ vào nguồn lực quyết định hỗ trợ cho DNNVV đủ điều kiện; (2) Doanh nghiệp nhỏ và vừa được lựa chọn mức hỗ trợ; (3) Các nội dung hỗ trợ chung cho DNNVV đáp ứng điều kiện; (4) Nội dung theo quy định tại Chương IV và Chương III Nghị định này; (5) Cung cấp dịch vụ hỗ trợ cho DNNVV đủ điều kiện [22].

Đối với DNNVV khởi nghiệp sáng tạo, Nghị định quy định: Hỗ trợ chi phí trang thiết bị thuê mặt bằng; hỗ trợ liên quan đến sở hữu trí tuệ; hỗ trợ các

thủ tục thử nghiệm và hoàn thiện sản phẩm; hỗ trợ về công nghệ; hỗ trợ về truyền thông. Nghị định còn quy định nội dung hỗ trợ DNNVV tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị về đào tạo; nâng cao năng lực liên kết sản xuất và kinh doanh; hỗ trợ phát triển thương hiệu và mở rộng thị trường; hỗ trợ tư vấn về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đo lường, chất lượng; hỗ trợ thực hiện các thủ tục về sản xuất thử nghiệm, kiểm định, giám định, chứng nhận chất lượng cũng như hỗ trợ lãi suất cho DNNVV khởi nghiệp sáng tạo, DNNVV tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị [22].

Thông tư số 06/2022/TT-BKHĐT ngày 10/5/2022 hướng dẫn một số điều của Nghị định số 80/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ DNNVV. Theo Thông tư, nội dung hỗ trợ gồm: Tư vấn; phát triển nguồn nhân lực; hỗ trợ DNNVV khởi nghiệp sáng tạo; hỗ trợ DNNVV tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị; tổ chức quản lý công tác hỗ trợ DNNVV. Những DNNVV thành lập, hoạt động và quản lý theo quy định của pháp luật là đối tượng áp dụng theo Nghị định này và đảm bảo các quy định tại Chương II Nghị định số 80/2021/NĐ-CP về tiêu chí xác định DNNVV. Thông tư nêu rõ, cơ quan, tổ chức hỗ trợ DNNVV ưu tiên bố trí kinh phí để hỗ trợ các DNNVV do phụ nữ làm chủ, DNNVV sử dụng nhiều lao động nữ, DNNVV là doanh nghiệp xã hội; căn cứ quy định tại Điều 5 Nghị định số 80/2021/NĐ-CP để lựa chọn tiêu chí xác định quy mô doanh nghiệp siêu nhỏ, doanh nghiệp nhỏ, doanh nghiệp vừa, đảm bảo doanh nghiệp được hưởng mức hỗ trợ có lợi nhất. Hơn nữa, trong quá trình đề xuất, DNNVV có thể đề xuất nhiều nội dung hỗ trợ trong cùng một bộ hồ sơ. Tại cùng một thời điểm với cùng một nội dung hỗ trợ, doanh nghiệp nhỏ và vừa chỉ được gửi đến một cơ quan, tổ chức hỗ trợ DNNVV. Doanh nghiệp nhỏ và vừa không bị hạn chế số lần hỗ trợ hoặc số lượng hợp đồng hỗ trợ đối với các nội dung quy định tính theo triệu đồng/năm/doanh nghiệp hoặc triệu đồng/năm nhưng phải đảm bảo không vượt quá tỷ lệ, định mức hỗ trợ tối đa

quy định tại Nghị định số 80/2021/NĐ-CP. Chứng từ, hồ sơ phục vụ công tác đề xuất nộp cho cơ quan, đơn vị theo quy định là bản sao hoặc bản chụp từ bản gốc, bản chính và không cần chứng thực. Trường hợp cần thiết, cơ quan, tổ chức hỗ trợ DNNVV đề nghị DNNVV cung cấp bản chính hoặc bản gốc để đối chiếu thông tin.

Về hỗ trợ DNNVV khởi nghiệp sáng tạo, Thông tư nêu rõ, DNNVV khởi nghiệp sáng tạo được hỗ trợ theo nội dung và mức hỗ trợ quy định tại Điều 22 Nghị định số 80/2021/NĐ-CP. Cơ quan, tổ chức hỗ trợ DNNVV thực hiện hỗ trợ theo quy định tại Thông tư này và một số quy định cụ thể như hỗ trợ học viên của DNNVV tham gia đào tạo, huấn luyện chuyên sâu trong nước và nước ngoài. Nội dung chương trình cụ thể: "Xây dựng, phát triển sản phẩm; thương mại hóa sản phẩm; phát triển thương mại điện tử; gọi vốn đầu tư; phát triển thị trường; kết nối mạng lưới khởi nghiệp và các nội dung khác theo nhu cầu của DNNVV khởi nghiệp sáng tạo" [16]. Ngoài ra, hỗ trợ DNNVV duy trì tài khoản trên các sàn thương mại điện tử; hỗ trợ DNNVV tham gia các cuộc thi quốc tế về khởi nghiệp sáng tạo.

Về lựa chọn DNNVV trong cụm liên kết ngành thuộc lĩnh vực sản xuất, chế biến, Thông tư quy định, các hình thức liên kết đó là: Hợp đồng mua chung nguyên liệu đầu vào; hợp đồng bán chung sản phẩm; hợp đồng mua, bán, hợp tác; và hình thức cùng xây dựng, sử dụng thương hiệu [16].

Bên cạnh thể chế hỗ trợ tài chính từ Nhà nước, hệ thống thể chế điều tiết quan hệ tín dụng giữa các tổ chức tín dụng và DNNVV cũng từng bước hình thành và hoàn thiện. Theo đó, năm 1997 đã ban hành Luật các tổ chức tín dụng số 07/1997/QH10, năm 2004 đã ban hành Luật các tổ chức tín dụng sửa đổi số 20/2004/QH11; năm 2010 - Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12; năm 2017 - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các tổ chức tín dụng số 17/2017/QH14.

Trên cơ sở Luật các tổ chức tín dụng và Luật sửa đổi, bổ sung một số

điều của Luật các tổ chức tín dụng, Ngân hàng nhà nước Việt Nam đã ban hành các Thông tư hướng dẫn thực hiện, tạo khung khổ pháp lý cho huy động vốn của DNNVV từ các ngân hàng thương mại và các tổ chức tín dụng. Tại Điều 3 của Thông tư hướng dẫn về chính sách cho vay phát triển công nghiệp hỗ trợ số 01/2016/TT-NHNN ngày 04/02/2016 đã quy định chính sách cho vay đối với Dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển. Tại Điều 5 quy định về tổ chức bảo lãnh tín dụng cho DNNVV vay vốn bao gồm: (1) Quỹ thành lập và hoạt động theo Quyết định số 58/2013/QĐ-TTg ngày 15/10/2013; (2) Ngân hàng Phát triển Việt Nam thực hiện bảo lãnh theo Quyết định số 03/2011/QĐ-TTg ngày 10/01/2011; (3) Các tổ chức khác thực hiện bảo lãnh theo quy định của pháp luật [52].

Tại Điều 13 của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN quy định lãi suất cho vay ngắn hạn đối nhằm đáp ứng nhu cầu vốn cho DNNVV phục vụ kinh doanh [53]. Ngày 28/12/2018 Ngân hàng Nhà nước ban hành Thông tư số 45/2018/TT-NHNN hướng dẫn các tổ chức tín dụng phối hợp với Quỹ bảo lãnh tín dụng, xác định lãi suất cho vay trong cho vay có bảo lãnh của Quỹ bảo lãnh tín dụng theo quy định tại Nghị định số 34/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018 của Chính phủ. Điều 6 của Thông tư quy định về mức lãi suất cho vay đối với các khoản vay ngắn, trung, dài hạn có bảo lãnh của Quỹ bảo lãnh tín dụng [54].

Tại khoản 4, Điều 8, Thông tư số 06/2023/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN về trường hợp khách hàng có tình hình tài chính minh bạch, và lãi suất cho vay ngắn hạn đáp ứng nhu cầu vốn của DNNVV để phục vụ kinh doanh theo quy định của Luật Hỗ trợ DNNVV và quy định của Chính phủ về hỗ trợ DNNVV" [55].

Những hành lang pháp lý kể trên đã từng bước tạo cơ sở hình thành hệ thống thể chế cho huy động vốn của DNNVV để các ngân hàng thương mại và tổ chức tín dụng khác vận dụng trong cụ thể hóa và thực hiện cho vay đối với DNNVV.

3.2.1.2. Quy định pháp luật của Nhà nước về kiểm tra, giám sát và xử lý mâu thuẫn trong quan hệ về huy động vốn đối với DNNVV

Nhằm đảm bảo hiệu quả của thể chế cho huy động vốn của DNNVV, thể chế kiểm tra, giám sát và xử lý mâu thuẫn trong quan hệ về huy động vốn từ nguồn vốn tín dụng đối với DNNVV đã từng bước được quy định trước hết trong Luật các tổ chức tín dụng Luật số 47/2010/QH12 ngày 16/6/2010. Tại Điều 93 về Quy định nội bộ đã quy định về việc xây dựng và ban hành các quy định nội bộ của tổ chức tín dụng, trên cơ sở bảo đảm có cơ chế kiểm soát, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro gắn với từng quy trình nghiệp vụ kinh doanh, phương án xử lý các trường hợp khẩn cấp. Tổ chức tín dụng phải gửi cho Ngân hàng Nhà nước các quy định nội bộ ngay sau khi ban hành. Các quy định nội bộ bao gồm 9 nội dung theo Luật này [64].

Về xét duyệt cấp tín dụng, kiểm tra sử dụng tiền vay (Điều 94), tổ chức tín dụng: Yêu cầu khách hàng cung cấp các tài liệu chứng minh đủ điều kiện trước khi quyết định cấp tín dụng; yêu cầu họ báo cáo việc sử dụng vốn vay. Ngoài ra, xét duyệt theo nguyên tắc phân rõ khâu thẩm định và quyết định cấp tín dụng; có quyền, nghĩa vụ kiểm tra, giám sát việc sử dụng và trả nợ khoản vay của khách hàng. Về chấm dứt cấp tín dụng, xử lý nợ, miễn, giảm lãi suất (Điều 95), tổ chức tín dụng: (1) Có quyền ngừng cấp và thu hồi nợ trước hạn nếu nhận thấy thông tin không đúng, có dấu hiệu vi phạm; (2) có quyền xử lý nợ, tài sản bảo đảm của khách hàng không trả được nợ; (3) trường hợp do phá sản, xử lý theo Luật phá sản; (4) có quyền giải quyết theo quy chế của tổ chức tín dụng [64].

Nhằm tăng cường thể chế giám sát, xử lý mâu thuẫn đối với tín dụng nói chung và cho DNNVV nói riêng, tại Điều 126, Điều 127 và Điều 128 của Chương VI Luật các tổ chức tín dụng đã quy định về các hạn chế để bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng, bao gồm: (1) Những trường hợp không được cấp tín dụng; (2) hạn chế cấp tín dụng; (3) giới hạn cấp tín dụng.

Về thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát và quyền, nghĩa vụ của đối tượng thanh tra, giám sát được thể hiện lần lượt ở Điều 159 và Điều 160 của Luật này [64].

Bên cạnh đó, Ngân hàng Nhà nước ban hành Thông tư hướng dẫn về chính sách cho vay phát triển công nghiệp hỗ trợ số 01/2016/TT-NHNN ngày 04/02/2016 quy định về trách nhiệm của khách hàng vay vốn (Điều 7) và Trách nhiệm của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (Điều 8) [52].

3.2.1.3. Quy định của các tổ chức tín dụng về thu hút, huy động vốn đối với DNNVV

Trên cơ sở những quy định chung của Nhà nước, nhận thấy vị trí của bộ phận DNNVV, cơ quan nhà nước và các bộ, ban, ngành phối hợp với địa phương triển khai đồng bộ hệ thống chính sách, thể chế thu hút, huy động vốn nhằm tạo lập môi trường kinh doanh lành mạnh cho DNNVV, trợ giúp đối tượng này tiếp cận nguồn lực vốn nhanh chóng và kịp thời. Về phía ngân hàng, ngân hàng nhà nước chỉ đạo và định hướng các ngân hàng thương mại thực hiện điều chỉnh mức lãi suất, cơ chế cho vay, chia sẻ khó khăn với DNNVV nhằm kiềm chế lạm phát, ổn định thị trường tiền tệ và đẩy mạnh hoạt động tín dụng đối với DNNVV. Đây là yếu tố mấu chốt để củng cố môi trường kinh doanh cho doanh nghiệp, góp phần hỗ trợ DNNVV thuận lợi thu hút, huy động vốn. Các ngân hàng đều có những chính sách tín dụng riêng áp dụng cho những đối tượng khách hàng khác nhau. Trong đó, ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) và ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) là hai trong số nhiều ngân hàng ở nước ta có chương trình hỗ trợ tín dụng cho DNNVV rất nổi bật.

BIDV là ngân hàng thương mại thuộc khối Nhà nước với lịch sử phát triển lâu đời và tạo được uy tín lớn đối với DNNVV. Ngân hàng này có một số chương trình hỗ trợ lãi suất tín dụng cho DNNVV. Năm 2018, BIDV triển

khai chương trình tín dụng trung dài hạn cho DNNVV với tổng quy mô lên đến 10.000 tỷ đồng, kèm ưu đãi lãi suất từ 8%/năm và thời hạn vay lên đến 7 năm. Một số chương trình khác diễn ra cùng năm như chương trình đồng hành cùng DNNVV với gói tín dụng ngắn hạn cạnh tranh 15.000 tỷ đồng; gói tín dụng 4.000 tỷ tài trợ vốn cho doanh nghiệp khởi nghiệp và doanh nghiệp siêu nhỏ triển khai từ tháng 05/2018; thành viên của Hiệp hội DNNVV Việt Nam có cơ hội tiếp cận gói tín dụng 10.000 tỷ từ tổ chức Quốc tế JICA của chính phủ Nhật Bản, Quỹ phát triển năng lượng Xanh (GIF), Ngân hàng Phát triển Châu Á ADB... [7].

Năm 2021, BIDV cùng DNNVV vượt qua Covid-19 với chương trình hỗ trợ tín dụng quy mô lên tới 150.000 tỷ đồng, cụ thể hỗ trợ DNNVV miễn, giảm lãi vay và ngân hàng cũng cân nhắc điều chỉnh thời hạn trả nợ cho DNNVV khi vay ngắn hạn. BIDV còn quan tâm đến đối tượng DNNVV do phụ nữ làm chủ. Gói hỗ trợ kèm theo các ưu đãi về giải pháp tài chính và phi tài chính, tư vấn chuyên biệt cho các nữ doanh nhân thuộc khu vực DNNVV là một số giải pháp rất thiết thực nhằm hỗ trợ DNNVV nói chung và DNNVV do phụ nữ làm chủ nói riêng tiếp cận được vốn vay hấp dẫn này.

Năm 2022, thời điểm Covid-19 giảm bớt căng thẳng, gói tín dụng cạnh tranh với quy mô khoảng 700.000 tỷ đồng được triển khai bởi BIDV đã chia sẻ gánh nặng tài chính đối với DNNVV và hỗ trợ rất nhiều cho đối tượng này trong việc tham gia sản xuất, phục hồi kinh doanh sau đại dịch.

Đầu năm 2023, hội nghị "Các giải pháp tăng khả năng tiếp cận vốn tín dụng cho DNNVV phục hồi, phát triển sản xuất kinh doanh" với tổng quy mô khoảng 180.000 tỷ đồng, giảm mức lãi suất từ 0,5% - 1,5%/năm, BIDV triển khai quy trình cấp tín dụng nhanh chóng, nới lỏng một số điều kiện về tài sản đảm bảo và chuyển đổi số ngân hàng kỳ vọng DNNVV huy động vốn thuận lợi hơn. BIDV còn tăng cường hợp tác nước ngoài để đưa vốn ủy thác, nguồn viện trợ một cách kịp thời đến DNNVV [1].

BIDV cũng triển khai chương trình hỗ trợ DNNVV quy mô cấp địa phương. Tại Lào Cai, diễn đàn tài chính diễn ra vào ngày 15/02/2023 nhằm kết nối ngân hàng và DNNVV có phụ nữ làm chủ đã thảo luận và bàn về các giải pháp hỗ trợ DNNVV do phụ nữ làm chủ. Theo đó, đáp ứng vốn tín dụng cho DNNVV và thúc đẩy hoạt động huy động vốn trong DNNVV do phụ nữ làm chủ trên địa bàn tỉnh Lào Cai. Qua diễn đàn, nhóm doanh nghiệp được tiếp cận các gói tín dụng lãi suất cạnh tranh. Cụ thể, Quỹ Sáng kiến tài chính dành một khoản viện trợ không hoàn lại có trị giá 5 triệu USD và ngân hàng BIDV cũng triển khai hỗ trợ 3.000 tỷ đồng đến đối tượng DNNVV do phụ nữ làm chủ nhằm giúp họ giảm thiểu các thiệt hại kinh tế sau đại dịch. Các ưu đãi về lãi suất và các khoá tư vấn đi kèm chương trình thu hút rộng rãi lực lượng doanh nghiệp này tham gia [9].

Ngân hàng Vietcombank cũng là nhà băng đưa ra nhiều gói tín dụng ưu đãi thu hút DNNVV tham gia trong tiến trình huy động vốn. Vietcombank chủ động tìm kiếm các khách hàng tiềm năng, nhất là DNNVV - động lực kinh tế chính của đất nước nhưng nhu cầu vốn luôn rất cao. Các chính sách của ngân hàng áp dụng cho khu vực DNNVV tương đối linh hoạt liên quan đến thủ tục vay và công nghệ, các sản phẩm vay, lãi suất áp dụng.

Cải cách thủ tục vay và chuyển đổi số ngành ngân hàng là nhiệm vụ hàng đầu của Vietcombank. Cán bộ làm việc tại nhà băng được tham gia tập huấn, đào tạo nghiệp vụ và bổ sung các kỹ năng tư vấn các gói tín dụng phù hợp đối với từng phân khúc khách hàng DNNVV. Nhờ vậy, những nỗ lực bước đầu của Vietcombank đã hỗ trợ DNNVV tăng khả năng nắm bắt thông tin và thủ tục vay vốn được giải quyết nhanh chóng.

Về các sản phẩm vay, Vietcombank nắm bắt được nhu cầu và tìm cách giải quyết những khó khăn về tài sản đảm bảo của DNNVV. Vì vậy, với hình thức sản phẩm vay, ngoài việc phải tuân thủ hồ sơ và quy trình vay của ngân hàng, doanh nghiệp nhỏ và vừa được vay vốn trong thời gian tối đa, tài sản

thể chấp để vay vốn có thể chính là sản phẩm vay. Nhiều sản phẩm vay áp dụng cho từng khách hàng cụ thể trong DNNVV như doanh nghiệp siêu nhỏ có chương trình sản phẩm cho vay mua ô tô, doanh nghiệp nhỏ và vừa áp dụng chương trình sản phẩm cho vay đầu tư cơ sở lưu trú du lịch,... Ngoài ra, một số sản phẩm vay còn là sự hợp tác giữa các nhà tài trợ và Vietcombank hay nói cách khác là các khoản vay đồng tài trợ như sản phẩm tài trợ DNNVV là đại lý vé máy bay, sản phẩm cho vay đại lý phân phối thức ăn chăn nuôi cho Masan Nutri Science... Tất cả sản phẩm vay kể trên đều chung ý tưởng hỗ trợ DNNVV thu xếp và tiếp cận vốn một cách nhanh chóng.

Về lãi suất, trong năm thường xuyên liên tục và triển khai các chương trình lãi suất ưu đãi để thu hút DNNVV vay vốn tại Vietcombank. Cụ thể, với nhu cầu vay ngắn hạn VND, mức lãi suất mà DNNVV được hưởng có thể dao động 6,5%/năm; trường hợp vay ngoại tệ, lãi suất cho vay USD có thể từ 2,8%/năm. Vietcombank cũng giới thiệu và cam kết về chương trình lãi suất với các mốc cố định 2 năm, 2 năm và 5 năm dành cho DNNVV có nguyện vọng vay vốn trung dài hạn, nhờ đó, trước những biến động của thị trường, niềm tin của DNNVV được củng cố, doanh nghiệp nhỏ và vừa an tâm sản xuất và phát triển kinh doanh.

Ngoài ra, theo chủ trương, đường lối của Đảng, Nhà nước về phát triển doanh nghiệp khởi nghiệp, Vietcombank cũng có các chương trình cho vay với lãi suất cạnh tranh dành cho đối tượng này. Cùng với đó, Vietcombank có được sự tín nhiệm và trở thành ngân hàng nhận ủy thác từ Quỹ phát triển DNNVV góp phần hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp hưởng lãi suất cho vay ưu đãi từ nguồn vốn nhận ủy thác [50].

Ngày 10/4/2020, Vietcombank chính thức triển khai gói tín dụng "Cho vay VND lãi suất cạnh tranh năm 2020" với tổng nguồn vốn 26.000 tỷ đồng dành cho DNNVV. Theo đó, đối với các khoản ngắn hạn, khách hàng Vietcombank được hưởng ưu đãi về lãi suất chỉ từ 6,5%/năm và mức lãi suất từ 7,0%/năm sẽ dành cho các khách hàng theo đuổi khoản tín dụng trung dài hạn.

Tháng 2/2020, Vietcombank công bố chương trình ưu đãi tín dụng được chia làm hai giai đoạn dành riêng cho DNNVV phục hồi kinh tế sau dịch Covid-19. Ở giai đoạn thứ nhất, quy mô gói tín dụng là 30.000 tỷ đồng và ở giai đoạn hai ngân hàng giảm lãi suất tiền vay lên tới 300.000 tỷ đồng.

Giai đoạn thứ nhất, thời gian từ ngày 11/2/2020 đến ngày 15/4/2020, để hỗ trợ các khách hàng của Vietcombank chịu tác động trực tiếp bởi dịch bệnh Covid-19, các khoản vay từ ngắn hạn đến trung dài hạn đều được điều chỉnh giảm lãi suất theo cả hai hình thức vay tiền Việt và tiền ngoại tệ. Cụ thể, các khoản vay ngắn hạn lãi suất được điều chỉnh giảm 1,0%/năm với khoản vay bằng VND và 0,5%/năm khi vay bằng USD; đối với khoản vay trung dài hạn, lãi suất được điều chỉnh giảm 1,5%/năm vay bằng VND và 0,75%/năm khi vay bằng USD. Ngoài ra, các khoản vay mới thuộc lĩnh vực được hưởng chính sách hỗ trợ cũng có cơ hội tiếp cận vốn với mức lãi suất ưu đãi giảm 1%/năm khi vay bằng VND và 0,5%/năm đối với vay bằng USD.

Chuyển sang giai đoạn hai của gói hỗ trợ, khách hàng trực tiếp chịu ảnh hưởng bởi Covid-19, Vietcombank có chính sách giảm 10% số tiền lãi, thời gian thực hiện từ ngày 15/4/2020 đến hết ngày 30/9/2020 và khách hàng bị ảnh hưởng gián tiếp sẽ giảm 5% lãi suất số tiền lãi trong quãng thời gian từ ngày 15/4/2020 đến hết ngày 30/6/2020. Lợi nhuận dự kiến qua hai gói tín dụng mà Vietcombank hỗ trợ DNNVV có thể xấp xỉ 2.240 tỷ đồng.

Bên cạnh đó, chương trình "An tâm lãi suất năm 2020" được Vietcombank triển khai tới các DNNVV. Theo đó, chương trình áp dụng cho các khoản giải ngân trong khoảng thời gian từ 1/4/2020 đến hết 31/3/2021. Ở các kỳ hạn cố định, thấp nhất là kỳ hạn 18 tháng và cao nhất lên đến 10 năm, Vietcombank đưa ra các mức lãi suất cho vay khác nhau và chỉ từ 8,4%/năm. Với mong muốn hỗ trợ tiếp cận vốn cho cộng đồng DNNVV, chương trình đã mang lại dịch vụ có ưu đãi tốt nhất giúp khách hàng làm chủ kế hoạch tài chính, phục hồi sản xuất và phát triển kinh doanh [27].

3.2.1.4. Quy định của các tổ chức tín dụng về kiểm tra, giám sát và xử lý mâu thuẫn trong quan hệ về huy động vốn đối với DNNVV

Hoạt động kiểm tra, giám sát đối với DNNVV của các tổ chức tín dụng nhằm góp phần bảo đảm cho hệ thống tài chính và tín dụng phát triển lành mạnh, an toàn; bảo vệ quyền lợi của các chủ thể tham gia quan hệ tín dụng một cách hợp pháp; gia tăng lòng tin của các chủ thể kinh doanh; nâng cao nhận thức, ý chí tuân thủ luật pháp về tiền tệ, ngân hàng; nâng cao hiệu lực, hoàn thiện quản lý nhà nước về tiền tệ, ngân hàng.

Doanh nghiệp nhỏ và vừa phải thực hiện nghĩa vụ tuân theo sự kiểm tra giám sát của bên cho vay. Đây là nghĩa vụ được luật định, cho dù hợp đồng cho vay có đề cập nghĩa vụ này hay không. Nghĩa vụ giám sát và kiểm tra vốn vay được sử dụng hợp lý mang lại những khác biệt cơ bản với các hoạt động giám sát, kiểm tra về mặt quản lý của chính quyền vì mục đích an toàn, lành mạnh trong hoạt động ngân hàng. Với ý nghĩa bảo đảm tính minh bạch, xác định mức độ hiệu quả, chất lượng của hồ sơ vay vốn trong suốt quá trình hợp đồng, công tác này giúp các tổ chức tín dụng kịp thời phát hiện những lỗ hổng của quy trình cho vay, những rủi ro, nguy cơ có thể xảy ra để phòng ngừa, khắc phục kịp thời những sai phạm. Đây là quy trình phức tạp, đòi hỏi những người thực hiện phải tuân thủ nghiêm túc, phải có chuyên môn, nghiệp vụ kết hợp với việc sử dụng hợp lý các công cụ thẩm định, kiểm toán, giám định...

Trên thực tế, bên vay luôn có ý thức che giấu thông tin sai phạm, không tích cực hợp tác với cán bộ kiểm tra, giám sát tín dụng, sử dụng nhiều thủ đoạn để tránh né, đưa ra các kết quả kiểm tra, thông tin không đúng sự thật. Bên cạnh đó, vốn vay là tiền tệ thuộc đối tượng dễ sử dụng, dễ che giấu nên khó kiểm soát tốt như các tài sản phải đăng ký nhà nước. Đây là lý do các sai phạm luôn tiềm ẩn, khó định lượng cụ thể, công tác kiểm tra giám sát đòi hỏi tổ chức tín dụng phải có thời gian, nghiệp vụ, quy trình thực hiện mới đáp ứng tốt yêu cầu, trách nhiệm này.

Trên lý thuyết, rủi ro ngân hàng, phát sinh từ sai phạm của bên vay cũng có thể bị chuyển hóa thành những rủi ro của hệ thống ngân hàng. Những bất ổn của kinh tế ảnh hưởng đến đời sống kinh doanh, khi đó mọi doanh nghiệp, cá nhân đều có thể mất khả năng hoàn trả nợ vay do làm ăn thua lỗ, bị phá sản. Đồng nghĩa rằng, bên vay phải ý thức nghĩa vụ của mình, tuân thủ nghiêm túc sự kiểm tra, giám sát, không thể viện dẫn bất cứ lý do gì để trì hoãn, tránh né thực hiện nghĩa vụ này. Về phía bên cho vay, quy định này không còn đơn thuần là quyền năng hợp đồng, mặc dù trong vấn đề này vẫn còn quan điểm khác biệt cho rằng, đặt ra nghĩa vụ đối với tổ chức tín dụng là chưa hợp lý.

Chương trình hỗ trợ lãi suất từ nguồn NSNN theo Nghị định số 31/2022/NĐ-CP và Thông tư số 03/2022/TT-NHNN là chương trình có vai trò lớn lao đối với sự phục hồi và tăng trưởng của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh, trong đó vai trò của BIDV nói riêng và các ngân hàng thương mại nói chung trong việc triển khai là rất quan trọng. BIDV yêu cầu các đơn vị trong hệ thống phối hợp chặt chẽ để kịp thời tiến hành hỗ trợ lãi suất theo đúng quy định, đối tượng, mục đích và an toàn. Bên cạnh đó, chú trọng công tác kiểm tra, giám sát việc cho vay hỗ trợ lãi suất cùng công tác truyền thông đến khách hàng, đảm bảo việc thực hiện những mục tiêu đề ra của Chính phủ và Ngân hàng Trung ương, đóng góp tích cực vào quá trình phục hồi và kinh tế đi lên theo hướng tích cực [8].

Công tác quản trị rủi ro Nam Á Bank đã được điều chỉnh theo hướng tăng cường hệ thống chốt chặn và cảnh báo sớm kết hợp nâng cao chất lượng giám sát từ xa. Nhờ đó, các rủi ro, tổn thất được quản trị hiệu quả; chất lượng tín dụng luôn đảm bảo, tỷ lệ nợ xấu và nợ quá hạn luôn được kiểm soát trong giới hạn cho phép. Tiếp nối việc chính thức triển khai Trụ cột 1 và Trụ cột 3 của Basel II, Ngân hàng Nam Á đã hoàn thành công tác đánh giá nội bộ về mức đủ vốn theo yêu cầu của Chương V - Thông tư 13, hướng đến triển khai Basel II nâng cao và Basel III trong năm 2022 [74].

3.2.2. Tình hình xây dựng và hoàn thiện thể chế huy động vốn của doanh nghiệp nhỏ và vừa từ các nguồn khác

3.2.2.1. Quy định của Nhà nước về thu hút, huy động vốn từ các chính sách, đề án hỗ trợ đối với DNNVV

Đối với nguồn vốn hỗ trợ DNNVV, Luật Hỗ trợ DNNVV quy định: "Nguồn vốn tín dụng có hỗ trợ, bảo lãnh của Nhà nước; nguồn vốn hỗ trợ từ GTGT; nguồn vốn hỗ trợ từ miễn, giảm thuế, phí, lệ phí, tiền thuê đất, tiền sử dụng đất và các khoản khác phải nộp GTGT theo quy định của pháp luật; nguồn vốn hợp pháp từ các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài" [65]. Nguồn vốn hỗ trợ DNNVV phải được lập dự toán, thẩm định, phê duyệt, quyết toán theo quy định của pháp luật. Tại điều 8 của Luật, Hỗ trợ tiếp cận tín dụng cho DNNVV trên các phương diện: (1) Chính sách tăng dư nợ cho vay và xếp hạng tín nhiệm; (2) Hỗ trợ xây dựng phương án khả thi, năng lực quản trị; (3) Được cấp bảo lãnh tại Quỹ bảo lãnh tín dụng DNNVV [65].

Nguồn vốn hỗ trợ DNNVV từ chính sách, đề án như gia hạn, miễn, giảm thuế, phí, lệ phí, tiền thuê đất, tiền sử dụng đất..., đặc biệt hướng đến đối tượng doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ là một chính sách mà cả doanh nghiệp và nhà nước đều hưởng lợi. Năm 2020, để hỗ trợ DNNVV ứng phó với ảnh hưởng tiêu cực của dịch Covid-19, Chính phủ ban hành Nghị định số 41/2020/NĐ-CP ngày 8/4/2020. Theo đó, theo sát Quyết định số 22/2020/QĐ-TTg ngày 10/8/2020, chủ trương giảm 15% tiền thuê đất phải nộp của năm 2020; giảm 30% thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2020 cho đối tượng doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức khác với tổng doanh thu trong năm đó không quá 200 tỷ đồng. Sau chương trình, tổng tiền thuế và ngân sách thu năm 2020 đạt khoảng 129 nghìn tỷ đồng kịp thời giải quyết khó khăn, hỗ trợ thúc đẩy sản xuất cho DNNVV và tái khởi động nền kinh tế.

Năm 2021, diễn biến Covid-19 vẫn còn khó lường, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 406/NQ-UBTVQH15 ngày 19/10/2021

với nội dung hỗ trợ doanh nghiệp, người dân chịu tác động của dịch Covid-19 và ngay sau đó, Chính phủ cũng ban hành Nghị định số 92/2021/NĐ-CP ngày 27/10/2021 để bổ trợ Nghị quyết triển khai các quy định. Theo Nghị quyết, một số nhóm giải pháp đưa ra góp phần hỗ trợ các doanh nghiệp, người dân nói chung, doanh nghiệp nhỏ và vừa nói riêng vượt qua đại dịch để bước tiếp hành trình khôi phục kinh tế đất nước và thực hiện an sinh xã hội: Đối với doanh nghiệp, tổ chức có doanh thu không quá 200 tỷ đồng và doanh thu năm 2021 giảm so với năm trước, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2021; miễn một số loại thuế trong quý III và quý IV của năm 2021 đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có hoạt động sản xuất, kinh doanh tại các địa bàn cấp huyện chịu tác động của dịch Covid-19 cùng năm; một số nhóm hàng hóa, dịch vụ thuộc ngành nghề, tổ chức phát sinh lỗ trong năm 2020 được giảm thuế GTGT; miễn tiền chậm nộp phát sinh trong hai năm 2020, 2021 của các khoản nợ tiền thuế, tiền sử dụng đất, tiền thuê đất đối với các doanh nghiệp, tổ chức phát sinh lỗ trong năm 2020.

Cùng năm 2021, Nghị quyết số 68/ NQ-CP ngày 1/7/2021 và Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 7/7/2021 triển khai chương trình cho vay trả lương ngừng việc và trả lương phục hồi sản xuất, tính đến cuối tháng 9/2021, 918 khách hàng là các doanh nghiệp, DNNVV vay vốn thông qua ngân hàng chính sách xã hội với 461 tỷ đồng đã trả lương cho 130.741 lượt người lao động. Như vậy có thể thấy rằng, trước sự biến động của bối cảnh thực tiễn, chính sách, đề án về nguồn vốn hỗ trợ đã mang lại hiệu quả trong việc kịp thời giải quyết khó khăn, hỗ trợ DNNVV thu hút, tiếp cận vốn [86].

Số liệu từ Tổng cục thuế năm 2022 chỉ rõ: Trong năm, hàng chục nghìn doanh nghiệp, hộ kinh doanh được hưởng ưu đãi thuế từ chính sách với số tiền 233 nghìn tỷ đồng. Với lãi suất 0%, khoản tín dụng đã phần nào hỗ trợ DNNVV giảm chi phí trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và vốn lưu động có xu hướng tăng. Qua đó, các doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ đã phục hồi sản xuất, nền kinh tế đất nước cũng có thay đổi tích cực, GDP tăng lên mức

8,02%. Như vậy, chính sách, đề án về thuế cho DNNVV không những không làm hụt ngân sách mà còn giúp tăng vượt dự toán lên tới 27% [28].

3.2.2.2. Quy định của Nhà nước về kiểm tra, giám sát và xử lý mâu thuẫn trong quan hệ về huy động vốn từ các chính sách, đề án hỗ trợ đối với DNNVV

Cùng với sự hình thành thể chế thu hút, huy động vốn của các DNNVV thông qua các quy định pháp luật, hệ thống thể chế giám sát, kiểm tra và giải quyết mâu thuẫn trong huy động vốn của DNNVV cũng từng bước hình thành. Cơ quan quản lý hỗ trợ DNNVV như Cục Phát triển DNNVV, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố: Tổng hợp, lên danh mục điều phối, hướng dẫn và kiểm tra chương trình, đề án trợ giúp; có sự định kỳ kiểm tra và báo cáo về cơ quan chủ trì, trình cấp cao hơn; kết hợp giải quyết các vấn đề mâu thuẫn của DNNVV, tổ chức lấy ý kiến trong quá trình soạn thảo văn bản pháp luật. Cụ thể, tại Nghị định số 90/2001/NĐ-CP đã quy định nhiệm vụ của Cục Phát triển DNNVV giúp Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư thực hiện chức năng quản lý và hỗ trợ DNNVV tại Điều 13 của Nghị định này; Điều 17 quy định đối với Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phải thực hiện các nhiệm vụ xúc tiến phát triển DNNVV trên địa bàn; và một số quy định tại Điều 18. Những thể chế kể trên mặc dù chưa trực tiếp quy định về kiểm tra, giám sát đối với hoạt động huy động vốn của DNNVV từ các nguồn trợ giúp của Nhà nước song đã đặt nền móng cho sự hình thành hệ thống thể chế này [18].

Nghị định số 56/2009/NĐ-CP quy định nhiệm vụ đối với đơn vị quản lý về trợ giúp phát triển DNNVV ở Trung ương (Điều 15), tiếp tục quy định Cục Phát triển doanh nghiệp thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư giúp Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư trong việc phối hợp với các cơ quan, tổ chức liên quan để hướng dẫn các nội dung cho DNNVV. Đồng thời quy định đơn vị quản lý tại các địa phương trợ giúp phát triển DNNVV (Điều 18) là Ủy ban nhân dân các

tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có nhiệm vụ trợ giúp phát triển DNNVV trên địa bàn. Trong đó, bổ sung quy định so với Nghị định 90 trước đó: Tổ chức đối thoại giữa chính quyền địa phương và DNNVV nhằm trao đổi thông tin, tháo gỡ vướng mắc cho DNNVV [19].

Luật Hỗ trợ DNNVV số 04/2017/QH14 quy định các hành vi bị nghiêm cấm trong việc hỗ trợ DNNVV tại Điều 7 của Luật này. Đồng thời quy định trách nhiệm của các Bộ, cơ quan ngang Bộ (Điều 24); trách nhiệm của chính quyền địa phương cấp tỉnh (Điều 25). Cụ thể: Kiểm tra, đánh giá công tác hỗ trợ DNNVV; các cơ quan quản lý cấp địa phương, bao gồm Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ngoài giám sát, kiểm tra công tác hỗ trợ DNNVV tại địa phương, kết hợp báo cáo lên cơ quan nhà nước có thẩm quyền [65]. Các quy định chi tiết về kiểm tra, giám sát việc hỗ trợ DNNVV và quy định về xử lý vi phạm pháp luật về hỗ trợ DNNVV lần lượt được quy định chi tiết tại Điều 30 và Điều 32 của Luật Hỗ trợ DNNVV [65].

Nghị định số 39/2018/NĐ-CP quy định: Cơ quan, tổ chức có thẩm quyền chủ trì Đề án hỗ trợ DNNVV phối hợp, giám sát, đánh giá thực hiện và chịu trách nhiệm toàn bộ về Đề án. Trách nhiệm kiểm tra, giám sát hoạt động hỗ trợ tư vấn của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ được quy định tại Điều 25 của Nghị định này. Trong phạm vi của mình, giao đơn vị đầu mối tổ chức, quản lý, kiểm tra, giám sát, thực hiện hoạt động tư vấn cho DNNVV. Đồng thời, tại Điều 27 của Nghị định cũng quy định trách nhiệm của cơ quan chủ trì Đề án hỗ trợ DNNVV [21].

Nghị định số 80/2021/NĐ-CP bổ sung quy định về nội dung của Đề án hỗ trợ DNNVV. Tại Điều 31 quy định trách nhiệm của cơ quan, tổ chức hỗ trợ DNNVV trong việc thu hồi kinh phí hỗ trợ: (1) Đối với khoản kinh phí đã hỗ trợ kê khai không trung thực, sử dụng không đúng mục đích, không đúng cam kết; (2) Quy định tại khoản 1 Điều này [22].

Thông tư số 06/2022/TT-BKHĐT quy định các bộ, cơ quan ngang bộ,

cơ quan thuộc Chính phủ đối với các hoạt động hỗ trợ DNNVV phải: (1) Triển khai đúng mục tiêu, nhiệm vụ được giao; (2) Tự kiểm tra, đánh giá; (3) Báo cáo kết quả và trình cơ quan cấp trên [16].

3.2.2.3. Quy định của các quỹ về thu hút, huy động vốn đối với DNNVV

Theo nghị định 56/2009/NĐ-CP ngày 30/06/2009, Quỹ Phát triển DNNVV được thành lập với mục đích tài trợ các chương trình nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh cho DNNVV, hỗ trợ đổi mới và phát triển nhiều sản phẩm xanh; ứng dụng công nghệ kỹ thuật; đồng thời cải thiện quản trị doanh nghiệp. Nguồn vốn của Quỹ hình thành từ: (1) Vốn cấp từ GTGT; (2) Vốn đóng góp của các tổ chức; (3) Lợi nhuận từ hoạt động của các Quỹ và các nguồn vốn hợp pháp có liên quan. Quỹ Phát triển DNNVV có trách nhiệm: Hỗ trợ phát triển DNNVV thông qua tiếp nhận, quản lý và sử dụng các nguồn tài chính trong và ngoài nước; tài trợ kinh phí cho các chương trình, các dự án; ủy thác cho vay ưu đãi một số dự án phù hợp mục đích của Quỹ. Cùng với đó đã phân công các chủ thể chủ trì, chủ thể phối hợp xây dựng đề án thành lập Quỹ; chịu trách nhiệm và ban hành Quy chế kiểm tra, giám sát hoạt động tài chính của Quỹ [19].

Quyết định số 601/2013/QĐ-TTg ngày 17/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ đã chính thức đưa Quỹ phát triển DNNVV (viết tắt là SMEDF) đi vào hoạt động để trợ giúp tài chính và nâng cao năng lực cho các DNNVV thuộc lĩnh vực ưu tiên, khuyến khích của Nhà nước. Các điều kiện về hồ sơ, thủ tục vay vốn cũng được Quỹ và các ngân hàng bảo lãnh tạo mọi điều kiện cho DNNVV thực hiện vay vốn nhanh chóng hơn. Để có thể tiếp cận nguồn hỗ trợ vốn từ Quỹ, DNNVV có thể thực hiện thông qua hai lựa chọn linh hoạt. Nộp giấy tờ xin vay vốn tới SMEDF hoặc nộp hồ sơ xin vay vốn tới ngân hàng thương mại nhận ủy thác từ quỹ. Với mỗi lựa chọn đều yêu cầu DNNVV phải cung cấp đầy đủ hồ sơ theo yêu cầu. Bổ trợ cho Quyết định số 601/2013/QĐ-TTg là Thông tư số 13/2015/TT-BKHĐT ngày 28/10/2015 về ban hành danh mục lĩnh vực ưu tiên và tiêu chí lựa chọn đối tượng ưu tiên của SMEDF [59].

Ngoài ra, để DNNVV huy động vốn thuận lợi, Quỹ cũng tổ chức các buổi kết nối doanh nghiệp này với các doanh nghiệp khác trong, ngoài nước thông qua tọa đàm, hội thảo; đồng thời, DNNVV còn được các chuyên gia có kinh nghiệm tư vấn tài chính để tăng cơ hội tiếp cận vốn và tìm kiếm các nhà đầu tư tiềm năng [11].

Các doanh nghiệp nhỏ và vừa cần vốn để hoạt động, vay ngân hàng khá khó khăn khi không có tài sản thế chấp. Để giải quyết vướng mắc này, một số DNNVV đã nhờ tới sự trợ giúp của bên thứ ba là quỹ bảo lãnh tín dụng nhằm bảo lãnh khoản vay. Hoạt động của các quỹ đóng vai trò quan trọng để DNNVV có thể tiếp cận vốn. Quỹ bảo lãnh tín dụng cho DNNVV được triển khai theo Nghị định 34/2018/NĐ-CP. Các quy định về việc cấp bảo lãnh tín dụng cho các DNNVV vay vốn tại các tổ chức cho vay được hướng dẫn tại nghị định này. Tại Điều 17 về phạm vi bảo lãnh tín dụng của quỹ có quy định: (1) Quỹ xem xét, quyết định mức bảo lãnh cho doanh nghiệp căn cứ vào một số điều kiện cụ thể; (2) Bảo lãnh một trong các trường hợp; (3) Quỹ xem xét, quyết định phạm vi bảo lãnh quy định tại khoản 2 Điều 17 và hợp đồng bảo lãnh tín dụng. Riêng đối với bên được cấp bảo lãnh là các DNNVV, điều 28 của Nghị định có quy định cụ thể [20]. Thời gian qua, quỹ bảo lãnh tín dụng DNNVV đã có những thành tựu nhất định trong việc tạo nguồn vốn vay phát triển các DNNVV. Tuy nhiên, tiêu chí bảo lãnh cho DNNVV tại các địa phương chưa thực sự rõ ràng và chưa được quan tâm triệt để cần được bổ sung và cập nhật ở các văn bản quy phạm pháp luật sau sửa đổi.

Tại Việt Nam, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo từng bước tiếp nối thế hệ trước và phát triển ngày càng mạnh mẽ. Theo đó, Nghị định số 39/2018/NĐ-CP cũng quy định về quyết định đầu tư vào DNNVV khởi nghiệp sáng tạo từ nguồn vốn của các quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo không phụ thuộc vào quyết định đầu tư của tổ chức tài chính nhà nước của địa phương; khoản vốn đầu tư từ tổ chức tài chính nhà nước của địa phương cho một doanh nghiệp nhận đầu tư không vượt quá 30% tổng vốn đầu tư mà doanh nghiệp đó huy động được từ các quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo cùng đầu tư [21].

3.2.2.4. Quy định của các quỹ về kiểm tra, giám sát và xử lý mâu thuẫn trong quan hệ về huy động vốn đối với DNNVV

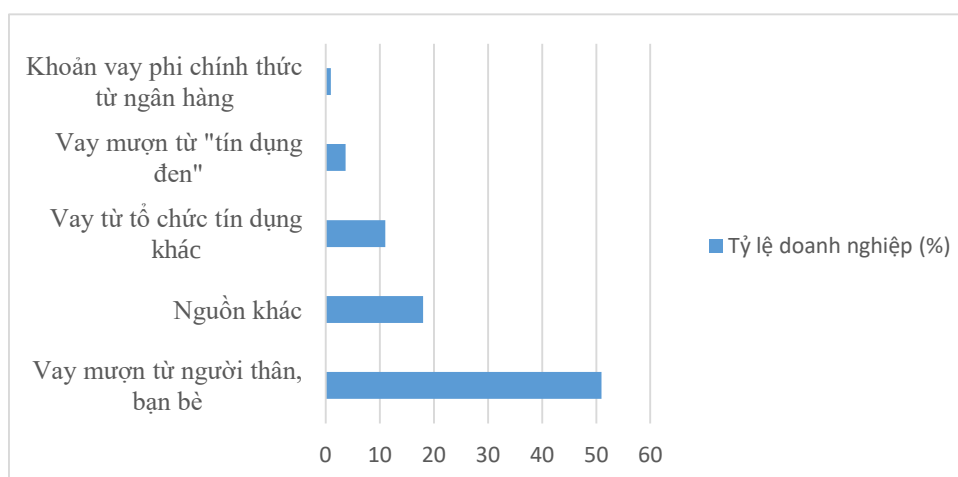
Quyết định số 601/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ quy định quyền hạn của Quỹ phát triển DNNVV, trong đó có nhiệm vụ: (1) Kiểm tra định kỳ và đột xuất; (2) Phối hợp với ngân hàng nhận ủy thác từ Quỹ giám sát và kiểm tra và giải quyết các khiếu nại; (3) Đình chỉ việc hỗ trợ khi phát hiện dấu hiệu vi phạm hợp đồng; (4) Khởi kiện đúng quy định [72].

Bên cạnh đó, đối với Quỹ bảo lãnh tín dụng, Nghị định 34/2018/NĐ-CP hướng dẫn quy định về kiểm tra, giám sát và xử lý mâu thuẫn trong quan hệ về huy động vốn đối với DNNVV trên hai khía cạnh quyền và nghĩa vụ của quỹ bảo lãnh tín dụng, quy định tại Điều 26 của Nghị định này [20].

3.2.2.5. Quy định của các chủ thể nền tảng kỹ thuật trực tuyến về thu hút, huy động vốn đối với DNNVV

Doanh nghiệp nhỏ và vừa có nhiều cơ hội để tiếp cận tín dụng, họ không ngừng nâng cao giá trị doanh nghiệp để thỏa mãn điều kiện vay ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác. Các kênh tiếp cận vốn đối với họ cũng khá đa dạng, nếu như huy động từ ngân hàng không thuận lợi thì DNNVV phải tìm những kênh huy động khác. Tình hình tìm kiếm nguồn tín dụng khác của DNNVV trong báo cáo PCI 2021 được phản ánh qua biểu đồ 3.1:

Đơn vị tính: %



Biểu đồ 3.1: Nguồn tín dụng DNNVV nếu không huy động từ ngân hàng

Nguồn: [84].

Tỷ lệ doanh nghiệp tiếp cận nguồn vốn từ các tổ chức tín dụng khác (từ các công ty cho thuê tài chính hoặc các quỹ) chỉ khoảng 11%. Phần lớn, doanh nghiệp nhỏ và vừa huy động vốn qua bạn bè hoặc người quen, tỷ lệ này chiếm 51%. Ngoài ra, huy động từ các nguồn khác cũng chiếm tỷ lệ không nhỏ với 18% thông qua vốn góp các cổ đông, cầm cố, bán tài sản hoặc vay mượn dưới hình thức khác, vay vốn qua các nền tảng kỹ thuật trực tuyến.

Thời gian qua, hình thức huy động vốn trên nền tảng công nghệ số đã thu hút bộ phận những DNNVV và doanh nghiệp khởi nghiệp không có điều kiện tiếp xúc với nguồn vốn lớn hoặc ít kinh nghiệm kêu gọi vốn từ các nhà đầu tư hoặc ngân hàng. Nền tảng tài trợ chuỗi cung ứng (SCF), tại thị trường Việt Nam vẫn chưa có độ nhận diện cao đối với DNNVV. Trước khó khăn về vốn của DNNVV, một số ngân hàng trong nước đã triển khai sản phẩm SCF để hỗ trợ DNNVV, đặc biệt, ngân hàng Techcombank có những thành tựu nhất định trong việc tối ưu mô hình tài trợ chuỗi cung ứng truyền thống. Techcombank đã phối hợp xây dựng chuỗi cung ứng với những tập đoàn, công ty lớn trong các lĩnh vực kinh tế... Với ưu thế đảm bảo uy tín trong thanh toán và tín dụng, kết hợp công nghệ chuyển đổi số, quy trình cấp hạn mức và giải ngân nhanh chóng, doanh nghiệp nhỏ và vừa có thể thuận lợi theo dõi giao dịch và thực hiện thanh toán trực tuyến. Trong năm 2021, số lượng DNNVV tại Việt Nam được tiếp cận với dòng vốn SCF từ Techcombank đã tăng trưởng 195%, và tiếp tục tăng lên gấp đôi chỉ trong 6 tháng đầu năm 2022. Điều này rút ngắn quay vòng vốn lưu động, tăng hiệu quả sử dụng vốn, mang lại sự tiện dụng tối đa cho DNNVV [37]. Tuy nhiên, mô hình SCF tại nước ta vẫn còn những hạn chế về: Khung khổ pháp lý; thị trường SCF mới chỉ tập trung vào lĩnh vực nông nghiệp, thiếu mặn mà với các lĩnh vực khác; tính minh bạch của hệ thống thông tin tài chính và năng lực quản trị doanh nghiệp khi tham gia các chuỗi cung ứng; hệ thống thông tin big data và sàn giao dịch điện tử (e-platform). Để hỗ trợ phát triển thị trường tài trợ chuỗi

cung ứng và tăng khả năng tiếp cận vốn của DNNVV, khung pháp lý cho các giao dịch bảo đảm được củng cố thông qua Bộ luật Dân sự mới và các Nghị định 21 và 99.

Mức độ phát triển của thị trường gọi vốn cộng đồng ở Việt Nam vẫn đang trong những giai đoạn đầu và còn nhiều thách thức. Một trong những nền tảng gọi vốn cộng đồng nổi bật tại nước ta là IG9 (ignite: bùng cháy) và Comicola, thành lập lần lượt vào năm 2013 và 2015, các doanh nghiệp này đã gây quỹ và huy động vốn thành công liên quan đến lĩnh vực cộng đồng, nghệ thuật hay xuất bản sách, ấn phẩm. Tuy nhiên, sau một năm hoạt động, IG9 gặp rủi ro và đã rời bỏ thị trường. Do không cần yêu cầu về tài sản đảm bảo nên mức độ rủi ro mất vốn của hình thức này cao hơn nhiều so với quy trình chặt chẽ của ngân hàng. Tính đến tháng 11/2022, nước ta chưa có quy định pháp lý chính thức về gọi vốn cộng đồng. Do đó, hoạt động trên nền tảng công nghệ này chưa chịu sự điều chỉnh của các quy định pháp luật. Gọi vốn cộng đồng cần được ghi nhận như một kênh huy động vốn chính thức, cần được tạo điều kiện hoạt động và quản lý trong một khung khổ pháp lý nhà nước, phù hợp với xu thế chung của thế giới, cũng như chủ trương của Chính phủ về tận dụng khả năng nội tại của doanh nghiệp khởi nghiệp. Bên cạnh đó, gọi vốn cộng đồng cũng đã đưa ra những quy định nhưng chưa thực sự cụ thể, trong đó, để bảo vệ nhà đầu tư trước những dấu hiệu lừa đảo, nền tảng đưa ra quy định hoàn tiền nếu nhận thấy dấu hiệu này.

Cho vay ngang hàng - P2P, mô hình đang từng bước hình thành ở Việt Nam. Việt Nam hiện có khoảng 100 công ty cho vay ngang hàng bao gồm cả công ty đang hoạt động chính thức và một số công ty đang thử nghiệm. Theo báo cáo của Vụ Chính sách tiền tệ - Ngân hàng Nhà nước, đối tượng vay là các doanh nghiệp siêu nhỏ, nhỏ và vừa với lãi suất cho vay không quá 20%/năm, nhưng phát sinh nhiều loại phí khác nhau có thể lên đến 30%-50%/tháng, số liệu năm 2020. Tại Việt Nam, khung khổ pháp lý hiện hành

chưa có quy định riêng để điều chỉnh hoạt động cho vay ngang hàng. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các tổ chức tín dụng ban hành năm 2017 cũng không có quy định về cho vay ngang hàng và cũng không có văn bản luật nào cấm hoạt động này diễn ra. Với tư cách là quan hệ hợp đồng, cho vay ngang hàng chịu sự điều chỉnh bởi Bộ luật Dân sự, trong đó có quy định về hợp đồng vay tài sản. Quy định chi tiết tại Bộ luật Dân sự năm 2015 có liên quan đến cho vay ngang hàng thể hiện tại Điều 465 quy định nghĩa vụ của bên cho vay; Điều 466 quy định bên vay có nghĩa vụ trả nợ; và Điều 467 quy định về việc sử dụng tài sản vay. Các hoạt động cho vay ngang hàng chưa đi vào quy củ nên tiềm ẩn rủi ro cho cả nhà đầu tư lẫn DNNVV tiếp cận vốn [2].

Doanh nghiệp nhỏ và vừa có vai trò quan trọng trong công cuộc phát triển kinh tế. Tuy nhiên, để hoạt động huy động vốn của DNNVV thuận lợi vượt qua các rào cản thì đối tượng này cần tập trung cải thiện các kỹ năng và trình độ công nghệ. Do tình trạng vốn còn hạn chế nên DNNVV chưa mặn mà đầu tư kỹ thuật hiện đại vào các hoạt động cho kinh doanh và sản xuất. Đồng thời, trình độ quản trị kém, năng suất lao động chưa cao, các kỹ năng truyền thông, xây dựng thương hiệu chưa được chú trọng cũng là những yếu tố làm giảm năng lực cạnh tranh, khiến các DNNVV không thuận lợi khi tiếp cận các nguồn vốn khác nhau. Doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam đang theo đuổi mô hình quản trị minh bạch hóa, tham gia kiểm toán các báo cáo, chứng từ tài chính định kỳ để nâng cao uy tín, góp phần tăng điểm xếp hạng đối với đánh giá của các tổ chức tín dụng và nhà đầu tư khác trên thị trường tài chính [56].

3.2.2.6. Quy định của các chủ thể nền tảng kỹ thuật trực tuyến về kiểm tra, giám sát và xử lý mâu thuẫn trong quan hệ về huy động vốn đối với DNNVV

Các hình thức cho vay trên nền tảng kỹ thuật công nghệ đang hướng đến phân khúc doanh nghiệp nhỏ, siêu nhỏ, doanh nghiệp khởi nghiệp. Qua đó, thị trường này dần trở thành một trong những kênh huy động vốn đầy tiềm

năng đối với các DNNVV. Nhưng, hiện nay quy định của các nền tảng kỹ thuật trực tuyến về kiểm tra, giám sát và xử lý mâu thuẫn trong quan hệ về huy động vốn đối với DNNVV chưa rõ ràng, chưa đáp ứng được nhu cầu quản lý, theo dõi, kiểm tra, giám sát. Trong quá trình tham gia nền tảng, do thiếu quy định về trách nhiệm ràng buộc nên các nhà đầu tư và DNNVV có khả năng xảy ra tranh chấp hoặc là khi rủi ro xảy ra, các bên liên quan không bên nào chịu trách nhiệm hoặc không có phương án giải quyết thiệt hại.

Đối với nền tảng tài trợ chuỗi cung ứng, bên cho vay, việc cho vay đối với các khoản phải thu và hàng tồn kho có tổ chức thông qua tận dụng các mối quan hệ trong chuỗi giá trị giúp tổ chức tài chính hiểu rõ hơn và giám sát những chủ thể đi vay là các DNNVV, do đó có thể tăng niềm tin cho vay của các bên. Nền tảng công nghệ tài chính nói chung và gọi vốn cộng đồng nói riêng có thể gặp rủi ro an ninh mạng và mức độ bảo mật thông tin, cũng như thiếu sự kết nối giữa các chủ thể là cơ quan quản lý nhà đầu tư và DNNVV; chưa có khung khổ pháp lý quản lý chuyên biệt và đồng bộ. Nền tảng cho vay ngang hàng cũng tiềm ẩn nhiều rủi ro về hoạt động cho vay, rủi ro thông tin, rủi ro an ninh mạng... có thể tác động không tốt đến an sinh xã hội và gây khó khăn cho hoạt động huy động vốn của DNNVV. Hơn nữa, hoạt động cho vay P2P chưa được cơ quan có thẩm quyền kiểm soát, chính nền tảng cũng thiếu sự kiểm tra, đánh giá nên có thể gặp rủi ro bị đánh cắp thông tin mạng, ảnh hưởng tiêu cực đến các chủ thể tham gia.

3.3. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ THỂ CHẾ CHO HUY ĐỘNG VỐN CỦA DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA Ở VIỆT NAM

3.3.1. Thành tựu đã đạt được

Thứ nhất, cùng với sự phát triển và những đóng góp đáng kể cho các lợi ích chung của xã hội và DNNVV, trong thời kỳ đổi mới, hệ thống thể chế cho huy động vốn của DNNVV đã từng bước xây dựng và ngày càng tích cực theo hướng đồng bộ, văn minh và đầy đủ. Vào những năm cuối của thế kỷ 20,

Đảng và Nhà nước đã đặt nền móng đầu tiên thông qua đưa ra tiêu chí xác định DNNVV. Hai tiêu chí quy định về số vốn và lao động tạm thời trở thành cơ sở để định hướng chiến lược và chính sách phát triển các DNNVV lúc bấy giờ. Sang đầu thế kỷ 21, thấy được những tiềm năng to lớn của đại bộ phận doanh nghiệp cho tiến trình phát triển đất nước, thông qua Nghị định 90 vào cuối năm 2001, DNNVV đã có định nghĩa đầu tiên chính thức. Hơn nữa tiêu chí xác định DNNVV so với tiêu chí trước kia cũng được mở rộng và cụ thể hơn. Có thể thấy rằng, các văn bản pháp luật ra đời vào giai đoạn sau không chỉ kế thừa những cái tốt mà còn tiếp thu ý kiến của các chủ thể xoay quanh vấn đề cần quan tâm nhằm xử lý các vấn đề còn tồn tại và hạn chế. Vào năm 2009, Nghị định 56 về trợ giúp phát triển DNNVV ra đời và sửa đổi cho Nghị định 90. Qua văn bản, DNNVV có cái nhìn khách quan và cụ thể hơn khi được phân chia thành ba nhóm: Doanh nghiệp siêu nhỏ, nhỏ và doanh nghiệp vừa, đồng thời văn bản cũng bổ sung thêm thể chế tài chính để DNNVV bước đầu có môi trường tiếp cận vốn. Đặc biệt hơn, văn bản còn nhắc đến đối tượng lao động nữ, doanh nghiệp nhỏ và vừa do phụ nữ làm chủ, giúp họ tiếp cận vốn để làm giàu cho đất nước. Cùng với đó, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo cũng phát triển ngày càng sâu rộng trong thời gian này, vì vậy, các quy định và thông tư được ban hành lần lượt vào năm 2013 và 2015 đã bổ sung sức mạnh tài chính cho các DNNVV còn non trẻ nhưng ý tưởng kinh doanh đầy tiềm năng. Dấu ấn quan trọng trong việc đổi mới, đồng bộ thể chế là Luật Hỗ trợ DNNVV được thông qua vào ngày 12/6/2017 và vẫn còn hiệu lực cho đến nay. Luật tiếp tục cập nhật các tiêu chí xác định và các nguyên tắc hỗ trợ DNNVV. Đồng thời, Luật cũng bổ sung quy định về nguồn vốn cho DNNVV, trong đó hoạt động tín dụng đóng vai trò thiết yếu cho nên văn bản thể hiện mục riêng và chi tiết về vấn đề tiếp cận tín dụng, hỗ trợ cho đối tượng này. Bên cạnh đó, nhận thấy Nghị định 56 có nhiều điều đã lỗi thời cần sửa đổi và bổ sung, Chính phủ tiếp tục có Nghị định số 39/2018/NĐ-CP và mới nhất là Nghị định số 80/2021/NĐ-CP. Các Nghị định sau ra đời điều

chỉnh các tiêu chí xác định DNNVV và cũng cập nhật các quy định về đầu tư cho DNNVV khởi nghiệp sáng tạo. Đặc biệt, Nghị định số 80/2021/NĐ-CP được ban hành thay thế các Nghị định trước đó đã góp phần tăng tính khả thi trong việc triển khai các điều khoản thuộc Luật Hỗ trợ DNNVV năm 2017 và phù hợp với thực tiễn lúc bấy giờ. Nghị định này hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ DNNVV; doanh nghiệp nhỏ và vừa phải tự xác định mình thuộc nhóm doanh nghiệp nào để lựa chọn hình thức tiếp cận vốn phù hợp. Doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo ngày càng được Đảng và Nhà nước quan tâm hỗ trợ trên nhiều khía cạnh như công nghệ, thông tin, tư vấn, phát triển nguồn nhân lực, hỗ trợ chuyển đổi từ hộ kinh doanh, ngoài ra trách nhiệm hỗ trợ DNNVV của các tổ chức, đoàn thể cũng rất quan trọng.

Thứ hai, hệ thống thể chế cho huy động vốn đã mang lại những tín hiệu tích cực cho DNNVV trong huy động các nguồn vốn. Trên cơ sở chủ trương của Đảng và Nhà nước, DNNVV được quan tâm và tiếp cận vốn cởi mở hơn. Nhiều chính sách liên quan đến DNNVV huy động vốn được ban hành đã tạo nên môi trường hành lang pháp lý để DNNVV yên tâm thực thi và đảm bảo tuân thủ pháp luật. Dựa trên Luật Hỗ trợ DNNVV, các Thông tư, Nghị định ra đời hỗ trợ và hướng dẫn DNNVV tuân thủ các điều luật. Hệ thống thể chế cho huy động vốn không ngừng hoàn thiện, kết hợp với lấy ý kiến xây dựng của DNNVV và đại chúng, nhiều điều Luật được sửa đổi và bổ sung sao cho đặt vào đúng hoàn cảnh. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, thông qua các buổi tọa đàm, hội nghị, DNNVV còn nhận được sự tư vấn từ các chuyên gia đầu ngành về tài chính, về nhân sự, các kỹ năng cần cải thiện trong quá trình tìm kiếm nguồn vốn huy động, tìm kiếm các nhà đầu tư tiềm năng. Hơn nữa, kênh huy động vốn cho DNNVV không ngừng phong phú đa dạng như huy động vốn tín dụng, huy động vốn từ người thân, bạn bè, huy động vốn thông qua cho thuê tài chính, huy động vốn trên các nền tảng trực tuyến... nhưng kênh tín dụng ngân hàng vẫn phổ

biến nhất đối với DNNVV. Trong quá trình tìm hiểu Luật, DNNVV cần trau dồi nâng cao nhận thức, nắm bắt các thông tin, cơ chế huy động vốn và thực hiện nghiêm chỉnh các điều luật góp phần cải thiện nguồn vốn cho doanh nghiệp, khôi phục sản xuất sau đại dịch. Có thể thấy rằng, thể chế cho huy động vốn của DNNVV đang ngày càng hoàn thiện, các chính sách quan tâm đến DNNVV do phụ nữ làm chủ, khuyến khích bộ phận khởi nghiệp sáng tạo là động lực để DNNVV mạnh dạn thu hút vốn vào những lĩnh vực, ngành nghề đang phát triển cho quốc gia.

Những hoàn thiện thể chế cho huy động vốn của DNNVV trong những năm qua theo hướng ngày càng đồng bộ, đầy đủ, hiệu lực cao hơn, thủ tục tiếp cận nguồn vốn không ngừng được cải thiện với thời gian ngắn hơn, chi phí thấp hơn, đã góp phần khơi thông nguồn vốn, đảm bảo nguồn vốn tốt hơn cho kinh doanh của DNNVV.

Theo báo cáo mới nhất của Ngân hàng Nhà nước, hầu hết các tổ chức tín dụng đã tham gia cho vay đối với DNNVV, giai đoạn 2018 - 2022, dư nợ tín dụng bình quân đối với DNNVV tăng 14,17%, cao hơn bình quân chung toàn nền kinh tế. Dư nợ tín dụng đối với DNNVV tính đến cuối năm 2022, tăng 8,28% so với cuối năm 2021, chiếm khoảng gần 19% tổng dư nợ tín dụng chung toàn nền kinh tế, chủ yếu tập trung vào DNNVV thương mại và dịch vụ (56,29%), công nghiệp và xây dựng (40,85%). Các ngân hàng thương mại Nhà nước đang cho vay doanh nghiệp nhỏ và vừa chiếm 48,05%, khối ngân hàng thương mại cổ phần cho vay chiếm 47,43%, khối ngân hàng nước ngoài, ngân hàng liên doanh, công ty tài chính và ngân hàng hợp tác xã tham gia cho vay 4,52% [63].

3.3.2. Hạn chế và nguyên nhân

Ngoài những thành tựu, hệ thống thể chế cho huy động vốn của DNNVV vẫn còn những hạn chế:

Một là, hệ thống thể chế chưa thực sự đúng với mục tiêu huy động vốn

của DNNVV đặt ra, những thay đổi chưa hợp lý trước sự biến động của điều kiện kinh doanh. Trong thời gian qua, thể chế huy động vốn nhằm hỗ trợ phát triển DNNVV đã được ban hành bởi Cơ quan nhà nước thể hiện qua các điều Luật, chính sách, các chủ thể có liên quan đã chủ động nắm bắt thông tin và tham gia thực hiện, tuy nhiên thể chế chưa thực sự bao quát toàn diện những quan hệ kinh tế về huy động vốn cho DNNVV. Giữa chính sách và đời sống luôn có một khoảng cách vô hình hay nói cách khác khó có chính sách nào bám sát hoàn toàn với thực tiễn. Khi kinh tế có những đổi thay đầy bất ngờ, có thể nhắc tới đại dịch Covid-19 thời gian vừa qua rất căng thẳng, chính sách, thể chế được Nhà nước đưa ra nhằm hỗ trợ DNNVV vượt qua khủng hoảng và khắc phục khó khăn hậu Covid, song không phải mọi chính sách đều phù hợp, không phải chính sách nào cũng đi vào thực tiễn một cách dễ dàng. Sau một thời gian áp dụng, các thể chế, chính sách lỗi thời và không còn phù hợp với xu thế, cần phải sửa đổi và thay thế. Nhiều nội dung các điều luật trong hoàn cảnh này có thể phù hợp nhưng trong hoàn cảnh khác phải xem xét và có giải pháp đối phó. Điển hình chính sách giảm thuế thu nhập doanh nghiệp, trong trường hợp chịu tác động từ dịch Covid-19, nhỏ và vừa tạm dừng hoạt động hoặc giải thể không có thu nhập thì chính sách giảm thuế cũng không đem lại lợi ích cho nhóm doanh nghiệp này.

Hai là, chất lượng một số thể chế chính thức chưa cao, chưa thực sự thích hợp trong việc đảm bảo sự an toàn cho DNNVV trong huy động vốn. Trong số các kênh huy động vốn, kênh tiếp cận vốn tín dụng vẫn là kênh huy động truyền thống và phổ biến nhất cho DNNVV. Một số kênh huy động khác cũng được đối tượng cân nhắc, cụ thể là huy động từ bạn bè, người thân, khoản vay mang lại không hợp đồng và vốn thu được có thể không lớn. Hay hình thức cho vay ngang hàng trên nền tảng trực tuyến cũng được các doanh nghiệp biết đến với thủ tục vay đơn giản nhưng tiềm ẩn nhiều rủi ro pháp lý và các rủi ro phát sinh khác trong bối cảnh pháp luật nước ta chưa có khung

pháp lý điều chỉnh hoạt động này. Luật hỗ trợ DNNVV đã có điều khoản liên quan đến hỗ trợ tiếp cận tín dụng cho DNNVV, nhưng DNNVV vẫn phải đương đầu với các thách thức. Theo báo cáo của PCI 2022, tiếp cận tín dụng là khó khăn chung của toàn DNNVV, song đi vào chi tiết doanh nghiệp siêu nhỏ và doanh nghiệp nhỏ là hai đối tượng khó tiếp cận tín dụng hơn so với doanh nghiệp vừa. Xác định DNNVV theo quy mô vốn, tỷ lệ DNNVV tham gia huy động vốn tín dụng không cao, nhóm doanh nghiệp vốn có quy mô dưới 3 tỷ đồng chỉ chiếm 11,3%, nhóm có quy mô vốn cao hơn từ 3 tỷ đến 10 tỷ đồng và từ 10 tỷ đến 20 tỷ đồng, tỷ lệ lần lượt ở mức 20,5% và 28,3%. Thách thức lớn nhất đối với nhóm DNNVV trong quá trình huy động vốn tín dụng, đó chính là tài sản thế chấp. Cụ thể, các điều kiện tín dụng của các nhà băng rất không giống nhau, thủ tục vay vốn cũng tương đối phức tạp.

Trong năm 2022, gói hỗ trợ lãi suất 2% theo Nghị định 31/2022/NĐ-CP của Chính phủ triển khai đến với DNNVV qua kênh ngân hàng vẫn chưa đạt kỳ vọng. Nhóm DNNVV rất mong đợi khoản hỗ trợ để có có tiếp cận vốn ưu đãi nhằm phục hồi sản xuất, phát triển kinh tế sau đại dịch. Theo khảo sát, chỉ có khoảng 2% doanh nghiệp nhận được khoản vay theo chương trình và hơn 56% doanh nghiệp khi thực hiện thủ tục tiếp cận khoản vay theo gói hỗ trợ đã gặp không ít khó khăn. Trong đó, chỉ tiêu mới "có khả năng phục hồi" được thêm vào Nghị định nhưng chưa đủ pháp lý để DNNVV nắm bắt tiến hành. Phân tích về chỉ tiêu mới này ta thấy, các nhân tố ảnh hưởng và phương pháp xác định chỉ tiêu "có khả năng phục hồi" là rào cản đối với DNNVV trong việc đánh giá xem họ có đáp ứng đủ yêu cầu nhận hỗ trợ hay không [85].

Có những nguyên nhân dẫn đến hạn chế nêu trên, bao gồm:

Thứ nhất, từ phía thẩm quyền các cơ quan nhà nước. Thể chế được xây dựng bước đầu khái quát đến cụ thể thông qua văn bản quy phạm pháp luật. Các văn bản đầu tiên bắt đầu từ tiêu chí xác định DNNVV, tiếp đến khái niệm

chính thức về DNNVV và sau cùng các thể chế, chính sách hỗ trợ DNNVV, bao gồm thể chế cho huy động vốn của DNNVV. Vì vậy, phải trải qua một khoảng thời gian, thể chế mới đi vào thực tiễn và có chiều sâu. Song, đúc kết kinh nghiệm, giải quyết tồn tại và hạn chế, dần dần thể chế mới ngày càng hoàn thiện và DNNVV mới tiếp cận vốn thuận lợi.

Các cơ quan quản lý nhà nước chưa đánh giá đúng năng lực của DNNVV, nhiều quan điểm chưa rõ ràng. Công tác triển khai chính sách đến các tổ chức tín dụng và DNNVV chưa kịp thời, nhiều thể chế hỗ trợ đôi khi không phù hợp với thực tiễn và chưa bám sát DNNVV. Việc giám sát, đánh giá cơ chế, chính sách còn hạn chế dẫn đến tình trạng nguồn lực bị phân tán. Các chương trình hỗ trợ DNNVV huy động vốn nhiều khi chưa đủ hấp dẫn và quy mô tương đối hẹp, nhất là các địa phương vùng sâu vùng xa rất khó tiếp cận.

Thứ hai, từ phía các tổ chức tín dụng. Cụ thể, các ngân hàng thương mại thường không đủ thông tin và chưa thực sự tin tưởng DNNVV. Trong quá trình thẩm định hồ sơ, các tổ chức tín dụng thường thiếu dữ liệu lịch sử giao dịch của doanh nghiệp mới thành lập, mới hoạt động một vài năm. Các tổ chức tín dụng cũng không linh động trong việc quản lý dòng tiền do nhiều DNNVV thiếu sự hợp tác. Phần lớn, doanh nghiệp cần nhiều vốn nhưng gặp vấn đề nợ xấu và trả nợ đúng hạn không cao, thiếu tài sản đảm bảo. Từ đó, các tổ chức tín dụng đánh giá và tính điểm tín dụng DNNVV. Chỉ số càng thấp, DNNVV càng mất uy tín trong mắt các tổ chức tín dụng. Các nhà băng cho dù vẫn còn vốn cấp cho doanh nghiệp nhưng khi thiếu sự tin tưởng, ngân hàng sẽ thu hồi lại khoản đã cho vay, không muốn cho DNNVV vay thêm.

Thủ tục cho vay của các tổ chức tín dụng đối với DNNVV đôi khi còn khá rườm rà và yêu cầu nhiều giấy tờ. Ngoài mục đích vay rõ ràng cụ thể, để DNNVV có thể vay vốn, yêu cầu từ ngân hàng DNNVV phải thỏa mãn một số điều kiện như tài chính lành mạnh, thanh toán cần đúng hạn, nếu doanh nghiệp có dự án kinh doanh thì cần kèm theo kế hoạch và phương án

khả thi, tài sản đảm bảo phải đủ lớn và đảm bảo quy định pháp luật. Ngoài ra, một số bộ phận cán bộ ngân hàng còn thiếu nghiệp vụ trong quá trình xử lý hồ sơ cho vay của DNNVV...

Thứ ba, từ phía DNNVV. Ảnh hưởng của thể chế phi chính thức, cụ thể là từ phía nội tại DNNVV. Nhận thức về thể chế hỗ trợ DNNVV nói chung và thể chế cho huy động vốn nói riêng còn bất cập. Các hình thức tuyên truyền, đưa kiến thức thể chế, chính sách vào cuộc sống của DNNVV chưa hiệu quả đối với các địa phương có điều kiện về cơ sở hạ tầng khó khăn, vùng sâu vùng xa. Cập nhật kiến thức pháp luật, hơn hết ý thức của mỗi bộ phận thuộc khối DNNVV tuân thủ pháp luật ảnh hưởng rất nhiều vào cách thức tiếp cận vốn cho DNNVV.

Mức độ tuân thủ pháp luật của các thành viên DNNVV cũng là nguyên nhân tác động đến hoạt động huy động vốn. Mặc dù các kênh huy động vốn rất phong phú, đa dạng nhưng DNNVV chủ yếu tiếp cận nguồn vốn tín dụng từ ngân hàng. Để nắm bắt về DNNVV, nhà băng chủ yếu xác minh thông tin doanh nghiệp thông qua hồ sơ mà DNNVV nộp cho ngân hàng. Trong đó, báo cáo thuế và giấy tờ sổ sách kế toán là những chứng từ thể hiện tình hình nguồn vốn cũng như khả năng trả nợ của DNNVV. Tuy nhiên, số liệu mà ngân hàng có được từ doanh nghiệp đôi khi còn chênh lệch và thiếu minh bạch, gây khó khăn trong công tác đánh giá của ngân hàng cũng như khả năng tiếp cận vốn tín dụng của DNNVV. Mặt khác, một bộ phận DNNVV có gánh nặng tài chính phải vay vốn nhiều ngân hàng, nợ chồng nợ, bản thân DNNVV không đủ khả năng chi trả. Trong công tác thẩm định, đánh giá nếu nhận thấy vấn đề lịch sử tín dụng của DNNVV không tốt hoặc tài sản đảm bảo không đủ thì đây là nguyên nhân khiến DNNVV huy động vốn không thuận lợi.

Cộng đồng DNNVV hạn chế một số kỹ năng như lên kế hoạch và định hướng phương án, kỹ năng quản lý, áp dụng công nghệ vào thực tiễn; các phương án kinh doanh thường tính khả thi còn thấp. Phần lớn, DNNVV

không quá coi trọng công tác lên kế hoạch, lập dự án mà chỉ coi đó là thủ tục để huy động vốn. Thêm vào đó, đôi khi có những nhân tố bất thường ảnh hưởng đến DNNVV, thì kỹ năng quản trị cũng như kỹ năng ứng phó của doanh nghiệp này chưa cao; đôi khi, yếu tố công nghệ, khoa học chưa kịp cập nhật nên khó theo kịp các xu thế mới [38].

Chương 4

ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN THỂ CHẾ CHO HUY ĐỘNG VỐN CỦA DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA Ở VIỆT NAM ĐẾN NĂM 2035 TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045

4.1. DỰ BÁO BỐI CẢNH VÀ ĐỊNH HƯỚNG HOÀN THIỆN THỂ CHẾ CHO HUY ĐỘNG VỐN CỦA DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA

4.1.1. Dự báo bối cảnh kinh tế thế giới và trong nước tác động đến thể chế cho huy động vốn của doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam

- Bối cảnh thế giới

Dự báo về tình hình kinh tế thế giới có nhiều bất định khó lường, gây nhiều khó khăn cho sự hình thành luân chuyển nguồn vốn cho sản xuất kinh doanh của thế giới nói chung, trong đó có DNNVV nói riêng, đặt ra yêu cầu thể chế cho huy động vốn của DNNVV ở Việt Nam phải tiếp tục hoàn thiện thời gian tới. Đại hội XIII của Đảng nhận định:

Hòa bình, hợp tác, liên kết và phát triển vẫn là xu thế lớn nhưng cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn rất phức tạp, gay gắt; cục diện đa cực ngày càng rõ nét. Toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế tiếp tục tiến triển nhưng gặp nhiều trở ngại, thách thức; chủ nghĩa dân túy, bảo hộ có xu hướng tăng lên; sự điều chỉnh chính sách, quan hệ đối ngoại của các nước lớn trong khu vực và trên thế giới diễn biến khó lường. Tăng trưởng kinh tế thế giới và thương mại, đầu tư quốc tế có xu hướng giảm; nợ công toàn cầu tăng, rủi ro trên thị trường tài chính, tiền tệ quốc tế gia tăng. Đặc biệt, đại dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, khó kiểm soát, gây ra suy thoái trầm trọng và khủng hoảng kinh tế toàn cầu, có khả năng kéo dài sang đầu thập niên 20; làm thay đổi sâu sắc trật tự, cấu trúc kinh tế, phương thức quản trị toàn cầu, cách thức hoạt động kinh tế và tổ chức đời sống xã hội của thế giới [25, tr 206-207].

Song hành với đó cũng có nhiều yếu tố mới xuất hiện tạo cơ hội cho hoàn thiện thể chế cho huy động vốn của DNNVV phù hợp với xu hướng phát triển mới của thế giới như:

Phát triển bền vững trở thành xu thế bao trùm trên thế giới; kinh tế số, kinh tế tuần hoàn, tăng trưởng xanh đang là mô hình phát triển được nhiều quốc gia lựa chọn. Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững của Liên hợp quốc có ảnh hưởng lớn đến phương thức tăng trưởng, hợp tác kinh tế, thương mại, đầu tư trên thế giới. Chuyển dịch sang năng lượng tái tạo, năng lượng xanh sẽ là xu thế rõ nét hơn trong thời kỳ tới.

Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang diễn biến rất nhanh, đột phá, tác động sâu rộng và đa chiều trên phạm vi toàn cầu. Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo ngày càng trở thành nhân tố quyết định đối với năng lực cạnh tranh của mỗi quốc gia. Công nghệ số sẽ thúc đẩy phát triển kinh tế số, xã hội số, làm thay đổi phương thức quản lý nhà nước, mô hình sản xuất kinh doanh, tiêu dùng và đời sống văn hóa, xã hội [25, tr 207-208].

Những xu hướng phát triển trên đòi hỏi việc hoàn thiện thể chế cho huy động vốn của DNNVV, không những phải phù hợp với yêu cầu hội nhập mà còn phải phát huy được những tác động tích cực của cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Cuộc cách mạng diễn ra ngày càng mạnh mẽ và từng bước hòa nhập vào cuộc sống thông minh của con người. Sự phát triển như vũ bão của khoa học - công nghệ cùng thành tựu của cách mạng công nghiệp lần thứ ba là cơ sở để cách mạng 4.0 tạo nên những dấu ấn quan trọng. Mạng lưới công nghệ điều khiển tự động được sản sinh ra kể từ cách mạng công nghiệp lần thứ tư với các đặc trưng về kết nối internet vạn vật, thực tế ảo, trí tuệ nhân tạo, điện toán đám mây...; nhiều loại hình công nghệ mang tính ứng dụng cao như công nghệ nano, công nghệ gen, công nghệ in 3D, robot thông minh đã góp phần cải thiện chất lượng và tăng năng suất, tiết kiệm công sức, thời gian cho con người và doanh nghiệp trong hoạt động kinh doanh, sản xuất.

Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư đã đang thay đổi hoạt động sống con người, tạo đột phá về công nghiệp và thúc đẩy nền kinh tế các quốc gia. Tác động của cuộc cách mạng ảnh hưởng lên mọi lĩnh vực đời sống,

trong đó, DNNVV và doanh nghiệp khởi nghiệp không ngừng phát triển trong công cuộc cách mạng 4.0. Thể chế cho huy động vốn của DNNVV là vấn đề xã hội rất lưu tâm, những đối tượng này cần tìm ra cách tiếp cận và tận dụng các cơ hội của cuộc cách mạng để bứt tốc và đi đến thành công.

Dự báo toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế cho dù đang đối mặt với các thách thức từ chủ nghĩa dân túy, xung đột quân sự cục bộ, cạnh tranh chiến lược giữa nước lớn với nhau, song vẫn tiếp tục phát triển và tạo nên mạng lưới rộng khắp, lan tỏa và kết nối các quốc gia với nhau. Toàn cầu hóa diễn ra, nền kinh tế sản xuất của một quốc gia cũng có sự thay đổi. Để đến được với người tiêu dùng, sản phẩm phải trải qua nhiều khâu của quá trình tái sản xuất, trong đó khâu sản xuất có ý nghĩa quyết định. Nếu như trước kia, chỉ một quốc gia làm chủ toàn bộ sản xuất sản phẩm thì ngày nay, các hoạt động được chia nhỏ, đa dạng hóa thực hiện ở các quốc gia thứ hai, thứ ba. Bước đầu, những quốc gia kinh tế vững mạnh đóng vai trò tiên phong trong chuỗi giá trị toàn cầu, dần dần, một số quốc gia khác trên thế giới cũng hưởng ứng. Điều này không chỉ giúp các quốc gia giải quyết vấn đề cạnh tranh và tiết kiệm nhiều chi phí mà còn góp phần mở rộng quy mô tiêu thụ, tạo cơ hội thu hút vốn đầu tư đối với các quốc gia đang phát triển. Do đó, doanh nghiệp nhỏ và vừa của những khu vực đang phát triển được hưởng lợi từ dòng chảy tư bản trên phạm vi toàn thế giới [75].

Hơn nữa, xu thế chung của hội nhập quốc tế và tham gia toàn cầu hóa là những quốc gia cùng châu lục và toàn thế giới cùng hợp tác, cạnh tranh bình đẳng, giải quyết tranh chấp trên cơ sở hòa bình. Mỗi quan hệ vừa hợp tác vừa tranh đấu có phần phức tạp kéo theo sự đổi mới, bổ sung các định chế toàn cầu đã có như: Liên hợp quốc và các tổ chức trực thuộc, Ngân hàng Thế giới, Tổ chức Thương mại thế giới (WTO), Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF)... và thiết lập những định chế mới làm tăng khả năng thích nghi các DNNVV trong công cuộc xây dựng và hoàn thiện thể chế huy động vốn và góp phần nâng cao vị thế quốc gia trên trường quốc tế [34].

Các nước lớn tiếp tục giữ vai trò chi phối cục diện thế giới, vừa hợp tác, vừa đấu tranh, kiềm chế và ngăn chặn lẫn nhau. Trong bàn cờ chính trị quốc tế, các nước lớn đóng vai trò chính trong việc định hình trật tự, cục diện thế giới, xây dựng luật chơi và cơ chế giải quyết các vấn đề nổi lên ở khu vực, thế giới. Quan hệ giữa các nước lớn tác động gián tiếp đến chính sách của các quốc gia trong việc lựa chọn con đường và định hướng phát triển; tác động đến xu thế hội nhập, bảo vệ độc lập, chủ quyền trên con đường phát triển của các quốc gia - dân tộc. Hiện nay, quan hệ giữa các nước lớn đang tác động và chi phối đến đời sống chính trị - kinh tế, an ninh thế giới. Trong tương quan so sánh lực lượng giữa các nước lớn, Mỹ vẫn là siêu cường số một và không ngừng triển khai chiến lược toàn cầu nhằm thiết lập trật tự thế giới một cực do Mỹ đứng đầu. Tuy nhiên, trong những năm gần đây, theo đánh giá của nhiều chuyên gia, vị thế của Mỹ đã có phần suy giảm tương đối cả về sức mạnh kinh tế và mức độ chi phối tới quan hệ quốc tế. Trong khi đó, Liên minh châu Âu (EU), Trung Quốc, Nhật Bản đang vươn lên mạnh mẽ để trở thành các trung tâm lớn của thế giới. Nga đang từng bước khôi phục địa vị cường quốc của mình. Ấn Độ đang nỗ lực vươn lên để trở thành một cường quốc. Nhìn chung, các nước lớn đang duy trì một cục diện quan hệ vừa hợp tác, dàn xếp lợi ích, vừa đấu tranh quyết liệt để giành giật ảnh hưởng. Xu thế trật tự thế giới đa cực ngày càng hiện hữu, như Đảng ta đã nhận định: "Cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn rất phức tạp, gay gắt; cục diện đa cực ngày càng rõ nét".

Tình hình khu vực cũng có những biến chuyển phức tạp, tiềm ẩn nhiều nhân tố bất ổn, khó lường. Đại hội XIII của Đảng nhận định: "Khu vực châu Á - Thái Bình Dương, trong đó Đông Nam Á có vị trí chiến lược ngày càng quan trọng, là khu vực cạnh tranh gay gắt giữa các cường quốc, tiềm ẩn nhiều bất ổn". Các hoạt động gia tăng ngân sách quốc phòng, hiện đại hóa quốc phòng, chế tạo, mua sắm vũ khí, trang thiết bị khiến châu Á trở thành "thị trường sôi động" của thế giới. Sự cạnh tranh quyết liệt giữa các nước lớn và những bất

đồng, tranh chấp lẫn sự gia tăng sức mạnh quân sự của các quốc gia khu vực đang đe dọa nghiêm trọng đến hòa bình, an ninh ở khu vực: "Tranh chấp chủ quyền lãnh thổ, chủ quyền biển, đảo diễn ra căng thẳng, phức tạp, quyết liệt hơn. Hòa bình, ổn định, tự do, an ninh, an toàn hàng hải, hàng không trên Biển Đông đứng trước thách thức lớn, tiềm ẩn nguy cơ xung đột" [25].

Không thể phủ nhận những thách thức đối với đất nước trong quá trình phát triển đi lên trong năm vừa qua là không nhỏ. Cuộc xung đột giữa Nga và Ukraine, giữa Israel và Hamas dự báo vẫn sẽ gây những bất ổn khó lường đối với phát triển kinh tế thế giới nói chung, từng quốc gia dân tộc nói riêng, nhất là những tác động đến lạm phát, giá năng lượng, gây gãy đứt chuỗi cung ứng toàn cầu có ảnh hưởng không nhỏ đến huy động vốn của DNNVV và yêu cầu hoàn thiện thể chế cho huy động vốn của DNNVV ở Việt Nam thời gian tới.

- Bối cảnh trong nước

Ở trong nước, qua gần 40 năm đổi mới, thể và lực, sức mạnh tổng hợp quốc gia, uy tín quốc tế, niềm tin của nhân dân ngày càng được nâng cao, tạo ra những tiền đề quan trọng để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc [25, tr.107]. Những thành tựu phát triển kinh tế đó đã tạo ra nguồn vốn dồi dào hơn cho DNNVV có thể huy động để đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh hiệu quả, từ đó vừa tạo ra cơ hội, đồng thời cũng là sức ép để tiếp tục hoàn thiện thể chế cho huy động vốn của DNNVV thời gian tới. Trong phát biểu bế mạc, Hội nghị lần thứ bảy khóa XIII, tổng bí thư Nguyễn Phú Trọng khẳng định: "Đảng ta, Đất nước ta vẫn vững vàng vượt qua mọi khó khăn, thách thức, tiếp tục đạt được những kết quả quan trọng, khá toàn diện và đáng mừng trên nhiều lĩnh vực" [77]. Tuy nhiên, "Ở trong nước, chúng ta vẫn đang phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức lớn", "Thị trường tài chính - tiền tệ, nhất là thị trường bất động sản, thị trường chứng khoán, trái phiếu doanh nghiệp sẽ diễn biến rất phức tạp, tiềm ẩn nhiều rủi ro. Thanh khoản của một số ngân hàng thương mại yếu kém và doanh nghiệp, dự án lớn sẽ gặp nhiều khó khăn. Lãi suất ngân hàng vẫn ở mức cao, sức ép lạm phát còn lớn. Hoạt động sản

xuất kinh doanh ở một số ngành, lĩnh vực có xu hướng suy giảm; số doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường tăng" [77]. Đó là những thách thức không nhỏ đối với hoàn thiện thể chế cho huy động vốn của DNNVV ở Việt Nam thời gian tới.

4.1.2. Định hướng đổi mới, hoàn thiện thể chế cho huy động vốn của doanh nghiệp nhỏ và vừa trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam

Căn cứ vào định hướng nhiệm vụ hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa mà Đại hội XIII của Đảng đã đề ra với trọng tâm là:

Tập trung tháo gỡ các điểm nghẽn... Tập trung sửa đổi những quy định mâu thuẫn, chồng chéo, cản trở phát triển kinh tế... Tiếp tục hoàn thiện thể chế, phát triển đầy đủ, đồng bộ các yếu tố thị trường, các loại thị trường... Phát triển đồng bộ, nâng cao hiệu quả hoạt động của các thị trường tài chính, tiền tệ, thị trường chứng khoán, thị trường bảo hiểm... trên nền tảng công nghệ số với kết cấu hạ tầng, công nghệ và phương thức giao dịch hiện đại... Tiếp tục hoàn thiện thể chế, thúc đẩy phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp... Nhà nước có chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển các mô hình kinh tế hợp tác, các hợp tác xã, doanh nghiệp nhỏ [25, tr.132-134].

Đồng thời, để khắc phục những hạn chế đã được trình bày và phân tích ở chương 3 của luận án, những định hướng lớn về hoàn thiện thể chế cho huy động vốn của DNNVV thời gian tới bao gồm:

Thứ nhất, tiếp tục hoàn thiện thể chế cho huy động vốn của DNNVV theo hướng phù hợp với yêu cầu vốn của quy trình kinh doanh của DNNVV trong nền kinh tế thị trường. Xuất phát từ yêu cầu của quá trình vận động của nguồn vốn doanh nghiệp, việc hoàn thiện thể chế cho huy động vốn của DNNVV phải hướng tới đảm bảo các điều kiện thuận lợi cho DNNVV tiếp cận được các nguồn vốn theo chu kỳ kinh doanh. Để điều đó có thể thực hiện được, bên cạnh những chính sách hỗ trợ phát triển DNNVV của Nhà nước,

cần hoàn thiện thể chế đồng bộ, đầy đủ các yếu tố thị trường, để DNNVV nắm lấy thời cơ huy động vốn dễ dàng hơn.

Thứ hai, việc hoàn thiện thể chế cho huy động vốn của DNNVV thời gian tới thực hiện theo hướng đầy đủ, đồng bộ. Hệ thống thể chế do Nhà nước ban hành phải được hoàn thiện theo hướng thống nhất, khắc phục những quy định chồng chéo về hỗ trợ tài chính cho DNNVV giữa các quy định trong luật, nghị định, thông tư hướng dẫn. Khắc phục tình trạng nhiều quy định có ở trong văn bản luật song vẫn thiếu vắng trong các nghị định và thông tư hướng dẫn. Thể chế hỗ trợ tài chính và thể chế tín dụng đối với DNNVV cần có sự gắn kết, ví dụ như: Bổ sung, sửa đổi luật về các tổ chức tín dụng theo hướng cụ thể hơn đối với DNNVV ngoài những quy định hiện hành về tín dụng đối với doanh nghiệp nói chung. Đồng thời, việc hoàn thiện thể chế cho huy động vốn của DNNVV phải hướng tới đảm bảo môi trường thông thoáng có thể huy động vốn không chỉ trong trường hợp khi kinh tế gặp bất ổn. Nói cách khác, việc hoàn thiện thể chế cho huy động vốn của DNNVV phải dựa trên tầm nhìn dài hạn về xu thế phát triển của doanh nghiệp trong bối cảnh mới.

4.2. NHỮNG GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

Dựa trên những phân tích, đánh giá thực trạng ở chương 3, nhất là những hạn chế và nguyên nhân của hạn chế của hệ thống thể chế cho huy động vốn của DNNVV, cùng với dự báo tác động của bối cảnh mới và các định hướng, tác giả đề xuất giải pháp nhằm hoàn thiện thể chế cho huy động vốn của DNNVV ở Việt Nam. Các giải pháp sẽ tập trung vào bốn nhóm chính: (1) Về phía Nhà nước; (2) Về phía các tổ chức tín dụng; (3) Về phía các DNNVV; và (4) Một số giải pháp khác.

4.2.1. Về phía Nhà nước

Tiếp tục hoàn thiện hệ thống thể chế chính thức về huy động vốn của doanh nghiệp nhỏ và vừa theo hướng đầy đủ, đồng bộ, xóa bỏ các rào cản thể chế về huy động vốn không còn phù hợp đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa ở

Việt Nam. Cần kết hợp chính sách tiền tệ và chính sách tài khóa chặt chẽ, phối hợp đồng bộ với một số chính sách hỗ trợ khác bổ trợ nhằm tăng sự hiệu quả khi sử dụng và phân bổ nguồn lực, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho DNNVV huy động vốn. Sự đồng bộ cũng cần thực hiện từ trên xuống dưới, đơn vị cấp trên đưa ra chỉ đạo, cơ quan cấp dưới tuân thủ triển khai sao cho ăn khớp, nhất quán và nhịp nhàng, không làm ảnh hưởng đến các chủ thể kinh tế trong việc huy động vốn, nhất là đối tượng DNNVV. Hệ thống khung khổ pháp luật nước ta dù có sửa đổi, bổ sung nhưng vẫn không tránh khỏi những mâu thuẫn và vướng mắc cần giải quyết. Tổng hợp, rà soát các văn bản quy phạm chưa hiệu quả, hệ thống pháp luật còn chồng chéo, thiếu sự thống nhất. Cần không ngừng nâng cao hệ thống thể chế chính thức về huy động, thu hút vốn của DNNVV theo hướng đầy đủ, đồng bộ. Không những cần tiếp tục rà soát Luật hỗ trợ DNNVV, Luật các Tổ chức tín dụng, cùng các nghị định, thông tư có liên quan, xem xét những văn bản quy phạm pháp luật đã lỗi thời không còn phù hợp với thực tiễn cần được chọn lọc và sửa đổi, bổ sung, mà còn phải phối hợp chặt chẽ giữa các quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật đó.

Với tình hình biến động của kinh tế và sự đổi thay của lịch sử, sau một thời gian áp dụng, các chính sách, thể chế sẽ không còn theo kịp xu thế thời đại. Để xóa bỏ các rào cản thể chế về huy động vốn không còn phù hợp đối với DNNVV ở Việt Nam, Nhà nước cần thành lập các ban dự thảo, tổ chức các đợt thảo luận, tổng hợp các luồng ý kiến phục vụ công tác xây dựng và hoàn thiện thể chế nói chung và thể chế cho huy động của DNNVV nói riêng, với mục đích thay thế, điều chỉnh các điều Luật đã lỗi thời, các quy định mâu thuẫn, chồng chéo, hết hiệu lực; cập nhật, điều chỉnh những điều Luật mới phù hợp với thực tiễn, chủ động hơn trong phối hợp hoạt động hoàn thiện thể chế cho huy động vốn của DNNVV trong các luật và các văn bản có liên quan, tranh thủ tối đa không những ý kiến của các cơ quan chịu trách nhiệm dự thảo mà cần đặc biệt chú trọng hơn đến ý kiến góp ý, phản biện của đối

tượng thụ hưởng chủ yếu là các DNNVV cũng như các chủ thể có liên quan.

Hoàn thiện thể chế hoạt động của quỹ hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam. Quỹ hỗ trợ DNNVV ở nước ta đang phát triển ngày càng mạnh mẽ. Đúng như mục đích thành lập, một số quỹ hỗ trợ DNNVV ở Việt Nam hiện nay như: Quỹ bảo lãnh tín dụng, Quỹ phát triển DNNVV... đã giải quyết được vấn đề tài chính cho DNNVV, cũng như cùng đồng hành với họ trong việc tiếp cận các nguồn vốn nhằm phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, khôi phục sản xuất sau đại dịch và hỗ trợ nhóm đối tượng thực hiện các ý tưởng, dự định trong tương lai. Tuy nhiên, các quỹ hỗ trợ vẫn còn nhiều bất cập, vướng mắc trong quá trình hoạt động. Cụ thể, trải qua bốn năm triển khai Nghị định số 39/2019/NĐ-CP ban hành ngày 10/5/2019 bởi Thủ tướng Chính phủ "Về tổ chức và hoạt động của Quỹ Phát triển DNNVV" cho thấy một số vấn đề đáng suy ngẫm và cần có hướng giải quyết.

Theo dõi hoạt động cho vay và tài trợ vốn DNNVV, nghị định đã bộc lộ một số điểm nghẽn cũng như khoảng trống pháp luật gây thất thoát cho xã hội. Trong quá trình hoạt động sản xuất, kinh doanh, DNNVV có thể có nhiều dự án cần vốn và việc hoàn thiện chứng từ theo đúng quy định thỏa mãn yêu cầu cấp vốn từ ngân hàng cho một hay nhiều dự án đó là chính đáng. Song, điều đáng bàn một số doanh nghiệp lợi dụng kẽ hở pháp luật thực hiện hoạt động vay hoặc nhận tài trợ từ quỹ nhiều lần, nợ cũ chưa hoàn trả chồng nợ mới, doanh nghiệp tiếp tục trình hồ sơ vay vốn thực hiện dự án khác. Theo điều 18 của Nghị định số 39/2019/NĐ-CP có quy định đối với mỗi dự án về mức cho vay, phương án kinh doanh và tổng mức cho vay của Quỹ đối với một DNNVV; thời hạn cho vay cũng được xem xét và có giới hạn để phù hợp với khả năng của DNNVV, điều kiện của dự án, phương án sản xuất, kinh doanh. Nhưng trường hợp một DNNVV vay vốn cho nhiều dự án thì chưa có căn cứ pháp lý thực hiện trong nghị định này. Cho nên, thời gian sớm nhất, Chính phủ phải sửa đổi, bổ sung điều luật rõ ràng và chặt chẽ hơn về vấn đề

hoạt động cho vay, tài trợ vốn đối với một DNNVV nhưng có nhiều dự án, phương án sản xuất, kinh doanh có khả thi. Dự thảo có thể điều chỉnh như sau: Đối với điều 15 của Nghị định, sửa đổi bổ sung nguyên tắc cho vay trực tiếp, ngoài ba nội dung đã đề cập, nên thêm nội dung liên quan đến số lượng và tính khả thi của phương án kinh doanh, dự án mà DNNVV được cấp vốn; đánh giá, cân nhắc cho vay với các DNNVV đã hoàn trả đầy đủ dư nợ khoản vay trước đó. Điều luật 16 của Nghị định về điều kiện cho vay, sửa đổi bổ sung khoản a, đáp ứng quy định tại Điều 4 Luật Hỗ trợ DNNVV (tiêu chí xác định DNNVV theo Luật Hỗ trợ DNNVV năm 2017); các phương án kinh doanh sản xuất, dự án khả thi gắn với tiêu chí xác định DNNVV. Nếu có sự điều chỉnh về số lượng phương án kinh doanh sản xuất, dự án khả thi được cấp vốn đối với DNNVV thì Điều luật 18 của Nghị định cũng cần phải xem xét lại về phần trăm mức cho vay với mỗi dự án, phương án đó và thời gian quỹ thu hồi lại vốn, thời gian DNNVV hoàn trả cả gốc và lãi cho quỹ. Điều luật bổ sung được đưa ra không chỉ củng cố hoạt động của quỹ mà còn tránh các hành vi trục lợi gây ảnh hưởng không tốt đến xã hội. Đồng thời, điều luật ưu tiên sự an toàn vốn, vừa bảo vệ quỹ trước những rủi ro vừa tạo sự công bằng cho các DNNVV khi huy động vốn. Kết thúc hoạt động vay vốn đầu tiên, DNNVV hoàn trả đủ nợ, quỹ sẽ đánh giá và cân nhắc tiếp tục hỗ trợ doanh nghiệp ở những lần kế tiếp.

Hoạt động trích lập dự phòng rủi ro cho vay rất quan trọng đối với các quỹ đã được đề cập tại Nghị định số 39/2019/NĐ-CP. Sau đó, Thông tư số 11/2021/TT-NHNN của Ngân hàng Nhà nước ban hành ngày 30/7/2021 "Quy định về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài" cũng tiếp tục đề cập đến hoạt động này. Tuy nhiên, Nghị định số 39/2019/NĐ-CP và Thông tư số 11/2021/TT-NHNN đến nay vẫn còn hiệu lực, các quy định trùng lặp hoặc mâu thuẫn giữa

hai văn bản sẽ khiến các quỹ và DNNVV gặp khó khi tiếp cận vốn. Nhà nước cần chỉ đạo sửa đổi, điều chỉnh điều luật giữa hai văn bản sao cho ăn khớp, tránh gây mâu thuẫn tuân thủ nguyên tắc thống nhất, đồng bộ về trích lập dự phòng của các quỹ trong toàn bộ các văn bản pháp luật nước ta. Từ đó, việc bổ sung, cập nhật điều luật ở Nghị định mới gắn với thông tư đã ban hành sẽ cải thiện đáng kể hoạt động thể chế của quỹ hỗ trợ DNNVV ở Việt Nam về nội dung, trách nhiệm của các Bộ, ngành, cơ quan, các quỹ, gỡ rối cho các quỹ khi hỗ trợ vốn và DNNVV khi tiếp nhận vốn [61]. Để các quỹ hỗ trợ DNNVV tiếp tục sứ mệnh của mình, cần hoàn thiện pháp lý và thể chế hoạt động của quỹ; Nghiên cứu, đề xuất kế hoạch chiến lược cho các quỹ; Ngân sách và các nguồn khác ngoài ngân sách có giới hạn, cần khuyến khích phát triển các quỹ tư nhân.

Hoàn thiện thể chế trong hỗ trợ, bảo vệ quyền lợi của doanh nghiệp nhỏ và vừa khi phải đối mặt với những rủi ro pháp lý, tranh chấp quốc tế. Trong bối cảnh mới, DNNVV nước ta tham gia "sân chơi" quốc tế và sử dụng các "luật chơi" chung của thế giới. Những rủi ro pháp lý tiềm ẩn và tranh chấp quốc tế luôn là những thách thức đối với DNNVV. Trong khi đó, doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam còn non trẻ và khá ngỡ ngàng khi tiếp cận vốn từ thị trường quốc tế. Rủi ro pháp lý và tranh chấp xảy ra là khó tránh khỏi, DNNVV phải đương đầu và cần phương án cải thiện. Do đó, thể chế huy động vốn của DNNVV cần bám sát thông lệ quốc tế và Luật bảo vệ quyền lợi của DNNVV; tăng cường hỗ trợ DNNVV hợp tác quốc tế, hoàn thiện thể chế giải quyết tranh chấp, đặc biệt là các tranh chấp về vấn đề kinh tế để đa dạng hóa các phương án giải quyết và tìm ra cách giải quyết tối ưu nhất.

Thương lượng hay hòa giải, trọng tài hoặc đưa ra Tòa là những biện pháp chung trong việc xử lý rủi ro, tranh chấp. Nếu phải đối mặt với những rủi ro pháp lý, tranh chấp quốc tế trong quá trình tiếp cận vốn từ thị trường nước ngoài, doanh nghiệp nhỏ và vừa cần nỗ lực xoa dịu các bên, tìm kiếm sự

đồng thuận bằng hình thức thương lượng, hòa giải và biện pháp cuối cùng mới cần Tòa án vào cuộc [24].

4.2.2. Về phía các tổ chức tín dụng

Hoàn thiện các quy định về cung cấp vốn cho doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam. Doanh nghiệp nhỏ và vừa xác định là đối tác chính của ngân hàng. Song, năng lực tài chính còn hạn chế, thiếu tài sản đảm bảo, mức độ nhận diện chưa cao nên việc tiếp cận vốn là không dễ dàng. Trên cơ sở quan điểm của Đảng, chính sách chung của Nhà nước, Ngân hàng nhà nước cần lên kế hoạch và hướng dẫn các ngân hàng thương mại thực hiện, đưa thể chế tài chính, tín dụng đến gần hơn với DNNVV nhằm phục vụ phân khúc khách hàng quan trọng này thuận lợi tiếp cận vốn [63]. Thông qua một số văn bản pháp lý, nhà nước ta khuyến khích, hỗ trợ các tổ chức tín dụng hoàn thiện các quy định về cung cấp vốn cho DNNVV. Trong năm 2020, Quyết định số 149/QĐ-TTg ban hành ngày 22/1/2020 bởi Thủ tướng "Về việc phê duyệt Chiến lược tài chính toàn diện quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030" và Quyết định số 1309/QĐ-NHNN ngày 24/7/2020 được Thống đốc "Ban hành kế hoạch hành động của ngành ngân hàng thực hiện Chiến lược tài chính toàn diện quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030" hai văn bản phê duyệt và chỉ đạo thực hiện mang tính chiến lược hướng tới hỗ trợ nhóm đối tượng chưa được tiếp cận hoặc ít tiếp cận sản phẩm tài chính, vốn tín dụng như nhóm người nghèo, người thu nhập thấp, người yếu thế, doanh nghiệp nhỏ và vừa và doanh nghiệp siêu nhỏ. Dưới sự chỉ đạo của Nhà nước, ngành ngân hàng có trách nhiệm thực hiện, triển khai các loại hình dịch vụ tài chính, sản phẩm tín dụng đến người dân, cụ thể DNNVV với phương châm tiếp cận thuận lợi, an toàn, chi phí hợp lý.

Hoàn thiện thể chế, chính sách tín dụng ngân hàng đã góp phần tháo gỡ khúc mắc khó giải đáp của DNNVV trong quá trình tiếp cận vốn. Dịch vụ tiền điện tử là ngành công nghệ mới và đang dần phổ biến khi DNNVV tiếp cận

vốn. Những quy định liên quan đến đại lý ngân hàng, các quy định về sản phẩm tài chính kết nối internet đã được trình sửa đổi bổ sung vào Luật. Giải pháp trước mắt cần đưa những phê duyệt, những kế hoạch đó vào thực tiễn nhằm tạo khung pháp lý cho DNNVV và các tổ chức tín dụng nhanh chóng nắm bắt. Bên cạnh các quy định về dịch vụ hay sản phẩm tài chính điện tử, khuyến khích mạng lưới tín dụng bao phủ tất cả các tỉnh, thành phố và địa phương trong cả nước thông qua bưu chính công cộng, tạo nhiều cơ hội tiếp cận vốn cho DNNVV tại các khu vực miền núi, nông thôn và vùng đặc biệt khó khăn [71]. Các Ngân hàng thương mại cần tiếp tục nghiên cứu triển khai mở rộng mạng lưới bưu chính với sự trợ giúp của khoa học, công nghệ mới giúp cho người dân nghèo, vùng sâu, vùng xa, doanh nghiệp nhỏ và vừa và các đối tượng khác có thể nhận được vốn hỗ trợ nhanh chóng và kịp thời [4].

Chất lượng thể chế hỗ trợ không ngừng nâng cao tạo thời cơ cho DNNVV trong việc tiếp cận vốn. Ngoài kênh tín dụng ngân hàng, một số kênh huy động khác cũng được DNNVV tiếp cận, trong đó, huy động vốn trên nền tảng công nghệ số cũng thu hút phần lớn DNNVV tham gia, với thủ tục vay đơn giản nhưng tiềm ẩn nhiều rủi ro pháp lý. Nhà nước đã ban hành các văn bản Luật hướng dẫn DNNVV tiếp cận vốn từ các tổ chức tín dụng, tuy nhiên chưa có quy định liên quan đến hình thức cho vay trên các nền tảng trực tuyến. Mặc dù, đây là hình thức vay vốn khá phát triển ở nước ngoài và đang dần phổ biến ở nước ta, Nhà nước cần có khung pháp lý, chế tài điều chỉnh hoạt động này trong những văn bản pháp luật tiếp theo.

Kênh tín dụng ngân hàng vẫn là kênh huy động phổ biến nhất đối với DNNVV. Số đông DNNVV mong muốn nhà băng giãn nợ, hoãn nợ bởi lẽ siết nợ sẽ khiến họ lao đao. Ngân hàng cần nói rõ điều kiện cho vay thông qua một số chính sách giãn, hoãn nợ, giảm lãi suất và điều kiện tài sản đảm bảo: (1) Ngân hàng cần cân đối việc giãn, hoãn nợ với nói rõ thủ tục vay cho DNNVV theo đúng quy định pháp luật song vẫn bảo đảm khả năng thanh toán

và tài chính của các ngân hàng. Cụ thể, thể chế tín dụng cho DNNVV nên quản trị theo cụm liên kết, ưu tiên quản lý dòng tiền; tăng cường đánh giá, thẩm định phương án khả thi, đây là những nhân tố cốt lõi trong hồ sơ đề nghị vay của DNNVV thay vì tài sản thế chấp, tình hình tài chính. (2) Mức lãi suất cũng là vấn đề doanh nghiệp quan tâm khi có nhu cầu vay vốn bởi mỗi ngân hàng lại có chính sách lãi suất khác nhau. So với mặt bằng chung thì ngân hàng huy động với lãi suất vẫn còn khá cao, chương trình ưu đãi cho DNNVV chỉ áp dụng vào một khoảng thời gian nhất định, đôi khi không phù hợp với nhu cầu vốn của doanh nghiệp. Cho nên, công tác này cần được phân tích và nghiên cứu kỹ lưỡng. (3) Điều kiện về tài sản bảo đảm luôn là điểm yếu của DNNVV nên ngân hàng thường khó đánh giá hồ sơ. Do đó, các nhà băng cần xem xét và điều chỉnh điều kiện tài sản đảm bảo sao cho phù hợp hơn với thực trạng của DNNVV [71].

Để cung cấp thêm căn cứ khoa học - thực tiễn cho hoàn thiện thể chế huy động vốn cho DNNVV, cần tăng cường các buổi tọa đàm, hội nghị giữa chủ thể huy động và chủ thể cung cấp nguồn vốn. Nhà băng cũng cần trao đổi trực tiếp với DNNVV để có những giải pháp phù hợp với nhu cầu vốn của đối tượng này, thông thoáng dòng vốn cấp mà vẫn bảo đảm tín dụng an toàn. Ngoài ra, các chương trình kết nối ngân hàng và DNNVV sẽ giúp ngân hàng hiểu hơn về đối tượng vay và kịp thời hoàn thiện thể chế hỗ trợ vốn cho đối tượng này, đồng thời họ cũng thuận lợi hơn trong việc nắm vững thể chế để tìm kiếm các nguồn vốn phù hợp với mức chi phí tốt nhất. Từ chương trình, doanh nghiệp nhỏ và vừa còn có cơ hội được trải nghiệm dịch vụ tư vấn và được hỗ trợ huy động vốn ngoài ngân hàng từ các nhà đầu tư hay đối tượng cho vay tiềm năng khác.

4.2.3. Về phía các doanh nghiệp nhỏ và vừa

Tăng cường năng lực cho doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam. Trong nền kinh tế thị trường, các chủ thể hoạt động kinh doanh không chỉ hợp tác

mà còn ganh đua nhau để cùng phát triển. Hoạt động cạnh tranh là tất yếu, kết quả của cạnh tranh là động lực phát triển sản xuất, tăng trưởng kinh tế đất nước. Mỗi chủ thể kinh tế đều chịu sự chi phối của quy luật cạnh tranh, yêu cầu, doanh nghiệp nhỏ và vừa phải có khả năng ứng biến với những rủi ro pháp lý và thích nghi với những biến động trên thị trường. Đồng thời, sự cạnh tranh giữa các doanh nghiệp ngày càng gay gắt, tranh giành các điều kiện thuận lợi, đặc biệt là các cơ hội huy động vốn phù hợp trên thị trường cả trong và ngoài là mục tiêu cốt yếu của DNNVV. Với xu thế hội nhập quốc tế và toàn cầu hóa, năng lực cạnh tranh luôn mang ý nghĩa đặc biệt với DNNVV. Nếu DNNVV thiếu năng lực, khó cạnh tranh với đối thủ lớn hoặc cùng ngành, đồng thời họ cũng gặp khó khi có nhu cầu mở rộng cơ sở kinh doanh. Trên thị trường rất đông đối thủ cạnh tranh, đa dạng về chủng loại, mẫu mã sản phẩm, thương hiệu, các loại hình dịch vụ... khiến nhà đầu tư rất khó lựa chọn. Chỉ những DNNVV có năng lực tốt mới tạo nên sự nhận diện khác biệt, cũng vì vậy, vị thế trên thương trường càng vững chắc góp phần hỗ trợ họ trong việc kêu gọi vốn.

Tương tác, giao tiếp rất cần thiết đối với DNNVV, cải thiện thông qua tăng cường kỹ năng giao tiếp sẽ giúp họ không chỉ nắm giữ sợi dây liên kết đã có mà còn tăng cơ hội tìm kiếm vốn từ các đối tác tiềm năng. Hơn nữa, doanh nghiệp nhỏ và vừa tăng cường năng lực phán đoán càng trở nên nhạy bén hơn trước những vấn đề không lường trước. Đại dịch Covid-19 đã qua một thời gian nhưng tác động của nó là không nhỏ, một số thành phần gián đoạn hoạt động, trên bờ phá sản. Do đó, doanh nghiệp nhỏ và vừa tăng khả năng phán đoán có vai trò quan trọng trong việc giảm thiểu rủi ro huy động vốn.

Trau dồi năng lực quản trị kinh doanh cũng giúp DNNVV giảm đáng kể chi phí, bồi dưỡng nguồn lao động dồi dào nhưng chất lượng góp phần duy trì sự ổn định và DNNVV ngày càng trưởng thành; tạo nên doanh thu, đóng góp sáng kiến, định hướng và lên kế hoạch nâng cao chất lượng sản phẩm,

tăng năng suất lao động. Doanh nghiệp nhỏ và vừa cần không ngừng nâng cao năng lực, cải thiện các kỹ năng, ứng dụng công nghệ vào thực tiễn.

Minh bạch tài chính và công khai thông tin là những nhân tố quyết định cho uy tín của DN NVV trước các ngân hàng thương mại. Doanh nghiệp nhỏ và vừa cần cải thiện hồ sơ tín dụng, đảm bảo trả nợ đúng hạn và xây dựng phương án hợp lý là bước khởi đầu để ngân hàng tiến hành thẩm định, đánh giá cho vay. Đồng thời, để góp phần hoàn thiện thể chế cho huy động vốn của DN NVV, từ bản thân phía các DN NVV cũng phải nỗ lực hơn tham gia đối thoại với các tổ chức tín dụng và các chủ thể cung cấp nguồn vốn về những rào cản trong thể chế cho huy động vốn của DN NVV, tích cực tham gia phản biện các thể chế, chính sách có liên quan do Nhà nước và các chủ thể cung cấp tín dụng ban hành.

4.2.4. Một số giải pháp khác

Thống nhất và nâng cao nhận thức của các chủ thể xây dựng và thực thi thể chế về tầm quan trọng của thể chế cho huy động vốn đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa. Nhận thức của các chủ thể trong xây dựng và thực thi thể chế cho huy động vốn đối với DN NVV có ý nghĩa hết sức quan trọng. Thể chế nói chung và thể chế cho huy động vốn đối với DN NVV nói riêng có vai trò chiến lược trong phát triển đất nước bền vững. Từ Đại hội XI, các đại hội tiếp theo, cho đến nhiệm kỳ Đại hội XIII, Đảng ta xác định trọng tâm cải cách thể chế. Trong đó, chất lượng pháp luật, hệ thống văn bản quy định tác động trực tiếp đến thể chế cho huy động vốn của DN NVV ở nước ta. Cần tập trung nâng cao ý thức của chủ thể trong công cuộc xây dựng pháp luật, đặc biệt, chất lượng là gốc rễ, không chạy theo số lượng, nghiên cứu và đánh giá những tồn tại, còn hạn chế để có biện pháp giải quyết, triển khai có hiệu quả. Có thể thấy rằng, thống nhất và nâng cao nhận thức của các chủ thể xây dựng và thực thi thể chế và lấy thể chế cho huy động vốn đối với DN NVV làm trọng tâm mang tính cấp thiết trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội

chủ nghĩa. Đảng và Nhà nước quán triệt, chỉ đạo sâu sắc đến mọi tầng lớp nhân dân, trong đó có bộ phận kinh tế chủ lực chính là DNNVV và tầm quan trọng của thể chế cho huy động vốn đối với họ. Các thành phần của nền kinh tế chủ động tự đánh giá, kiểm điểm trên cơ sở nghiên cứu và đánh giá những tồn tại, còn hạn chế để có biện pháp giải quyết và tuân thủ pháp luật về thể chế cho huy động vốn [46].

Mở rộng dân chủ hóa trong xây dựng, hoàn thiện thể chế cho huy động vốn của doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam. Dân chủ hóa trong xây dựng thể chế cho huy động vốn của DNNVV ở nước ta vừa là mục tiêu, vừa là phương thức truyền đạt trên tiến trình hướng tới chủ nghĩa xã hội. Quyền dân chủ ngày càng được số đông ủng hộ thể hiện chân thực qua nhiều lăng kính khác nhau của đời sống kinh tế - xã hội. Trao đổi, thảo luận cần triển khai, mở rộng đến các địa phương, vùng miền trên cả nước. Các hoạt động trao đổi, thảo luận nhằm xây dựng, hoàn thiện thể chế cho huy động vốn của DNNVV có thể tiếp cận như sau: *Thứ nhất*, tổ chức các buổi trao đổi, thảo luận về vấn đề xây dựng, hoàn thiện thể chế, làm sáng tỏ các luận cứ, thể chế hỗ trợ huy động vốn hiệu quả cho DNNVV. Buổi trao đổi, thảo luận cần có các ý kiến trao đổi qua lại giữa các chủ thể, các chuyên gia có thể chia sẻ kinh nghiệm, doanh nghiệp nhỏ và vừa nêu lên ý kiến của mình, tất cả tổng hợp đi đến thống nhất chung, đóng góp giải pháp hiệu quả nhất cho DNNVV khi tiếp cận vốn. *Thứ hai*, ý kiến phát biểu luôn là thiết yếu trong các buổi trao đổi, thảo luận. Chủ thể phát biểu nêu lên quan điểm, ý kiến tích cực và không né vấn đề tiêu cực nhằm tạo sự hứng khởi, thu hút người tham gia cùng tranh luận. *Thứ ba*, hoạt động trao đổi, thảo luận mang tính chất dân chủ, cởi mở nhưng vẫn nêu được tâm tư, nguyện vọng của DNNVV cần vốn phục vụ cho sản xuất kinh doanh, khôi phục sau đại dịch.

Trên phạm vi cả nước, các cơ quan và chính quyền cũng nên thành lập các đơn vị khảo sát và lấy ý kiến của DNNVV. Khảo sát sẽ mang lại những

đánh giá khách quan, trung thực cho các cấp quản lý về thể chế cho huy động vốn của DNNVV. Báo cáo số liệu thu thập sau chuyển khảo sát, lấy ý kiến rất quan trọng, được thực hiện công khai, minh bạch thông qua hội thảo tạo tiền đề để các bên phối hợp phân tích và đề xuất biện pháp tháo gỡ nút thắt cho DNNVV trong việc tiếp cận vốn, góp phần đưa chính sách bám sát thực tiễn hơn. Trước khi Luật, chính sách, hay nghị định được ban hành, điều quan trọng cần phải lấy ý kiến trong nhân dân hoặc trưng cầu ý dân. Cơ chế cơ bản nhưng hết sức quan trọng là cơ sở thể hiện quyền dân chủ của mọi công dân. Điều này cũng thể hiện đường lối, chủ trương đúng đắn được Đảng, Nhà nước, được toàn dân ủng hộ vì mục đích chung mong muốn đất nước ngày càng phát triển. Cơ quan soạn thảo thông qua tuyên truyền và thông tin gửi đến tất cả người dân để lấy ý kiến.

Thời đại công nghệ 4.0 phát triển mạnh mẽ, các trang thông tin, báo điện tử vừa là cơ quan ngôn luận của chính quyền vừa là kênh thông tin không thể thiếu đối với mọi người, qua đó thuận lợi hơn trong việc lấy ý kiến và nhận góp ý của các thành phần kinh tế. Các buổi thảo luận, lấy ý kiến đóng góp trong nhân dân, trong các DNNVV cần được phổ biến rộng rãi để mọi chủ thể đều có thể tham gia mang tính chất dân chủ, tự nguyện nhằm xây dựng và hoàn thiện thể chế cho huy động vốn của DNNVV ở nước ta. Qua đó, các cơ quan soạn thảo văn bản pháp luật lắng nghe để thấu hiểu nguyện vọng của dân, của DNNVV, tiếp thu đầy đủ các ý kiến, góp ý, tiến hành tổng hợp, phân tích, chỉnh lý và đề xuất thảo luận nhằm hoàn thiện Luật. Đối với dự thảo Luật có liên quan đến quyền lợi của DNNVV, nhất là thể chế huy động vốn, cơ quan soạn thảo sẽ lấy ý kiến của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) và ý kiến của chủ thể được thảo Luật là các DNNVV. Tùy vào điều kiện nhất định, có thể tham khảo thêm ý kiến của các ban ngành, cơ quan, tổ chức thông qua nhiều hình thức khác nhau như: Hội nghị, hội thảo, tọa đàm.

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền về thể chế cho huy động vốn đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa và hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chủ động tiếp cận vốn. Nhằm nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của hoàn thiện thể chế nói chung và thể chế cho huy động vốn đối với DNNVV nói riêng, các cấp quản lý có trách nhiệm đẩy mạnh truyền bá, tuyên truyền sâu rộng về thể chế đến toàn dân. Thông qua hoạt động tuyên truyền, DNNVV được củng cố kiến thức pháp luật, hiểu biết về thể chế cũng tăng lên. Qua đó, DNNVV cũng vững tin tham gia vào các hoạt động kinh tế, phòng tránh rủi ro pháp lý trong hoạt động huy động vốn nhằm phục vụ sản xuất, các hoạt động đầu tư. Hơn nữa, hiểu luật mới dùng được luật, nếu có vướng phải những thiệt hại bất ngờ khi huy động vốn thì DNNVV sẽ nhanh chóng tìm ra cách giải quyết để giảm thiểu thiệt hại cho đơn vị và cho đất nước.

Công tác tuyên truyền về thể chế còn gặp khó khăn, đặc biệt là tại một số địa phương vùng sâu, vùng xa: Doanh nghiệp nhỏ và vừa vùng cao địa điểm khá xa trung tâm, giao thông đi lại tương đối vất vả nên không dễ dàng tiếp cận tuyên truyền; đối với DNNVV có lượng lớn người lao động dân tộc không biết tiếng phổ thông thì vấn đề về ngôn ngữ là rào cản khi đưa thể chế, chính sách pháp luật vào thực tiễn; kinh phí cho hoạt động tuyên truyền cũng là vấn đề khá nan giải ở địa phương còn nghèo, địa phương vùng sâu, vùng xa. Do đó, muốn đẩy mạnh tuyên truyền ở những địa phương này, các cấp quản lý phối hợp chính quyền xã, phường, thị trấn cử cán bộ của địa phương có hiểu biết về thể chế và thể chế huy động vốn đến trực tiếp các DNNVV tuyên truyền, hướng dẫn người lao động tuân thủ quy định pháp luật. Ngoài ra, chính quyền địa phương ghi nhận và doanh nghiệp cũng hưởng ứng hoạt động tuyên truyền về thể chế cho huy động vốn đối với DNNVV. Cần tổ chức thường xuyên hơn các buổi tuyên truyền và hỗ trợ pháp luật tại các vùng, miền cả nước. Nhờ đó, doanh nghiệp nhỏ và vừa được nâng cao kiến thức thể chế, chính sách pháp luật vừa nhận được những tư vấn, hỗ trợ trong quá trình

tiếp cận vốn góp phần thúc đẩy DNNVV phát triển nói chung, củng cố vị thế, tăng trưởng vùng nói riêng.

Một số biện pháp cụ thể hơn cần triển khai nhằm đẩy mạnh tuyên truyền về thể chế cho huy động vốn đối với DNNVV như: *Thứ nhất*, thông qua các câu chuyện pháp luật, những bài học kinh tế trong đời sống có thể gián tiếp đưa kiến thức pháp luật về thể chế cho huy động vốn đến với DNNVV, kịp thời giải quyết khúc mắc trong quá trình vay vốn. *Thứ hai*, trọng tâm tuyên truyền là nội dung liên quan đến thể chế cho huy động vốn nhưng cán bộ tuyên truyền có thể phổ biến một số quy định hỗ trợ khác đến DNNVV: Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư, Luật các tổ chức tín dụng... Những nội dung sẽ có lợi cho DNNVV trong việc nắm rõ hơn, các quy trình, hồ sơ thủ tục vay vốn, thuận lợi giải quyết những tranh chấp nếu có trong quá trình thu hút vốn. *Thứ ba*, công tác tuyên truyền có sự phối hợp giữa các đơn vị, ban ngành từ trung ương đến địa phương, mở rộng các tổ chức có chuyên môn hoạt động tại mỗi địa phương, nhất là những nơi vùng kinh tế khó khăn chuyên trách về hoạt động tuyên truyền thể chế, thể chế về huy động vốn, hỗ trợ pháp lý đối với DNNVV tại các vùng này. *Thứ tư*, bên cạnh hoạt động tuyên truyền qua loa truyền thanh tại các cơ sở, tuyên truyền qua các trang thông tin điện tử cũng thu hút sự chú ý của DNNVV, cần cải tiến các trang truy cập, tập trung cập nhật nội dung mới nhất về pháp luật và tổ chức thường xuyên cuộc thi trực tuyến, vận động các chủ thể tham gia tìm hiểu về thể chế huy động vốn cho DNNVV.

Xây dựng và tổ chức thực hiện có hiệu quả thể chế cho huy động vốn đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa thông qua tiếp tục cải cách thủ tục hành chính. Nỗ lực cải thiện thể chế của Nhà nước, Ngân hàng đã tạo ra bước tiến mới cho sự phát triển của DNNVV như: Chính sách về huy động vốn, tín dụng, tinh giản thủ tục hành chính... Tuy nhiên vẫn còn không ít bất cập khi đưa thể chế vào thực tiễn đối với DNNVV. Trong quá trình tham gia kinh tế, các chính sách tác động đến DNNVV ít nhiều thiếu sự thông suốt; khi triển

khai các thủ tục cho mục đích tiếp cận vốn thì quy trình từ trên xuống dưới vẫn còn chậm chạp, rườm rà. Các cấp quản lý cần tiếp tục đẩy mạnh các chính sách về thủ tục hành chính, nhất là chính sách ảnh hưởng đến hoạt động của DNNVV, tạo môi trường thể chế thông thoáng và lành mạnh, đồng thời, huy động vốn của DNNVV gắn với tuân thủ luật pháp và tính thực tiễn. Các cấp chính quyền sẽ cần tận dụng những ưu thế và khắc phục những điểm yếu trong công tác quản lý, cải cách thúc đẩy hoàn thiện thể chế, theo kịp những chuẩn mực của khu vực và quốc tế. Nhà nước cùng đồng hành, tiếp sức cho DNNVV và bản thân DNNVV cũng cố gắng nâng cao khả năng tiếp cận vốn bảo đảm không thực hiện trái pháp luật.

Một số giải pháp về thủ tục hành chính nhằm xây dựng và tổ chức có hiệu quả thể chế cho huy động vốn đối với DNNVV như:

Một là, các bộ, ngành, cơ quan quản lý tại các địa phương kiểm tra, rà soát toàn bộ hệ thống văn bản, quán triệt thực hiện các kế hoạch cải cách thủ tục hành chính liên quan đến thể chế cho huy động vốn đối với DNNVV. Trong quá trình rà soát, những văn bản đã hết hiệu lực hoặc không còn phù hợp thực tiễn cần sửa đổi để đơn giản hóa điều kiện vay vốn, có kế hoạch cắt giảm các điều kiện, thủ tục phức tạp, không có kết quả khi DNNVV huy động vốn theo lộ trình.

Hai là, thủ tục hành chính cần được cải cách là nhu cầu tối thiểu mà tổ chức, doanh nghiệp đòi hỏi nhằm tạo môi trường thể chế công bằng, bình đẳng cho DNNVV. Kiểm tra đầu mối tiếp nhận và xử lý hồ sơ; hướng dẫn, xử lý thủ tục hành chính nhanh chóng và kịp thời nhưng tuân thủ cơ chế, quy định. Trong quá trình tiếp nhận cho đến đánh giá, nếu DNNVV chưa đạt yêu cầu về hồ sơ vay thì cần bổ sung chứng từ theo yêu cầu của cơ quan tiếp nhận. Cán bộ xử lý hồ sơ phải thông báo bằng hình thức văn bản đến DNNVV. Thông báo ngắn gọn nhưng đầy đủ nội dung, nêu rõ lý do và yêu cầu cần bổ sung từ đơn vị thẩm định, đánh giá. Mọi thủ tục, quy trình xử lý hồ sơ vay vốn và kết quả giải quyết đều cần công khai, minh bạch đối với DNNVV để

tránh tranh chấp và tốn thời gian giữa các bên vay, cho vay, xử lý hồ sơ.

Ba là, cổng thông tin điện tử là kênh truyền đạt thông tin, tiếp thu phản ánh và giải đáp vướng mắc cho DNNVV. Trong quá trình triển khai các chính sách thủ tục hành chính, cần thường xuyên cải tiến, cập nhật thông tin các ứng dụng và cổng thông tin trực tuyến phục vụ cho công tác tiếp nhận, giải quyết hồ sơ và thông báo kết quả giải quyết từ cơ quan nhà nước, của ngân hàng. Với sự thuận tiện và nhiều lợi ích của nền tảng công nghệ số, cần khuyến khích DNNVV thực hiện các thủ tục hành chính trên cổng dịch vụ công quốc gia, nộp hồ sơ trực tuyến.

Bốn là, công tác nâng cao nghiệp vụ, bồi dưỡng cán bộ công chức, viên chức, cán bộ ngân hàng rất là quan trọng, đảm bảo các cán bộ đều có đầy đủ đạo đức, năng lực để hoàn thành tốt công việc hành chính theo tinh thần hỗ trợ DNNVV; phòng tránh tình trạng quan liêu, sách nhiễu; quán triệt xử lý hành vi phạm quy trình xử lý hồ sơ của các cán bộ, gây phiền hà cho doanh nghiệp.

Năm là, hoàn thiện thể chế về đơn giản hóa thủ tục hành chính đối với DNNVV là nhiệm vụ trọng tâm của các tổ chức tín dụng. Mỗi nhà băng có những yêu cầu khác nhau và tương đối phức tạp về thủ tục vay vốn. Có thể thấy, DNNVV luôn nan giải về tài sản đảm bảo trong quá trình huy động tín dụng. Cho nên, Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước cần đánh giá, phân tích và đưa ra các chính sách, thể chế đúng thời điểm, đúng đối tượng song vẫn tuân thủ đúng quy định pháp luật. Việc triển khai đồng bộ, thống nhất các chính sách thủ tục hành chính đã góp phần xây dựng và tổ chức có hiệu quả thể chế cho huy động vốn đối với DNNVV.

KẾT LUẬN

Doanh nghiệp nhỏ và vừa là một trong những động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường nói chung và kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa nói riêng, do đó trong thời kỳ đổi mới đã được Đảng và Nhà nước ta coi trọng phát triển của được. Nghiên cứu quy trình kinh doanh của DN NVV cho thấy, để phát triển DN NVV cần hội tụ đủ những yếu tố căn bản, đặc biệt là yếu tố vốn phải đủ cho các cung cầu tài chính trong quá trình tuần hoàn và chu chuyển vốn. Tuy nhiên, trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, hoạt động huy động vốn của DN NVV luôn được thực hiện trong môi trường thể chế nhất định. Thể chế cho huy động vốn của DN NVV bao gồm nhiều yếu tố hợp thành, trong đó quan trọng hàng đầu là những khung khổ, quy định chính thức do Nhà nước ban hành và những quy định của các tổ chức tín dụng về thu hút, huy động vốn cũng như giám sát, kiểm tra và giải quyết mâu thuẫn trong quan hệ về huy động vốn đối với DN NVV. Mức độ đầy đủ, đồng bộ và hoàn thiện của thể chế cho huy động vốn của DN NVV cùng với tính hiệu lực và ảnh hưởng rất lớn, tạo thuận lợi cho hoạt động huy động vốn của các DN NVV.

Phân tích thực trạng hệ thống thể chế cho huy động vốn của các DN NVV thời kỳ đổi mới cho thấy, cùng với sự phát triển và ngày càng trưởng thành, đóng góp đáng kể cho các lợi ích xã hội chung của DN NVV, hệ thống thể chế cho huy động vốn của DN NVV đã từng bước xây dựng và hoàn thiện theo càng đồng bộ, văn minh và đầy đủ; đồng thời hệ thống thể chế cho huy động vốn đã tạo điều kiện cho DN NVV trong huy động các nguồn vốn. Trên cơ sở chủ trương của Đảng và Nhà nước, doanh nghiệp nhỏ và vừa được quan tâm và tiếp nhận vốn cởi mở hơn. Song, cho đến nay, hệ thống thể chế cho huy động vốn của DN NVV vẫn chưa thực sự đảm bảo nhu cầu huy động vốn của DN NVV, cần được thay đổi để thích nghi; chất lượng một số thể chế chính thức chưa cao, chưa đủ điều kiện đảm bảo cho DN NVV thành công trong công cuộc huy động vốn. Hạn chế cần tìm hiểu nguyên nhân, phát sinh

từ các cơ quan thẩm quyền, từ phía các tổ chức tín dụng và từ phía DNNVV.

Trên cơ sở khung khổ lý thuyết đã xây dựng, đánh giá thực trạng thể chế cho huy động vốn của DNNVV cùng dự báo về bối cảnh mới tác động, kế thừa kinh nghiệm một số quốc gia, các giải pháp của luận án tập trung vào bốn nhóm giải pháp chính nhằm tiếp tục hoàn thiện thể chế cho huy động vốn của DNNVV ở Việt Nam thời gian tới bao gồm: (1) Về phía Nhà nước; (2) Về phía các tổ chức tín dụng; (3) Về phía các DNNVV; (4) Một số giải pháp khác. Hoàn thiện thể chế cho huy động vốn có ý nghĩa to lớn đối với DNNVV trong hoạt động tăng gia sản xuất, phát triển kinh doanh, mở rộng đầu tư, ảnh hưởng mạnh mẽ đến sự thịnh vượng của quốc gia nói chung và nâng cao cạnh tranh của DNNVV nói riêng. Do đó, cần có tầm nhìn dài hạn và hướng đến những giải pháp đồng bộ, đảm bảo giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa.

Mặc dù đã nỗ lực cố gắng, song do thời gian hạn chế và khó khăn trong thu thập các dữ liệu, cho nên luận án không tránh khỏi những thiếu sót. Nghiên cứu sinh rất mong nhận được sự đóng góp, phản biện sâu sắc để có thể tiếp tục hoàn thiện chất lượng luận án.

**DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH
CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN**

1. Đoàn Phương Thảo (2018), "Nguồn vốn cho phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam hiện nay", *Tạp chí Thông tin khoa học lý luận chính trị - Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh*, (11), tr. 43-49.
2. Đoàn Phương Thảo (2020), "Giải pháp về nguồn vốn cho doanh nghiệp nhỏ và vừa ứng phó đại dịch covid-19 ở Việt Nam", *Tạp chí Lao động và xã hội*, (627), tr. 30-32.
3. Đoàn Phương Thảo (2023), "Kinh nghiệm quốc tế về hoàn thiện thể chế huy động vốn cho doanh nghiệp nhỏ và vừa", *Tạp chí Tài chính*, (805), tr. 132-135.
4. Đoàn Phương Thảo, Vũ Ngọc Hoàng (2023), "Bàn về thể chế huy động vốn của doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam", *Tạp chí Tài chính*, (806), tr. 75-78.
5. Đoàn Phương Thảo (2023), "Thể chế cho doanh nghiệp nhỏ và vừa huy động vốn từ các NHTM", *Tạp chí Kinh tế và Dự báo*, (23), tr. 70-72.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

* Tài liệu tiếng Việt

1. Bảo Anh (2023), "BIDV tăng cường khả năng tiếp cận vốn cho doanh nghiệp nhỏ và vừa", tại trang <https://vtc.vn/bidv-tang-cuong-kha-nang-tiep-can-von-cho-doanh-nghiep-nho-va-vua-ar759984.html>, [truy cập ngày 5/4/2023].
2. Nguyễn Quốc Anh (2023), "Luật pháp hóa hoạt động cho vay ngang hàng tại Việt Nam ", tại trang <https://kinhtevadubao.vn/luat-phap-hoa-hoat-dong-cho-vay-ngang-hang-tai-viet-nam-27130.html>, [truy cập ngày 24/10/2023].
3. Nguyễn Thị Quỳnh Anh (2019), "Hỗ trợ tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa ở một số quốc gia và vấn đề đặt ra với Việt Nam", *Tạp chí Tài chính*, (708), tr. 158-160.
4. Nguyễn Tuấn Anh (2021), "Đẩy mạnh chính sách tín dụng hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa", tại trang <https://vneconomy.vn/techconnect//day-manh-chinh-sach-tin-dung-ho-tro-doanh-nghiep-nho-va-vua.htm>, [truy cập ngày 31/7/2023].
5. Trần Thị Xuân Anh và các cộng sự (2021) "Tiếp cận vốn của doanh nghiệp nhỏ và vừa trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0 tại Việt Nam", *Tạp chí Khoa học và Đào tạo Ngân hàng*, (234), tr. 11-22.
6. Đinh Văn Ân, Lê Xuân Bá (2006), *Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam*, NXB Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội.
7. BIDV (2018), "Ưu đãi cho vay doanh nghiệp nhỏ và vừa vay vốn chỉ từ 8%/ năm tại BIDV", tại trang <https://www.bidv.com.vn/bidv/doanh-nghiep/khach-hang-doanh-nghiep/khuyen-mai/tin-dung/uu+dai+doanh+nghiep+nho+va+vua+vay+von>, [truy cập ngày 5/4/2023].

8. BIDV (2022), "BIDV tích cực triển khai chương trình hỗ trợ lãi suất", tại trang <https://bidv.com.vn/bidv/tin-tuc/tin-ve-bidv/bidv-tich-cuc-trien-khai-chuong-trinh-ho-tro-lai-suat>, [truy cập ngày 5/4/2023].
9. BIDV (2023), "BIDV hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa do phụ nữ làm chủ tiếp cận nguồn tài chính", tại trang <https://bidv.com.vn/bidv/tin-tuc/tin-ve-bidv/bidv-ho-tro-dnnvv-do-phu-nu-lam-chu-tiep-can-nguon-tai-chinh>, [truy cập ngày 5/4/2023].
10. Đặng Thái Bình, Nguyễn Thị Hiền (2020), "Chính sách phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa của Trung Quốc và bài học cho Việt Nam", *Khoa học xã hội Việt Nam*, (8), tr. 25-33.
11. Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2015), *Thông tư số 13/2015/TT-BKHĐT* ngày 28/10/2015, *Thông tư ban hành danh mục lĩnh vực ưu tiên hỗ trợ và tiêu chí lựa chọn đối tượng ưu tiên hỗ trợ của Quỹ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa*, Hà Nội.
12. Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2019), *Sách trắng doanh nghiệp Việt Nam năm 2019*, NXB Thống kê, Hà Nội.
13. Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2020), *Sách trắng doanh nghiệp Việt Nam năm 2020*, NXB Thống kê, Hà Nội.
14. Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2021), *Sách trắng doanh nghiệp Việt Nam năm 2021*, NXB Thống kê, Hà Nội.
15. Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2022), *Sách trắng doanh nghiệp Việt Nam năm 2022*, NXB Thống kê, Hà Nội.
16. Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2022), *Thông tư số 06/2022/TT-BKHĐT* ngày 10/5/2022, *Thông tư hướng dẫn một số điều của Nghị định số 80/2021/NĐ-CP* ngày 26/8/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, Hà Nội.
17. Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2023), *Sách trắng doanh nghiệp Việt Nam năm*

2023, NXB Thống kê, Hà Nội.

18. Chính phủ (2001), *Nghị định số 90/2001/NĐ-CP ngày 23/11/2001, Nghị định về trợ giúp phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa*, Hà Nội.
19. Chính phủ (2009), *Nghị định số 56/2009/NĐ-CP ngày 30/06/2009, Nghị định về trợ giúp phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa*, Hà Nội.
20. Chính phủ (2018), *Nghị định 34/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018, Nghị định về việc thành lập, tổ chức và hoạt động của Quỹ bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa*, Hà Nội.
21. Chính phủ (2018), *Nghị định số 39/2018/NĐ-CP ngày 11/3/2018, Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa*, Hà Nội.
22. Chính phủ (2021), *Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021, Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa*, Hà Nội.
23. Phạm Minh Chính (2012), "Kinh nghiệm nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp ở một số quốc gia trên thế giới", tại trang <https://tapchicongsan.org.vn/web/guest/kinh-te/-/2018/17717/kinh-nghiem-nang-cao-nang-luc-cananh-tranh-cua-doanh-nghiep-o-mot-so-quoc-gia-tren-the-gioi.aspx>, [truy cập ngày 17/2/2023].
24. Cảnh Dinh (2021), "Cơ chế giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế - Tham luận của tòa án nhân dân tối cao tại diễn đàn quốc tế về hợp tác tư pháp", tại trang <https://tapchitoaan.vn/co-che-giai-quyet-tranh-chap-thuong-mai-quoc-te-tham-luan-cua-tandtc-tai-dien-dan-quoc-te-ve-hop-tac-tu-phap>, [truy cập ngày 1/5/2023].
25. Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập 1, NXB Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
26. Đặng Thị Hà (2022), "Kinh nghiệm của một số quốc gia trong thực hiện chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa - giá trị tham khảo cho

- Việt Nam", tại trang <https://www.quanlynhanuoc.vn/2022/10/28/kinh-nghiem-cua-mot-so-quoc-gia-trong-thuc-hien-chinh-sach-ho-tro-doanh-nghiep-nho-va-vua-gia-tri-tham-khao-cho-viet-nam/>, [truy cập ngày 17/2/2023].
27. Hồng Hải (2020), "Vietcombank đồng hành cùng doanh nghiệp nhỏ và vừa tái thiết hoạt động sản xuất kinh doanh hậu dịch COVID 19", tại trang <https://thitruongtaichinhhtiente.vn/vietcombank-dong-hanh-cung-doanh-nghiep-nho-va-vua-tai-thiet-hoat-dong-san-xuat-kinh-doanh-hau-dich-covid-19-27473.html>, [truy cập ngày 5/4/2023].
28. Phạm Hanh (2023), "Miễn, giảm thuế cho doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ là cần thiết", tại trang <https://vov.vn/kinh-te/mien-giam-thue-cho-doanh-nghiep-nho-va-sieu-nho-la-can-thiet-post1011171.vov>, [truy cập ngày 24/10/2023].
29. Nguyễn Văn Hậu, Nguyễn Thị Như Hà (2009), *Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa trong điều kiện Việt Nam là thành viên của tổ chức thương mại Thế giới*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
30. Chu Thị Hoa (2016), "Một số suy nghĩ bước đầu về xây dựng bộ tiêu chí đánh giá hiệu quả thi hành pháp luật", tại trang <https://moj.gov.vn/qt/tintuc/Pages/nguyen-cuu-trao-doi.aspx?ItemID=1941>, [truy cập ngày 22/12/2022].
31. Phạm Xuân Hòa (2014), *Hoàn thiện chính sách thuế nhằm hỗ trợ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam*, Luận án tiến sĩ kinh tế, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội.
32. Nguyễn Đắc Hưng (2007), "Huy động vốn cho đầu tư phát triển kinh tế xã hội", tại trang <https://www.tapchiconsan.org.vn/web/guest/nguyen-cu/-/2018/3037/huy-dong-von-cho-dau-tu-phat-trien-kinh-te---xa-hoi.aspx>, [truy cập ngày 17/1/2023].

33. Hoàng Mạnh Hùng (2019), "Kinh nghiệm quốc tế về chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa và bài học cho Việt Nam", tại trang <https://tapchinganhang.gov.vn/kinh-nghiem-quoc-te-ve-chinh-sach-ho-tro-doanh-nghiep-nho-va-vua-va-bai-hoc-cho-viet-nam.htm>, [truy cập ngày 22/2/2023].
34. Nguyễn Mạnh Hùng (2021), "Về hội nhập quốc tế và tham gia tiến trình toàn cầu hóa của Việt Nam", tại trang <https://www.tapchiconsan.org.vn/web/guest/quoc-phong-an-ninh-oi-ngoai1/-/2018/821539/ve-hoi-nhap-quoc-te-va-tham-gia-tien-trinh-toan-cau-hoa-cua-viet-nam.aspx>, [truy cập ngày 1/6/2023]
35. Lê Thanh Huyền (2023), "Nâng cao hiệu quả Quỹ bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam ", tại trang <https://tapchitaichinh.vn/nang-cao-hieu-qua-quy-bao-lanh-tin-dung-cho-doanh-nghiep-nho-va-vua-o-viet-nam.html>, [truy cập ngày 24/10/2023].
36. Du Lam (2022), "Cuộc cách mạng fintech tại Trung Quốc", tại trang <https://vietnamnet.vn/cuoc-cach-mang-fintech-tai-trung-quoc-i420048.html>, [truy cập ngày 17/2/2023].
37. Hà Lâm (2022), "Techcombank - Ngân hàng cung cấp giải pháp tài trợ chuỗi cung ứng tốt nhất Việt Nam", tại trang <https://kinhthedoithi.vn/techcombank-ngan-hang-cung-cap-giai-phap-tai-tro-chuoi-cung-ung-tot-nhat-viet-nam.html>, [truy cập ngày 24/10/2023].
38. Hoàng Lan (2023), "Phát huy vai trò huy động vốn của thị trường tài chính đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Việt Nam", tại trang <https://vneconomy.vn/vi-sao-doanh-nghiep-nho-va-vua-kho-tiep-can-von-ngan-hang-832937.htm>, [truy cập ngày 14/4/2023].
39. Nguyễn Đức Lệnh (2023), "Lợi nhuận ngân hàng và vai trò của các tổ

- chức tín dụng", tại trang <https://thitruongtaichinhliente.vn/loi-nhuan-ngan-hang-va-vai-tro-cua-cac-to-chuc-tin-dung-43991.html>, [truy cập ngày 7/2/2023].
40. Phương Liên (2023), "Từ start up của Lê Diệp Kiều Trang, nhìn lại mô hình gọi vốn cộng đồng ", tại trang <https://dantri.com.vn/kinh-doanh/tu-start-up-cua-le-diep-kieu-trang-nhin-lai-mo-hinh-goi-von-cong-dong-20230711001451720.htm>, [truy cập ngày 24/10/2023].
 41. Ngô Thị Mai Linh (2015), *Giải pháp tài chính phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn thành phố Hà Nội trong thời kỳ hội nhập*, Luận án tiến sĩ kinh tế, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hà Nội.
 42. Thùy Linh (2023), "Triển khai đồng bộ công tác thanh tra, kiểm tra thuế để chống thất thu ngân sách", tại trang <https://tapchitaichinh.vn/trien-khai-dong-bo-cong-tac-thanh-tra-kiem-tra-thue-de-chong-that-thu-ngan-sach.html>, [truy cập ngày 24/10/2023].
 43. Lê Thiết Lĩnh (2019), "Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam tiếp cận vốn tín dụng phát triển sản xuất, kinh doanh", *Tạp chí Tài chính*, (708), tr. 41-43.
 44. Phùng Thanh Loan (2019), *Chính sách tài chính hỗ trợ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam*, Luận án tiến sĩ kinh tế, Học viện Tài Chính, Hà Nội.
 45. Vũ Tiến Lộc (2019), "Hoàn thiện thể chế phát triển doanh nghiệp - nội dung quan trọng trong xây dựng thể chế phát triển nhanh và bền vững đất nước trong giai đoạn mới", tại trang <https://hdll.vn/vi/tin-tuc---su-kien/hoan-thien-the-che-phat-trien-doanh-nghiep---noi-dung-quan-trong-trong-xay-dung-the-che-phat-trien-nhanh-va-ben-vung-dat-nuoc-trong-giai-doan-moi.html>, [truy cập ngày 7/9/2022].
 46. LTS (2021), "Thể chế, hiệu lực của thể chế có vai trò quan trọng, quyết định đối với sự phát triển", tại trang <https://www.qdnd.vn/chinh-tri/tin->

tuc/the-che-hieu-luc-cua-the-che-co-vai-tro-quan-trong-quyet-dinh-doi-voi-su-phat-trien-676298, [truy cập ngày 31/7/2023].

47. Nguyễn Đức Luận (2020), *Đổi mới đồng bộ, hợp lý giữa thể chế kinh tế với thể chế chính trị ở Việt Nam hiện nay*, NXB Lý luận Chính trị, Hà Nội.
48. Anh Minh (2023), "Bộ Tài chính chỉ đạo giám sát chặt tình trạng gian lận, 'ép' mua bảo hiểm", tại trang <https://baohinhphu.vn/bo-tai-chinh-chi-dao-giam-sat-chat-tinh-trang-gian-lan-ep-mua-bao-hiem-102230220160601851.htm>, [truy cập ngày 24/2/2023].
49. Bùi Thị Thu Mỹ (2022) "Huy động vốn để phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa", *Tạp chí Tài chính*, (776), tr. 103-105.
50. NA (2018), "Vietcombank đồng hành hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ và vừa phát triển", tại trang <https://www.sbv.gov.vn/webcenter/portal/m/links/cm100?dDocName=SBV343188>, [truy cập ngày 5/4/2023].
51. Hà Thị Thanh Nga (2019), *Nghiên cứu các nhân tố tác động đến cấu trúc vốn của doanh nghiệp nhỏ và vừa - trường hợp trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên*, Luận án tiến sĩ, Trường đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội.
52. Ngân hàng Nhà nước (2016), *Thông tư số 01/2016/TT-NHNN ngày 04/02/2016, Thông tư hướng dẫn chính sách cho vay phát triển công nghiệp hỗ trợ*, Hà Nội.
53. Ngân hàng Nhà nước (2016), *Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016, Thông tư quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng*, Hà Nội.
54. Ngân hàng Nhà nước (2018), *Thông tư số: 45/2018/TT-NHNN ngày 28/12/2018, Thông tư hướng dẫn các tổ chức tín dụng phối hợp với Quỹ bảo lãnh tín dụng và xác định lãi suất cho vay trong cho vay có bảo lãnh của Quỹ bảo lãnh tín dụng theo quy định tại Nghị định số 34/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018 của Chính phủ về việc thành lập, tổ*

chức và hoạt động của Quỹ bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, Hà Nội.

55. Ngân hàng Nhà nước (2023), *Thông tư số 06/2023/TT-NHNN ngày 28/6/2023, Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng*, Hà Nội.
56. Trần Hoàng Ngân, Dương Tấn Khoa (2019), "Phát huy vai trò huy động vốn của thị trường tài chính đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Việt Nam", tại trang <https://tapchinganhang.gov.vn/phat-huy-vai-tro-huy-dong-von-cua-thi-truong-tai-chinh-doi-voi-cac-doanh-nghiep-nho-va-vua-tai-viet-.htm>, [truy cập ngày 5/4/2023].
57. Diệu Ngọc (2022), "Vốn tín dụng chính sách: Tạo công ăn việc làm, ổn định cuộc sống cho các đối tượng bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh", tại trang <https://baodansinh.vn/von-tin-dung-chinh-sach-tao-cong-an-viec-lam-on-dinh-cuoc-song-cho-cac-doi-tuong-bi-anh-huong-boi-dich-benh-20221111124458.htm>, [truy cập ngày 25/10/2022]
58. Nguyễn Thị Hồng Nhâm (2019), *Các yếu tố tác động đến khả năng tiếp cận tài chính của doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam*, Luận án tiến sĩ kinh tế, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội.
59. Huy Phong (2016), "Quỹ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa: Kênh tín dụng mới cho doanh nghiệp", tại trang https://mof.gov.vn/webcenter/portal/vclvcstc/pages_r/l/chi-tiet-tin?dDocName=MOFUCM090381, [truy cập ngày 5/4/2023].
60. Nguyễn Minh Phong và Nguyễn Trần Minh Trí (2019), "Tạo động lực thể chế cho phát triển cộng đồng doanh nghiệp nhỏ và vừa", tại trang <http://tapchinganhang.gov.vn/tao-dong-luc-the-che-cho-phat-trien-cong-dong-doanh-nghiep-nho-va-vua.htm>, [truy cập ngày 7/9/2022].

61. Lan Phương (2023), "Gỡ vướng trong hoạt động của Quỹ Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa", tại trang <https://baochinhphu.vn/go-vuong-trong-hoat-dong-cua-quy-phat-trien-doanh-nghiep-nho-va-vua-102230703101135698.htm>, [truy cập ngày 31/7/2023].
62. Mai Phương (2019), "Tiêu chí lựa chọn ngân hàng, hoạt động giám sát, xử lý rủi ro tín dụng", tại trang <https://www.mpi.gov.vn/Pages/tinbai.aspx?idTin=45075&idcm=188>, [truy cập ngày 20/12/2022].
63. Minh Phương (2023), "Tăng khả năng tiếp cận vốn tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ", tại trang <https://dangcongsan.vn/kinh-te-va-hoi-nhap/tang-kha-nang-tiep-can-von-tin-dung-cho-doanh-nghiep-nho-633628.html>, [truy cập ngày 31/7/2023].
64. Quốc hội (2010), *Luật số 47/2010/QH12 ngày 16/6/2010, Luật các tổ chức tín dụng*, Hà Nội.
65. Quốc hội (2017), *Luật số 04/2017/QH14 ngày 12/6/2017, Luật hỗ trợ Doanh nghiệp nhỏ và vừa*, Hà Nội.
66. Quốc hội (2020), *Luật số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020, Luật Doanh nghiệp*, Hà Nội.
67. Ngọc Quỳnh (2022), "Cải cách thể chế tạo nguồn lực lớn nhất cho phát triển doanh nghiệp", tại trang <https://www.vietnamplus.vn/cai-cach-the-che-tao-nguon-luc-lon-nhat-cho-phat-trien-doanh-nghiep/768788.vnp>, [truy cập ngày 16/9/2022].
68. Văn Đức Sơn (2019), "Bài 1: Phân tán nguồn lực của địa phương", <https://daibieunhandan.vn/an-ninh-co-so/Bai-1-Phan-tan-nguon-luc-cua-dia-phuong-i130735/>, [truy cập ngày 31/8/2022].
69. Lê Thanh (2022), "Muốn tăng thu ngân sách, cần tiếp tục miễn và giảm thuế, phí", tại trang <https://tuoitre.vn/muon-tang-thu-ngan-sach-can-tiep-tuc-mien-va-giam-thue-phi-20221211085236108.htm>, [truy cập ngày 16/12/2022].

70. Lý Đức Thắng (2022), "Huy động vốn cho doanh nghiệp nhỏ và startup", tại trang <https://skhcn.laocai.gov.vn/tin-tuc/huy-dong-von-cho-doanh-nghiep-nho-va-startup-690483>, [truy cập ngày 22/2/2023].
71. Huy Thắng (2023), "Tăng khả năng tiếp cận vốn tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa", tại trang <https://baochinhphu.vn/tang-kha-nang-tiep-can-von-tin-dung-cho-doanh-nghiep-nho-va-vua-102230315205916743.htm>, [truy cập ngày 31/7/2023].
72. Thủ tướng Chính phủ (2013), *Quyết định số 601/QĐ-TTg ngày 17/4/2013, Quyết định về việc thành lập Quỹ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa*, Hà Nội.
73. Chí Tín (2022), "Quỹ bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa: Vẫn còn nhiều khó khăn, trở ngại trong hoạt động thực tế", tại trang <https://thoibaotaichinhvietnam.vn/quy-bao-lanh-tin-dung-cho-doanh-nghiep-nho-va-vua-van-con-nhieu-kho-khan-tro-ngai-trong-hoat-dong-thuc-te-112680.html>, [truy cập ngày 24/10/2023].
74. Nguyễn Quốc Toàn (2022), "Báo cáo kết quả quản trị hoạt động ngân hàng, hoạt động của các Ủy ban trực thuộc Hội đồng quản trị năm 2021 và định hướng công tác quản trị năm 2022", tại trang https://www.namabank.com.vn/Data/Sites/1/media/co-dong/dai-hoi-co-dong/2022/01_baocao_ketquaquantri2021_dinhhuong2022.pdf, [truy cập ngày 5/4/2023].
75. Bùi Văn Trinh và Đoàn Tuấn Phong (2022), "Toàn cầu hóa kinh tế: Xu hướng và thách thức mới", *Tạp chí Tài chính*, (779), tr. 28-31.
76. Nguyễn Phú Trọng (2022), *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về CNXH và con đường đi lên CNXH ở Việt Nam*, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
77. Nguyễn Phú Trọng (2023), "Phát biểu bế mạc hội nghị lần thứ bảy...", tại trang <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/van-kien-tu-lieu-ve->

- dang/hoi-nghi-bch-trung-uong/khoa-xiii/phat-bieu-cua-tong-bi-thu-nguyen-phu-trong-be-mac-hoi-nghi-lan-thu-bay-hoi-nghi-giua-nhiem-ky-ban-chap-hanh-trung-3923*, [truy cập ngày 1/6/2023]
78. Nguyễn Quốc Trường (2023), "Nhận diện toàn cầu hóa và những cơ hội, thách thức đặt ra với Việt Nam", tại trang https://mof.gov.vn/webcenter/portal/vclvcstc/pages_r/l/chi-tiet-tin?dDocName=MOFUCM263681, [truy cập ngày 7/2/2023]
79. Bùi Anh Tuấn (2019), *Ảnh hưởng của thể chế tới tinh thần doanh nhân: Nghiên cứu tại các Doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam*, Luận án Tiến sĩ Kinh tế, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội.
80. Đinh Mạnh Tuấn (2015), *Chính sách của EU đối với các Doanh nghiệp vừa và nhỏ từ năm 2000 đến nay*, Luận án Tiến sĩ Kinh tế, Học viện Khoa học Xã hội, Hà Nội.
81. Phạm Thị Túy (2014), "Thể chế", *Tạp chí Lý luận chính trị*, (3), tr. 99-100.
82. Ánh Tuyết (2022), "Bộ Tài chính lưu ý 2 điểm khi triển khai chính sách miễn, giảm thuế hỗ trợ phục hồi từ ngày 1/2", tại trang <https://vneconomy.vn/bo-tai-chinh-luu-y-2-diem-khi-trien-khai-chinh-sach-mien-giam-thue-ho-tro-phuc-hoi-tu-ngay-1-2.htm>, [truy cập ngày 24/10/2023].
83. Bùi Văn Vân, Vũ Văn Ninh (2013), *Giáo trình Tài chính Doanh nghiệp*, NXB Tài chính, Hà Nội.
84. VCCI và USAID (2022), *Báo cáo Chỉ số Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh PCI 2021*, NXB Thanh Niên, Hà Nội.
85. VCCI và USAID (2023), *Báo cáo Chỉ số Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh PCI 2022*, NXB Thanh Niên, Hà Nội.
86. Phan Thị Hoàng Yến, Đào Mỹ Hằng và Trần Hải Yến (2022), "Chính sách hỗ trợ các doanh nghiệp Việt Nam ảnh hưởng bởi dịch Covid-19: Thực trạng và giải pháp", tại trang

<https://thitruongtaichinhliente.vn/chinh-sach-ho-tro-cac-doanh-nghiep-viet-nam-anh-huong-boi-dich-covid-19-thuc-trang-va-giai-phap-42810.html>, [truy cập ngày 24/10/2023].

*** Tài liệu tiếng Anh**

87. Abdulsaleh, Abdulaziz M. A. (2016), *Bank Financing for Small and Medium-sized Enterprises (SMEs) in Libya*, Thesis, Griffith University, Australia.
88. Abe, M., Troilo, M. and Batsaikhan, O. (2015), "Financing small and medium enterprises in Asia and the Pacific", *Journal of Entrepreneurship and Public Policy*, 4(1), pp. 2-32.
89. ADB (2021), "Report and Recommendation of the President to the Board of Directors, Project Number: 53427-001", tại trang <https://www.adb.org/projects/documents/vie-53427-001-rrp>, [truy cập ngày 1/8/2023].
90. ADBI (2015), *Integrating SMEs into Global Value Chains: Challenges and Policy Actions in Asia*, Philippines.
91. Ademosu, Akinwande (2022), *The Impact of the Financial System and its Channels on SMES' Access to Financing: A Nigerian Perspective*, Dissertation, Georgia State University, Georgia.
92. Boojoo, Lakshmi (2019), "Leveraging SME Finance through Value Chains in the CAREC Landlocked Economies: Case of Mongolia", *ADB Working Paper Series*, (1019).
93. Cameron, Jonathan and Hoque, Muhammad (2016), "SME owners and debt financing: Major challenges for emerging market", *Corporate Ownership & Control*, 13(4-4), pp. 542-548.
94. Collovà, Claudio and Höflmayr, Martin (2022), "Listing act – SMEs and access to capital: Pre-legislative synthesis of national, regional and local positions on the European Commission's initiative", tại trang [https://www.europarl.europa.eu/thinktank/en/document/EPRS_BRI\(20](https://www.europarl.europa.eu/thinktank/en/document/EPRS_BRI(20)

22)739274, [truy cập ngày 24/10/2023]

95. Davayudhanti, A., Darmansyah, A. and Sutardi, A. (2019), "The Determinant Factors of Micro, Small, and Medium Enterprises Towards Financing Source Decision", *International Conference on Rural Development and Entrepreneurship 2019: Enhancing Small Business and Rural Development Toward Industrial Revolution 4*, 5(1), pp. 611-621.
96. Dornel, A., Slimane, M. Ait Ali and Mohindra, K. (2020), "Improving SME access to trade credit and financing in MENA", *MENA Knowledge and Learning Quick Notes Series*, (180), pp. 1-5.
97. European Committee of the Regions et al. (2015), *EU policy framework on SMEs: state of play and challenges*, US.
98. Hansen-Addy, A (2021), *SME financing, performance, and innovation in developing countries – the impact of the institutional and regulatory business environment in Africa*, Thesis, Bournemouth University, UK.
99. IFC (2020), "Crowdsourcing the Future of SME Financing", *2020 Global SME Finance Forum. Call for Insights E-Publication*
100. Kadriu, A., Krasniqi, Besnik A. and Boari, C. (2019), "The impact of institutions on SMEs' innovation in transition economies", *International Journal of Entrepreneurship and Innovation Management*, 23(4), pp.399-424, DOI: 10.1504/IJEIM.2019.10021654.
101. Kose, M. Ayhan et al. (2007), "Financial Globalization: Beyond the Blame Game", *International Monetary Fund*, 44(1).
102. Miller, Jeanette K. (2012), *An Adapted Model for Small Business Innovation Networks: The Case of an Emergent Wine Region in Southern California*, Dissertation, Georgia State University, Georgia.
103. Nassr, Emad Ali and Siddiqui, Dr. Kalim (2022), "A Reviewing of The

- Roles of Government Policies Toward Entrepreneurship to Develop Small - Medium Enterprises (SMEs)", *International Journal of Engineering Research & Technology (IJERT)*, 11(4), pp. 89-102.
104. P, Srinidhi and B, Khavi Priya (2019), "Constraints faced by Small and Medium Enterprises in raising funds for financing", tại trang https://www.academia.edu/40431755/CONSTRAINTS_FACED_BY_SMALL_AND_MEDIUM_ENTERPRISES_IN_RAISING_FUNDS_FOR_FINANCING, [truy cập ngày 24/10/2023]
 105. Shinozaki, Shigehiro (2014), "Capital Market Financing for SMEs: A Growing Need in Emerging Asia", *RePEc: Research Papers in Economics*, (121).
 106. Suyono, E., Takhar, A. and Chitakunye, D. (2018), "Small Business Financing for Supporting SMEs in Indonesia: A Conceptual Study", in *Examining the Role of Women Entrepreneurs in Emerging Economies*, pp. 269-289.
 107. UOB, Accenture and Dun & Bradstreet (2022), "ASEAN SME Transformation Study 2022-Singapore", tại trang <https://www.uob.com.sg/assets/web-resources/business/pdf/asean-sme-transformation-study-2022.pdf>, [truy cập ngày 1/8/2023].
 108. Waked, Bandar (2016), *Access to Finance by Saudi SMEs: Constraints and the Impact on their Performance*, Thesis, Victoria University, Australia.
 109. Wangmo, Chokey (2016), *Small and Medium Enterprise (SME) Financing Constraints in Developing Countries: A Case Study of Bhutan*, Thesis, Victoria University, Australia.